

ThS. PHẠM NGỌC THẨM



135 Bài và đoạn văn hay

7



 NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

ThS. PHẠM NGỌC THẮM

135

Bài và đoạn văn hay



downloaadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

7

(Biên soạn theo chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

135 BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY 7

Th.S PHẠM NGỌC THẨM

Mã ISBN: 978-604-52-4612-2

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GD - TBT: BÙI THỊ LÂM NGỌC
Chịu trách nhiệm bản thảo:
PGD: TRƯƠNG VĂN TUẤN

Biên tập: LÊ HỒNG HẢI
Sửa bản in: HỒNG HẢI
Trình bày: TƯỜNG NGHI
Bìa: TƯỜNG LINH

downloadsachmienphi.com

Thực hiện liên kết xuất bản:

Đơn vị: Nhà sách SAO MAI
Địa chỉ: 284 Bà Hạt – Phường 9 – Quận 10 – TP. HCM

In 1200 cuốn. Khổ 16 × 24 cm.

In tại CÔNG TY CỔ PHẦN IN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN.

Địa chỉ: 136/1A Trần Phú, Quận 5, TP.HCM.

Số ĐKKHXB: 90-2016/CXBIPH/117-02/ĐoN, Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày: 11/01/2016. Quyết định xuất bản số: 297B/QĐ-ĐoN, do NXB Đồng Nai cấp ngày 15/06/2016.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2016.

Nhà Xuất bản Đồng Nai, 1953J (số cũ 21C) Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hòa, Đồng Nai
Ban Biên tập: (0613)825292 – P Kinh doanh 946521 – P Kế toán 946520

Fax: (0613)946530

Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

Lời tựa

Văn chương vun đắp cho tâm hồn và nhân cách con người nhiều cái hay, cái đẹp kì diệu, cái sáng lấp lánh... Thông qua những nhân vật với những sự kiện, những cuộc đời trong trang văn, học sinh có thể liên hệ tới đời sống xã hội xung quanh mình để từ đó tìm cho mình những cách ứng xử tuyệt vời, tinh tế, khéo léo và hợp lí với cuộc sống. Khả năng cảm nhận, giải thích, phân tích cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học là một trong những kĩ năng quan trọng giúp các em học sinh học giỏi môn Ngữ văn.

Văn học là một bộ môn nghệ thuật rất khó. Mong muốn học giỏi môn Ngữ văn là mong muốn tha thiết, chính đáng của những người học Văn. Muốn học giỏi bộ môn này, các em cần phải nuôi dưỡng lòng mê say và cần phải có phương pháp học tập một cách khoa học, đúng đắn để không ngừng nâng cao kiến thức, hiểu biết và khả năng tư duy của mình.

Trong chương trình Ngữ văn THCS, song song với việc giải mã các văn bản *tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, điều hành* trong giờ đọc – hiểu văn bản, các em sẽ được học cách tạo lập các kiểu văn bản này trong giờ Tập làm văn. Việc chia tách các kiểu văn bản nhằm giúp học sinh nắm được các phương thức biểu đạt *tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, điều hành*, với các thao tác chính như *kể, tả, biểu cảm, lập luận, thuyết minh* cũng như sự đan xen, kết hợp giữa các thao tác này trong khi tạo lập văn bản. Với quan điểm chú trọng tới việc rèn luyện, nâng cao kĩ năng thực hành, tạo lập văn bản nói và viết tiếng Việt, môn Tập làm văn đã xây dựng nội dung theo cấu trúc đồng tâm, có lặp lại (nâng cao) ở các lớp khác nhau.

Với phương châm đề cao việc luyện tập kĩ năng thực hành nên thời lượng dành cho môn Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn mới có sự thay đổi lớn (tăng 10% so với chương trình cải cách giáo dục cũ và chiếm khoảng 33% tổng số giờ của môn Ngữ văn).

Trên tay các em là quyển sách **135 BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY 7**. Trong quyển sách này, chúng tôi chú ý biên soạn đáp ứng trọng tâm các yêu cầu về kĩ năng và yêu cầu về kiến thức cần có cho các em khi học môn Ngữ văn nói chung và môn Tập làm văn nói riêng. Quyển sách này cũng được chú ý biên soạn nhiều bài văn củng cố, mở rộng – nâng cao kiến thức, kĩ năng và tổ chức hệ thống đề bài để “học” luôn đi đôi với “hành”. Những đề bài mở rộng và nâng cao trong quyển sách này không quá khó và luôn gắn với các bài học trong sách giáo khoa, luôn gắn với khả năng tiếp nhận của các em.

Với nội dung khá phong phú, đa dạng như vậy, chúng tôi hi vọng cuốn sách sẽ bổ ích đối với các em học sinh. Những bài văn trong quyển sách này, dù là văn mẫu, các em cũng chỉ nên dùng để tham khảo, không nên phụ thuộc vào các bài văn mẫu đó. Những kinh nghiệm rút ra được khi đọc các bài tham khảo kết hợp với năng lực sáng tạo của tư duy sẽ giúp các em viết được những đoạn văn hay, làm được những bài văn hay.

Bế học là mệnh mông, vô tận. Chúng tôi khát khao, mong mỗi các em vượt khó để vươn lên học giỏi bộ môn Ngữ văn.

Mặc dù tác giả đã rất cố gắng biên soạn, song cuốn sách có thể còn thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc gần xa để khi tái bản, cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

Chúc các em học sinh có nhiều hoài bão, khát vọng, học giỏi, đạt được nhiều thành tích trên con đường học tập hôm nay và con đường nghiên cứu khoa học trong tương lai.

Tác giả

Thạc sĩ PHẠM NGỌC THẨM

PHẦN 1.**VĂN BIỂU CẢM****PHẦN 1A.****BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT - CON NGƯỜI****BÀI SỐ 1: Loài cây em yêu (hoa hồng bạch).****Bài làm**

Tôi rảo bước trên con đường phố nhỏ để về nhà. Buổi hoàng hôn cuối thu nhuộm màu lặng lẽ, chợt... hương hoa hồng và mùi thơm nồng nàn của những đóa hồng trắng ấy níu kéo tôi. Mấy nụ hồng chúm chím lắc lư cùng với bông hồng duy nhất đã nở, khẽ kéo đàn trong gió du dương. Mấy chiếc lá vẫy vẫy trong gió và tôi đưa tay vẫy chào lại nó.

Tôi đã gặp rất nhiều loài hoa đẹp: hoa hạnh đàn, anh thảo, hoa ngô, hoa chuông... Loài nào cũng đẹp, cũng thơm, cũng ý nghĩa. Nhưng không hiểu sao tôi thích nhất hồng trắng. Tuy được tôn là nữ hoàng của các loài hoa nhưng hồng trắng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Tôi nghe chị mình nói, hồng trắng là hiện thân của sự nhẹ nhàng, trong trắng và lặng lẽ.

Hồng trắng có vẻ đẹp thanh tú và tinh khiết. Tôi yêu nhất loài hoa này. Còn có loài hoa nào có những cánh hoa trắng mượt mịn màng như cánh hồng bạch đáng yêu ấy? Còn loài hồng nào có vẻ đẹp tao nhã và thuần khiết, có những cánh hoa kéo đàn hay như hồng trắng làn gió? Còn loài hoa gì có những nụ hoa chúm chím trắng xanh, mắt hấp háy chỉ chờ ngày nở bung thơm ngát? Chị tôi cho rằng hồng trắng màu sắc đơn điệu quá, nhưng tôi lại ưa thích những mảng màu đơn điệu, trinh bạch ấy.

Hoa hồng trắng mang lại một vẻ đẹp hài hòa, cân xứng. Cánh hoa nửa khum khum, nửa muốn xòe rộng ra. Bông hoa xinh xắn nằm gọn trong lá dài xanh mượt, trên một cành xanh điểm vài cái gai. Lá hồng bao giờ cũng mọc năm chiếc so le hơi nổi viền răng cưa trên một cành. Dù mong manh nhưng hồng trắng vẫn luôn mỉm cười dịu dàng với sương và gió.

Hồng trắng đẹp từ khi còn là nụ. Nụ hồng chúm chím và tươi tắn thoang thoảng mùi thơm lúc hé nở khiến cho nó lại càng đẹp. Nhưng đẹp nhất là lúc hoa nở rộ. Cánh hoa trắng sữa, mượt và mịn như nhung. Bạn đã bao giờ thấy những hạt sương long lanh trên cánh, trên lá hoa hồng chưa? Sương nhỏ từng giọt cuối những chiếc lá nghiêng mình tựa những hạt ngọc lung linh trông sương sớm. Càng ngắm kĩ tôi

càng thấy rõ cái trong trắng, dịu dàng của nó. Đường như hồng cũng đồng cảm với gió và tôi. Gió khẽ vuốt, khẽ mơn trớn những cánh hồng trắng và đưa đi thật xa mùi hương nồng nàn. Còn tôi đã không ít lần lòng thấy xao xuyến.

Mùa hè, hồng trắng cũng nở hoa trong cái nóng nực của ngày hè oi bức. Có hồng trắng làm dịu đi cái tâm hồn cũng sắp cháy lên theo nắng của tôi. Những ngày đông giá buốt, có hồng trắng sưởi ấm cả tâm hồn. Hồng trắng luôn chiếm một vị trí trong trái tim tôi, nhưng gợi cảm giác băng khuâng và phảng phất một điều rất lạ, có lẽ là nhớ nhung.

Bạn đã nghe câu chuyện cảm động về một em gái phải ngậm ngùi cất trộm bảy bông hồng bạch tươi tắn để làm thuốc cho mẹ? Bài học từ câu chuyện ấy đã thể lại trong lòng người đọc những cảm xúc khó quên, về một em gái thơ ngây, vô tội trong trắng như chính những cánh hồng nhưng đã giúp mẹ em khỏi bệnh. Cứ thế hồng trắng âm thầm lớn lên làm đẹp cho đời. Dù thế nào những bông hồng ấy vẫn mãi mãi dịu dàng và tinh tế. Tôi sẽ ép vẻ đẹp dịu dàng, tinh tế và hương thơm ngây ngất ấy vào tâm hồn mình.

BÀI SỐ 2: Loài cây em yêu (cây dẻ).

Bài làm

Ngôi trường của chúng tôi ngày ấy nằm trên một quả đồi đầy gió và nắng. Chỉ cần đi vài bước chân là đến vùng đồi có nhiều hoa rừng, trái rừng mà học trò quê bọn tôi rất thích. Giờ ra chơi, chúng tôi thường chạy thật nhanh đến các quả đồi quanh trường để hái quả sim, quả muồng, hoa bông trang và nhất là những chùm hoa dẻ thơm dịu.

Cây dẻ ở đây không phải là cây dẻ có hạt dẻ như trong chuyện cổ tích, như hạt dẻ của miền Bắc. Bởi nó không bao giờ có hạt, có trái mà chỉ có hoa. Mỗi cái hoa là một chùm năm, sáu cánh ôm tròn với nhau tạo dáng giống như chiếc đèn lồng. Hoa dẻ khi chín có màu vàng nhạt, mùi hương của nó thơm thoang thoảng, rất dịu. Ẩn mình trong màu xanh của lá, những chùm hoa dẻ treo lơ lửng, đong đưa, y hệt như đèn lồng treo trước gió. Bước chân tới vùng hoa dẻ khi đang vào mùa chín sẽ nhận ra ngay mùi thơm đặc biệt của hương dẻ. Vào cuối hè, khi những cơn gió nồm mát dịu quay về thì đó là mùa của hoa dẻ. Nơi nào cây dẻ mọc nhiều thì y như rằng cả vùng ấy thoảng mùi hương nhẹ nhẹ. Cái giống hoa thật kì lạ: nếu cứ cho vào sát mũi mà hít mà ngửi thì chẳng có mùi gì, nhưng cứ để ở xa, nhờ những cơn gió đưa đến, thì chao ôi, nó thơm dịu vương vấn vô cùng.

Hoa dẻ không nhiều, mỗi cây chỉ có khoảng vài bông mà thôi. Ngày ấy, chúng tôi coi hoa dẻ như là một thứ “nước hoa”, một thứ “mĩ phẩm”, một thứ trang sức gắn tập vở. Hái hoa dẻ về, chúng tôi thường ngắt từng cánh ra cho vào từng trang vở, trang sách ép lại để lưu giữ mùi hương. Ngay cả khi hoa dẻ đã tàn héo và không còn trong tập vở nữa thì hương dẻ vẫn phảng phất đọng lại.

Đứa nào cũng muốn tìm, muốn có thật nhiều hoa dẻ, không chỉ kẹp vào sách vở chúng tôi còn bỏ hoa dẻ vào túi áo, túi quần, và cả cặp sách. Từ nhà đến trường, nếu đi theo con đường cái quan, thì chỉ hơn cây số, nhưng chúng tôi thường rủ nhau đi đường rừng mặc dầu có xa hơn, khó đi hơn để tìm hoa dẻ. Suốt thời cấp sách đến trường chúng tôi gần bó với mùi hương hoa dẻ. Dù đã học đến cuối cấp II nhưng chúng tôi vẫn thích hương dẻ, vẫn đi những con đường mòn trên đồi để tìm hoa dẻ ép vào vở. Nhờ có hương dẻ, nhờ có hoa, có quả rừng nên chúng tôi có một tuổi thơ gắn với thiên nhiên, với núi đồi, với hoa dại...

Rồi ngôi trường của chúng tôi phải nhường chỗ cho đường dây 500KV Bắc - Nam. Chúng tôi xuống ngôi trường của xã bên cạnh học nhờ. Ở trường của xã bên có đồi hoang, không có những con đường nhỏ độc đạo mọc nhiều cây dẻ. Dần dà, những quả đồi hoang cạnh trường cũ của chúng tôi cũng thành bãi đồi trọc trắng. Người ta đốt để làm rẫy, để kiếm củi. Người ta đốt đồi để san nền đất làm nhà. Muốn tìm được cây dẻ phải vào rừng sâu, nhưng cũng hiếm lắm. Vì cây dẻ là loài cây bụi chỉ mọc ở những vùng đồi nên lớp trẻ bây giờ đã không còn biết đến loài hoa dẻ như chúng tôi ngày xưa. Bọn chúng có nhiều trò chơi mới hay hơn, không phải đi tìm hoa dẻ. Trường mới nằm cạnh ngay quốc lộ chạy qua. Ngày ấy, sao chúng tôi yêu thiên nhiên và cây cỏ đến vậy, khác hẳn với trẻ con bây giờ.

Tôi xa quê, phải ra thành phố kiếm sống. Mùi nước hoa thị thành, mùi thơm của những loại nước xịt phòng hay mùi của khói xả xe hơi xe máy vây át quanh tôi. Nhưng hương thơm của hoa dẻ ngày nào, tôi không thể nào quên.

BÀI SỐ 3: Loài cây em yêu (cây đa).

Dàn bài

1. Mở bài

- Cây đa là hình ảnh thân quen của làng quê.
- Là nơi chan chứa bao kỉ niệm của thuở ấu thơ của mỗi người.

2. Thân bài

- Cây đa bề thế, bệ vệ, to cao vời vọi. Các cành cao thả dài xuống đất rồi lại sinh ra rễ mẹ, rễ con, bền vững và đầy sức sống.
- Cây đa xòe tán xanh và rộng để che nắng, che mưa cho mọi người.
- Cây đa là điểm ghi nhớ, điểm đánh dấu nổi bật, đại diện cho một nơi chốn đáng được lưu ý.
- Cây đa là hình ảnh cao đẹp, là cả một bức tranh hoành tráng gắn bó với mái đình, chùa, miếu, giếng khơi... dựng nên cả một thế giới tinh thần bền vững cho mọi người thì khi còn trẻ thơ cho đến lúc về già.
- Cây đa tượng trưng cho vẻ đẹp quê hương. Nó góp thêm màu sắc, âm thanh cho làng quê êm đềm. Nó vẫy gọi những đàn chim nhiều màu đến hội tụ, làm tổ, rửa quả đa chín.
- Thỉnh thoảng vào những buổi đẹp trời, từ những cành đa nhàng nhịt, tung ra những trận mưa chim.

3. Kết bài

- Cây đa là một vẻ đẹp, là biểu tượng, là hình ảnh sinh động của làng quê Việt Nam.
- Nó góp phần làm cho văn hóa làng xã thêm đậm đà, lấp lánh.

Bài làm

Xung quanh Đền Bà ở làng Ý La, Tuyên Quang có mấy cây đa khổng lồ nổi cộm lên như những ngôi nhà lầu nối tiếp nhau. Chúng đan kết lại với nhau bằng những chùm rễ phụ bạt ngàn, bao la. Chúng đu đưa trước gió như những chiếc võng treo thờ ở các đền Mẫu, phủ Mẫu. Đây là hình tượng gợi ý cho các bà mẹ thời xa xưa làm ra dưới bất cá, tết võng và làm nghề dệt vải. Thạch Sanh ngày xưa có một túp lều tranh dưới gốc cây đa. Ông Bụt nhân từ cũng từ những cây đa hiện ra.

Cây đa bề thế, bệ vệ, to cao vời vọi. Các cành cao thả dài xuống đất rồi lại sinh ra rễ mẹ, rễ con, bền vững và đầy sức sống.

Cây đa yêu đời, đẹp đẽ. Nó tượng trưng cho sự phồn vinh và tuổi thọ. Biểu tượng của "Hội những người cao tuổi thế giới" được thể hiện qua hình ảnh một cây đa cổ thụ. Cây đa trần trụi với vẻ nguyên thủy, có những điều ẩn chứa, có những điều rối rắm và huyền ảo. Nó tượng trưng cho sự trống trải, cho sức mạnh vật lí và địa lí. Nó thu hút vào mình những tia sét, những dòng điện trường. Những đêm mưa to gió lớn, cây đa đã chống chọi với gió bão, dững cảm phi thường. Cây đa xòe tán xanh và rộng ra để che nắng, che mưa cho mọi người. Nó che chở cho mọi người. Nó là cây mẹ, làm cho con người yên tâm với nụ cười, nước mắt, hướng về vĩnh cửu.

Người ta gọi cây đa làng, cây đa huyện, cây đa bãi, cây đa bên sông, cây đa xóm, cây đa chợ,... Cây đa là điểm ghi nhớ, điểm đánh dấu nổi bật, đại diện cho một nơi chốn đáng được lưu ý.

Cây đa chứng kiến những thăng trầm của các lớp người, trong tín ngưỡng dân gian, có tục thờ cây đa. Bên gốc đa thường có một cái miếu nhỏ đặt bát hương, những chiếc bình vôi để hương khói cho thần cây đa: “Thần cây đa, ma cây gạo”.

Cây đa là hình ảnh cao đẹp, là cả một bức tranh hoành tráng gắn bó với mái đình, chùa, miếu, giếng khơi... dựng nên cả một thế giới tinh thần bền vững cho mọi người từ khi còn trẻ thơ cho đến lúc về già. Cây đa tượng trưng cho vẻ đẹp quê hương. Nó góp thêm màu sắc, âm thanh cho làng quê êm đềm. Nó vẫy gọi những đàn chim nhiều màu đến hội tụ, làm tổ, rửa quả đa chín. Và thảnh thơi vào những buổi đẹp trời, từ những cành đa nhàng nhật, tung ra những trận mưa chim.

Người ta nhìn lên mặt trăng huyền ảo, thấy những nét đậm nhạt mà nghĩ ngay ở đó có hình ảnh cây đa và chú cuội. Thế rồi cái huyền thoại ấy ăn sâu vào lòng người: “Ánh trăng trắng ngà, có cây đa to, có thằng cuội già, ôm một mối mơ”.

Ngày xưa, ở trên thân cây đa thường có những tờ cáo thị, yết thị. Thời kì cách mạng xuất hiện những tờ hiệu triệu đồng bào sản xuất chiến đấu, đoàn kết... Người quan họ có bài “Lí cây đa” nổi tiếng. Đó là một bài hát rất hay nói về anh trai làng đi đến gần gốc đa, nhìn thấy cô gái thắt lưng xanh mà đem lòng yêu mến...

Sau một ngày làm việc vất vả, buổi chiều mát mẻ, người ta thường tụ tập nhau bên gốc đa. Họ uống chè vối, hút thuốc lào rồi kể chuyện với nhau, bàn bạc và bình luận về cuộc sống. Đôi khi, bên quán nước nhỏ cạnh gốc đa có đôi vợ chồng xầm kéo nhị, hát lên bài “Anh khóa” làm băng khuâng cả đám đông người nghe.

Nhà nghiên cứu người Pháp M.Colami đã viết hẳn một cuốn sách về cây đa ôm tảng đá tại làng Thanh Khê, huyện Do Linh, tỉnh Quảng Trị. Cây đa Tân Trào là hình ảnh quê hương cách mạng mùa thu không bao giờ phai mờ trong tâm trí người Việt Nam qua câu thơ “Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào”.

Người Hà Nội thường hay nhắc đến cây đa cổ thụ nổi tiếng: cây đa nhà Bò. Xưa kia, ở ngay cạnh nó là nhà đức tiên. Bây giờ có một nhà hộ sinh. Qua, hai cuộc kháng chiến trường kì, cây đa cũng gánh chịu trên mình đầy những vết thương chiến tranh. Cây đa ở phố Hàng Bông có những chuyện kể quái dị kiểu Liêu trai chí dị.

Chuyện kể rằng cứ chập tối, thỉnh thoảng có những cô gái rất đẹp ngồi trên những chiếc xe tay có người kéo, đi thăm các cây đa quanh vùng Hà Nội rồi biến mất lúc nào không biết. Ngày hôm sau, người phu xe sẽ rất đất khách. Cây đa chùa Hai Bà ở Đồng Nhân phải cần đến hơn mười sải tay mới ôm xuể.

Cây đa ở làng Vân Hồ có hàng trăm rễ rủ xuống đất như một chiếc màn hình lớn, đeo trên mình hàng trăm chiếc bình vôi cổ kính và những bát hương lập lòe ánh lửa và khói. Ở quanh nhà Bác Cổ (nay là Viện Bảo tàng lịch sử) có sáu cây đa lớn. Gần Hồ Tây, quãng đầu Thụy Khuê có cây đa gọi là cây đa Cô Son, bên cạnh miếu Cô Son. Đó là nơi anh Khóa Hồng và Cô Son gặp gỡ và chia tay nhau. Cây đa chùa Bà Đanh nguy nga như một lâu đài. Tại phố Quán Thánh có ba cây đa chụm lại gần nhau, rợp bóng cả một khu phố. Người ta dựng ngay cạnh đó một quán cà phê gọi là “Quán cà phê cây đa Quán Thánh”. Người ta cũng thường nhắc đến cây đa làng Lũ, cây đa sông Tô Lịch, cây đa Hàng Gai...

Những vị cao tuổi uyên thâm, đức độ, được mọi người tôn kính gọi là các vị cây đa cây đề. Lại có cả những cụm từ cửa miệng như: *Cúng cháo lá đa, trạch để ngọn đa, con nhà sãi chùa đi quét lá đa, cây thần phải nể cây đa...*

Cây đa là vẻ đẹp, là biểu tượng, là hình ảnh sinh động của làng quê Việt Nam. Nó góp phần làm cho văn hóa làng xã thêm đậm đà, lấp lánh.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI SỐ 4: Loài cây em yêu (cây mận, cây bàng, hoa sen).

Đoạn văn 1

Ngoài sau vườn nhà tôi, có một cây mận mà bà tôi đã trồng từ hồi tôi còn nhỏ. Nhưng giờ bà tôi đã mất và cây mận cũng đã bạc màu theo thời gian. Cây mận ấy dường như là một người bạn của tôi vậy. Hai chúng tôi luôn cùng nhau chia sẻ buồn vui, mặc dù tôi luôn biết rằng người bạn này không thể nói nhưng trong lòng tôi vẫn loáng thoáng nghe được những câu an ủi ấm áp của cây dành cho tôi. Cây mận này chứa đựng biết bao hình ảnh mà tôi và bà đã cùng nhau chạy đuổi, chơi tù xì và những tiếng thở hổn hển, râm ran tiếng cười của hai bà cháu. Tôi rất yêu bà cũng như yêu cây mận mà bà đã vun trồng với tất cả tình yêu thương dành cho tôi. Mặc dù bà đã không còn trên thế gian này nữa thì cây mận cũng đã thay bà chăm sóc tôi rất nhiều. Ngoài những lời an ủi đầy nghĩa tình sâu nặng, người bạn này còn mang đến cho tôi những hương thơm, quả ngọt như tấm lòng của người bà thuở nào. Yêu lắm cây mận ơi!

Đoạn văn 2

Chiếc lá cuối cùng cũng đã rơi, mùa thu rồi cũng đã đi qua. Tiết trời se se lạnh báo hiệu mùa đông đang về. Nhưng có lẽ duy chỉ có một loài cây có thể chịu đựng được sự lạnh lẽo ấy đó chính là cây bàng. Bàng gắn kết với tuổi học trò đầy ngây ngô, hồn nhiên và trong sáng. Bàng đem lại bóng mát cho chúng tôi những buổi ôn bài, râm ran cuộc nói chuyện, vui đùa. Bàng cần cù, chịu khó, quanh năm suốt tháng ôm ấp yêu thương lũ học trò chúng tôi. Ôi, thương làm sao cây bàng ấy! Bàng làm việc mệt mỏi nên dường như đang ngủ quên, khẽ lay mình trong gió làm xao động bao tâm hồn.

Đoạn văn 3

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng

Nhụy vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Không kiêu sa như hoa hồng, rực rỡ như hoa cúc,... sen chỉ mang đậm phong cách của sự giản dị, mộc mạc nhưng đầy tính thanh cao, tự nhiên. Ôi! Hoa sen đẹp biết nhường nào! Nhắc đến sen, ai cũng biết hoa sen là một loài hoa lá to, nổi trên mặt nước. Thân và cuống có màu xanh nhạt nhẹ nhàng. Hoa sen thoang thoảng mùi hương thơm dịu cùng với sắc hồng đầy quyến rũ. Chỉ cần đi tới đầu làng thôn thì tôi cũng đã ngửi được mùi hương thơm ngọt của những hạt sen đã chín. Không biết sen đã có từ bao giờ nhưng sen đã đứng hiên ngang giữa lớp bùn nhơ tanh hôi nhưng vẫn vươn cao cánh hồng, tỏa hương cho đời. Sen như một người bạn thân thiết của tôi. Đối với tôi, sen là một bộ phận không thể tách rời, là một phần của trái tim tôi.

BÀI SỐ 5: Loài cây em yêu (cây phượng).**Dàn bài****1. Mở bài**

- Một loài cây gắn liền với tuổi học trò đó chính là cây Phượng.

2. Thân bài**a. Miêu tả**

- Ngay từ khi tôi mới bước chân vào ngôi trường trung học cơ sở đã thấy cây phượng đứng ở một góc sân trường và không biết đã được trồng từ bao giờ.

- Bác phượng mùa nào cũng đẹp, mỗi mùa lại mang một vẻ đẹp khác nhau.

- Vào mùa thu, những chiếc lá phượng từ một màu xanh tươi đã chuyển sang màu vàng úa.

- Ôi! Sao bác phượng lại đẹp đến thế kia?

- Và mùa thu đi mùa đông lại đến.

- Với những cơn gió lạnh, bầu trời xám xịt, làm cho lũ học sinh phải trốn trong chiếc áo dày. Phượng cứ lặng lẽ, buồn hiu một góc sân.

- Bên cạnh đó, mỗi lần nghe tiếng kêu của những chú ve - những nhạc sĩ mùa hè, thì biết ngay mùa hè đã sắp đến.

- Cuối cùng thì mùa hè cũng đã đến.

- Mùa hè là mùa mà cây phượng vĩ nở rộ những bông hoa đỏ thắm, tô đẹp thêm cho loài cây thân yêu này. Khi những ánh nắng ban mai chiếu vào hoa phượng thì bọn chúng lại càng rực rỡ thêm.

- Ôi! Sao hoa phượng lại đẹp đến thế, sao mà lòng luyến đến thế!

- Dưới ánh nắng ban mai của mẹ mặt trời thì các cô bàng, chị sa-kê, bác phượng,... lại cùng thi đua tranh nhau khoe sắc. Nhưng phần thắng lúc nào cũng thuộc về bác phượng vì người ta thường ví bác với một câu nói rất quen thuộc, thân thương "Mùa hè là mùa của hoa phượng".

b. Kể chuyện

Mỗi lần nghĩ đến bác phượng thì luôn làm cho tôi nhớ những lúc nói chuyện, tâm sự cùng bác, nhớ những giờ ra chơi cùng lũ bạn đứng dưới tán cây phượng để nô đùa, nhớ những lúc tôi buồn bác luôn chia sẻ cùng tôi.

- Chúng tôi yêu quý bác không chỉ vì bác mang lại bóng mát cho chúng tôi những ngày trưa hè nóng rực lửa, mà còn vì bác là nơi mà chúng tôi ghi khắc những kỉ niệm thân thương của tuổi học trò.

- Yêu biết mấy, phượng ơi!

3. Kết bài

- Phượng đã trở thành người bạn thân thiết với tuổi học trò.

- Phượng mùa nào cũng đẹp cả, nhưng có lẽ vào mùa hè, phượng sẽ đẹp hơn rất nhiều.

- Tôi yêu phượng lắm!

- Dù mai này tôi có đi đâu chẳng nữa thì hình ảnh của cây phượng rực rỡ sắc hoa vẫn mãi in sâu trong trái tim tôi.

Bài làm 1

Trời chớm hè trong xanh, một màu xanh của cỏ cây, hoa lá. Một làn gió nhẹ thoảng qua, cây phượng rung mình đánh thức những búp hoa thức dậy. Cây phượng cùng lũ học trò chuẩn bị đón chào một mùa hè vui tươi, rộn rã. Và có lẽ đây cũng chính là loài cây mà tôi yêu quý nhất.

Mới ngày nào, cây phượng chỉ toàn là những cành cây trụi lá, trông rất xơ xác. Vậy mà giờ đây, những búp hoa đã bắt đầu lộ dạng, điểm tô thêm cho vẻ đẹp của cây phượng thêm rực rỡ. Bấy giờ tôi mới chợt nhớ: Hè đã về rồi? Cây phượng giờ đã thay một màu áo mới, một màu áo đỏ rực. Mấy hôm trước, trên cây chỉ lác đác một vài cánh hoa, vậy mà hôm nay hoa đã đầy cành. Mỗi một bông hoa là một ánh nến lung linh, là một ngọn lửa hồng ấm áp của ban mai. Từng phiến lá nhỏ cứ thi nhau oằn xuống mặt đất mỗi khi có cơn gió nhẹ thoảng qua. Yêu sao cái gốc cây to ấy - nơi chúng tôi thường hay ngồi ôn bài, hay ngồi trò chuyện cùng nhau sau những giờ học căng thẳng. Có những lúc chúng tôi còn khắc cả tên mình lên thân cây nâu mốc, xù xì của cây như để ghi lại những kỉ niệm ngọt ngào của tuổi học trò. Chúng tôi rất thích ngửa mặt lên để đón chờ những cơn hoa rụng. Và sự mong chờ ấy đã đến. Từng bông hoa xoay tròn theo cơn gió rơi xuống mặt đất như cơn mưa hoa phượng. Chao ôi! Khung cảnh ấy mới đẹp làm sao! Mỗi bông hoa là tâm hồn của mỗi học trò. Mỗi ngày đến trường, tôi đều nhìn cây phượng với bao xúc cảm. Cây gắn liền với tuổi học trò của tôi, là người bạn đồng hành trong suốt chặng đường học làm người của tôi. Yêu lắm những cành cây phượng nâu sẫm, những cánh hoa đỏ thắm và những chiếc lá xanh mượt. Tôi yêu cây phượng, tôi quý cây phượng bằng tất cả tình yêu trong trái tim tôi.

Những ngày hè, trường vắng lặng, không tiếng trống, không tiếng học trò. Chỉ có mỗi cây phượng và chim chóc vui đùa với nhau. Lúc này, cây phượng rất buồn, cây mệt mỏi, lơ đãng vì thiếu bóng học sinh. Bất chợt có làn gió thổi qua, cây phượng rung mình làm hàng chục cánh hoa rơi xuống. Phải chăng cây phượng đang nhớ học sinh, đang mong chờ học sinh về lại với cây? Chính tôi cũng đang mong như thế. Tôi muốn quay về với bạn bè, với trường lớp cùng tất cả những kỉ ức ấu thơ bên mái trường. Tôi muốn tìm lại mình trong những ngày hè xa vắng.

Tôi rất mến cây phượng. Nó như là một món quà tinh thần quý giá nhất của cuộc đời mỗi người trong thời gian còn ngồi trên ghế nhà trường. Phượng ơi! Cậu hãy đứng ở đó mãi mãi để tiếp sức cho lớp học trò sau này nhé! Một ngày nào đó khi tớ đã lớn khôn thành người, tớ sẽ trở về đây thăm cậu.

Bài làm 2 .

Trong tuổi thơ của mỗi người, ai mà chẳng gắn liền với một loài cây thân thương. Một loài cây, có thể nói luôn kề vai với thời học sinh của mỗi người, luôn chia sẻ những chuyện buồn hay vui. Bạn có biết

đây là loài cây gì không? Đó chính là cây phượng trường tôi mà mọi người thường ví nó với một cái tên quen thuộc là loài cây học trò.

Ngay từ khi tôi mới bước chân vào ngôi trường trung học cơ sở đã thấy cây phượng đứng ở một góc sân trường và không biết đã được trồng từ bao giờ. Nhưng giờ đây cây phượng không còn là cái cây bé nhỏ nữa mà đã cao lớn và già đi nhiều. Kể từ đó, tôi và đám bạn gọi cây với cái tên thân thương là bác phượng vĩ. Nhưng không vì thế mà bác phượng không còn được các cô cậu học sinh yêu mến. Bác phượng mùa nào cũng đẹp, mỗi mùa lại mang một vẻ đẹp khác nhau.

Vào mùa thu, những chiếc lá phượng từ một màu xanh tươi đã chuyển sang màu vàng úa. Chỉ cần có một làn gió thổi nhẹ qua thôi là những chiếc lá vàng ấy sẽ tạm biệt cành cây thân yêu và xuống chơi cùng đất. Nhường chỗ lại cho các cô, cậu lá non chuẩn bị trưởng thành. Ôi! Sao bác phượng lại đẹp đến thế kia? Và mùa thu đi mùa đông lại đến. Với những cơn gió lạnh, bầu trời xám xịt, làm cho lũ học sinh phải trốn trong chiếc áo dày. Phượng cứ lặng lẽ, buồn hiu một góc sân. Chẳng biết làm gì cả chỉ còn biết nhìn lên bầu trời xám xịt và mong rằng: “Đông ơi, mày mau trôi qua nhanh đi”. Và rồi mùa đông cũng qua, những ánh nắng ban mai của mẹ mặt trời đã trở lại. Bên cạnh đó, mỗi lần nghe tiếng kêu của những chú ve – những nhạc sĩ mùa hè, thì tôi biết ngay mùa hè đã sắp đến. Điều đó đã làm cho lũ học sinh chúng tôi ai ai cũng háo hức mong hè đến thật nhanh. Cuối cùng thì mùa hè cũng đã đến, mùa mà cây phượng vĩ nở rộ những bông hoa đỏ thắm, tô đẹp thêm cho loài cây thân yêu này. Khi những ánh nắng ban mai chiếu vào hoa phượng thì bọn chúng lại càng rực rỡ thêm. Ôi! Sao hoa phượng lại đẹp đến thế, sao mà lòng lấy đến thế?

Dưới ánh nắng ban mai của mẹ mặt trời thì các cô bàng, chị sa-kê, bác phượng,... lại cùng thi đua tranh nhau khoe sắc. Nhưng phần thắng lúc nào cũng thuộc về bác phượng vì người ta thường ví bác với một câu nói rất quen thuộc, thân thương “Mùa hè là mùa của hoa phượng”. Mỗi lần nghĩ đến bác phượng thì luôn làm cho tôi nhớ những lúc nói chuyện, tâm sự cùng bác, nhớ những giờ ra chơi cùng lũ bạn đứng dưới tán cây phượng để nô đùa, nhớ những lúc tôi buồn bác luôn chia sẻ cùng tôi. Ôi! Tôi cảm ơn bác phượng rất nhiều! Hè qua đi, bác phượng không còn sợ mình cô đơn nữa vì các bạn học sinh cũng đã đến ngày tựu trường. Chắc bác phượng sẽ không còn buồn nữa đâu. Chúng tôi yêu quý bác không chỉ vì bác mang lại bóng mát cho chúng tôi những ngày trưa hè nóng

rực lửa, mà còn vì bác là nơi mà chúng tôi ghi khắc những kỉ niệm thân thương của tuổi học trò. Yêu biết mấy, phượng ơi!

Phượng là thế đấy. Và không biết tự bao giờ bác phượng đã trở thành người bạn thân thiết với tuổi học trò chúng tôi. Phượng mùa nào cũng đẹp cả, nhưng có lẽ vào mùa hè, phượng sẽ đẹp hơn rất nhiều. Tôi yêu phượng lắm! Dù mai này tôi có đi đâu chẳng nữa thì hình ảnh của cây phượng rực rỡ sắc hoa vẫn mãi in sâu trong trái tim tôi.

BÀI SỐ 6: Loài cây em yêu (cây sứ).

Đoạn văn

Xào xạc... xào xạc... Tiếng lá cây rụng đưa theo gió làm tôi nhớ đến cây hoa sứ ở nhà bà tôi. Tôi không biết cây đã bao nhiêu tuổi, chỉ biết là ngoại đã trồng nó tặng tôi vào năm sinh nhật lần thứ sáu. Ôi! Những chiếc rễ cắm sâu vào lòng đất mẹ rất vững chắc. Những bông hoa nho nhỏ trắng, nhụy vàng đang đua nở thật xinh, từng bông hoa mỗi lần rơi khi gió đi qua là mỗi lần làm cho tôi thêm xao xuyến trong lòng. Tôi rất thích mùi hương thoang thoảng đáng yêu của loài cây này, nó giúp ngoại tôi thư giãn sau khi đan nón và làm việc nhà. Theo suy nghĩ của tôi, cây hoa sứ như một cô nàng yếu điệu rất thích đón ánh bình minh vào buổi sáng sớm. Trong xóm tôi, ai ai cũng khen loài cây này, họ nói rằng mỗi khi đi làm về, cây hoa sứ ấy như xóa tan sự mệt mỏi trong lòng họ. Mỗi khi tôi được đi về quê, cây chìa cành ra như đang đón chào tôi một cách hân hoan, mừng rỡ. Hồi còn nhỏ, tôi thường quanh quẩn bên loài cây này. Nhiều lúc ở bên cạnh cây tôi muốn nói với cây rằng: "Tôi yêu cây lắm, cây biết không!".

BÀI SỐ 7: Loài cây em yêu (cây tre).

Dàn bài

1. Mở bài

- Trong các loài cây ở quê hương tôi thì cây tre là loài cây tôi yêu mến nhất.

- Cây tre tượng trưng cho chí khí bất khuất, anh hùng.

2. Thân bài

a. Miêu tả

- Thân tre gầy guộc, cao vút lên trời gợi lên hình ảnh người chiến sĩ anh hùng hiên ngang, bất khuất.

- Lá tre mỏng manh, được một chiếc áo cộc bao bên ngoài.

- Dưới những gốc tre là các chồi măng đang vươn mình mọc thẳng đứng đầy sức sống. Không biết từ khi nào mà tre đã trở thành “pháo đài xanh” tham gia chống quân xâm lược cùng với dân tộc. Như câu nói của Thép Mới: “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín...” tre luôn là một người bạn thân thiết của người dân đất Việt.

- Tre luôn là biểu tượng của sự bền bỉ, kiên cường và bất khuất mà mọi người cần phải noi theo.

b. Kể chuyện

- Nhớ lại ngày nào, thời còn là những đứa trẻ chăn trâu, tôi cùng các bạn chơi bịt mắt bắt dê hay ô ăn quan dưới gốc tre, nghĩ lại những ngày ấy tôi cảm thấy thật vui và hạnh phúc.

- Tre luôn là người chứng kiến những trò tinh nghịch của chúng tôi, che nắng cho chúng tôi những khi nắng hè chợt đến.

3. Kết bài

- Tre - một loài cây luôn đồng hành cùng con người Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển.

- Tôi rất quý tre và luôn xem tre như là một người bạn thân thiết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng mình.

- Yêu lắm tre ơi!

downloadsachmienphi.com

Bài làm

Tre xanh xanh tự bao giờ

Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh.

Không biết tự bao giờ mà tre đã có mặt trên khắp nẻo đường đất nước. Cùng với bến đò, sân đình, cây đa... là hình ảnh lũy tre làng thân thương của con người Việt Nam. Tre có nhiều phẩm chất cao quý tượng trưng cho những đức tính đáng quý của dân tộc Việt Nam.

Thân tre gầy guộc, cao vút lên trời gợi lên hình ảnh người chiến sĩ anh hùng hiên ngang, bất khuất. Lá tre mỏng manh, được một chiếc áo cộc bao bên ngoài. Tuy tre gầy guộc nhưng rất biết sống đoàn kết, tre tạo thành lũy mà không sức mạnh nào có thể tàn phá được. Dưới những gốc tre là những chồi măng đang vươn mình mọc thẳng đứng đầy sức sống. Không biết từ khi nào mà tre đã trở thành “pháo đài xanh” tham gia chống quân xâm lược cùng với dân tộc. Như câu nói của Thép Mới: “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín...” tre luôn là một người bạn thân thiết của người dân đất Việt. Tre luôn là biểu tượng của sự bền bỉ, kiên cường và bất khuất mà mọi người cần phải noi theo.

Nhớ lại ngày nào, thời còn là những đứa trẻ chần trâu, tôi cùng các bạn chơi bịt mắt bắt dê hay ô ăn quan dưới gốc tre, nghĩ lại những ngày ấy tôi cảm thấy thật vui và hạnh phúc. Tre luôn là người chứng kiến những trò tinh nghịch của chúng tôi, che nắng cho chúng tôi những khi nắng hè chột đến. Hình ảnh tre mãi là một người bạn gần bó thân thiết cùng tôi dù cho tôi có đi đâu, về đâu đi chẳng nữa.

Tre - một loài cây luôn đồng hành cùng con người Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển. Tôi rất quý tre và luôn xem tre như là một người bạn thân thiết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng mình. Dù cho có đi đâu xa nhưng trong lòng tôi vẫn luôn nhớ hoài về hình ảnh kiên cường, bất khuất của tre. Yêu lắm tre ơi!

BÀI SỐ 8: Cảm nghĩ của em về cảnh đẹp đất nước – Vịnh Hạ Long.

Bài làm

Nói đến cảnh đẹp đất nước, ta nghĩ đến vịnh Hạ Long. Đây là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở nước ta, nơi đã quyến rũ rất nhiều du khách trong và ngoài nước.

Theo con tàu từ Hải Phòng đến Móng Cái ta sẽ thấy hiện lên trước mắt một bức tranh tuyệt mỹ: Trên một diện tích rất rộng của mặt nước phẳng lặng trải đều những dãy núi đá với kích thước và hình dáng khác nhau. Ta cảm thấy cảnh tượng kì lạ này do cây bút thần của một họa sĩ thiên tài tạo ra. Tàu tiếp tục lượn lách giữa những đảo nhỏ. Tùy theo từng vị trí gần xa, có cảnh giống như cánh buồm rộng lớn của những thuyền đánh cá. Càng đi sâu hơn nữa vào vịnh, ta càng thấy vịnh phong phú và đa dạng, càng thấy màu sắc của người họa sĩ vĩ đại và thiên nhiên lung lay hơn. Rất nhiều những động nhỏ, to, có hang thông suốt qua núi đá. Nếu đi thuyền vào trong hang động, bạn sẽ rơi vào một thế giới kì lạ. Có những vòm đá cao rủ xuống những dãy thạch nhũ bằng đá mang sắc thái khác nhau. Một số hình giống người, nhưng hình khác lại giống những động vật hoang đường, cây cối... Đẹp nhất có lẽ là hang “Đầu Gỗ”. Đây là cung điện với nhiều gian phòng, với nhiều tầng lớp ngoắt ngoéo. Chỉ một giọt nước nhẹ nhẹ rơi xuống từ những dải nhũ đá cũng đủ phá vỡ sự im lặng, tạo ra một âm thanh thú vị giống giai điệu của bản nhạc nhẹ. Không khí trong lành ở hang tưởng như được bao phủ bằng bầu không khí mát tràn trề.

Em rất thích Hạ Long. Tuy hè năm nay đã qua rồi nhưng cảnh đẹp của Hạ Long sẽ làm em nhớ mãi trong lòng và hẹn gặp lại.

BÀI SỐ 9: Cảm nghĩ của em về loài động vật: cá đồng.**Bài làm**

Dù giàu, dù nghèo, người Việt Nam vẫn mê món ăn từ cá đồng. Cái hồn sông nước đậm đà chân chất ấy, bao năm nay đã thấm nhuần trong đời sống nhiều người.

Bất cứ nơi đâu có sông nước là sẽ có cá đồng. Ở nước ta, với hệ thống sông ngòi dày đặc, cá đồng đã trở thành một món ăn vô cùng quen thuộc. Ngoài chợ, cá đồng có bán quanh năm. Nhưng ăn cá mua ở chợ chắc chắn không thích bằng việc thưởng thức những con cá do chính mình bắt được.

Cá đồng là từ chung để chỉ các loài cá nước ngọt. Ở miền Bắc cá đồng ngụ ý chỉ cá bắt được ngoài đồng ruộng hoặc ven sông, không phải cá nuôi. Người nông dân ra ruộng làm đồng tranh thủ đặt đơm đó, hoặc thả lưới, khi trở về nhà có thêm dăm ba con cá cho bữa ăn chiều. Ấy là cái thú vui làng quê dân dã. Cá đồng vùng đồng bằng sông Cửu Long thì phong phú hơn. Mỗi mùa nước nổi hàng ngàn loài cá tụ về đây nhiều đến độ người dân gọi riêng khoảng thời gian này là “mùa cá rộ”. Cũng từ đó mà sinh sản ra nhiều cách đánh bắt, chế biến những món ăn từ cá.

Thịt cá đồng trong môi trường tự nhiên, ngọt sẵn và đượm mùi bùn đất quê hương. Ngon lành là vậy, mà lại sẵn có nên cá đồng là nguồn thực phẩm quan trọng của nông dân, nhất là những người miền sông nước. Hình ảnh thường thấy ở những vùng này là những chiếc thuyền câu to nhỏ ấy núp trong các bụi rù rì để tránh nắng, ban đêm thì đổ rục ánh lửa và tiếng gõ lưới lóc cóc nghe đều đều và buồn buồn. Cũng còn phải kể đến các kiểu bắt cá khác, như thả lưới, thả lờ, đặt lợp, đặt đơm, đặt đó, mò hang,... kể cả ngồi đón cá rạch ngược dòng nước lên ruộng cạn, bắt bỏ giỏ.

Mùa cá rộ cũng là mùa lũ, người dân miền Tây có cách câu cá độc chiêu hơn cả, họ ngồi trên giường thả câu ngay trong nhà đã ngập trắng nước, câu chừng nửa buổi là đủ thức ăn cho cả ngày.

Ở những vùng bốn bề sông nước như Cà Mau - U Minh thì cá đồng còn là nguồn lợi kinh tế lớn. Những vùng này một thời nổi tiếng là “mỏ cá đồng”, như Thanh Tùng (Đầm Dơi), Cái Nước, Khánh Bình (huyện Trần Văn Thời), Nhà Nghệ - Bang Cang (Thới Bình), rừng U Minh Hạ... Nhiều người dân chỉ sống bằng cá đồng mà không cần làm lúa. Giăng câu một bữa, dễ dàng bắt được những con cá lóc lớn nặng đến đôi ba ló mỗi con hay những con trê vàng to đến cả kí, các loại cá rô mè, bống phệt thì không sao kể xiết.

Cứ như thế, con cá đồng không chỉ nuôi sống con người mà tự nó còn sinh ra một nếp sinh hoạt riêng cho người dân quê. Nét đẹp rất đời thường ấy cũng chính là cái hồn của sông nước, của quê hương...

BÀI SỐ 10: Cảm nghĩ về cô giáo chủ nhiệm.

Bài làm

Đó là một ngày bình thường như bao ngày khác. Sau khi tiếng trống báo vào lớp vang lên, năm mươi ba tập vở và sách Ngữ văn được chúng tôi bày lên bàn. Những tiếng ồn ào huyền ảo, những tiếng chuyện trò chỉ tắt hẳn khi cô chủ nhiệm bước chân vào lớp. “Cả lớp lấy giấy ra làm bài một tiết!”. Năm mươi ba gương mặt ngơ ngác, chẳng đứa nào ngờ tới việc cô cho làm bài một tiết mà chẳng báo trước gì thế này! “Nhưng cô ơi, mấy hôm trước cô kiểm tra rồi mà...”. “Cô ơi điểm em kém lắm, em lại chưa chuẩn bị gì cả...”. Bỏ ngoài tai tất cả cô vẫn điềm nhiên đọc đề trong sự hồi hộp và cả lo sợ của học sinh.

Câu chuyện vừa rồi chỉ là một trong số hàng trăm tình huống chúng tôi gặp năm ngoái, hồi còn là 6A2. Hồi ấy vừa chia tay với cô giáo cũ xong, chúng tôi chưa quen với phong cách của cô chủ nhiệm mới. Cách dạy Văn của cô thì đúng là độc nhất vô nhị. Phần tiếng Việt thì luôn giải quyết gọn bài tập trên lớp, không bao giờ có bài về nhà làm. Phần Văn và Tập làm văn cũng không bao giờ có chuyện học thuộc lầu lầu sách giáo khoa rồi lên bảng đọc lại cả. Ban đầu đứa nào đứa ấy sương âm ỉ. Đã thế cô không lập vở ghi các khuyết điểm trong tuần và điểm thi đua trong tuần của mỗi đứa nữa chứ! Bụng bảo dạ rằng sao cô rộng rãi thế! Nhưng sau vài tuần thì cả lớp kinh hoàng: Điểm văn thấp quá! Cô không bắt học thuộc, nhưng lại cho kiểm tra mười lăm phút và một tiết liên miên, và toàn những đề trong sách không có. Thậm chí có tiết Toán thầy nghỉ ốm, cô vào mang theo một số đề kiểm tra mới... Kể cả hôm nào có môn kiểm tra một tiết vẫn vậy. Lúc ấy sao mà em ghét cô quá đi thôi!

Nhưng rồi dần dần điểm Ngữ văn tệ hại của lớp được nâng lên, chính nhờ cách rèn viết văn “trây da tróc vẩy” của cô đấy. Cách kiểm tra và lấy điểm của cô cũng phong phú: chuẩn bị bài soạn hoặc tác giả - tác phẩm tốt với phần Văn, hoặc cách làm bài đột xuất vài bài tập khó trong phần Tiếng Việt ra giấy... Cuối năm, nhìn vào tập đựng bài kiểm tra có tới hơn mấy chục bài kiểm tra Văn và tiếng Việt mà em ngạc nhiên quá. Cứ như thể cô đã từ từ giúp chúng em gỡ điểm, nâng điểm lên mà chúng em không để ý.

Cô đã đứng tuổi nên nghiêm nghị, nhưng không vì thế mà cô mất đi sự vui tươi và hào phóng của mình. Cô tổ chức hai buổi đi chơi cho lớp 6A2 chúng em đều vui cả. Lần đầu là một chuyến đi Viện Bảo tàng và bể bơi Ngọc Khánh. Hầu hết lớp đồng ý đi chỉ vì chưa vào bảo tàng bao giờ, còn lúc đó là mùa đông nên chẳng đứa nào muốn bơi cả. Không ngờ là đến mấy bảo tàng ngay trong Hà Nội mà chúng em thấy hay quá, rất nhiều cái đáng xem. Rồi đến khi ra bể bơi nước nóng, cả một lũ quỷ con lại chen nhau ra chỗ thuê đồ. Lúc đó em mới nhớ ra câu nói của cô trước đó, khuyên lớp mang đồ bơi đi sẵn để tiết kiệm tiền. Đúng là “cá không ăn muối cá ươn”!

Chuyến đi thứ hai gây ấn tượng thật đặc biệt. Lớp được lên Thác Đa, Ba Vì ngắm cảnh núi cao, có bể bơi, có kỉ niệm leo núi, vất vả, ong đốt và có cả đốt lửa trại trong đêm. Cô đã hóm hỉnh đùa rằng: “Một ngày đổ máu!”. Trong giờ học, cô cũng có những câu nói đùa như thế, làm giảm đi không khí nặng nề của một ngày học nào đó nhiều môn kiểm tra và không khí lớp nhờ thế sôi động hẳn lên. Dĩ nhiên, cô luôn kèm theo những câu triết lí, câu thơ rất hay và sâu sắc khiến đứa nào cũng thấy tâm đắc và thấm thía.

Một điều nữa rất thích là cô cực kì tâm lí. Hôm nào liên hoan văn nghệ hay chia tay, hoặc là học sinh mệt, khát nước dưới cái nắng hè oi bức cô có ngay cho lớp cả giỏ kem hoặc những bình nước mát lạnh. Hay chỉ là khi bơi xong mệt thôi, mỗi đứa lên ô tô về trường mà tay còn cầm chiếc bánh mì nóng hổi cô vừa dúi cho. Cô thấu hiểu những chuyện linh tinh lặt vặt khác của lứa tuổi chúng em nữa cơ chứ... Có lẽ từ trước tới giờ, em chưa gặp cô giáo chủ nhiệm nào vui vẻ, hiểu chúng em như vậy!

Dĩ nhiên, bên cạnh đó, nhiều khi cô nghiêm đến mức làm chúng em phải sợ. Những chuyện lớp rề rà giải quyết không dứt khoát, vào tay cô đều hết sức nhanh gọn, suôn sẻ, mặc dù chúng em phải chịu ngồi nghe cô mắng mỏ. Những cái gì cô nói đều hết sức tự nhiên, chân thành, không hoa mĩ cầu kì, em biết. Cô đưa ra những câu chuyện, những nhân vật... để làm gương cho tất cả lớp khi có ai mắc khuyết điểm hay làm ảnh hưởng đến lớp. Em không nhớ được hết những gì cô nói, và có thể lớp cũng vậy, nhưng nhờ thế mà những vụ vi phạm kỉ luật cũng giảm hẳn. Hình như trong tâm trí đứa nào cũng không muốn làm cô phải phiền lòng và cáu giận nữa. Có lẽ cũng vì những lời động viên, khuyên nhủ và mắng mỏ như thế mà “mưa dầm thấm lâu”, chúng em mới đạt thành tích rực rỡ - mang về bốn mươi lăm giải học sinh giỏi quận ở các môn như năm học vừa qua.

... Một năm trôi qua thật mau, và bây giờ lại sắp tới ngày 20-11 rồi. Nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam năm nay, em hứa với cô: Sẽ cố gắng học thật giỏi và ngoan ngoãn như mong muốn của cả em lẫn cô. Em cảm ơn cô vì đã đến với chúng em. Cảm ơn cô vì tất cả!

BÀI SỐ 11: Cảm nghĩ về người thân (người chị).

Dàn bài

1. Mở bài

- Tình cảm chị em cũng là một trong những tình cảm sâu nặng và thiêng liêng.

- Bên cạnh cha mẹ của ta, chị cũng là người đã nâng đỡ tinh thần và yêu thương chúng ta.

2. Thân bài

a. Miêu tả chị

- Vóc dáng, ngoại hình:

+ Tuổi tác: vẫn còn trẻ.

+ Tóc đã điểm vài sợi bạc: do cha mẹ đã có tuổi, một mình chị phải gồng gánh các em, những sợi tóc bạc là minh chứng cho sự hao gầy cơ thể, cho sự mệt mỏi về thể xác.

+ Đôi mắt: đầy yêu thương, nhân ái.

+ Nụ cười: ấm áp, dễ thương.

+ Đôi bàn tay: gầy gầy, xương xương vì phải buôn gánh bán bưng ngoài trời mưa gió với biết bao khổ cực để lo cho các em của mình.

+ Vóc người: cân đối.

+ Trang phục: thường hay mặc những trang phục giản dị, phù hợp với hoàn cảnh.

- Tính cách:

+ Đối với mọi người xung quanh: luôn quan tâm, giúp đỡ.

+ Đối với gia đình: luôn yêu thương, quan tâm, chăm lo chu đáo từng đứa em, chăm lo cha mẹ già yếu.

+ Đối với bản thân: nghiêm khắc và có trách nhiệm trong mọi việc.

b. Kể một kỉ niệm sâu sắc giữa em và người chị

- Chị bán hủ tiếu gõ mỗi ngày, đôi khi phải dầm mưa dãi nắng.

- Tôi vẫn còn là con nít vẫn hay vòi quà chị.

- Hôm ấy, sinh nhật nhỏ bạn thân. Tôi vòi chị tiền để mua quà vì cha mẹ đã lớn tuổi không lao động được. Tôi xin chị mua một con gấu bông thật đẹp để tặng bạn.

- Con gấu bông ấy giá khá cao, nên chị khuyên tôi nên tự tay làm một tấm thiệp thật đẹp, thật dễ thương để tặng nhưng tôi không chịu.

- Thế là, tôi đứng đó và la lên rằng: "Chị không giống chị của bạn em, chị đó rất giàu và rất yêu thương em của mình, nó đòi gì là được đó. Còn chị, em xin chị tiền mua có con gấu bông mà chị không cho. Chị thật là keo kiệt, bủn xỉn".

- Thế rồi, tôi chạy đi thật nhanh.

- Ngoài nhìn lại, tôi thấy chị đứng thẫn thờ trông theo.

- Đi chơi về, tôi vừa bước vào nhà thì đã trông thấy một con gấu bông rất xinh.

- Tôi mừng rỡ vì cuối cùng mình đã có quà để tặng bạn.

- Tối đó đi ăn sinh nhật, nhỏ bạn thân nói với tôi rằng: "Lúc nãy mình đi mua bánh kem, thấy chị của cậu đang ở cửa hàng đồ chơi. Mình cứ ngỡ là chị ấy mua đồ chơi cho cậu chứ?"

- Thì ra chị cậu mua con gấu bông này.

- Tôi chợt suy nghĩ. Tối đó, tôi liền chạy ngay về và hỏi chị: "Chị lấy tiền hàng đồ chơi mua con gấu bông đó hả? Em thật có lỗi với chị, chị đã cực khổ nuôi nấng em mà em còn đòi này đòi nọ."

- Chị nói: "Chị không thương em thì ai thương em bây giờ".

- Tôi xúc động không nói thành lời.

c. Cảm nhận về chị

- Chị là một người mà tôi yêu thương hết mực.

- Dầu cho tôi có hư đồn thế nào, chị vẫn thương tôi.

- Tôi thấy mình thật đáng trách.

3. Kết bài

- Cuộc sống của tôi sẽ không được thành công như bây giờ nếu như không có bàn tay chăm sóc của chị.

- Tôi hứa rằng sẽ luôn chăm lo học hành, ngoan ngoãn để trở thành con ngoan trò giỏi, không làm buồn lòng người chị của mình nữa.

Bài làm

Trong gia đình, ngoài đón nhận sự yêu thương sâu sắc của ông bà và cha mẹ, tôi còn được các chị quan tâm, lo lắng và yêu thương. Và có lẽ người chị mà tôi thân thiết nhất, yêu mến nhất đó chính là chị ba.

Chị ba tôi tên là Hân, năm nay chị học lớp mười rồi. Chị Hân có dáng người cao cao, thon thả. Bên cạnh đó, mọi người lại còn khen là chị có một làn da mịn màng, trắng hồng nhưng có lẽ điểm nhấn ở chị là đôi mắt tròn, to nhìn rất đẹp. Biết bao cảm xúc của chị Hân đều được thể hiện ở đôi mắt ấy. Khi chị vui vẻ, tươi cười thì đôi mắt bỗng

long lanh hẳn lên. Chị luôn nhận được sự yêu mến của mọi người, có lẽ nhờ chị luôn luôn mỉm cười trước mọi khó khăn, gian khổ và hay giúp đỡ mọi người xung quanh. Khi chị Hân cười lộ ra cái răng khểnh trông rất có duyên. Mặt khác, người ta thường nói, con gái đẹp nhất là ở mái tóc. Chị có một mái tóc đen óng ả, mượt mà xoã ngang vai rất đẹp. Ôi, không những có một khuôn mặt xinh xắn, chị còn học cực kì giỏi. Do chăm chỉ học tập mà chị luôn đạt thành tích cao ở mọi môn học. Nhưng dù học giỏi đến mấy chị cũng không kiêu ngạo, tự phụ nên luôn được bạn bè nể phục, quý mến. Tích cực trong học tập, chị cũng rất hăng hái, năng nổ trong các phong trào của trường, lớp. Chị đến trường luôn là một người giản dị và ở bất cứ đâu cũng vậy. Không màu mè, kiểu cách là lối sống của chị. Chị cũng rất là vui tính, hài hước thường mang những trận cười cho cả gia đình. Nhờ vậy mà chị luôn có mối quan hệ tốt với các thành viên trong gia đình, nhất là tôi. Tôi rất tự hào khi có một người chị tuyệt vời như vậy!

Giữa tôi và chị có rất nhiều những câu chuyện khó quên, những kỉ niệm thân thương không bao giờ phai nhòa. Còn nhớ câu chuyện sau đây đã thể hiện chị thương yêu tôi nhiều đến mức nào. Vào năm lớp ba, có một lần cô giao cho tôi vẽ một bức tranh về chủ đề “An toàn giao thông”. Tôi cứ nghĩ có chị Hân vẽ đẹp, thế là tôi đợi chị về để vẽ giúp. Tối hôm đó, chị Hân về nhà với một gương mặt rất mệt mỏi sau khi đi học ở trường về. Nhưng có lẽ do vội vã, tôi đã không để ý đến điều này, tôi chạy vội đến và nhờ chị vẽ giúp. Chị gật gật cái đầu rồi lên lầu làm bài tập mà không đoái hoài đến lời nhờ vả ban nãy. Tôi bắt đầu giận lên vì chị đã không giữ lời hứa, thế là tôi tự vẽ. Sau khi vẽ xong, tôi nhìn đồng hồ vừa điểm mười một giờ. Tôi thấy chị vẫn còn đang làm bài và tôi thì phải tô màu cho bài vẽ. Nhưng do buồn ngủ và mệt mỏi, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy đã thấy bức tranh đã được tô màu hoàn chỉnh rất đẹp. Hỏi mẹ thì mẹ nói rằng chị ba đã thức trắng đêm để tô màu cho tôi. Lúc ấy, trong lòng tôi dâng lên một nỗi ân hận và ngượng ngùng khó diễn tả bằng lời.

Ôi! Sao mà tôi thương chị quá! Tôi thật hối hận khi làm cho chị buồn. Chị không những không trách tôi mà còn khen tôi có tài hội họa. Điều đó làm cho tôi bớt ngượng và còn cảm thấy tự hào nữa. Sao mà tôi thương chị quá chị ơi!

Thật cảm ơn mẹ vì đã cho con người chị thân thương này. Tôi sẽ phấn đấu học tập và noi theo gương chị. Có lẽ, đối với tôi, chị là một người chị xinh xắn, đáng mến, tuyệt vời nhất trong lòng tôi.

BÀI SỐ 12: Cảm nghĩ về người chị – người bạn.**Bài làm**

Mỗi khi trời mưa, nghe lộp độp trên mái tôn thì lòng tôi lại vô cùng xao xuyến. Âm thanh đều đều đó làm tôi nhớ tới chị Dung, một người đã gắn bó với tôi suốt thời thơ ấu. Cuộc sống không cho chúng tôi luôn ở bên nhau nên chị đã theo gia đình vào Nam từ năm trước.

Chị Dung gắn bó thân thiết với tôi từ khi tôi còn là một cô bé tóc chưa đủ tết bím, cho đến tận hôm nay và chắc chắn là cả mai sau nữa. Chị đã đem đến cho tôi rất nhiều: sự tin tưởng, tình yêu thương và niềm hi vọng, hay bất cứ thứ gì mà tâm hồn một cô bé cần, không đòi trả lại một chút gì cả.

Lắm khi tôi cứ nghĩ chị là một cô Hằng Nga. Bởi sự bao dung hiền hậu sưởi ấm cho một tâm hồn nhỏ bé! Bởi sự dịu dàng, yêu thương của chị đã đem đến cho một trái tim non nớt. Bởi vẻ đẹp bên ngoài và cả tâm hồn bên trong tươi sáng, đẹp đẽ? Hay bất cứ một nét gì khác trong chị? Câu hỏi này, cả trí óc, cả tấm lòng tôi có lẽ đều không trả lời được.

Tôi không nhớ đã quen chị như thế nào, nhưng tôi luôn rõ ấn tượng đầu tiên của mình về chị. Chẳng phải nụ cười tươi tắn như nắng mai đã trở thành nét duyên, chẳng phải bộ quần áo hoa tuyết lung linh những hạt ngọc, mà chính là đôi mắt. Còn hạt sương nào long lanh hơn đôi mắt ấy? Còn nụ hoa nào dịu dàng như thế không? Còn vật gì to lớn mà lại chứa đựng niềm yêu thương, nhiều tình cảm như hai hạt ngọc nhỏ nhắn ấy? Có lẽ là không. Bởi mỗi khi tôi buồn, ánh mắt ấy lại tỏa ra những ngọn lửa dịu dàng, ấm áp. Còn mỗi khi tôi vui ánh mắt đó lại tràn đầy niềm tin yêu triu mến. Không phải ruột thịt nhưng nhà liền kề nhau đã khiến chị em tôi mưa nắng luôn gần nhau. Chị chăm lo cho tôi như đứa em, chị dạy dỗ tôi nhiều điều. Nghe chị nói dễ bị thuyết phục hơn mẹ tôi. Có lẽ vì vậy mà không gì đo được tình cảm của tôi đối với chị.

Lắm khi tôi cứ nghĩ, mỗi nét biểu hiện của chị đều là một tâm trạng của con người thực sự. Nụ cười lúc tươi tắn, khi ấm áp, lúc nhí nhảnh, khi lại dịu dàng. Mái tóc đen nhánh khi ngúc ngắc như trẻ con, lúc lại thướt tha như một người thiếu nữ. Đến tận bây giờ, tôi mới cảm nhận được tình yêu thương nồng thắm, sự dịu dàng đáng yêu và một nghị lực phi thường có trong con người chị. Nay xa cách đã lâu mà

vài dòng thư điện tử, vài phút nói chuyện điện thoại cũng khiến tôi xúc động dạt dào. Tôi mong mình chóng lớn để có thể vào Nam làm việc và được gặp lại chị gái thân thương.

“Cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn, mọi chuyện khó khăn sẽ đơn giản hơn khi ở một nơi nào đó, ta còn có niềm hi vọng và có một người để yêu thương, để tin tưởng”. Tôi đã có được niềm hạnh phúc tuyệt vời đó vì tôi có chị Dung là bạn. Xa chị đã lâu vậy mà tôi không thể quên được chị, tôi luôn dành cho chị những suy nghĩ và tình cảm tốt đẹp nhất.

BÀI SỐ 13: Cảm nghĩ về cánh diều mơ ước của tuổi thơ.

Bài làm

Cứ mỗi lần nhắm mắt nghĩ về tuổi thơ, tôi lại thấy, dường như mình đang cảm nhận được cái hương vị chan chát của cỏ, mùi ngai ngái của rạ rơm, cả hương lúa mới nồng nàn. Và trước mắt tôi là những cánh diều giữa trời chiều pha khói lam huyền diệu, chở ước mơ của tôi bay thật cao, thật xa...

Mỗi buổi chiều, khi nắng nhạt màu, gió mơn man trên nền cỏ xanh mượt, cả lũ chúng tôi, đứa nào cũng đem theo một con diều chạy ra đồng thả. Diều của chúng tôi không đẹp cũng không rực rỡ màu sắc. Nó chỉ được ghép từ những cây tre vót nhỏ và những mảnh ni lông cũ kĩ, trông không ra hình thù gì. Gọi là con cá hay con chim cũng được, thậm chí là con nòng nọc trông cũng giống giống! Hồi ấy, tôi vẽ không đẹp nhưng lại rất mê vẽ. Bố tôi mua cho tôi rất nhiều bột màu. Thế là, tôi không ngừng “tân trang” và “cải tiến” con diều của mình. Trong xóm, chỉ độc diều của tôi là có mắt, mũi, miệng. Tụi bạn muốn nhờ tôi thì phải “hối lộ” cái gì đó được như ổi, đào hoặc một cái kẹo gừng. Chăn trâu, với tôi lúc ấy, chẳng phải là một công việc vất vả! Chỉ việc đưa trâu ra đồng, để cho nó mặc sức gặm cỏ còn mình thì nhảy lên đống rơm cao ngất ngồi ngắm những cánh diều bay lên. Nếu “nhỏ gan” sợ trâu ăn lúa thì ngồi trên lưng trâu thả diều cũng thú vị ra phết. Có lần, tôi nằng nặc đòi cậu bạn chăn trâu lên lưng trâu ngồi thả cho “oai”! Lúc vừa yên vị, không biết có phải con trâu đánh hơi người lạ hay không mà cứ ngúc ngắc không chịu yên. Tôi rơi từ trên lưng trâu xuống, đau điếng. Bố tôi tức giận cấm cửa một tuần liền.

Thế rồi, tôi bị bệnh, yếu dần đi và không còn tung tăng vui đùa như trước, chỉ quanh quẩn ở trong nhà. Chiều chiều, bố tôi đem ra sân

một chiếc ghế thật dài để tôi có thể nằm ngắm cảnh vật xung quanh
bớt đi nỗi buồn. Cứ mỗi lần nhìn những cánh diều bay lên là tôi úp
mặt vào hai bàn tay khóc thầm.

Hồi ấy, tôi rất thích đọc truyện cổ tích và tin rằng những cô tiên
kiểu diễm là có thật. Tôi quyết định viết ước mơ của mình lên giấy, dán
vào cánh diều, nhờ nó chở ước mơ của tôi bay đến nơi có cô tiên đang
sống. Chiều hôm đó, tôi đợi lũ bạn hàng xóm đi ngang, gửi cu Bin cạnh
nhà con diều của tôi, nhờ nó thả giúp. Và, tôi chờ mong một phép mầu...

Thời gian trôi qua, tôi dần lớn và không còn tin điều ấy là sự thật.
Thế nhưng, trong kí ức của tôi, những cánh diều mộc mạc ấy mãi mãi là
kỉ niệm đẹp. Có những lúc, đi trên đường phố tấp nập và bụi bặm, nhìn
thấy cánh diều bay lên giữa trời chiều xanh thẫm, tôi lại thấy, dường
như ngọn gió mát rượi, ngọt ngào của tuổi thơ lại thổi về...

BÀI SỐ 14: Cảm nghĩ về người mẹ.

Dàn bài

1. Mở bài.

- Có thể dẫn dắt bằng một đoạn thơ hoặc một bài hát nói về mẹ.

MẸ TÔI

*Bạn đừng cười khi trông thấy mẹ tôi
Ngày với tháng cứ mang đôi sọt rách
Chiếc xe đạp lâu năm ốc vít kêu cạch cạch...
Tấm áo cũ nhàu mòn rách cả hai vai.
Bạn đừng cười khi mỗi buổi sớm mai
Mẹ thức giấc từ canh hai mờ mịt
Lọ mọ nồi xoong, thái rau gà, rau vệt
Rồi lại vội vàng, rối rít đạp xe.
Bạn đừng cười khi thấy mẹ dừng xe
Và nhặt nhanh từng thanh tre, thanh gỗ
Mẹ bảo "Mấy thứ này không có dùng thì khổ
Tiền chẳng có nhiều, nhặt cho đỡ phải mua."
Bạn đừng cười khi thấy mẹ già nua
Vẫn còng lưng vượt qua từng con dốc
Những thứ mẹ mang nào vỏ chai, giấy lố
Sắt vụn, nhôm, đồng... một lũ nhóc lớn khôn.
Bạn đừng cười khi gió rét mùa đông
Sương lạnh ngắt, từng cơn giông ập tới*

Vẫn có một người khom lưng đạp xe rất vội
Sóng gió cuộc đời không ngăn nổi vòng lăn.
Bạn đừng cười, cười trên những gian nan
Những lo toan mà mẹ tôi chịu đựng
Cả cuộc đời mẹ vẫn đang gồng sức
Để gia đình có những khúc ca vui.
Tôi tự hào vì có mẹ của tôi
Một người mẹ luôn lời thôi, lem luốc
Nhưng trái tim có ai so bì được
Cả tấm lòng, là ngọn đuốc sáng soi.
Cầu mong Người sẽ ở mãi bên tôi!

(Trích "Những bài thơ hay về mẹ")

Mẹ là người sinh thành, dưỡng dục, nuôi ta khôn lớn thành người.
Mẹ tôi tên là...

2. Thân bài

a. Miêu tả Mẹ

- Vóc dáng, ngoại hình:

+ Lớn tuổi: theo thời gian, tuổi mẹ ngày càng cao.

+ Tóc đã điểm vài sợi bạc: tóc mẹ đã có lấm tấm vài sợi bạc vì phải chăm lo cho gia đình của mình.

+ Đôi mắt: vẫn còn tinh anh, nhìn rõ.

+ Nụ cười: ấm áp, hồn hậu

+ Đôi bàn tay: gầy gầy, xương xương vì phải buôn gánh bán bưng ngoài trời mưa gió với biết bao khổ cực.

+ Vóc người: cân đối.

+ Trang phục: thường hay mặc những trang phục giản dị, phù hợp với hoàn cảnh.

- Tính cách:

+ Đối với mọi người xung quanh: luôn quan tâm, giúp đỡ.

+ Đối với gia đình: luôn yêu thương, quan tâm, chăm lo chu đáo.

+ Đối với bản thân: nghiêm khắc và có trách nhiệm trong mọi việc.

b. Kể một kỉ niệm sâu sắc giữa em và mẹ để thể hiện đúng đề bài "...sống mãi trong lòng tôi".

- Trời mưa to, gió lớn; mẹ nhắc tôi không nên đi chơi.

- Tôi cãi lời mẹ, nghe theo lời rủ rê của bạn bè để đi chơi đá banh với chúng bạn trong mưa to.

- Thế nhưng, sau cuộc chơi đó tôi bị bệnh sốt nặng.
- Mẹ nhìn tôi nằm trên giường bệnh với sự triu mến.
- Không những không có lấy một lời la mắng, mẹ còn chạy đôn chạy đáo mua thuốc cho tôi trong đêm mưa to gió lớn với biết bao lo lắng cho tôi.

- Tôi cảm thấy thật hối hận và trách cứ bản thân.
- Tôi hứa với lòng sẽ không bao giờ cãi lời mẹ như vậy nữa.
- Kể niệm ấy luôn theo tôi đến tận bây giờ và gây trong tôi một nỗi niềm sâu sắc về mẹ của mình.

c. *Cảm nhận về Mẹ*

- Mẹ là người mà tôi luôn quý trọng và tôn thờ.
- Không gì có thể thay thế cho mẹ.

3. Kết bài

- Cuộc sống của tôi sẽ buồn chán và vô vị biết bao nếu thiếu vắng hình bóng của mẹ.
- Tôi hứa rằng sẽ luôn chăm lo học hành, ngoan ngoãn để trở thành con ngoan trò giỏi, không làm buồn lòng mẹ mình nữa.

Đoạn văn 1

Tôi cũng như bao đứa trẻ khác, được sống chung với ông bà, cha mẹ. Tất cả mọi người ai cũng là người mà tôi yêu thương và kính trọng. Nhưng đối với tôi, người mà tôi yêu thương, kính trọng nhất đó là mẹ. Từ sáng đến chiều tối mẹ luôn làm việc bên chiếc máy vi tính đã sờn theo thời gian, về đến nhà mẹ còn phải chăm lo cơm nước cho gia đình. Đã thế còn phải chăm sóc cho ông bà tuổi đã cao, sức đã yếu. Tuy vất vả là thế nhưng mẹ vẫn luôn quan tâm đến công việc học tập của tôi. Nhìn thấy mẹ vất vả như vậy tôi càng thương mẹ nhiều hơn. Mẹ là một người mẹ hoàn hảo. Tôi sẽ luôn yêu thương, kính trọng và không bao giờ làm mẹ phải buồn phiền vì tôi. Con muốn nói với mẹ rằng "Con yêu mẹ nhiều lắm!".

Đoạn văn 2

Trong gia đình, mẹ là người thương yêu tôi nhất. Mẹ tôi năm nay cũng đã ngoài bốn mươi tuổi. Quãng đời dạy học hơn hai mươi năm đã để lại những dấu ấn khó phai trên gương mặt mẹ. Thương lắm mẹ ơi! Những lúc ngồi chấm bài hay soạn bài, gương mặt trái xoan hơi cúi xuống. Vài sợi tóc lòa xòa che vầng trán rộng đã thấp thoáng mấy nếp nhăn. Đôi mắt đen với ánh nhìn vừa dịu dàng vừa nghiêm khắc đọc

từng dòng chữ trong bài viết của học sinh, hay dăm chiêu trên từng trang giáo án. Nhiều khi, mẹ nhìn tôi, ánh mắt đầy yêu thương thay cho bao lời động viên, an ủi. Dường như những nét đẹp trong tâm hồn người cứ tỏa chiếu từ đôi mắt ấy. Tôi yêu mẹ nhiều lắm - người nâng bước đường đời tôi đi.

Bài làm 1

Tuổi thơ chở đầy cổ tích

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào

Đưa con đi cùng đất nước

Chờn chành nhịp võng ca dao.

Lời thơ của Trương Nam Hương luôn vang vọng trong tôi về hình ảnh người mẹ dịu dàng, nhân hậu, bao dung và những câu hát ru hời mẹ hát ru tôi trên cánh nôi tuổi thơ. Lúc đó, kí ức tôi bỗng trở thành một cuốn băng bị tua ngược tái hiện lại hình ảnh người mẹ yêu quý của tôi - người mà tôi vẫn hằng biết ơn và tôn thờ bấy lâu nay.

Từ khi được sinh ra, tôi đã nhận được một vòng tay âu yếm, một dòng sữa ngọt ngào và một tình thương mệnh mông, tràn trề từ người mẹ của tôi. Tuy mẹ không đẹp bằng những người phụ nữ khác, tuy mẹ không có mái tóc dài đen mượt, không có làn da trắng hồng hay đôi mắt long lanh, nhưng trong mắt tôi mẹ vẫn là người đẹp nhất. Đẹp vì sự cần cù, nhẫn nại; đẹp vì sự thông minh, sáng suốt và hơn cả, mẹ đẹp nhất ở khuôn mặt đôn hậu và đôi mắt luôn nhìn tôi trìu mến. Trong ánh mắt ấy tôi nhận rõ được tình thương bao la không bao giờ vơi cạn của mẹ. Mẹ lo cho chúng tôi từng miếng ăn, giấc ngủ, cái mặc và việc học hành. Cái lo lắng, trăn trở ấy đã hằn sâu lên đôi mắt của mẹ, trên nước da ngăm ngăm vì nắng mưa cuộc đời, của thời gian. Nhiều lúc, mẹ rất nghiêm khắc và lạnh lùng, những lúc như vậy tôi cảm thấy mẹ là người rất đáng ghét. Nhưng những lúc mẹ ôm tôi vào lòng, bàn tay gầy gò xương xương của mẹ vuốt nhẹ lên mái tóc tôi. Những suy nghĩ xấu xa khi ấy chợt tan biến khi nào tôi chẳng hay hiển hiện nơi tôi chỉ còn là tình yêu thương mà tôi dành cho mẹ.

Hằng ngày, đôi bàn tay xương xương đầy những vết chai sần ấy của mẹ vẫn chăm chỉ, miệt mài đi làm kiếm tiền nuôi gia đình. Về nhà, bàn tay ấy còn giặt giũ, nấu cơm. Đôi bàn tay ấy đã làm nên biết bao điều kì diệu. Những khi tôi bị sốt, mẹ đã nắm chặt tay tôi mà ân cần chăm sóc. Trong tình yêu thương đó, tôi cảm nhận được lòng mẹ thật bao la, rộng lớn và nó đã làm cho cơn sốt của tôi được bớt đi phần nào.

Tôi vẫn nhớ như in cái ngày ấy, lúc đi học về, tôi bắt quả tang mẹ đọc trộm nhật kí của tôi. Tôi bước đến chỗ mẹ đang ngồi và quát lên: “Tại sao mẹ lại đọc trộm nhật kí của con? Mẹ không được đọc”. Cứ tưởng rằng mẹ sẽ giận dữ la rầy tôi, nào ngờ mẹ không nói gì cả mà bước ra khỏi căn phòng một cách lặng lẽ với đôi mắt rung rung. Tôi đóng sầm cửa lại và ngồi bẹp xuống sàn nhà khóc nức nở. Hôm ấy, tôi đã không ăn tối. Ngồi trong phòng, đôi mắt tôi đơ cứng, bơ phờ nhìn về góc bàn - nơi để quyển nhật kí, mặc kệ cho những lời mẹ gọi ở ngoài cửa. Đêm đó, tôi trần trọc mãi không ngủ được. Phải chăng vì tôi đã quen ngủ với mẹ, được mẹ nâng niu, âu yếm đưa tôi vào thế giới cổ tích với biết bao điều kì diệu nên tôi mới như thế? Cảm xúc của tôi dâng trào lên một cách mãnh liệt, thấy hối hận vì đã quát mẹ tôi. Bây giờ, tôi chỉ muốn nói với mẹ rằng “Con xin lỗi mẹ rất nhiều”.

Mẹ ơi, con yêu mẹ nhiều lắm mẹ biết không? Cho dù con có khôn lớn, có trở thành người tài giỏi đến đâu đi chăng nữa thì trong mắt mẹ, con vẫn chỉ là đứa con bé bỏng, ngây thơ của mẹ. Con rất biết ơn mẹ. Con tự hào vì suốt cuộc đời này, mẹ mãi là nguồn sáng soi đường cho mỗi bước con đi.

Bài làm 2

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Đó là bài ca dao nói về công lao to lớn của các bậc sinh thành. Để có được chúng ta và dạy dỗ chúng ta nên người, họ đã phải hi sinh rất nhiều. Vì thế, chúng ta cần phải biết kính trọng và quý mến cha mẹ của mình. Tôi cũng vậy. Tôi rất yêu thương cha mẹ tôi nhưng người mà tôi ghi nhớ trong lòng chính là người mẹ thân yêu.

Mẹ tôi rất tuyệt vời. Người tôi yêu quý có một mái tóc dài mượt và đen óng ả. Mái tóc ấy khoác lên một khuôn mặt hình trái xoan rất đẹp. Thêm vào đó là một đôi mắt long lanh như hai hòn bi ve. Ôi! Khuôn mặt ấy là một khuôn mặt của thiên thần mặc dù đã có đôi ba nếp nhăn vì đã khổ cực chăm sóc cho gia đình tôi. Không những vậy mẹ còn có một đôi bàn tay khéo léo, dịu dàng. Nhờ đôi bàn tay này mà mẹ đã nấu được những món ăn cho gia đình tôi. Không chỉ đẹp về ngoại hình mà mẹ còn đẹp về tính cách nữa. Mẹ tôi rất nhân hậu và

rất tốt bụng. Mẹ tôi là một người rất yêu thương gia đình của mình nên tôi yêu mẹ nhiều lắm. Vì mẹ đã chăm sóc tôi rất tận tình và gần gũi nhiều nên kỉ niệm giữa tôi và mẹ có rất nhiều điều đáng nhớ.

Có một kỉ niệm giữa tôi và mẹ khiến cho tôi nhớ mãi đó là vào một buổi chiều trời sắp mưa to nhưng tôi lại đi chơi. Mẹ bảo tôi đừng đi nhưng tôi vẫn trốn đi chơi. Đang chơi mãi mê thì trời mưa tầm tã nhưng vì ham chơi, đang lao vào cuộc vui thế nên tôi cứ thế mãi tiếp tục chơi, người tôi ướt sũng cả. Tối hôm đó, bố đi công tác nên chỉ có mẹ con tôi ở nhà. Vì ướt người cho nên tôi đã bị cảm lạnh rất nặng. Ngoài trời thì mưa rất lớn, nhưng mẹ vẫn chạy trong mưa để mua thuốc cho tôi uống. Nhìn thấy cảnh tượng đó, tôi rơi nước mắt vì thương xót cho mẹ. Cả đêm đó mẹ đã tận tình chăm sóc tôi mà không hề trách mắng vì tôi đã cãi lời mẹ. Khi thấy đôi mắt long lanh của mẹ buồn rầu thì tôi rất hối hận, dần vật trong lòng mình. Tối hôm sau, tôi thấy mẹ ngủ thiếp đi bên giường của tôi. Tôi âm thầm ôm mẹ và hứa với lòng rằng: "Con sẽ không bao giờ cãi lời mẹ nữa đâu, con hứa đó". Qua kỉ niệm này, tôi cảm thấy yêu mẹ nhiều lắm.

Tôi yêu mẹ, mẹ luôn là người sống mãi trong lòng tôi bởi mẹ đã mang cả cuộc đời mình dành cho tôi, đó là tình thương yêu bao la, sự hi sinh tất cả cho hạnh phúc của tôi... Mẹ ơi! Con yêu mẹ nhiều lắm!

BÀI SỐ 15: Cảm nghĩ về người cha.

Đoạn văn 1

Trong trái tim tôi, chưa từng một giây phút nào để lạc mất hình ảnh người cha già thân thương với mái tóc pha sương, bạc trắng ấy. Người cha mà tôi luôn tôn thờ, kính trọng ấy như là một phần thân thể của mình vậy. Ôi thương cha làm sao! Đôi bàn tay cha đã chai sần đi vì sự vất vả khi làm việc. Cha đã hi sinh tất cả cha tôi từng chén cơm, manh áo, người đã âu yếm, chở che cho tôi qua từng đêm sương gió lạnh. Ôi thương làm sao cho hết những gì mà cha đã hi sinh! Tôi thầm cảm ơn cha vì tất cả những điều đó. Con yêu cha rất nhiều.

Đoạn văn 2

Con cảm ơn ba vì tất cả. Ba là bóng mát của đời con, là đôi cánh đưa con bay xa ở mọi phương trời. Bàn tay ba nâng đỡ bước chân con đến mọi miền Tổ quốc. Mai đây, dù có ở phương trời nào, con vẫn sẽ nhớ về ba. Làm sao con quên được đôi tay thô ráp ấy đã chai sần đi vì

công việc và vì thời gian. Ba ơi! Nếu sau này ba ra đi ba xa con vĩnh viễn thì ai sẽ nâng đỡ mỗi khi con vấp ngã, mỗi khi con phạm sai lầm? Con yêu ba nhiều lắm. Ba đã đem lại cho con biết bao điều hạnh phúc, nhưng con vẫn chưa gửi được tình yêu thương của mình đến ba. Con xin lỗi. Đối với con, ba là người mà con yêu thương nhất trên cõi đời này.

BÀI SỐ 16: Cảm nghĩ về mùa thu.

Bài làm

Như là thu gõ vào cánh liếp lúc nửa đêm về sáng khiến ta thức giấc, phải kéo vội chiếc chăn mỏng mà choàng qua bụng. Hay là đấy, tiếng gà gọi những giọt sương khuya. Sáng mai này, mái cây rơm chắc ẩm hoặc sũng những tiếng chưa thành lời của vợ chồng Ngâu còn cách nhau một đoạn đường đầy sóng chia li đời đoạn nhưng thảng năm dài.

Ta nhớ ra rồi, bao nhiêu em bé dậy sửa soạn cặp da, sách vở giấy bút để chờ đợi tiếng trống trường năm học mới, mở đầu bằng tiết chào cờ phần phạt gió thu bay. Ta cũng góp phần, bọc quyển sách giáo khoa, mua thêm thuốc kẻ, sắm chiếc áo mới, đôi dép và cùng hồi hộp đợi chờ như chính bản thân ta đi học. Mùa thu là thế, có năm học mới trong nắng vàng và gió mát, chứ cần chi giờ tờ lịch xem ngày nào là hạ chí, ngày nào là lập thu, ngày nào nữa ra sao.

Một đời người có bao nhiêu mùa thu? Ai mà biết trước, dù có người sống với mùa thu đời mình, có người thiết thời chưa qua mùa hạ và có người may mắn sống dọc mùa đông.

Vườn nhà hàng xóm bỗng thơm như có người trinh nữ lướt qua, để lại chút hương da thịt mơ hồ và bí mật mà nhà văn Thạch Lam phải ngồi đó viết những trang tiểu thuyết "Dưới bóng hoàng lan". Đúng là hương hoàng lan. Cánh hoa nõn nà, mỏng manh, mềm mại nên hương hoa cũng nõn nà, mỏng manh và mềm mại.

Có ai thu cùng ta mà ta nhớ người cũng rất thu và thành xa vắng. Người đang ở đâu? Nơi ấy thu chưa? Người có cảm được hồn thu như sóng điện từ chiếm lấy bầu trời đang thu lăm lăm.

Mỗi mùa thu về, đâu chỉ cho riêng một người. Thu là của chục triệu, của trăm triệu... nhưng lòng thu thì ai cảm nhận niềm thu phơi phơi dăng dầy tơ nhện của nhớ nhung nỗi dài tâm tưởng. Phải cùng nhau chứ nhỉ? Ta không có bông hoa móng rồng để khi chiều dâng lên ta kỉ niệm, ta nguyện, ta cầu, ta ước với người như một thuở tương tư... Bây giờ mới sắp vào Ngâu, chị bán rong đầy hương màu hoa thiên lí

nhuộm vàng vào xanh, loang xanh vào vàng, vừa thơm vừa ngái, vừa để hít hà vừa để ăn vui...

Chưa hết mùa lũ. Những cơn bão bạo tàn còn rập rình định giơ nanh vuốt hành hạ con người và cảnh vật. Thì ra vào thu đầu chỉ có bình yên, có hoa nở và cỏm xanh, có quả hồng giòn tan và quả sấu chín ngọt chua náo nức... vào thu còn có rợn rùng và đe dọa, có tàn phá và nguy hại khiến ta có lúc chênh vênh như người diễn viên làm xiếc trên dây giữa nguy hiểm và an toàn...

Chưa phải mùa hoa cúc, dù là cúc trứng hay cúc vàng, vạn thọ hay đại đoá, cúc bướm hay cúc chi... Còn rặng mùng tơi rau đay lẫn mướp mà ta với người, người có nhớ chẳng, đã có lúc chúng mình ngặt nghèo phải ăn con cáy nấu với nồn cây đay lấy sợi, vừa đắng vừa tanh, vừa nhạt vừa nhớt... nhưng mùa thu đi qua, ta lại cùng nhau chung đón những thu vàng, thu bạc, những thu của Lê-vi-tan bằng tranh, những thu của Lưu Trọng Lư bằng thơ, những thu có cây cơm nguội vàng và cánh chim sâm cầm vô năng của nhạc sĩ họ Trịnh mới ra đi, có cả giọt vui trong nắng sáng và có cả giọt buồn Đặng Thế Phong u ám mưa buồn chết nỗi lòng Ngâu.

Không hiểu hai đầu Nam Bắc Cực, cứ 6 tháng là đêm rồi 6 tháng là ngày thì thu len vào bằng cách nào, chỗ nào? Ở đây, hồn thu có mang nỗi buồn tình ái chia tay, kẻ cười vui trong hương thoả mãn, kẻ lại âu sầu một cách âm thầm không chia vui cùng ai...

Còn ta, ta có thu của mình, đắm cảnh long lão trước cửa nhà, lá cứ thơm như thu, mà Bắc Giang có một cây loài đó, gọi là dã hương đã nghìn thu đọng vào lõi gỗ cho lá cứ lấp lánh trong sương, dù bão gầy cảnh thì vẫn là dũng sĩ, như một Thạch Sanh đánh con mãng xà thời gian mà chiến thắng.

Ta bước qua cánh liếp có lời thu gõ nhẹ, bước vào khoảng sân ẩm hơi trời, chắc là đêm qua, mây đuổi nhau tìm chỗ để về nên thở mạnh khiến bây giờ còn vương chút khói lam trên mái những căn bếp nhọc nhằn có cây mướp leo lên, có hoa vàng còn sót, có ánh lửa bập bùng le lói không nhìn rõ mặt người nhưng ta biết chắc chắn người đó là ai.

Ta không đợi mà thu cứ về đúng hẹn, đúng hương đúng màu, đúng chất như ngón tay nghệ sĩ tài hoa gõ đúng vào phím ngà cần thiết của cây dương cầm lòng ta.

Và ta đợi đấy thu ơi... Ta ôm thu vào lòng như giấc mộng.

BÀI SỐ 17: Cảm nghĩ về mùa đông Hà Nội.**Bài làm**

Phải cảm ơn ai đây, trái đất, vũ trụ hay thượng đế, ông trời và tổ tiên đã chọn nơi này cho ta một đất nước quê hương mỗi năm có bốn mùa rõ rệt, nhất là Hà Nội, nắng thì nắng thật, thu thì thu thật và mùa đông là niềm trử tình đầy hoài niệm đời người, cả khi ta ở giữa làn gió tái tê thổi qua mái nhà ta hay ta lang bạt về miền nào hun hút chân trời góc bể.

Ngay từ hôm có sọi mưa lác rắc báo tin mùa heo may cho con rươi xuất hiện, lúc có ngày lễ TousSaints, nay gọi là Lễ các Thánh vào tháng 10 âm lịch, tức tháng 11 dương lịch thông dụng, ta đã sửa soạn tâm hồn để đón thêm một mùa đông xếp lên thành tuổi, ta biết có người khắc khoải đợi chờ những ngày và những đêm kì lạ, nói như nhà thơ say Lưu Trọng Lư:

Yêu hết một mùa đông nhìn nhau mà chẳng nói...

Đàn sếu đã xếp hình mũi tên mãi tận miền về phương Nam gió ấm. Ta không sếu, ta đợi bếp lửa hồng đêm ù ù những cây kim cắm vào da thịt để lật bắp ngô non nướng trong lòng bàn tay. Rồi sáng ra, đi chọn lấy hàng phở quen thuộc, nóng bỏng lưỡi và cay giần giữa lệ đời ngon ngọt. Sau đó đã có hàng cà phê thơm nức nơi ngã tư có những hạt me vàng rơi rụng vào vai áo và có khi nó cũng biết uống cùng ta, nằm gọn trong chiếc tách màu nâu lim lim một vị đắng dề mê. Ta đang ăn mùa đông, uống mùa đông, ta giơ tay ra nhận lá thư từ trời gửi về màu đỏ lá bàng hay màu vàng cây cơm nguội. Lá thư là tín sứ, là nhịp đàn thăng hoa trong không gian tìm người tri âm tri kỉ. Chẳng thế sao những người trai người gái cứ tìm nhau vào dịp này để lồng hai chiếc nhẫn hôn trước bàn thờ đại diện cho thiên đàng.

Mùa đông đất Bắc, gió lang thang trên những cánh đồng đầy gốc rạ, trẻ bé nào tha thần đi tìm câu con công cống hay hái cây rau khúc về làm bữa bánh thơm thảo làng xa, vườn cải sớm đã vàng một loài hoa nắng màu hoàng yến có người con gái trùm hum chiếc khăn vuông vừa đi vừa làm cơn mưa nhỏ từ hai chiếc bình tới gọi là ô doa, càng gió đôi má càng au đỏ như hai đoá hoa lựu được mùa, làm chết anh trai làng thâm thương trộm nhớ đến các đường thánh thần cũng chỉ đành tha tội mà thôi.

Thành phố nơi ta nương thân lại khác. Gió luẩn quẩn trên tầng mái cổ, ra đến Hồ Gươm thì mới có liễu đón và sóng chào. Mặt hồ xao

động trong lặng lẽ, tóc xanh cây mềm đung đưa như vạt cổ đã thường xanh và gió nghìn đời rong chơi không mệt mỏi làm một đối cực còn cực kia là nồng ấm đôi bàn tay xoắn xuýt vào nhau, đan cài muôn đời không thành tiếng.

Mùa đông Hà Nội, đến một cột đèn cũng thành kỉ niệm đời người, một tiếng rao khuya cũng rền vang tâm tưởng... thoáng qua một nỗi nhớ hanh màu vàng nắng mật ong, thoáng qua một mặt người soi nhẹ lướt lời tình có từ thuở ông Adam và bà Eva trong vườn địa đàng hồi hộp.

Con sông Hồng ngoài kia sau mùa lũ điên cuồng đã uể oải về xuôi có phần mệt mỏi như người đàn bà sau hôm sinh nở, nếu những cơn gió bắc có lồng lên quẩn quại thì bóng cầu Thăng Long, Long Biên, Chương Dương cũng phải mai hay ngày kia mới xuôi được bến Thái Bình, cửa biển, đồng muối Ba Lạt mà mình này ở đây cây rơm đã xuất hiện như cây nấm vàng mơ, hạt thóc đã rì rầm trong bao, trong cọt, người đi lễ chuẩn bị bộ quần áo mới mua nơi chợ huyện, chợ tỉnh còn thơm hương vải thay cho tấm áo đầm mồ hôi đầm muối chang chang 6 tháng trước. Hồ Tây mênh mông, đúng là Dâm Đàm, là mùa sương, là lựa giảng, hồi chuông thu không chẳng đủ sức để vượt qua ngàn con sóng, chỉ có sương cho tiếng gõ mạn thuyền của ngư dân dùng đục trầm buồn, khiến con chếp vàng Hồ Tây ngơ ngẩn, có nên nghe? Chiều xuống nhanh, sương xuống (hay sương lên) còn nhanh hơn nữa, không ai có thể nhìn thấy con gọng vó, con nhện nước nào bung mình, tạo thành chiếc vòng sóng bé tẻo tèo tèo. chỉ có mờ mờ như tấm ảnh thiếu sáng của người nghệ sĩ cố tình làm cho nó nhạt nhòa nói một ý thâm mộng mỉa mắt người xem, rằng mùa đông đã dâng đầy để ai cũng phải khát khao một không khí có ánh đèn trong căn phòng như chiếc tổ chim sức nức hơi ấm của chim mẹ ủ trứng, chim bố gù gù, chim con lích tích...

Có bước chân ai đi trong phố cổ, giữa hai bên phố là nhà cửa đã đóng then cài chỉ có ánh sáng lọt qua khe cửa, nằm chéo mặt đường như sợi chỉ dệt bằng kim tuyến, khiến người ta không nỡ bước qua rồi sống lại, rồi thành chiếc cây đóng rễ để lắng một khúc Dương cầm có câu “ca nhi đối gương ôm sầu riêng bóng” hay “xe chỉ luôn kim...”.

Mùa đông Hà Nội, những triều đại vàng son đã đi qua, con rồng đá sân chơi điện Kính Thiên còn đó, tiếng súng thần công từ pháo đài làng Láng đã vang vào tai nó, Thăng Long không còn là đất “phi chiến địa”, khói lửa đã tới bờ, bao nhiêu cây sấu cây me ngã thân làm

vật chướng ngại cho anh tự vệ nấp mình mà phóng bom ba càng. Và cũng con rồng đá ấy không thể xuống hầm tránh bom B52, nhưng nó là bất tử, nó là hồn Thăng Long, hồn Hà Nội, vượt qua lửa bỏng để hồi sinh. Mùa đông năm 1947 ấy, vườn hoa vô danh gần toà án đã thành một liệt sĩ. Gió vi vút câu hồn trên mái cây long não, mùa đông có vàng chút ít còn hồn người đã thành hồn nước non, chắc về nhận niềm cúi đầu mặc niệm trên đường Bắc Sơn vườn hồng tươi thắm mà mỗi mùa đông, rặng đào hoa sớm lại tỏ mờ nỗi lòng tươi như tương lai. Mùa đông năm 1972 nữa, hơn 250 người hi sinh cùng Khâm Thiên vào đúng 24 giờ sau lễ Thiên Chúa Giáng Sinh, hồi chuông thánh thiện còn chưa tắt hẳn thì tội ác đã hoành hành.

Quá khứ Việt Nam đã có trên bốn nghìn năm. Hà Nội cũng vừa xong 900 mùa đông để mùa đông này mang dáng vóc hoàn toàn riêng biệt. Vẫn là gió mùa đông bắc, vẫn là sương giăng mọi tầng mái cổ, mái kim, vẫn là cần kéo cao cổ áo, trùm kín chiếc khăn quàng để nghe rét lướt luồn qua những đám mây và bầu trời màu sữa loãng, màu bạc lỏng lang thang... ta hoà mình vào với kinh thành ngàn năm và đang lột xác để tân tiến mỗi ngày.

Lễ Thiên Chúa Giáng Sinh đã đến, nhà ai có bữa khuya đầy hoan lạc vị đời, nhà ai còn lặn lội nơi xóm ô, hay ngõ nhỏ đang lo toan cho mùa đông nói rằng con người cần xích lại gần bên nhau cho hơi ấm lan truyền, cho tâm tư giao hoà gắn bó, cho nỗi niềm được đẩy vơi san sẻ cùng nhau. Đã lâu lắm không ai nhìn thấy bóng sâm cầm, nhưng cây bàng phố Quán Thánh, Tràng Thi, cây cơm nguội ở Bồ Hồ và Lý Thường Kiệt thì vẫn báo tin bằng lá đỏ, và món ốc nóng quà đêm, mà cửa hàng khăn áp phố Triệu Việt Vương, Mai Hắc Đế cứ giăng mắc chờ được về với mọi hình hài.

Người bạn phía trời Nam chắc đang nhớ về gió liễu và sương hồ Hà Nội, nhớ một ấm trà thơm quây quần trên sàn nhà dãi chiếu thảm cói đơn sơ, không cần đến những chiếc ghế tân kì to đùng, cũng chẳng có những ổ rơm êm như nhung, dùng đưa con tàu lướt sóng. Mùa đông Hà Nội là tình nhau trao đổi chứ không cần yến tiệc mới say nhau. Người con gái ấy vừa lấy chồng, mùa đông này không nữa của tình ta. Người thiếu phụ ấy phải sang ngang lần nữa, người nhìn ta mà có một bầu trời sương mờ mù mịt ẩn chứa vào lời. Giá ta thành con sếu theo đàn về phương Nam nắng ấm, ta mang người theo, tìm cho người tổ

mới có nắng ngọt lành, vượt qua nỗi đông bắc tái tê. Mùa đông cứ thức lên hoài niệm... nhưng dù sao mùa đông này cũng vừa khép lại một nỗi niềm để mở ra một trang kì ảo mới: Thiên niên kỉ mới. Con người sẽ vượt qua được nhiều nỗi bi thương bước vào xuân hàm tiếu hoa đào. Gió mặc gió. Ta đi qua gió để tới mùa ấm áp. Và ta xếp mùa đông lại như xếp từng lá thư tình một thuở chẳng thể mờ phai, còn bây giờ ta đi đến với muôn lòng đón đợi tiếng tri âm từ xung quanh toả ra và từ phương trời xa tít gửi về... và ta xin nói với người: Mùa đông Hà Nội là của riêng ta và cũng của cả người đấy, tình ơi.

BÀI SỐ 18: Cảm xúc vui buồn tuổi thơ.

Dàn bài

1. Mở bài

- Được dịp về quê chơi, tôi bỗng nhớ về những kỉ niệm ngày nào thuở ấu thơ của mình.

2. Thân bài

- Hồi tưởng lại về những kỉ niệm tuổi thơ có biết bao là kỉ niệm vui buồn lẫn lộn.

a. Kỉ niệm vui

- Khi bé, chúng tôi rất thích chơi một trò chơi dân gian đó là trò “Banh dũa”.

- Nếu ai chơi thua thì sẽ được dùng dũa để “nê” chân người thua.

- Lần đó, tôi chơi chung với nhóm bạn trong đó có một đứa mà tôi ghét nhất.

- Tôi cố gắng chơi thật tốt, và cuối cùng tôi đã chiến thắng.

- Khi nê đến lượt tên đáng ghét đó, chắc tại cái tính hăn giống công tử bột nên khi quăng trái banh lên cao chuẩn bị lấy dũa để nê, tôi la lớn, thế là hăn khóc một trận ngon lành mặc dù tôi chưa kịp nê hăn.

- Giờ nghĩ lại kỉ niệm hồi 9 tuổi ấy, thật dễ thương làm sao!

b. Kỉ niệm buồn

- Thuở nhỏ, ai mà chẳng có một người bạn thân thương để sẻ chia những tâm sự vui buồn.

- Tôi cũng có một người bạn rất thân thiết.

- Thế nhưng, năm đó, người bạn này phải chuyển nhà sang chỗ mới nên tôi và bạn hẹn gặp nhau ra ngoài cây cầu kỉ niệm thuộc.

- Gặp bạn, trong lòng tôi chất chứa biết bao cảm xúc.

- Trước khi gặp bạn buổi cuối cùng này, tôi đã làm một con rô-bốt bằng hộp thuốc lá rất dễ thương để tặng bạn làm kỉ niệm.

- Còn bạn thì tặng tôi một cây viết máy rất đẹp.

- Tối giờ bạn đi, mắt tôi ngân ngấn nước mắt.

- Và đến tận bây giờ, tôi đã mất liên lạc với người bạn này.

c. Cảm nhân về tuổi thơ

- Tuổi thơ là giai đoạn hồn nhiên, vô tư của một con người. Chúng ta cần nên trân trọng điều đó.

- Và những kỉ niệm tuổi thơ của chúng ta sẽ là hành trang cùng ta trên bước đường sau này.

- Dù đó là kỉ niệm vui hay kỉ niệm buồn thì đó đều là những kỉ niệm rất đẹp.

3. Kết bài

- Mỗi lần nghĩ tới tuổi thơ lòng tôi chợt bồi hồi, xao xuyến.

- Tôi hứa sẽ mãi ghi sâu trong lòng những kí ức tuyệt đẹp một thời tuổi thơ của mình.

Bài làm 1

Đã bao lâu rồi, tôi chưa được về thăm ngoại của mình. Kể từ khi tôi bắt đầu vào năm học mới thì không khi nào tôi rảnh. Tôi thật vui là đã được trở lại quê hương này. Đứng trước dòng sông hiền hòa, nhìn những bé nhỏ đang bơi lội hồn nhiên dưới dòng sông ấy, lòng tôi lại cảm thấy nao nao.

Tôi đi quanh làng xóm thấy mọi thứ đã thay đổi. Từ những ngôi nhà lá đơn sơ, giờ đây đã trở thành những căn nhà cao tầng. Tôi nhớ nơi này biết bao. Bụi tre ngày ấy với những kỉ niệm thân thương gắn bó với lũ trẻ chúng tôi bởi vì hồi đó chúng tôi thường hay ra gốc tre này để chơi trốn tìm. Dòng sông đầu làng là kỉ niệm tôi nhớ nhất. Tôi và lũ bạn thường ngồi ở bờ sông để té nước. Cảm giác ấy thật tuyệt. Nó mát rượi. Tâm hồn tôi cũng dâng lên theo dòng sông thương yêu ấy. Nhìn tiếp xung quanh tôi thấy một ngôi trường mầm non nhỏ nhỏ. Tôi bỗng nhớ đến ngày trước mình ngày đầu tiên tới lớp. Lần đầu tiên đi học tôi cũng khóc nhè như bao bạn khác. Nhưng khi được cô dẫn dắt chúng tôi vào lớp thì cái cảm giác sợ sệt kia đã không còn nữa. Nghĩ tới thời điểm hiện tại, ngày mà tôi về thăm ngoại lại rơi trúng vào ngày trung thu. Tôi chơi trung thu với các bạn rất vui. Có điều là anh chị em tôi thường mua nhiều đèn cầy để làm thành hình trái tim lớn. Quay quần bên hình trái tim đó, tôi bỗng cảm thấy ấm áp làm

sao! Chúng tôi cùng nhau hát vang bài hát “Tết Trung thu”, cùng đốt đèn rước trăng, những ngọn nến sáng bừng cả xóm làng. Nhớ tới những kỉ niệm tuổi ấu thơ ấy sao nước mắt tôi muốn trào ra.

Đi hết cả làng, tôi thấy nơi đây dường như đã khác đi nhiều nhưng những kỉ niệm thì không bao giờ khác được. Kỉ niệm buồn, vui đều làm tôi nghẹn ngào. Có một lần tôi tập chạy xe đạp gần bên một con sông. Xém chút nữa khi tập chạy, tôi bay ra con sông luôn rồi. May mắn lúc đó là có anh Tâm, con trai chú Hai kịp thời kéo chiếc xe lại. Mỗi khi nhắc tới nó, tôi lại cười một mình. Những trò chơi dân gian luôn là những thú vui dân dã mà lũ trẻ chúng tôi hay nghĩ đến. Những trò như câu cá, dung dăng dung dẻ, bắt bướm, đánh đáo, ô ăn quan,... vẫn luôn đọng lại trong tim tôi.

Cũng đã lâu rồi tôi không liên lạc với Hân, người bạn chí cốt tâm giao của tôi. Tôi nhớ rằng có một lần chúng tôi tổ chức sinh nhật bất ngờ cho Hân. Nhà bạn ấy nghèo lắm, mấy đứa tôi thấy vậy nên mua bánh kẹo tới nhà nó chúc mừng. Hân đã rất bất ngờ và vui mừng vì điều đó. Nhìn thấy bạn hạnh phúc, trong lòng tôi và các bạn cũng cảm thấy vui lây.

Bao nhiêu kỉ niệm tuổi thơ tôi sẽ mãi mãi ghi nhớ. Tôi luôn nguyện trong lòng sẽ trân trọng và gìn giữ nó trong kí ức của mình.

Bài làm 2

Từ lâu lắm rồi, tôi mới có dịp quay lại quê hương của mình. Khung cảnh đã ít nhiều có sự thay đổi. Nào là cánh cò bay lả, những đồng lúa chín vàng, chị gió thổi làm những bụi cỏ xanh mướt ngả nghiêng... Những điều đó, khiến cho tôi nhớ về những kỉ ức tuổi thơ của mình.

Ôi! Tôi còn nhớ ngày nào ông bà còn sống trong một túp lều đơn sơ và một chuồng heo. Những khóm mía đầu làng còn tranh nhau phát triển. Ông tôi ngày ngày ra ruộng cấy cày kiếm ăn cho gia đình. Bà tôi còn có một công việc khác đó là chăm sóc cho những chú lợn con, những chú lợn mẹ, phải chăm bẵm chúng thật kĩ lưỡng, cực khổ muôn bề. Còn chú tôi thì làm vườn hoa. Ôi chao biết bao loài hoa! Nào là hoa hồng, hoa huệ, hoa mai,... tỏa hương thơm phức khắp nơi quyến rũ bao ong bướm bay đến lấy mật. Những loài hoa ấy luôn khoe sắc thắm dưới ánh nắng dịu nhẹ, tuyệt vời. Nhưng giờ đây những cảnh ấy không còn nữa. Ông thì đã mất cùng với những khóm mía. Chuồng heo cũng không còn nữa vì đã vắng bóng người chăm sóc. Bà cũng đã qua đời vài năm sau đó. Chú tôi thì đi công tác nước ngoài. Nhìn vườn hoa trơ trụi, lòng tôi sao mà xót xa!

Tôi tiếp tục đi đến ngôi trường tiểu học cũ năm xưa của mình. Ngôi trường đã đổ nát, nghe nói trường đã được chuyển đến một nơi khác. Nơi có một ngôi trường khang trang hơn, đầy đủ hơn. Đứng tại nơi này, lòng tôi chột ủa về bao kí ức ngày ấy mà bồi ngùi xúc động. Không biết thằng Phúc giờ đây ra sao? Cái Thanh có còn sống ở nơi làng quê này nữa hay không, hay là đã chuyển đi nơi khác?... Nhắc đến Phúc và lũ bạn thân, tôi lại nhớ đến cuộc hẹn đi chơi của chúng tôi. Mùa hè thì chắc chắn tiếng học trò luôn rộn vang khắp xóm làng. Hoa phượng cũng đã thay một lớp áo mới - một lớp áo màu đỏ rực trên nền trời xanh thắm. Trông thật tuyệt đẹp làm sao? Vậy mà cuộc hẹn này, trời mưa tầm tã. Cả nhóm cảm thấy thật mất hứng và hẹn vào một dịp khác. Riêng tôi thì thấy thật buồn, thế rồi tôi rủ chúng tắm mưa. Chúng tôi đá bóng trong mưa với bao sự hào hứng, sôi nổi. Ôi! Kỉ niệm ngày ấy sao thật tuyệt vời.

Nhắc về những kỉ niệm tuổi ấu thơ, tôi còn vô vàn. Nhưng dù sao đi chăng nữa đó cũng chỉ là những kỉ niệm đã qua. Và tôi luôn nghĩ rằng những kỉ niệm đã qua thì luôn luôn là những điều tuyệt vời và đáng trân trọng.

BÀI SỐ 19: Cảm nghĩ về ngôi nhà thân yêu của em.

Dàn bài

1. Mở bài

- Nhà không chỉ đơn giản là bốn bức tường với một mái hiên mà là nơi có sự yêu thương, hạnh phúc mỗi khi ta nghĩ về nó.
- Là nơi đầu tiên ta nhớ đến khi ta mệt mỏi, đau khổ vì nơi đó có sự bình yên, có gia đình của riêng ta.

2. Thân bài

- Nhà tôi không to lắm, là một căn hộ chung cư nhỏ bé nhưng nó vừa đủ cho gia đình tôi bốn người ở.
- Phòng khách nhà tôi khá là đơn giản, chỉ có một chiếc ghế sofa màu đỏ, hai chiếc ghế đẩu, một cái bàn cà phê, một cái tủ và phía trên thì để chiếc ti vi, nhìn ra một chút là gian bếp và phòng tắm.
- Trong căn nhà bé nhỏ ấy có một phòng ngủ.
- Phòng tôi có chiếc giường nhỏ xinh xắn, thân yêu, nơi mà tôi nghỉ ngơi khi mệt mỏi.
- Một chiếc bàn nho nhỏ ở góc phòng nơi tôi chăm chỉ học tập.
- Một tủ quần áo chứa những bộ quần áo tuyệt vời của tôi.

- Ngôi nhà thân yêu của tôi chỉ có thể nhưng chứa chan bao tình cảm gia đình thiêng liêng.

- Ngôi nhà luôn là nơi mà chúng ta có sự gắn kết yêu thương, tình cảm của gia đình.

- Ở nơi này, thứ tình cảm thiêng liêng đó như được vun đắp nhiều hơn, gắn bó thân thiết hơn.

- Tôi thấy mình thật hạnh phúc khi được ở cùng gia đình trong một ngôi nhà xinh xắn.

3. Kết bài

- Cuộc sống của gia đình tôi thật tuyệt vời khi chúng tôi yêu thương, gắn bó với nhau trong ngôi nhà này.

- Tôi hứa rằng sẽ luôn chăm sóc cho ngôi nhà luôn đẹp, sạch sẽ để nó mãi mãi là nơi hạnh phúc nhất của gia đình.

Bài làm

Trong ý thức của mỗi con người đều có một nơi gọi là nhà. Nhà không chỉ đơn giản là bốn bức tường với một mái hiên mà là nơi có sự yêu thương, hạnh phúc mỗi khi ta nghĩ về nó. Là nơi đầu tiên ta nhớ đến khi ta mệt mỏi, đau khổ vì nơi đó có sự bình yên, có gia đình của riêng ta.

Mỗi khi về đến nhà, cảm giác đầu tiên là an toàn, rồi sau đó, trong vô thức, tôi nghĩ: “Cuối cùng, đây vẫn là nơi mà tôi có thể cảm nhận được rõ ràng sự bình yên là gì”. Một cảm xúc kì lạ dâng lên trong lòng tôi. Sao tôi cảm thấy hạnh phúc quá đi mất.

Nhà tôi không to lắm, là một căn hộ chung cư nhỏ bé nhưng nó vừa đủ cho gia đình tôi bốn người ở. Phòng khách nhà tôi khá là đơn giản, chỉ có một chiếc ghế sofa màu đỏ, hai chiếc ghế đẩu, một cái bàn cà phê, một cái tủ và phía trên thì để chiếc ti vi, nhìn ra một chút là gian bếp và phòng tắm. Nhưng nơi mà tôi có thể có những phút giây riêng tư, vô lo, vô nghĩ chỉ có thể là phòng ngủ của tôi thôi. Phòng tôi có chiếc giường nhỏ xinh xắn, thân yêu, nơi mà tôi nghỉ ngơi khi mệt mỏi. Một chiếc bàn nhỏ ở góc phòng nơi tôi chăm chỉ học tập. Một tủ quần áo chứa những bộ quần áo tuyệt vời của tôi. Ngôi nhà thân yêu của tôi chỉ có thể nhưng chứa chan bao tình cảm gia đình thiêng liêng.

Có lẽ ngôi nhà này thật sự là hình ảnh sẽ theo mãi tôi suốt cuộc đời này vì những điều tuyệt vời mà nó mang lại cho tôi. Yêu lắm ngôi nhà thân thương ơi!

PHẦN 1B. BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

BÀI SỐ 20: Cảm nghĩ của em về bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

Bài làm

Năm 1076, vua nhà Tống sai tướng Quách Quỳ đem đại binh sang xâm lược nước ta. Lý Thường Kiệt lập chiến tuyến Sông Cầu - Như Nguyệt để chống giặc. Trong cuộc chiến đấu dữ dội và ác liệt, Lý Thường Kiệt đã viết bài thơ *Nam quốc sơn hà* để khích lệ và động viên tướng sĩ quyết chiến quyết thắng giặc Tống xâm lược.

Bài thơ được viết bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Giọng thơ đanh thép hùng hồn. Đây là bài thơ dịch:

Núi sông nước Nam vua Nam ở

Vằng vặc sách trời chia xứ sở

Giặc dữ có sao phạm đến đây?

Chúng mày nhất định phải tan vỡ.

Bài thơ đã khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Đại Việt, căm thù, lên án hành động xâm lược của giặc Tống, thể hiện tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta.

Hai câu thơ đầu tuyên bố về chủ quyền của Đại Việt:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Tác giả khẳng định núi sông nước Nam là đất nước ta, bờ cõi của ta, một nước có chủ quyền do Nam đế trị vì. Phương Bắc có Bắc đế thì phương Nam cũng có Nam đế. Hai chữ “Nam đế” biểu hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Nam đế tượng trưng cho quyền lực và quyền lợi của nhân dân ta, một dân tộc có nền văn hiến rực rỡ, lâu đời, một quốc gia có nền độc lập bền vững. Đó là sự thật lịch sử hiển nhiên. Không những thế, cương giới của Đại Việt, lãnh thổ, biên cương của Đại Việt đã được ghi rành rành trên sách trời. Hai chữ “*thiên thư*” (sách trời) biểu thị một niềm tin thiêng liêng về núi sông nước Nam, về chủ quyền bất khả xâm phạm của Đại Việt:

Núi sông nước Nam vua Nam ở

Vằng vặc sách trời chia xứ sở

Câu thơ thứ ba căm thù lên án giặc Tống xâm lược:

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

(Giặc dữ có sao phạm đến đây?)

Hai chữ “có sao” (như hà) là tiếng để hỏi, cũng là kết tội Quách Quỳ đem quân sang xâm lược nước ta, giết người, cướp của, âm mưu

biến Đại Việt thành quận huyện của thiên triều. Hành động ăn cướp của lũ giặc dữ man rợ là phi nghĩa, là làm trái “sách trời”. Giọng thơ vừa căm thù vừa khinh bỉ. Một lối nói hàm súc danh thép.

Câu cuối bài thơ sáng ngời một niềm tin. Quân giặc phi nghĩa nhất định thất bại nhục nhã. Quân và dân ta có sức mạnh chính nghĩa, có tinh thần quyết chiến bảo vệ sông núi nước Nam nhất định chiến thắng:

*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư
(Chúng mày nhất định phải tan vỡ).*

Ba chữ “*thủ bại hư*” (chước lấy thất bại) đặt cuối bài thơ đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, danh thép và hùng hồn. Chiến thắng Sông Cầu – Như Nguyệt năm 1076 là sự minh chứng hùng hồn câu kết bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Quách Quỳ và lũ tướng tá thiên triều phải tháo chạy, hàng vạn giặc phơi xác trên chiến trường. Sông Cầu - Như Nguyệt đã đi vào lịch sử dân tộc bằng chiến công chói lọi.

Nam quốc sơn hà là khúc tráng ca anh hùng. Nó cho thấy tài thao lược của Lý Thường Kiệt đã dùng thơ *Thần* để đánh giặc. *Nam quốc sơn hà* mang ý nghĩa lịch sử như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của Đại Việt. Tình cảm yêu nước và niềm tự hào dân tộc từ bài thơ đã thấm sâu vào tâm hồn mỗi chúng ta.

BÀI SỐ 21: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

Bài làm

Về tác giả và thời điểm ra đời của bài thơ hiện vẫn chưa có một tài liệu nào khẳng định được chính xác. Trước đây có nhiều ý kiến cho bài thơ là của Lý Thường Kiệt. Nhưng trong các thư tịch cổ, bài thơ này được ghi là của thần Trương Hống, Trương Hát, những thuộc tướng của Triệu Quang Phục (thế kỉ VI) hiển linh đọc để giúp Lê Hoàn đánh quân Tống năm 981, có khi được coi là hiện tượng thần âm phù giúp Lý Thường Kiệt phá tan quân Tống vào năm 1076 - nghĩa là cách nhau ngót một thế kỉ.

Đứng trước các nguồn tư liệu như thế, nhiều nhà nghiên cứu đã trực tiếp hoặc gián tiếp phủ nhận tác giả của bài thơ là Lý Thường Kiệt. Hầu như tất cả đều cho bài thơ là bài thơ thần, của thần, tức là của trí thức trong các thế kỉ đấu tranh khẳng định nền độc lập dân tộc viết ra, lưu truyền, sửa chữa rồi đưa đẩy vào các huyền thoại, huyền tích, các thiên u linh, chích quái,... truyền lại cho đời sau.

- Bài thơ được viết theo thể thất ngôn (bảy chữ) tứ tuyệt (bốn câu), một trong hai thể thơ rất phổ biến đời Đường (thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú), được du nhập sang nước ta và cũng trở thành một thể thơ phổ biến của văn học trung đại. Quy định về thanh điệu, vần luật trong thơ thất ngôn tứ tuyệt rất chặt chẽ, tuy nhiên chỉ cần lưu ý sự hiệp vần ở chữ thứ bảy trong các câu 1, 2 và 4 (cũng có khi chỉ cần hiệp vần ở chữ thứ bảy trong câu 2 và 4). Trong bài thơ này, vần “ư” được hiệp ở cả ba câu 1, 2 và 4).

Bài thơ có thể được chia thành hai phần:

Hai câu đầu: Lời khẳng định nước Nam là của người Nam. Điều đó đã được sách trời định sẵn, rõ ràng.

Hai câu sau: Là lời răn đe rất đổng dạc (kẻ thù không được xâm phạm, nếu không thì thế nào cũng phải chuốc lấy bại vong).

Về nội dung:

Nhận dạng thể thơ của bài *Nam quốc sơn hà*:

Số câu: 4.

Số chữ trong câu: 7.

Các hiệp vần: vần “ư” được hiệp ở cả ba câu 1, 2 và 4.

Tuyên ngôn Độc lập là lời tuyên bố về chủ quyền của đất nước và khẳng định không một thế lực nào được phép xâm phạm vào quyền độc lập ấy. Tuyên ngôn Độc lập trong bài thơ *Sông núi nước Nam* thể hiện ở các khía cạnh:

Tác giả khẳng định nước Nam là của người Nam. Đó là điều đã được ghi tại “thiên thư” (sách trời). Tác giả viện đến thiên thư vì ngày xưa người ta vẫn còn coi trời là đáng tối cao. Người Trung Quốc cổ đại tự coi mình là trung tâm của vũ trụ nên vua của họ được gọi là “đế”, các nước chư hầu nhỏ hơn bị họ coi là “vương” (vua của những vùng đất nhỏ). Trong bài thơ này, tác giả đã cố ý dùng từ “Nam đế” (vua nước Nam) để hàm ý sánh ngang với “đế” của nước Trung Hoa rộng lớn.

Ý nghĩa tuyên ngôn còn thể hiện ở lời khẳng định chắc chắn rằng nếu kẻ thù vi phạm vào quyền tự chủ ấy của nước ta thì chúng thế nào cũng sẽ phải chuốc lấy bại vong.

Bài thơ triển khai nội dung biểu ý theo bố cục: ở hai câu thơ đầu, tác giả đã khẳng định một cách tuyệt đối chủ quyền lãnh thổ với một thái độ của một dân tộc luôn trân trọng chính nghĩa. Từ khẳng định chân lí, đến câu thơ cuối, tác giả đã dựa ngay trên cái chân lí ấy mà đưa ra một lời tuyên bố chắc chắn về quyết tâm chống lại những kẻ làm trái những điều chính nghĩa.

Bố cục của bài thơ như thế là chặt chẽ, khiến cho những luận cứ đưa ra đều rất thuyết phục.

Bài thơ tuy chủ yếu thiên về biểu ý song không phải vì thế mà trở thành môn bài luận lí khô khan. Có thể nhận thấy rằng, sau cái tư tưởng độc lập chủ quyền đầy kiên quyết ấy là một cảm xúc mãnh liệt ẩn kín bên trong. Nếu không có tình cảm mãnh liệt thì chắc chắn không thể viết được những câu thơ đầy chí khí như vậy.

Về nghệ thuật:

Nam quốc sơn hà là một bài thơ tứ tuyệt chắc nịch, sáng rõ, không hình ảnh, không hoa văn; cảm xúc trữ tình được dồn nén trong ý tưởng. Qua các cụm từ *tiệt nhiên* (rõ ràng, dứt khoát như thế, không thể khác), *định phận tại thiên thư* (định phận tại sách trời) và *hành khan thủ bại hư* (chắc chắn sẽ nhận lấy thất bại), chúng ta có thể nhận thấy cảm hứng triết luận của bài thơ đã được thể hiện bằng một giọng điệu hào sảng, danh thép, đầy uy lực.

Tóm lại, *Sông núi nước Nam* là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước, đồng thời nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Bài thơ khơi gợi niềm tự hào, tự tôn dân tộc trong mỗi chúng ta.

BÀI SỐ 22: Suy nghĩ về bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

Bài làm

Bài thơ *Nam quốc sơn hà* được coi là bản tuyên ngôn Độc lập của dân tộc ta cách đây hơn một nghìn năm. Bài thơ chữ Hán này được viết bằng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (Thể thơ này có 4 câu, mỗi câu 7 chữ. Trong mỗi câu chữ thứ hai và thứ sáu phải khác thanh với chữ thứ tư. Chữ thứ tư là cái tâm đối xứng (theo luật đòn cân thanh điệu): B(2) T(4) B(6) hoặc T(2) B(4) T(6)). Đây là văn bản biểu ý. Bố cục của bài thơ rất rõ ràng. Mở đầu, tác giả đưa ra một tuyên bố rất dứt khoát:

Sông núi nước Nam vua Nam ở,

Giới phận đó đã được định rõ ràng ở sách trời.

Hai câu thơ vang lên sang sảng thể hiện sự tự hào, tự tôn dân tộc. Bởi ta có núi, có sông làm thành một Nam quốc (nước Nam), có đế (vua) và đặc biệt là giới phận đã rõ ràng, không phụ thuộc vào bất cứ nước nào. Có thể nói hai câu đầu là một lời tuyên ngôn về độc lập, chủ quyền của nước ta. Trước họa xâm lăng của quân thù, niềm tin vào độc lập, chủ quyền vừa tiếp thêm sức mạnh cho quân sĩ vừa thổi bùng lên

ngọn lửa yêu nước nồng nàn, lòng căm thù sâu sắc quân xâm lược. Tiếp đó, tác giả luận bàn đến sự phi nghĩa bạo ngược của giặc ngoại xâm: *Cớ sao mà kẻ thù lại dám đến xâm phạm*. Xâm phạm tới “Nam quốc”, âm mưu biến Đại Việt thành quận huyện của Trung Quốc là làm trái với sách trời. Quân dân Đại Việt sẽ thay trời trị giặc. Từ đó tác giả khẳng định: *Chúng mày sẽ xem sự thất bại (mà chúng mày) phải nhận lấy*. Câu thơ khẳng định niềm tin chiến thắng. Chiến thắng bởi ta có chính nghĩa, chiến thắng bởi hành động của quân giặc là phi nghĩa, là trái với đạo trời.

Bố cục của bài thơ rõ ràng mạch lạc. Cách lập luận của bài thơ thuyết phục người đọc, người nghe từ đầu đến cuối: Nước Nam là một nước có chủ quyền, chủ quyền ấy là lẽ tự nhiên của trời đất. Chính vì thế, những kẻ làm trái đạo trời đi ngược lẽ phải tất sẽ thất bại.

Bài thơ sử dụng từ ngữ xác đáng. Các từ *đế, cư, tiết nhiên, thiên thư, thủ bại* đã góp phần khẳng định chân lí thiêng liêng cao cả: Nước Việt Nam là của người Việt Nam, nước Việt Nam là một nước độc lập.

BÀI SỐ 23: Suy nghĩ về bài thơ *Phò giá về kinh (Tụng giá hoàn kinh sư)* của Trần Quang Khải.

Bài làm

Đây là bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt của Thượng tướng Trần Quang Khải, con thứ ba của vua Trần Thái Tông. Ông làm bài thơ này lúc đón hai vua Trần về Thăng Long, sau cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thắng lợi. Hai câu đầu tác giả ca ngợi những chiến công hiển hách và liên tục có ý nghĩa quyết định với cuộc kháng chiến của quân dân ta:

*Đoạt sóc Chương Dương độ,
Cầm Hồ Hàm Tử quan.
(Cướp giáo giặc ở bến Chương Dương,
Bắt quân Hồ ở cửa Hàm Tử).*

Chủ ngữ ở cả hai câu thơ được lược bớt, do vậy đọc hai câu thơ đầu ta cảm giác được nhịp độ diễn tiến của chiến trận dồn dập, sôi động mà quyết liệt bởi nhịp thơ nhanh, gấp, ngôn ngữ hàm súc, rắn rỏi. Các động từ *cướp, bắt* được đặt ở đầu câu và chuyển trực tiếp đến đối tượng (cướp giáo, bắt quân Hồ). Hai câu thơ sang sảng toát lên bao niềm tự hào. Tuy nhiên, tác giả không dừng lâu ở chiến công, không tỏ ra say sưa với chiến thắng. Trái lại, ý thức cảnh giác với kẻ thù xâm lược, ý thức xây dựng đất nước hùng mạnh về mọi mặt càng được nâng cao:

Thái bình tu trí lực.

(Thái bình rồi nên dốc hết sức lực).

Câu thơ như lắng lại ở hai chữ *thái bình* và tiếp đó là một nhiệm vụ, một hành động sáng suốt: *tu trí lực* (nên dốc hết sức lực). Chính lòng tự hào về những chiến công hiển hách trong thời chiến và ý thức xây dựng đất nước trong thời bình được thể hiện trong ba câu thơ đầu là sự khẳng định cho sự trường tồn của đất nước:

Vạn cổ thử giang san

(Muôn đời vẫn có non sông này).

Bài thơ thể hiện tinh thần tự hào bởi những chiến thắng vang dội ở bến Chương Dương và cửa Hàm Tử đem lại thái bình cho đất nước. Đồng thời bài thơ còn thể hiện khát vọng lớn lao của cả dân tộc là xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt để giữ vững non sông gấm vóc ngàn đời.

BÀI SỐ 24: Cảm nhận về bài thơ *Phò giá về kinh* (Tụng giá hoàn kinh sư) của Trần Quang Khải.

Bài làm

Trần Quang Khải (1241-1294) là con trai thứ ba của vua Trần Thái Tông. Ông là vị tướng văn võ song toàn, từng có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên (1281-1285; 1287-1288), được phong Thượng tướng. Không những là một vị tướng tài, dũng cảm, Trần Quang Khải còn là một nhà ngoại giao giỏi thời Trần.

Cuộc đời của Trần Quang Khải là một cuộc đời sung mãn, khí phách dọc ngang nhưng ông còn là một người có tâm hồn khoáng đạt, gần gũi, gần bó với cuộc sống bình dị của đất nước, con người. Tác phẩm của Trần Quang Khải có tập thơ *Lạc đạo*, nhưng đã thất truyền, nay chỉ còn lại dăm bảy bài.

Sau chiến thắng vang dội ở Chương Dương, Hàm Tử, giải phóng kinh đô năm 1285, ông đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về kinh. Khi đó, ông đã tức cảnh làm bài thơ này.

Bài thơ này viết theo thể thơ Ngũ ngôn tứ tuyệt. Các quy định về thanh điệu, vần luật cơ bản giống thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt, chỉ khác về số chữ trong câu (Xem thêm trong bài *Nam quốc sơn hà*).

Bài thơ có thể chia thành hai phần:

Hai câu đầu: Hai chiến thắng hào hùng tượng trưng cho chiến thắng của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược.

Hai câu sau: Lời động viên xây dựng, phát triển đất nước trong hoà bình và niềm tin vào sự bền vững muôn đời của dân tộc.

Nhận dạng thể thơ của bài *Tụng giá hoàn kinh sư*:

Số câu: 4. Số chữ trong câu: 5.

Cách hiệp vần: vần “uan” - “an” được hiệp ở tiếng cuối của hai câu 2 và 4.

Cũng như bài *Sông núi nước Nam*, bài *Phò giá về kinh* thiên về biểu ý:

Hai câu đầu nêu rất vắn tắt chiến thắng lẫy lừng của dân tộc trong cuộc chiến tranh chống quân Mông - Nguyên xâm lược.

Hai câu sau là lời động viên xây dựng, phát triển đất nước trong cảnh thái bình, đồng thời khẳng định sự bền vững muôn đời của đất nước.

Bài thơ có cách nói giản dị, cô đúc. Giọng thơ chắc khoẻ, tràn đầy khí thế và quyết tâm chống giặc ngoại xâm.

Tóm lại, bằng cách nói giản dị, cô đúc của bài thơ này đã nói lên đúng cái không khí sục sôi chiến thắng và cái khát vọng thái bình của nhân dân ta thời đại nhà Trần. Những dòng thơ chắc khoẻ tràn đầy khí thế cũng là bầu nhiệt huyết sục sôi mong được cống hiến hết mình cho đất nước của nhà thơ nói riêng và của mỗi người trong thời đại ấy nói chung.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI SỐ 25: Vài suy nghĩ về bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải.

Tụng giá hoàn kinh sư

Đoạt sóc Chương Dương độ,

Cầm Hồ Hàm Tử quan.

Thái bình tu trí lực

Vạn cổ thủ giang san.

Dịch thơ:

Phò giá về kinh

Chương Dương cướp giáo giặc,

Hàm Tử bại quân thù

Thái bình nên gắng sức.

Non nước ấy ngàn thu.

(Trần Trọng Kim dịch)

Bài làm

Tụng giá hoàn kinh sư như một trang kí sự bằng thơ nóng hổi tính thời sự và đầy ắp sự kiện lịch sử của thời đại nhà Trần. Bài thơ

tứ tuyệt này ghi lại một cách hào hùng hai chiến công vang dội của quân và dân Đại Việt vào xuân – hè năm Ất Dậu (1285): trận Hàm Tử và Chương Dương. Thừa thắng, quân ta tiến lên giải phóng Thăng Long. Trần Quang Khải cùng đoàn quân chiến thắng rước xa giá nhà vua trở lại kinh thành thân yêu.

Bốn câu thơ dồn nén một lượng thông tin rộng lớn, đem đến cho người đọc hơn 700 năm qua nhiều ấn tượng vô cùng kì lạ. Nguyên tác bằng chữ Hán, đây là bản dịch thơ của Trần Trọng Kim:

Chương Dương cướp giáo giặc,

Hàm Tử bại quân thù

Thái bình nên gắng sức.

Non nước ấy ngàn thu.

Tướng Trần Quang Khải văn võ toàn tài, một trong những anh hùng - thi sĩ tài ba lỗi lạc thời nhà Trần. Ông là một trong những anh hùng đem tài thao lược làm nên những chiến công oanh liệt: Chương Dương, Hàm Tử.

Hai câu đầu ghi lại những trận thủy chiến dữ dội nổ ra trên chiến tuyến sông Hồng. Trận Hàm Tử diễn ra vào tháng 4-1285, tướng Trần Nhật Duật chém đầu Toa Đô. Hai tháng sau, Trần Quang Khải đại phá giặc Nguyên Mông tại Chương Dương độ. Hàng vạn giặc bị tiêu diệt, bị bắt làm tù binh. Quân ta chiếm được nhiều chiến thuyền, vũ khí và lương thảo của quân giặc phương Bắc.

Nhà thơ đã sử dụng thủ pháp liệt kê và phép đối, làm nổi bật hai sự kiện lịch sử mang tầm chiến lược đã diễn ra tại bến đò và quan ải trọng yếu trên phòng tuyến sông Hồng. Việc sau (Chương Dương) nói trước, việc trước (Hàm Tử) kể sau, nói ít mà gợi nhiều, sức rung cảm của văn thơ rất kì diệu:

Đoạt sáo Chương Dương độ,

Cầm Hồ Hàm Tử quan.

Hai cụm từ “đoạt sáo” (cướp giáo) và “cầm Hồ” (bắt giặc) được đặt ở vị trí đầu câu thơ, như một trọng âm, một nốt nhấn trong khúc ca khải hoàn, đồng thời gợi tả một cú đánh trời giáng xuống đầu quân xâm lược. Chiến công nối tiếp chiến công, quân ta đánh thắng giòn giã. Niềm vui thắng trận tràn ngập lòng người và sông núi Đại Việt. Từ nhà vua đến tướng sĩ, từ vương hầu đến người dân, ai ai cũng hả hê, sung sướng.

Cuốn *Kinh thế đại điển tự lục* đời Nguyên đã ghi nhận: Thủy lục đến đánh vào đại doanh, vây thành mấy vòng, tuy chết nhiều, nhưng quân tăng thêm càng trở nên đông. Quan quân (nhà Nguyên) sớm tối

đánh rất khôn ngoan, thiếu thốn, khí giới đều kiệt. (Trích *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông*).

Hai chiến công Chương Dương độ và Hàm Tử quan đã làm thay đổi cục diện chiến trường, quân ta từ rút lui chiến lược đã tiến lên phản công như vũ bão. Mỗi ngày dào, 50 vạn quân do Thoát Hoan cầm đầu tràn sang như sóng dữ ngập tràn bờ cõi Đại Việt. Khói lửa ngút trời kinh thành Thăng Long. Giặc từ hai phía kẹp lại như gọng kìm sắt, từ Nam Quan đánh xuống, từ Chiêm Thành đánh ra. Vận nước như ngàn cân treo sợi tóc. Nhưng với tài thao lược của Trần Quốc Tuấn và tướng sĩ, quân ta đã lấy đoản binh chế trường trận của quân xâm lược "*thiên triều*". Trận Chương Dương, Hàm Tử đại thắng làm thế cờ đảo ngược. Quân ta đánh thắng giòn giã, giáng sấm sét xuống đầu quân giặc phương Bắc. Kinh thành Thăng Long được hoàn toàn giải phóng. Quân xâm lược bị quét sạch ra khỏi đất nước ta. Đó là những ngày tháng vinh quang của dân tộc. Mùa hè năm ất Dậu (1285) là mùa hè mà niềm vui chiến thắng trào dâng sông núi. Câu thơ của Trần Quang Khải như một trang kí sự chân thực, hào hùng, biểu lộ niềm tự hào của một dân tộc thắng trận. Cảm hứng yêu nước dào dạt trong những vần thơ hùng tráng mang phong vị anh hùng ca, tạo nên một nét rất đẹp của bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư*.

Máu xương của ba quân, lòng quả cảm của người chiến binh, tài thao lược của tướng soái... đã góp phần làm nên chiến công Chương Dương, Hàm Tử oanh liệt. Phải là người trong cuộc, phải là nhà thơ tài hoa, Trần Quang Khải mới viết được những câu thơ hùng tráng như vậy! Tác giả *Tụng giá hoàn kinh sư* là một trong những thi sĩ đầu tiên của Đại Việt đem địa danh sông núi thân yêu in đậm vào lịch sử và nền thơ ca dân tộc như một dấu son chói lọi: Chương Dương và Hàm Tử. Ta đã biết tính hàm súc là một trong những tính chất làm nên vẻ đẹp văn chương của thơ ca đích thực. Chỉ hai câu thơ, thi sĩ đã gọi ra bao ý nghĩ, bao liên tưởng, bao cảm xúc, ý vị sâu xa về lịch sử và truyền thống anh hùng chống xâm lăng của dân tộc ta.

Từ trong khói lửa chiến tranh, từ trong đồng tro tàn của đất nước, nhà thơ nghĩ về đất nước trong ngày mai thanh bình. Phần hai của bài thơ nói lên những suy nghĩ của Trần Quang Khải về giang sơn Tổ quốc, về tiền đồ của dân tộc. Giọng thơ trở nên sâu lắng, thâm trầm như một lời tâm tình, nhắn gửi:

*Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.*

Nhà thơ tự nói với mình, tự nhắc nhở mình về nhiệm vụ trước mắt cũng là nhiệm vụ lâu dài: “*Thái bình tu trí lực*”. Giặc ngoại xâm đã bị quét sạch, đất nước được thái bình, các quý tộc, các vương hầu phải “*tu trí lực*”, nghĩa là nên gắng sức đem tài trí, đem sức người, sức của ra xây dựng lại đất nước. Đó cũng là điều tâm huyết mà nhà thơ muốn nhắc nhở mọi người. Lời thơ cho thấy nhãn quan sáng suốt, tầm chiến lược sâu xa của Trần Quang Khải, cho thấy tầng lớp quý tộc nhà Trần là lực lượng tiến bộ nhất trong xu thế đi lên của lịch sử dân tộc đang nắm quyền lãnh đạo đất nước Đại Việt.

Vì sự vững bền của giang sơn đến muôn đời mà “*tu trí lực*”. Lời thơ bình dị, nhưng ý tưởng chứa đựng bên trong, cái ý nhắc nhở của nhà thơ thì không chút tầm thường và đơn giản. Câu thơ hàm chứa một tư tưởng vĩ đại. Khi Tổ quốc Đại Việt đứng trước họa xâm lăng của Hốt Tất Liệt thì “*vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức*” (Trần Quốc Tuấn). Trong hòa bình, từ vua tôi đến tướng sĩ, từ vương hầu đến người dân bình thường, ai ai cũng biết “*tu trí lực*”, sống hết mình vì sự bền vững muôn thuở của đất nước thân yêu. Tự hào về quá khứ oanh liệt của ông cha, mọi người phải nghĩ về tương lai của đất nước, về tiền đồ của dân tộc, để sống và lao động sáng tạo sao cho thật có ích, có nhiều ý nghĩa:

*Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.*

Tóm lại, bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư* là một kiệt tác trong nền thơ văn cổ Việt Nam. Ý thơ hàm súc, ngôn ngữ thơ bình dị mà sâu sắc. Bài thơ có giá trị lịch sử như một tượng đài chiến công tráng lệ, nó làm ta sống lại những năm tháng kháng chiến hào hùng đánh thắng giặc Nguyên Mông. Nó nhắc nhở mỗi con người Việt Nam phải biết nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong bảo vệ và xây dựng đất nước thanh bình, đẹp tươi, bền vững muôn đời. Trên hành trình đi tới thế kỉ XXI của nhân dân ta, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh,... bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải vẫn mang tính thời sự thiết thực đối với mỗi chúng ta. Tâm thức của thi sĩ - anh hùng vẫn như ánh sao chiếu sáng bầu trời quê hương.

BÀI SỐ 26: Hiểu và nghĩ về bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải.

Bài làm

Thượng tướng Trần Quang Khải là anh hùng - thi sĩ lỗi lạc của đời Trần. Ông lập được nhiều chiến công hiển hách trong cuộc kháng

chiến lần thứ 2 (1285) và lần thứ 3 (1288) đánh thắng giặc Nguyên Mông. Ông là tác giả tập thơ *Lạc đạo* bằng chữ Hán, hiện chỉ còn lại 11 bài.

Mùa hè năm 1285, quân ta đánh thắng giặc trên phòng tuyến sông Hồng, Thoát Hoan đại bại, thành Thăng Long được giải phóng. Trên đường cùng đại quân rước xa giá vua trở lại kinh thành, Trần Quang Khải viết bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt *Tụng giá hoàn kinh sư* này. Đây bài thơ dịch:

*Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bại quân thù
Thái bình nên gắng sức.
Non nước ấy ngàn thu.*

Hai câu thơ đầu cấu trúc bình đối, nhắc lại hai chiến công liên tiếp vang dội của quân ta: trận Hàm Tử quan và trận Chương Dương độ. Hàng vạn giặc bị bắt sống và bị giết. Ô Mã Nhi thoát chết, chạy trốn ra biển. Toa Đô bị chém cụt đầu. Quân ta chiếm được nhiều chiến thuyền, khí giới và lương thảo của giặc. Hai cụm từ “*đoạt sáo*” và “*cầm Hồ*” (Hồ là thuật ngữ nhằm gọi những dân tộc hung hãn, man rợ, chưa được khai hóa ở phía bắc, nó mang nghĩa âm tính rất mạnh) đứng đầu câu thơ gợi tả hai cú đánh sấm sét vô cùng mạnh mẽ và liên tiếp giáng xuống đầu quân xâm lược. Lần đầu tiên trong thơ ca dân tộc Trần Quang Khải đã đưa địa danh lịch sử vào thơ để ca ngợi “*hào khí Đông A*”, ca ngợi chí khí anh hùng của Đại Việt. Thượng tướng Trần Quang Khải, tướng quân Trần Nhật Duật đã chỉ huy hai trận đánh lớn này. Câu thơ hàm súc, cảm xúc dồn nén, khí văn hùng tráng mạnh mẽ biểu thị tinh thần “*Sát Thát*” của tướng sĩ và niềm tự hào vô cùng to lớn của nhân dân ta thời Trần:

*Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm Hồ Hàm Tử quan
(Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù).*

Trên đà chiến thắng, quân ta quét sạch giặc Nguyên - Mông ra khỏi kinh thành Thăng Long. Ngày 6 tháng 6 năm Ất Dậu, tức là ngày 9 tháng 7 năm 1285, thượng tướng Trần Quang Khải cùng đoàn quân thắng trận rước xa giá vua Trần trở lại kinh thành trong cảnh hoang tàn đổ nát.

Từ âm điệu anh hùng ca, giọng thơ trở nên tâm tình ở hai câu cuối. Trước đồng tro tàn của quê hương đất nước, một nhiệm vụ mới rất nặng nề được đặt ra cho mọi người:

*Thái bình tu trí lực,
 Vạn cổ thử giang san
 (Thái bình nên gắng sức,
 Non nước ấy ngàn thu).*

Từ vua đến vương hầu, từ tướng sĩ đến toàn dân, ai cũng phải “*tu trí lực*”, đồng lòng gắng sức đem tài năng, công sức, của cải để tái thiết đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh, làm cho giang san ta, đất nước ta được độc lập, thái bình bền vững đến muôn đời, mãi mãi. Nghĩa vụ công dân được đặt ra một cách nghiêm trang, nhẹ nhàng và thấm thía. Câu thơ không có chủ ngữ (chủ ngữ ẩn), nhưng ai cũng cảm thấy mình đang được nhà thơ nhắc đến. Ngòi bút của tác giả rất thâm hậu. Tư tưởng “*tu trí lực*” mà Trần Quang Khải nêu lên từ thế kỉ XIII thế mà hơn 700 năm sau, mỗi công dân Việt Nam vẫn thấy mới mẻ, lay động.

Tụng giá hoàn kinh sư mang ý nghĩa và giá trị lịch sử như một kí sự chiến trường của thời đại anh hùng ba lần đánh thắng giặc Nguyên - Mông, đồng thời nêu lên sự nghiệp tái thiết, phục hưng đất nước. Câu thơ “*Vạn cổ thử giang san*” biểu thị cao độ niềm tin tưởng mãnh liệt vào tiền đồ tươi sáng của đất nước và dân tộc. Hàm súc, anh hùng ca, trữ tình là vẻ đẹp *Tụng giá hoàn kinh sư*, những vần thơ “*sâu xa lí thú*” làm rung động hồn người.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI SỐ 27: Sau khi đọc bài thơ *Phò giá về kinh* của Trần Quang Khải, đã động lại trong em những suy nghĩ và cảm xúc gì?

Bài làm

Trong công cuộc kháng chiến chống giặc Mông - Nguyên xâm lược đời Trần, thượng tướng Trần Quang Khải đã lập được nhiều chiến công to lớn. Sau chiến thắng Hàm Tử, rồi chiến thắng Chương Dương năm 1285, trong ngày vui đất nước được giải phóng, Trần Quang Khải vinh dự đón nhà vua về kinh đô. Trên đường đi ông đã hứng khởi sáng tác bài thơ *Phò giá về kinh*. Bài thơ nguyên văn bằng chữ Hán, theo thể thơ Đường ngũ ngôn tứ tuyệt, toàn bài bốn câu, mỗi câu năm tiếng tuyệt hay. Tác phẩm thuộc loại biểu ý là chính, nhưng đằng sau những ý tưởng lớn lao vẫn dạt dào biết bao cảm xúc sâu lắng. Đây là *khúc khải hoàn đầu tiên* của dân tộc trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Trước thời đại nhà Trần, dân tộc ta từng đã nhiều lần đánh tan bọn giặc ngoại xâm. Nhưng sau những chiến công ấy, chúng ta chưa được đọc, được nghe một tác phẩm văn chương nào viết về chiến

thắng, hoan ca khúc khải hoàn. Do đó, bài thơ *Phò giá về kinh* của vị thượng tướng - thi sĩ không những có tính lịch sử mà còn có giá trị văn chương. Chúng ta hãy đọc nguyên tác bài thơ phiên âm chữ Hán:

*Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm Hồ Hàm Tử quan
Thái bình tu trí lực
Vạn cổ thử giang san.*

Và đọc bản dịch thơ của Trần Trọng Kim:

*Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bại quân thù
Thái bình nên gắng sức.
Non nước ấy ngàn thu.*

Hán Việt, nhưng khá quen thuộc với chúng ta ngày nay, như: *Chương Dương độ, Hàm Tử quan, thái bình, trí lực, vạn cổ, giang san*". Do đó, đọc thơ, chịu khó tìm tòi, suy ngẫm, chúng ta vẫn hiểu được và rung cảm được với ý thơ, hồn thơ của tác giả - người sống cách chúng ta gần một ngàn năm.

Nếu ta gọi bài thơ *Sông núi nước Nam* là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, thì cũng có thể coi *Phò giá về kinh* là khúc khải hoàn ca đầu tiên trong lịch sử chống ngoại xâm và trong lịch sử văn học Việt Nam. Bằng hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng, bài thơ *Phò giá về kinh* đã thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng lớn lao của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần.

BÀI SỐ 28: Cảm nghĩ của em về những đặc sắc của bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư* (Trần Quang Khải).

Bài làm

Vị *Thượng tướng thái sư* cũng không khỏi tự hào, niềm tự hào chính đáng của một người đã dùng tim óc và sự quả cảm cùng với quân dân làm nên chiến thắng.

*Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan*

Rắn đĩnh như lời tổng kết chiến công được chạm khắc vào núi đá. Nhưng đây là lối tổng kết nghệ thuật nên hai câu thơ tạo một sức gợi thật lớn. Hai trận chiến thắng trở nên có thần, trở nên đặc sắc, trở nên mối quan hệ thúc đẩy nhân quả.

"Đoạt sáo" là giật lấy, giành lấy một cách dễ dàng chiếc giáo trong tay địch thủ. Câu thơ gợi về một cuộc hỗn chiến ác liệt trên bến

Chương Dương. Ban đầu dường như cân sức nhưng sau những trận đòn chí mạng, kẻ thù đứng trên trời để quân ta quyết định. Hình ảnh từng chiếc giáo bị tước đoạt gợi cho ta một đám hàng binh đang nhún nhục bất động. Và cái đồng gương giáo, cờ xí, giáp trụ của kẻ thù đang chất đầy thành đồng. Kẻ thù giờ là những bị thối chờ “thần vũ thể long trời mở đường hiếu sinh” mà thôi!

“*Đoạt sáo*” là tư thế hết sức chủ động. Chủ động vì đã chế ngự và làm tê liệt kẻ thù. Chủ động nhưng có cái kiêu hãnh của nhân cách người chính nghĩa, người anh hùng: “*Đoạt sáo*” là rất bình tĩnh đối mặt với kẻ thù, dùng cái tư thế, cái hành động ấy để cho thấy sức mạnh nội lực đủ sức trấn áp chúng.

Chữ “*cướp*” trong bản dịch gợi không khí căng thẳng trong xung trận hơn là cái không khí kết thúc một trận đánh. Chữ “*giặc*” trong bản dịch thơ không có trong nguyên tác. Có lẽ chữ Hồ trong câu hai đã định hướng cho ta cái chữ “*giặc*” mà người dịch muốn làm rõ nghĩa.

Nếu dịch:

*Bến Chương Dương cướp giáo
Cửa Hàm Tử bắt thù*

thì có lẽ sát nguyên văn và vì thế mà rõ hơn cái dụng ý của Trần Quang Khải khi muốn đặt quan hệ kết quả của câu thơ thứ nhất liên quan đến câu thơ thứ hai.

Chiến thắng Chương Dương quân ta đã hoàn toàn chủ động đoạt vũ khí của giặc thì tất yếu ở Hàm Tử quân ta đã đầy đủ thế và lực để bắt sống giặc. Sức mạnh của quân ta đã đánh gục cả sức mạnh vật chất lẫn ý chí của kẻ xâm lược! Từ hàng binh đến việc bắt cầm tù kẻ thù là hai hành động kế cận rất logic.

Trần Quang Khải không nói gọn địa danh như bản dịch thơ mà xác định địa điểm rất cụ thể: “*bến Chương Dương*”, “*cửa Hàm Tử*”. Hình tượng văn học nào cũng yêu cầu rất cao tính cá thể. Tuy nhiên, hai tiếng “*bến*” và “*cửa*” gợi cho ta về hai trận đánh thủy, bộ, hai trận đánh đặc biệt. Quân ta có thể đưa kẻ địch “vào bẫy” của mình và hoàn toàn có thể tác chiến thành công ở mọi tình huống.

Khả năng thao lược của những vị tướng thời Trần rất đáng cho ta khâm phục. Chẳng thế mà lần đầu tiên trong lịch sử quân sự Việt Nam, thời Trần, Hưng Đạo đại vương đã soạn “*Binh thư yếu lược*”. Có lẽ do ảnh hưởng về quan niệm của ngôn ngữ phương Tây cho rằng danh từ riêng chỉ có ý nghĩa duy nhất là định danh nên chúng ta ít khi quan tâm tới bốn tiếng: *Chương Dương* và *Hàm Tử*. Có lẽ cất nghĩa

nó để bổ sung nghĩa cho hai câu thơ sẽ có nhiều điều thú vị. “*Chương Dương*” gọi về sự chói lọi, sáng sủa của một chiến công; “*Hàm Tử*” gọi về cái chết của một đội quân xâm lược.

Cần lưu ý, về mặt lịch sử, trận Hàm Tử diễn ra tháng 4 năm Ất Dậu, trận Chương Dương lại là tháng 6 năm Ất Dậu. Thế nhưng đọc bài thơ ta có cảm giác nhờ có Chương Dương mới có Hàm Tử. Rõ ràng logic của cảm hứng đã lấn át logic thời gian. Có lẽ *Chương Dương* là chiến công vừa xảy ra. Nhờ nó mà Thăng Long được giải phóng. Nhờ nó mà hôm nay đây, Trần Quang Khải đã hộ tống Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và nhà vua Trần Nhân Tông về kinh đô trọng niềm vui chiến thắng. Lịch sử trong tư duy thơ của Trần Quang Khải đã đi theo con đường nghệ thuật đầy ẩn dụ và “ngịch lí”.

Trong những lời văn ngắn gọn có vẻ lạnh lùng của hai câu thơ, ta thấy những cảm xúc rạo rực hân hoan và đầy niềm kiêu hãnh bị nén chặt lại. Dù rất cô đúc nhưng đằng sau hai dòng thơ đầu ta cảm nhận được không khí chiến thắng, thấy hào khí Đông A của quân dân Đại Việt, thấy hình ảnh hiên ngang của Thượng tướng thái sư Trần Quang Khải sau những cuộc dọ sức dọ tài với quân thù.

Niềm vui chiến thắng không khỏi hoàn, bung nở thật trọn vẹn trong tâm và trí vị Thượng tướng thái sư. Với tư cách là một rường cột của quốc gia triều đình, Trần Quang Khải suy tưởng, dự cảm về hiện tại và tương lai dân tộc.

Thông thường trong ngày vui của cả một dân tộc ăn mừng chiến thắng, nếu có ai đó quá lãng mạn nghe được cả tiếng chim chóc nhảy nhót hót chơi trong tóc của mình; thấy được tim mình “bồng hóa mặt trời” để rồi say giấc mơ thần thánh, để rồi:

... Ngã vật trong dòng người cuộn thác

Ôi thiên đường! Tai miền man tiếng nhạc,

(Huế tháng tám - Tố Hữu)

là điều dễ hiểu.

Trần Quang Khải có quyền say mê như thế. Và có thể còn hơn như thế. Bởi vì ông là Tôn thất nhà Trần, là vị tướng quyết định trận Chương Dương. Chỉ riêng được phò xa giá nhà vua về kinh cũng đủ thấy ông có uy tín và được đánh giá công sức lớn đến mức nào. Quả thật, đây là một “công thần” nhưng trong đầu óc chẳng công thần. Vâng, từ “công thần” là người ta muốn nói tới những kẻ cày công, ý thế có chức tước mà tự tung tự tác vì quyền lợi ích kỉ của mình.

Câu thơ cuối xác định một niềm tin chắc nịch về phía tương lai. Đây là niềm tin có cơ sở. Chính hai câu đầu là điều kiện, là nguyên nhân để cho Trần Quang Khải viết hai câu sau. Như vậy có ba cặp quan hệ nhân quả: 1 và 2; câu 2 và 3, rồi hai câu đầu và hai câu sau. Chính cấu trúc nghĩa này đã đông đặc bài thơ trong một niềm cảm hứng vừa mạnh mẽ, hào hứng vừa kết đọng suy tư; vừa nổi hiện tại “*Giang sơn này*” với quá khứ gần của chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử; vừa nổi “*Giang sơn này*” với “*vạn cổ*” xa xưa. Câu thơ cuối:

Giang sơn này như vạn năm xưa

Nổi lịch sử hiện tại với quá khứ để cho ta thấy vững tin nhìn vào nền thái bình muôn đời, muôn thuở. Câu thơ ngoảnh về quá khứ mà nói với tương lai. Đúng là: “Cả quá khứ tương lai soi mình trong hiện tại” (Tố Hữu). Có điều, hiện tại ấy là thời điểm chúng ta tiếp quản Thăng Long, khi mà triều đình nhà Trần đang phấn chấn tiến về thủ đô. Và vua Trần Nhân Tông chuẩn bị hạ hai câu thơ lừng danh:

Xã tắc hai phen chôn ngựa đá .

Non sông nghìn thuở vững âu vàng

Trần Quang Khải đã nghĩ tới “*giang sơn*”, tới trăm họ trước khi nghĩ về xã tắc tông miếu!

download.sachmienphi.com

BÀI SỐ 29: Vài suy nghĩ của em về bài thơ *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* (*Thiên Trường vãn vọng*) của Trần Nhân Tông.

Bài làm

Đây là bài thơ tả cảnh ở phủ Thiên Trường - quê của Trần Nhân Tông. Bài thơ được làm theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Câu đầu tác giả giới thiệu quang cảnh chung của miền quê Thiên Trường: *Sau thôn trước thôn đều mờ mờ như khói phủ*. Quang cảnh buổi chiều được hiện lên rõ nét hơn ở câu tiếp theo. Đó là cảnh vật lúc ẩn lúc hiện dưới ánh chiều tà mang màu sắc của chốn bồng lai tiên cảnh: *Bên bóng chiều (cảnh vật) nửa hư nửa thực*.

Đến hai câu thơ sau đã có sự xao động trong cảnh vật:

Mục đồng sáo vắng trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

Cách nơi nhà vua đứng không xa, mấy chú bé chăn trâu đang lùa trâu về làng, vừa ngồi trên lưng trâu vừa thổi sáo. Tiếng sáo vi vu, văng vẳng cất lên làm xao động lòng người. Xa xa, trên cánh đồng lúa, mấy cánh cò trắng đang từng đôi một đang sà xuống như muốn tìm mồi hay định nghỉ ngơi! Người, vật, đồng ruộng, âm thanh,... tất cả đã

hòa nhập với nhau để vẽ nên bức tranh quê hương thanh bình, êm vắng và thật có hồn.

Qua bức tranh được miêu tả, có thể nhận thấy cảnh tượng nhìn từ phủ Thiên Trường thật nên thơ. Đứng trước cảnh thiên nhiên ấy, tác giả như chìm đắm, say sưa trong cảnh vật. Ngắm nhìn, thưởng thức vẻ đẹp của xóm thôn mà vui mừng với cuộc sống không vướng bận binh đao.

Tác giả của bài thơ là một ông vua có tâm hồn thi sĩ. Đọc bài thơ, ta thấy hoàn toàn không có sự ngăn cách nào giữa một người lãnh đạo cao nhất của một quốc gia với một người nông dân thuần phác (cảnh được nhìn và miêu tả ở những nét gần gũi và dân dã nhất). Điều đó cho thấy, nhà vua rất gần dân chúng, rất yêu dân, yêu chuộng sự thanh bình. Phải chăng vì các vị vua Trần rất yêu dân, yêu dân như con mà mỗi khi đứng trước họa xâm lăng (nhất là trong ba lần quân Nguyên - Mông xâm lược nước ta) nhà Trần đều lãnh đạo nhân dân chống xâm lược thành công.

Thiên Trường vãn vọng (Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra) của Trần Nhân Tông là một bức tranh phong cảnh làng quê xinh xắn. Nó đã gọi được cái hồn, cái cốt của làng quê Việt Nam. Bài thơ phảng phất chất *Thiên* thể hiện tâm hồn sâu lắng, thanh cao của Phật Hoàng - Người anh hùng đã lãnh đạo nhân dân những cuộc chiến tranh vệ quốc thắng lợi, đồng thời cũng là vị tu hành đã sáng lập ra dòng thiền Trúc Lâm trên đỉnh Phù Vân Yên Tử...

BÀI SỐ 30: Vài suy nghĩ của em về nội dung và nghệ thuật bài thơ *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* (*Thiên Trường vãn vọng*) của Trần Nhân Tông.

Bài làm

Trần Nhân Tông (lên ngôi năm 1278) là một ông vua yêu nước, giỏi việc cầm quân song cũng không kém phần tài hoa, lịch lãm. Khi làm vua, ông không quản nguy hiểm, trực tiếp cùng Thái thượng hoàng xông ra trận tiền chỉ huy quân sĩ chiến đấu, đánh tan đạo quân Nguyên Mông mạnh và hung hăng khét tiếng lúc bấy giờ. Khi là một thiền sư, ông là người có công lập nên dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử (sau được tôn là vị tổ thứ nhất). Trần Nhân Tông còn là một nhà văn hoá, một nhà thơ xuất sắc của thế kỉ XIII. Tác phẩm của ông gồm có *Thiên lâm thiết chủ ngữ lục*, *Tăng già toái sự*, *Thạch thất mị ngữ*, *Trần Nhân Tông thi tập*,...

Bài thơ *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* được làm khi ông về thăm quê cũ.

Thiên Trường vãn vọng được viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt: bốn câu, mỗi câu bảy chữ, hiệp vần ở cuối các câu 1, 2, 4. Đây có thể coi là một trong những tác phẩm tiêu biểu cho thể thất ngôn tứ tuyệt luật Đường, từ nội dung cho đến hình thức thể hiện.

Bố cục của một bài tứ tuyệt gồm bốn phần, ứng với bốn câu: *khai* (khởi - mở), *thừa* (tiếp câu *khai* là để trợn ý thơ), *chuyển* (chuyển hoá, câu này thường làm bộc lộ ra ý và tứ thơ), *hợp* (hợp lại, kết đọng ý thơ). Song nhìn chung, trong một bài tứ tuyệt hai câu đầu làm thành một phần và hai câu cuối hợp thành phần còn lại.

Với bài thơ này, hai câu đầu gợi ra khung cảnh chiều quê yên ả, tĩnh lặng đến mơ hồ. Hai câu thơ sau lại gợi về cái cảm giác ấm cúng từ sinh hoạt của một miền quê.

Về nội dung:

Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Đặc điểm của thể thơ đó thể hiện trong bài này:

Số câu: 4. Số chữ trong mỗi câu: 7.

Cách hiệp vần: vần “iên” được gieo trong cả ba từ cuối của các câu 1, 2, 4.

Cụm từ *bán vô bán hữu* (vừa như có vừa như không) có nghĩa là phong cảnh mờ ảo; vừa như có lại như không; vừa thực lại vừa hư. Quang cảnh gợi lên ở đây là làng xóm đang mờ trong sương khói. Cảnh có nét thực nhưng lại có nét ảo. Chính điều này tạo nên sự mơ màng, nên thơ rất độc đáo của câu thơ.

Trong bài thơ, cảnh được miêu tả vào lúc chiều tà (lúc hoàng hôn). Trong khung cảnh có thể nghe thấy tiếng sáo của trẻ chăn trâu đang dẫn những chú trâu no mẫm về nhà, có những cánh cò trắng đang từ từ đáp xuống cánh đồng phía trước, ở phía xa kia, các thôn xóm đã chìm dần trong sương khói như mơ như thực. Một khung cảnh làng quê thật thanh bình và êm ả, nên thơ.

Qua bức tranh được miêu tả, có thể nhận thấy cảnh tượng nhìn từ phủ Thiên Trường thật nên thơ. Xóm thôn mờ mờ sương khói hoà trong tiếng sáo của trẻ chăn trâu vắng vắng cùng từng đôi cò trắng đang xoè cánh đậu xuống đồng. Đứng trước cảnh thiên nhiên ấy, tác giả như chìm đắm say xưa trong cảnh vật. Ngắm nhìn, thưởng thức nét đẹp của xóm thôn mà vui mừng với cuộc sống không vương bận binh đao.

Tác giả của bài thơ là một ông vua có tâm hồn thi sĩ. Đọc bài thơ, ta thấy hoàn toàn không có sự ngăn cách nào giữa một người lãnh đạo cao nhất của một quốc gia với một người nông dân thuần phác (cảnh được nhìn và miêu tả ở những nét gần gũi và dân dã nhất). Điều đó cho thấy, nhà vua rất gần dân chúng, rất yêu dân, yêu chuộng sự thanh bình. Phải chăng vì các vị vua Trần rất thân dân, yêu dân như con mà mỗi khi đứng trước họa xâm lăng (nhất là trong ba lần quân Nguyên - Mông xâm lược nước ta) nhà Trần đều lãnh đạo nhân dân chống xâm lược thành công.

Về nghệ thuật:

Bài thơ là một trong những tác phẩm tiêu biểu mẫu mực về hình thức nghệ thuật thơ thất ngôn tứ tuyệt: niêm, luật chặt chẽ đúng quy tắc; thanh điệu hài hòa.

Bài thơ thiên về tả cảnh, nhưng thực tế chính là một sự vận dụng nhuần nhuyễn thủ pháp nghệ thuật "tả cảnh ngụ tình" (những tình cảm của tác giả đối với quê hương được bộc lộ kín đáo qua cảnh vật).

Tóm lại, bức tranh thiên nhiên được tả trong *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* là một cảnh chiều ở thôn quê đơn sơ mà vẫn đậm đà sắc quê, hồn quê. Điều đáng nói là người vẽ lên bức tranh quê tình tứ ấy lại là một người có địa vị tối cao, một ông vua. Một ông vua có tâm hồn cao đẹp như thế chứng tỏ ở thời đại đó dân tộc ta, nhân dân ta sống rất cao đẹp, đúng như những gì đã được ngợi ca trong sử sách.

BÀI SỐ 31: Cảm nhận của em về bài thơ *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* (Thiên Trường vãn vọng) của Trần Nhân Tông.

Bài làm

Trong kho tàng văn học thời Lý - Trần, bên cạnh những áng hùng văn lẫm liệt, còn có những bài thơ trữ tình đậm thấm. *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* (Thiên Trường vãn vọng) của Trần Nhân Tông, là một tác phẩm tiêu biểu. *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra* là bức tranh thiên nhiên độc đáo và kì thú.

Thiên nhiên vốn là đề tài chính trong thi ca xưa nay, thiên nhiên đã khơi nguồn cho bao áng thơ dạt dào tuôn chảy. Đặc biệt đối với các thi nhân xưa, thiên nhiên là một mảng trong tâm hồn họ, là nơi để họ gửi trao bao cảm xúc, nỗi niềm. Vì thế, thơ viết về thiên nhiên thường rất tha thiết. Văn chương thời Lý - Trần đã có không ít những câu thơ thiên nhiên đặc sắc, chẳng hạn như:

Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết

Đêm qua sân trước một nhành mai.

(Thiền sư Mãn Giác)

Ngay Trần Nhân Tông, trong bài *Buổi sớm mùa xuân*, cũng viết rất hay về thiên nhiên:

Song song đôi bướm trắng

Phất phới cánh hoa bay

Nhưng phải đến *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra*, hồn thơ thiên nhiên của Trần Nhân Tông mới thật sự đắm thắm, mặn nồng. Ta hãy đọc kĩ bài thơ để cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên đó:

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng

Bóng chiều man mác có đường không

Mục đồng sáo vắng trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

Đây là bức tranh một vùng quê thôn dã. Nó cũng bình thường như bao vùng quê khác, nhưng trong con mắt của thi nhân, cảnh vật bỗng xiết bao thân thương, trù mên.

Cái nền không gian và thời gian của bức tranh là thôn xóm lúc trời chiều sắp tắt. Khói sương mờ ảo đang bao phủ dần lên thôn xóm. Trong làn khói sương mờ mờ, lảng lảng, bóng chiều trở nên hư ảo chập chờn. Chẳng biết, đây có phải là tiết thu đông không mà trời chiều lại man mác, gợi nhiều cảm xúc đến như vậy. Phải chăng chỉ có những tâm hồn thi nhân tinh tế mới cảm nhận được cái thời khắc giao chuyển giữa ngày và đêm? Sáu trăm năm sau, nữ sinh Thanh Quan cũng có cảm nhận ấy:

Trời chiều bằng lãng bóng hoàng hôn.

Bóng chiều bằng lãng, tưởng như chỉ gợi buồn trong lòng người, nhưng thật bất ngờ:

Mục đồng sáo vắng trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

Cảnh vùng quê yên bình và thơ mộng biết bao. Trong bóng chiều chập chờn, hư ảo, mấy đứa trẻ thong dong cười trâu đi dọc theo những con đường làng, tiếng sáo cất lên trầm bổng, ngọt ngào, quyến rũ, mấy cánh cò trắng chao liệng rồi hạ xuống cánh đồng. Tâm hồn thi nhân phơi phới niềm vui.

Chỉ một vài nét chấm phá tài hoa đã làm nên một kiệt tác. Bức tranh cảnh vật vốn đã đẹp bởi bóng chiều man mác, mờ ảo, bởi những

cánh cò trắng, có thêm hình ảnh con người, càng trở nên ấm áp tình người. Một bức tranh thật đẹp, thật có hồn, đậm đà phong vị quê hương đất nước. Dường như thi nhân đã thả hồn mình vào trong cảnh để cảnh thấm đẫm tình. Không có một tình yêu quê hương, đất nước thiết tha, không có sự gắn bó máu thịt với làng quê, thì không thể viết được những câu thơ như thế.

Cảnh ấy, tình ấy, gợi cho ta liên tưởng đến những câu *Chinh phụ ngâm* nổi tiếng:

*Trông bến nam bãi che mặt nước
Cỏ biếc um, dàu mướt màu xanh,
Nhà thôn mấy xóm chông chênh
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.*

Có lẽ đây là sự gặp gỡ của những tâm hồn nghệ sĩ thanh cao, nhân hậu, gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

BÀI SỐ 32: Suy nghĩ về 12 câu đầu bài *Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi.

Phiên âm:

Côn Sơn ca

*Côn Sơn hữu tuyền,
Kì thanh lãnh lãnh nhiên,
Ngô dĩ vi cầm huyền.
Côn Sơn hữu thạch
Vũ tảo đãi phô bích,
Ngô dĩ vi đạm tịch
Nham trung hữu tùng
Vạn lí thúy đồng đồng
Ngô ư thị hồ uyển, tức kì trung
Lâm trung hữu trúc
Thiên mẫu ẩn hàn lục,
Ngô ư thị hồ ngâm tiểu kì trắc.*

Dịch nghĩa:

Bài ca Côn Sơn

*Côn Sơn có suối,
Tiếng nước chảy róc rách,
Ta cho là đàn cầm.
Côn Sơn có đá,
Mưa rửa rêu phô biếc,
Ta cho là đệm chiếu.
Trong núi có thông,
Muôn dặm chiếc lọng xanh rủ bóng.*

*Ta tha hồ nghỉ ngơi ở trong đó.
Trong rừng có trúc,
Nghìn mẫu vẻ xanh mát rượi,
Ta tha hồ ngâm nga ở bên cạnh.*

Dịch thơ:

Bài ca Côn Sơn

*Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai
Côn Sơn có đá rêu phơi
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.
Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.*

Đoạn văn

Nổi bật trong đoạn thơ là hình ảnh *ta*. *Ta* là đại từ nhân xưng chỉ Nguyễn Trãi. Ông tự nói về mình. Nguyễn Trãi đã hoà mình vào thiên nhiên. Thiên nhiên là người bạn tri âm của Nguyễn Trãi. Người bạn tri âm đó được đặc tả qua ngòi bút của Nguyễn Trãi: Tiếng suối chảy lúc khoan lúc nhặt văng vẳng như tiếng đàn cầm. Phiến đá thạch bàn bao lần mưa gội rêu phủ khác nào chiếc chiếu êm khi ngồi ngắm cảnh. Những cây tùng xanh tươi xoè bóng mát như muôn ngàn chiếc lọng. Rừng trúc bạt ngàn màu xanh tươi mát. Tất cả như làm nền cho khúc ngâm thơ nhàn của Nguyễn Trãi. Đó chính là sự giao hoà rất tự nhiên của nhà thơ với cảnh vật nơi Côn Sơn. Sự giao hoà đó đã thể hiện nhân cách thanh tao với triết lí sâu xa của Nguyễn Trãi: Con người hoà hợp với thiên nhiên.

Bài làm

Bài ca Côn Sơn nguyên văn bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi không viết bằng thơ lục bát như bài dịch. Toàn bộ bài thơ được chia thành hai phần, tả cảnh và ngụ tình. Đoạn thơ dịch là đoạn tả cảnh Côn Sơn nơi Nguyễn Trãi ở ẩn. Đoạn thơ được dịch theo thể thơ lục bát, một thể thơ độc đáo của Việt Nam.

Số câu: 8 (4 cặp lục bát).

Số chữ trong câu: Câu lục (6 chữ), câu bát (8 chữ).

Cách gieo vần: *rầm - cầm, tai - phơi - ngồi...* Tất cả các tiếng hiệp vần đều thanh bằng.

Từ “ta” được nói đến 5 lần, là nhân vật trữ tình của đoạn thơ.

"Ta" là Nguyễn Trãi thi sĩ. Nhà thơ tự xưng ta và nói lên tâm trạng của mình giữa cảnh trí Côn Sơn. Ta nghe tiếng suối mà như nghe tiếng đàn. Ta ngồi trên đá lại tưởng ngồi trên chiếu êm. Rồi ta nằm bóng mát, ta ngâm thơ nhàn. Một ta hòa hợp với thiên nhiên, một Nguyễn Trãi đang sống trong những giây phút thanh thoi, đang thả hồn mình vào cảnh trí Côn Sơn. Tóm lại, đó là một Nguyễn Trãi rất mực thi sĩ.

Và tâm hồn thi sĩ đó đã vẽ lên bức tranh Côn Sơn thật kì thú: có suối chảy rì rầm, có đá rêu phơi, có thông mọc như nêm, lại có trúc bóng râm và tất cả đều hài hòa với nhau trong một cảnh trí thiên nhiên khoáng đạt, thanh tịnh, nên thơ. Nhưng cái hài hòa kì diệu nhất ở đây chính là sự gắn bó, giao hòa trọn vẹn giữa con người thi nhân với cảnh sắc thiên nhiên. Ngõ như cảnh đẹp Côn Sơn đã rung động tâm hồn thi sĩ và tâm hồn thi sĩ đã làm cho bức tranh Côn Sơn nên thơ nên họa, nên nhạc, lưu giữ mãi trong lòng người đọc một ấn tượng khó quên.

Hai câu thơ cuối đoạn trong rừng có trúc bóng râm - *Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn* cho ta thấy hình ảnh một con người giao hòa trọn vẹn với thiên nhiên, tìm thấy trong thiên nhiên sự thanh thản cho tâm hồn mình. Và cảnh trí Côn Sơn đã hiện lên như một người bạn tri kỉ về nhà thơ. Từ đó, ta nhận ra nhân cách thanh cao và tâm hồn thi sĩ.

Hình ảnh "*ta ngâm thơ nhàn*" là hình ảnh của người thi sĩ đang rất thanh thản. Hình ảnh "*màu xanh mát*" của "*bóng trúc râm*" là thiên nhiên. Con người như đang trở thành một sự vật trong tổng thể của thiên nhiên ở đây là một.

BÀI SỐ 33: Cảm nhận về đoạn trích trong bài *Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi.

Bài làm 1

Bài ca Côn Sơn (Côn Sơn ca) là một bài thơ chữ Hán nổi tiếng. Có lẽ Nguyễn Trãi viết bài thơ này trong thời kì ông cáo quan về ở ẩn ở Côn Sơn để giữ cho tâm hồn được thanh tao, trong sạch.

Đối với Nguyễn Trãi, Côn Sơn là một miền đất có sức hút kì lạ. Chẳng thế mà hai lần cáo quan về ở ẩn, ông đều tìm về với Côn Sơn. Và núi rừng Côn Sơn thanh vắng đã trở thành một thế giới riêng đầy thân thương gắn bó với thi nhân. Tại Côn Sơn Nguyễn Trãi được sống với chính mình. Dường như thiên nhiên đã trở thành cứu cánh cho tâm hồn

ông - một tâm hồn đón đau vì nhân tình thế thái. Tại Côn Sơn mọi vật đối với ông trở nên có tình, có nghĩa, như bầu bạn, như tri âm:

Núi láng giềng, chim bầu bạn

Mây khách khứa, nguyệt anh tam.

(Thuật hứng - Bài 19)

Cảnh trí Côn Sơn thanh tĩnh, rộng mở, để cho tâm hồn Nguyễn Trãi hoá thân tìm về, ùa vào đó mà quên đi mọi nỗi u phiền:

Côn Sơn suối chảy rì rầm,

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

Côn Sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.

Trong ghềnh thông mọc như nêm,

Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.

Trong rừng có bóng trúc râm,

Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.

(Trích Côn Sơn ca)

Đoạn mở đầu bài *Côn Sơn ca* đem đến cho người đọc bao cảm nhận mới mẻ về tâm hồn thi sĩ của Ước Trai. Trong cảm xúc của ông, cảnh trí Côn Sơn hiện ra thật thơ mộng và lãng mạn: có tiếng suối chảy rì rầm, có đá rêu phơi ăm ắp, có rừng thông mọc rậm, dày, có rừng trúc xanh mát,... vừa có cái hoang dã của thiên nhiên, vừa có hơi ấm của cuộc sống đầy ấp tình người. Hơn nữa, trong con mắt thi nhân, thiên nhiên không chỉ là cảnh, mà đã trở thành *nhà*. Ngôi nhà thiên nhiên ấy thật đặc biệt: suối là đàn, rêu là chiếu, bóng thông làm giường, bóng tre trúc là nơi ngâm vịnh thơ ca, thật là tuyệt thú! Và trong ngôi nhà thiên nhiên ấy, ông để tâm hồn mình giao hoà với cảnh và vẽ lại nó bằng một ngọn bút tài hoa.

Bức tranh thiên nhiên được chấm phá bằng âm thanh rì rầm của tiếng suối được cảm nhận như tiếng đàn:

Côn Sơn suối chảy rì rầm,

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

Một hình ảnh so sánh thật độc đáo và gợi cảm. Suối đang chảy hay thi nhân đã thả hồn mình vào tiếng suối, làm rung lên cung đàn diễn tả nỗi khát khao yêu cuộc sống?

Năm trăm năm sau, thi sĩ Hồ Chí Minh cũng đã có chung cảm nhận ấy: "*Tiếng suối trong như tiếng hát xa*".

Phải chăng những tâm hồn nghệ sĩ đã tìm về với nhau?

Sau những giây phút thả hồn mình cùng tiếng suối, thi nhân lại đến ngồi bên những phiến đá mà thời gian đã rêu phong bao phủ. Ông ngồi chơi ngắm cảnh, hay ngồi đánh cờ một mình? Có lẽ là cả hai. Trên nhân gian này, không ít người đã từng ngồi trên đá, nhưng làm sao họ cảm nhận được như thi nhân?

Côn Sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.

Một hình ảnh so sánh liên tưởng đầy thú vị khiến ta không khỏi ngỡ ngàng. Nguyễn Trãi trở về Côn Sơn không phải là để ẩn dật theo đúng nghĩa của cách sống ẩn dật, mà ông trở về Côn Sơn với nỗi hân hoan đầy tự do của một con người trở về nhà mình (Hoàng Phủ Ngọc Tường). Và trong ngôi nhà ấy, ông không những được tha hồ nghe nhạc rừng, ngồi trên đá đánh cờ, mà còn được nằm dưới bóng thông râm mát, được ngâm thơ nhàn dưới bóng trúc xanh. Một cuộc sống mà người và cảnh gắn bó với nhau, hoà nhập vào nhau. Lòng Ưc Trai thanh thản đến lạ kì.

Chưa bao giờ mà tâm hồn thi sĩ của Ưc Trai lại được bộc lộ đầy đủ, sâu sắc và đậm thấm đến thế!

Cũng tại Côn Sơn này, hồn thơ Ưc Trai còn tiếp tục rộng mở để đón nhận thiên nhiên, chớ thiên nhiên về chất đầy kho:

Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc

Thuyền chở yên hà nặng vạy then.

(Thuật hứng - Bài 24)

Tình yêu thiên nhiên sâu nặng đến mức thi nhân sợ bóng hoa tan mà không dám quét nhà:

Hé cửa, đem chờ hương quế lọt,

Quét hiên, ngại đợi bóng hoa tan.

(Quốc âm thi tập - Bài 160)

Nhân cách thanh cao và tâm hồn thi sĩ của Nguyễn Trãi thực sự là tấm gương sáng để ta soi vào.

Bài làm 2

Đọc *Bài ca Côn Sơn*, ta không khỏi ngỡ ngàng trước cái *ta* - Nguyễn Trãi, một cái *ta* thấm đượm cái tình của tâm hồn thanh cao, trong sáng.

Nguyễn Trãi là người suốt đời ôm ấp một lí tưởng cao đẹp: lí tưởng vì dân vì nước. Nỗi niềm dân nước thường trực canh cánh khôn nguôi trong ông:

*Bui một tắc lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuốn cuộn nước triều Đông.*

(Thuật hứng - Bài 5)

Ở với triều Lê, Nguyễn Trãi những mong đem tài năng và trí lực của mình vào việc giúp ích cho nước, cho dân. Nhưng sống giữa cảnh bon chen ganh ghét ở triều đình, tài năng của Nguyễn Trãi bị đổ kị: trong khi đó nhà vua lại tin theo những lời xúc xiểm, không trọng dụng những người như ông. Mất lòng tin ở triều đình, Nguyễn Trãi đành cáo quan về ở ẩn, tìm về với ba khóm trúc vườn xa để giữ cho tâm hồn được thanh sạch và cao đạo. Và Côn Sơn, ngọn núi tượng trưng cho khát vọng của Nguyễn Trãi về sự giao hoà giữa con người và vũ trụ, đã trở thành nơi để thi nhân tìm về.

Sống ở Côn Sơn, cái ta trữ tình của Nguyễn Trãi được khẳng định:

*Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai
Côn Sơn có đá rêu phơi
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.
Trong ghènh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.*

(Trích Côn Sơn ca)

Trong các sáng tác trữ tình của Nguyễn Trãi, hầu như chủ thể trữ tình không xuất hiện trực danh mà chỉ ẩn đằng sau để kín đáo gửi trao cảm xúc, nỗi niềm:

*Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén
Ngày vắng xem hoa rẽ cây.*

(Ngôn chí - Bài 10)

Cùng lắm mới ngôn xưng là khách:

*Khách đến, chim mừng, hoa xẩy động
Chè tiên, nước kín, nguyệt đeo về.*

(Thuật hứng - Bài 3)

Ở Côn Sơn ca thì khác. Nhân vật trữ tình đã xuất hiện với chân dung là cái ta - một cái ta nhàn và một cái ta thi sĩ.

Lúc thì ta mơ màng lắng nghe suối chảy, chim hót:

*Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.*

Lúc thì *mượn đá để ngồi* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) ngắm cảnh hoặc đánh cờ một mình:

Côn Sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.

Có lúc lại tha thần giữa đời thông, tìm bóng mát nằm thanh thoi:

Trong ghềnh thông mọc như nêm,

Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.

Rồi lại trầm mặc đứng dưới bóng trúc rợp mát màu xanh mà ngâm thơ, vịnh cảnh:

Trong rừng có trúc bóng râm,

Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.

Thật là lãng mạn và thú vị. Một cái *ta* thi sĩ ngâm thơ nhàn, lắng nghe mọi rung động tinh tế của thiên nhiên và cảm nhận nó bằng tâm hồn nghệ sĩ (nghe tiếng suối mà như nghe tiếng đàn, ngồi trên đá lại tưởng ngồi chiếu êm).

Một cái *ta* thanh thoi (dù là trong khoảnh khắc) dạo chơi, ngắm cảnh, nằm dưới bóng râm, ngâm thơ... Đường như Nguyễn Trãi đã quên đi hết mọi u phiền. Không còn cảnh bon chen giành giật của chốn *cửa quyền nhiều hiểm hóc, lòng người cự hiểm*, chỉ có người và cảnh quần quýt giao hoà với nhau. Với nhân vật *ta*, cuộc sống ấy thật hạnh phúc và có ý nghĩa. *Côn Sơn* đã trở thành *nhà* của nhân vật *ta* - một ngôi nhà thân thương, ấm áp tình người.

Trong cảm quan của nhân vật *ta*, một thế giới nhân gian rộng mở để tâm hồn thi nhân tìm đến, đón nhận thì nhân trở về với chính mình.

Đoạn thơ đã khép lại mà hình ảnh nhân vật *ta* với tất cả những vẻ đẹp của nhân cách thanh cao và tâm hồn thi sĩ thì cứ sừng sững trước mắt người đọc.

BÀI SỐ 34: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật đoạn trích trong bài *Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi.

Bài làm

Nguyễn Trãi (1380 - 1442), người thôn Chi Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Ông là một nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có nhưng cũng là người phải chịu cái án oan vào loại thảm khốc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nguyễn Trãi là người Việt Nam đầu tiên được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận là danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980).

Nguyễn Trãi để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ và phong phú với *Bình Ngô đại cáo*, *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*, *Quân trung từ mệnh tập*,...

Côn Sơn ca có thể được viết trong khoảng thời gian Nguyễn Trãi cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn (nay thuộc huyện Chí Linh - Hải Dương).

Đoạn thơ này được trích từ bài thơ *Côn Sơn ca* rút trong tập *Thơ chữ Hán* của Nguyễn Trãi.

Côn Sơn ca vốn được viết bằng chữ Hán nhưng sau đó được dịch bằng thể thơ lục bát. Lục bát nghĩa là sáu tám - thể thơ gồm hai loại câu (một câu sáu chữ, một câu tám chữ) đan xen nối tiếp nhau và không hạn định về số câu. Trong thể thơ này, cách gieo vần được quy định như sau: chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ sáu của câu 8, chữ cuối của câu 8 ở cặp câu trên vần với chữ cuối câu 6 ở cặp câu dưới. Tính chung cứ hai câu thì đổi vần. Thơ lục bát thường dùng vần bằng...

Đoạn thơ có năm từ *ta*.

Nhân vật *ta* ở đây chính là nhà thơ.

Nhân vật *ta* là một người yêu thiên nhiên, là người có tâm hồn phóng khoáng (ngồi trong bóng trúc xanh mát mà ngâm thơ nhàn). Có thể thấy, trong đoạn thơ, nhân vật *ta* hiện lên như là một người nghệ sĩ thực sự không vướng một chút bận nào của nhân gian.

Tiếng suối chảy được tác giả ví với tiếng đàn, rêu trên đá được ví với chiếu êm, cách ví von này cho thấy tác giả là người giàu tình cảm với thiên nhiên, coi thiên nhiên như những người tri kỉ. Cách miêu tả ấy cũng cho thấy đây là một người nghệ sĩ tinh tế, giàu trí tưởng tượng.

Cùng với hình ảnh nhân vật *ta*, cảnh tượng Côn Sơn được gợi tả bằng những chi tiết thật đẹp. Đó là một cảnh trí thiên nhiên thật khoáng đạt, thanh tĩnh và nên thơ. Côn Sơn đẹp bởi tiếng suối rì rầm như tiếng đàn ca, bởi bàn đá rêu phơi, bởi rừng trúc xanh màu xanh của lá toả bóng mát cho người thi sĩ ngâm thơ.

Hình ảnh nhân vật *ta* ngồi ngâm thơ nhàn dưới màu xanh mát của tán trúc che ngang, gợi cho ta nghĩ đến hình ảnh một tiên ông nhàn tản, không chút vẩn vương thế sự. Đó một thi sĩ đa tình đang thả hồn vào thiên nhiên. Thực ra, trong cuộc đời không kể lúc làm quan mà ngay khi đã về ở ẩn ở Côn Sơn, Nguyễn Trãi vẫn một lòng lo cho nước, cho dân. Chính vì thế mà chúng ta càng phải cảm phục vẻ đẹp tài hoa và tâm hồn thi sĩ của ông. Trong muôn vàn vương bận, Nguyễn Trãi vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu thật tươi trong và tuyệt đẹp. Đó cũng chính là vẻ đẹp nhất trong tâm hồn cao quý của ông.

Đoạn thơ dùng nhiều điệp từ (*ta, Côn Sơn, trong,...*). Hiện tượng điệp từ đã góp phần tích cực làm cho đoạn thơ có giọng điệu nhẹ nhàng, thơ thảnh, êm tai.

Tóm lại, đoạn thơ là một bức tranh thiên nhiên đầy gợi cảm bởi nó không chỉ được miêu tả bằng con mắt quan sát tinh tế mà còn bằng cả nhân cách thanh cao và tâm hồn thi sĩ của nhà thơ Nguyễn Trãi.

BÀI SỐ 35: Suy nghĩ về đoạn *Sau phút chia li* (trích *Chinh phụ ngâm khúc* - Đặng Trần Côn).

Bài làm

Chinh phụ ngâm, tác phẩm nguyên văn chữ Hán của Đặng Trần Côn người làng Nhân Mục (Thanh Xuân - Hà Nội), sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Dịch giả tài hoa Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), một phụ nữ có tài sắc, người làng Giai Phạm (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). Cả hai đều sống ở đầu thế kỉ XVIII, thời Lê, Mạt, chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Đặng Trần Côn cảm thời thế mà viết ra khúc ngâm bằng Hán văn. Đoàn Thị Điểm đồng cảm với nỗi cô đơn của người chinh phụ mà dịch ra chữ Nôm - Tiếng Việt. Ngoài Đoàn Thị Điểm, còn có các dịch giả khác như Phan Huy Ích, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Nhạ,... Bản học trong sách giáo khoa là của Đoàn Thị Điểm.

Tác phẩm ra đời ở nước ta vào khoảng thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX. Đoạn trích gồm 12 dòng thơ (từ câu 53 đến 64) trong tác phẩm.

Tâm trạng của người phụ nữ sau phút chia li được diễn tả ở nhiều mức độ khác nhau: Cảm nhận về nỗi xa cách chồng vợ. Người chinh phụ thấm thía sâu sắc tình cảnh oái oăm, nghịch chướng: Vợ chồng tình cảm nồng thắm mà không được bên nhau. Niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụ được tái hiện như những đợt sóng triền miên không dứt.

Lòng cảm thông sâu sắc của tác giả với nỗi niềm của người chinh phụ. Đó là sự thấu hiểu tâm trạng. Là sự đồng cảm với mong ước hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

Đoạn trích thể hiện nỗi buồn chia phôi của người chinh phụ sau lúc tiễn chồng ra trận. Qua đó tố cáo chiến tranh phi nghĩa khiến lứa đôi phải chia lìa. Đoạn trích còn thể hiện lòng cảm thông sâu sắc với khát khao hạnh phúc.

Sử dụng thể thơ song thất lục bát diễn tả nỗi sầu bi thương dằng dặc. Cụ thể tả tâm trạng buồn, cô đơn, nhớ nhung qua hình ảnh ước lệ, tượng trưng, cách điệu. Sáng tạo trong việc sử dụng các điệp từ ngữ, đối, câu hỏi tu từ.

BÀI SỐ 36: Sau khi đọc *Sau phút chia li* (trích *Chinh phụ ngâm khúc* - Đặng Trần Côn) đã đọng lại trong tâm hồn em những suy nghĩ và cảm xúc gì?

Bài làm

Trong văn học Việt Nam, nỗi sầu chia li đã được nhiều tác giả quan tâm và phản ánh. Nguyễn Dữ có những dòng về sự ngóng trông của người vợ có chồng đi chinh chiến: "Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn ngoài vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không sao ngăn được". (*Người con gái Nam Xương*). Đại thi hào Nguyễn Du cũng đã viết rất cảm động về sự chia tay đau buồn của đôi vợ chồng trẻ:

*Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san
Bụi hồng dặm cuốn chinh an
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh
Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi
Vàng trắng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường*

(*Truyện Kiều*)

Nhưng có lẽ, chưa có nỗi sầu nào bị thương bằng nỗi sầu chia li của người chinh phụ được diễn tả trong *Chinh phụ ngâm khúc*.

Chinh phụ ngâm khúc là một sáng tác văn chương xuất hiện vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Cả khúc ngâm là nỗi sầu nhớ thương với vợ của người vợ có chồng ra trận. Nỗi sầu ấy đậm đặc ngay từ sau phút chia li:

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.
Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

Người chồng chia tay vợ lên đường chinh chiến (một cuộc chinh chiến vô nghĩa đối với họ), người vợ trở về một mình trong cô đơn, buồn tủi:

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.*

Chao ôi, có sự chia tay nào xót thương hơn thế, có sự ngăn cách nào khắc nghiệt hơn thế. Cả một nỗi sầu chia li nặng nề đã phủ lên khí trời, sắc núi:

*Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.*

Sự đoái trông của người vợ trẻ thật tội nghiệp. Nàng muốn níu giữ lại mà hình bóng người chồng cứ xa dần, để rồi chỉ còn lại là không gian xa thẳm. Giữa khung cảnh tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh, người vợ càng trở nên lẻ loi, cô quạnh. Sự chia li từ chỗ mới chỉ là cách ngăn, chẳng mấy chốc đã tăng lên nhanh chóng cả về không gian và tâm trạng:

*Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.*

Từ câu *Chàng thì đi cõi xa - Thiếp thì về buồng cũ* đến *chốn Hàm Dương - bến Tiêu Tương* rồi lại *bến Tiêu Tương - cây Hàm Dương*, thì sự ngăn cách đã lên đến *mấy trùng*, như mấy trùng nỗi nhớ thương sâu muộn trong lòng người chinh phụ.

Đối với bất kì ai, khi người thân của mình phải đi vào chốn cõi xa mưa gió (chốn binh đao khói lửa, nơi chiến trận thảm khốc), cũng đều có tâm trạng buồn đau thương nhớ. Ở người chinh phụ, nỗi buồn đau sâu muộn ấy còn thêm bội phần bởi cái tình chồng vợ đương độ đầm thắm gắn bó thiết tha (còn ngoảnh lại - hãy trông sang). Gắn bó mà không được gắn bó, gắn bó mà phải chia li. Thực là oái oăm và nghịch chướng. Thực là thương tâm và đau xót bởi cái cảnh người thì tận *chốn Hàm Dương*, kẻ thì mãi *bến Tiêu Tương*.

Cái tên Hàm Dương - Tiêu Tương (dù là được dùng theo bút pháp ước lệ của văn chương cổ điển) vẫn còn là những địa danh để người vợ có ý niệm về độ xa cách, nhưng đến bốn câu thơ tiếp theo thì cả ý niệm ấy cũng không còn, sự xa cách đã đến cực độ:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Trong cảnh trời cao đất rộng, thăm thẳm mênh mông đến khôn cùng, nỗi sầu chia li của người vợ đã trở thành khối sầu, núi sầu chất chồng, đè nặng cả trái tim và tâm hồn nàng, để rồi sau đó sẽ theo nàng về chốn *buồng cũ*, đè nặng lên cuộc sống mòn mỏi ngóng trông đến hoá đá của nàng.

Tình cảm vợ chồng và nỗi khát khao hạnh phúc lứa đôi của người vợ trẻ thật mãnh liệt, nó làm lay động tâm thức bao thế hệ bạn đọc.

Chỉ có tấm lòng đầy ấp tình yêu thương của nhà thơ mới có thể chia sẻ và diễn tả một cách xúc động đến thế.

BÀI SỐ 37: Hiểu và nghĩ về đoạn *Sau phút chia li* (trích *Chinh phụ ngâm khúc* - Đặng Trần Côn).

Bài làm

Đặng Trần Côn quê gốc ở làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sinh và mất khoảng trong nửa đầu thế kỉ XVIII. Thuở nhỏ, ông theo dõi nghiệp nho, học rất chăm và rộng. Đặng Trần Côn từng đỗ Hương cống nhưng không đậu thi Hội. Sau đó, ông nhậm chức Huấn đạo ở một trường phủ. Một thời gian sau, ông đổi sang làm Tri huyện Thanh Oai, nay thuộc tỉnh Hà Tây. Trước khi mất, ông còn được về kinh thu chức Ngự sử đài chiếu khản.

Về sáng tác, đáng kể nhất phải nhắc đến *Chinh phụ ngâm khúc*. Ngoài ra, Đặng Trần Côn cũng có sáng tác một vài văn phẩm khác nhưng chủ yếu mang tính tầm chương trích cú, ít có giá trị văn chương.

Chinh phụ ngâm khúc nguyên văn chữ Hán của Đặng Trần Côn. Nhưng tác phẩm đã được diễn Nôm theo thể song thất lục bát, khá phổ biến trong giai đoạn từ giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX với các tác giả như Đoàn Thị Điểm, Phan Huy Ích, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Nha,...

Thể song thất lục bát được cấu tạo như sau:

Một cặp thơ 7 chữ (song thất) đi kèm một cặp lục bát. Số câu trong bài không hạn chế.

Nhịp trong hai câu thất là nhịp 3/4 (khác với nhịp trong thơ thất ngôn Đường luật là nhịp 4/3).

Vần nhịp trong câu lục bát của thể thơ này cũng giống như vần nhịp trong thể lục bát của ca dao (vần chân hoặc vần lưng, nhịp 2/2/2... hoặc 4/4).

Chữ thứ 7 của câu thất trên hiệp vần với chữ thứ 5 của câu thất dưới. Chữ thứ 7 của câu thất dưới lại hiệp vần với chữ thứ 6 của câu lục. Chữ thứ 8 của câu bát lại hiệp vần với chữ thứ 5 của câu thất tiếp theo.

Toàn bộ đoạn trích đều nhằm hướng đến khắc sâu nỗi sầu chia li của chàng và thiếp, nhưng cũng có thể dựa vào mức độ tăng trưởng của nỗi sầu và nghịch chướng chia li để chia đoạn trích thành ba phần, mỗi phần bốn câu thơ.

Trong khổ thơ đầu (4 câu), tác giả đã không chỉ dùng phép đối (chàng - thiếp, đi - về), mà còn kết hợp với phép lập quan hệ từ (thì) ở mỗi câu để so sánh và nhấn mạnh đến tuyệt đối hoá tính chất của sự chia biệt. Hơn nữa, các hình ảnh “Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh” như đẩy không gian rộng ra vô tận: người vừa chia cách đã như biệt vô âm tín.

Trong khổ thơ thứ hai (4 câu tiếp), tác giả tiếp tục sử dụng phép đối ngữ (chàng - thiếp, ngoảnh lại - trông sang), đảo địa danh (bến Tiêu Tương - cách Hàm Dương, cây Hàm Dương - cách Tiên Tương), điệp từ,... để diễn tả nỗi sầu quay quắt của nhân vật trữ tình. Đoạn thơ nói lên một nghịch cảnh: cuộc sống cách xa nhưng tâm hồn thì không xa cách. Thế nhưng, muốn gần gũi mà không thể nào gần gũi được, muốn gần bó mà phải chia li.

Nỗi sầu như thể nhân lên bất tận, trong khổ thơ thứ ba, điệp từ (cùng) được thể hiện ở dạng đồng hướng (chẳng thấy). Cái màu “mây biếc”, “ngàn núi xanh” vừa mới ở trên thoát bấy giờ đã chỉ “thấy xanh xanh”. Thấy mà không thấy, bởi vì cái màu sắc được điệp (và cũng là láy) ấy chỉ là “những mây ngàn dâu”. Thêm một lần nữa, không chỉ lặp từ, mà còn kết hợp lập với đảo ngữ: “Ngàn dâu xanh ngắt một màu”, câu thơ diễn tả điều “thấy” ấy là vô vọng, và cuối cùng, một câu hỏi tu từ hỏi chính là trả lời về nỗi sầu tràn ngập cả “lòng chàng” và “ý thiếp”.

Đoạn trích nổi bật ở nghệ thuật sử dụng điệp ngữ:

Điệp ngữ “chàng” và “thiếp” (được kết hợp ngược chiều trong câu “chàng thì đi... thiếp thì về” hoặc được kết hợp chéo trong cụm từ “lòng chàng ý thiếp”).

Các điệp ngữ Tiêu Tương - Hàm Dương, cùng - cùng, ngàn dâu - ngàn dâu, xanh ngắt - xanh ngắt.

Việc kết hợp các điệp ngữ một cách tài tình, đưa đến hiệu quả:

Tạo nhạc điệu trầm buồn cho thơ, phù hợp với nỗi sầu chia cách của người chinh phụ.

Góp phần diễn tả tính chất hai mặt của nỗi sầu chia li: gần bó mà phải xa cách.

Tóm lại, bằng nghệ thuật sử dụng ngôn từ điêu luyện, đặc biệt là việc sử dụng các biện pháp điệp ngữ rất tài tình, kết hợp với giọng điệu trầm buồn, tác giả đã gửi vào đoạn thơ cả một nỗi sầu da diết của người chinh phụ trong phút chia li. Nỗi sầu ấy vừa có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa vừa thể hiện cái khát khao hạnh phúc của người phụ nữ xưa,

BÀI SỐ 38: Cảm nhận về đoạn *Sau phút chia li* (trích *Chinh phụ ngâm khúc* - Đặng Trần Côn).

Bài làm 1

Chinh phụ ngâm khúc là một tác phẩm chữ Hán nổi tiếng của Đặng Trần Côn, được sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII, sau đó được dịch sang chữ Nôm và được đánh giá là một trong những tác phẩm xuất sắc của văn học trung đại Việt Nam. *Chinh phụ ngâm khúc* có nhiều bản dịch chữ Nôm nhưng tiêu biểu nhất là bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?). Mượn khúc ngâm của người vợ có chồng ra trận, tác giả đã phản ánh được bi kịch tinh thần của con người trong chiến tranh, nhất là người phụ nữ. Qua đó làm nổi bật sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ phong kiến Việt Nam khi đã ở giai đoạn suy tàn. Tâm sự của người chinh phụ cũng chính là lời tố cáo danh thếp chế độ xã hội đương thời loạn lạc và đau thương. Đây chính là sự kết hợp hài hoà giữa giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo trong *Chinh phụ ngâm khúc*.

Về hình thức, thể loại ngâm khúc ở đây được sáng tác theo thể song thất lục bát, là một sáng tạo độc đáo của người Việt. Hình thức đặc biệt này đã giúp cho tác phẩm có khả năng diễn tả những tâm trạng sâu bi đỗi dặc, triền miên của con người và cũng chính là của thời đại. Đọc tác phẩm, ta có cảm giác như đang được nhìn thấy những đợt sóng cảm xúc ào ạt, khi lên khi xuống, khi nhanh khi chậm, vừa có độ lắng, vừa có sự lan toả, liên tiếp nối nhau tưởng chừng không bao giờ dứt.

Đoạn trích diễn tả nỗi sầu bi của người vợ sau khi tiễn chồng ra trận. Có thể coi đây là một trong những đoạn hay nhất thể hiện chủ đề tác phẩm cũng như tiêu biểu nhất về nghệ thuật của một khúc ngâm nói chung và của tác phẩm nói riêng. Về nghệ thuật, phải kể tới sự điêu luyện của nhà thơ trong việc sử dụng ngôn từ vừa có tính gợi hình, vừa giàu khả năng biểu cảm (*cõi xa mưa gió, buồn cũ chiều chẵn, mây biếc, núi xanh,...*). Các cặp hình ảnh đối nhau cũng được sắp

xếp rất linh hoạt: đối trong từng câu (*Tuôn màu mây biếc/ trái ngàn núi xanh*); đối giữa hai câu (*chàng còn ngoảnh lại/ thiếp hãy trông sang*). Ở cuối đoạn thơ xuất hiện điệp ngữ liên hoàn (từ ngữ cuối dòng trên được lặp lại ở đầu dòng dưới).

Đặc biệt, trong đoạn trích này, nhà thơ đã sử dụng thành công nghệ thuật vịnh cảnh ngụ tình (tả cảnh để bộc lộ tâm trạng nhân vật). Tất cả góp phần diễn tả tâm trạng của người vợ sau lúc tiễn chồng ra trận. Đó là nỗi buồn li biệt, là sự trống trải cô đơn, là mối sầu thương khắc khoải. Nỗi sầu này có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa, đồng thời thể hiện niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

Bài làm 2

Bài thơ có ba khổ. Mỗi khổ cổ 4 dòng: dòng 1 và 2 đều 7 tiếng; dòng 3 có 6 tiếng và dòng 4 có 8 tiếng.

Như vậy *song thất* là 2 dòng đều 7 tiếng; *lục bát* có dòng trên 6, dòng cuối 8 tiếng.

Cách hợp vần (qua khổ cuối):

Chữ cuối câu 7 trên (*thay*) vần với chữ thứ 5 câu 7 dưới (*mấy*). Chúng đều vần trắc.

Chữ cuối câu 7 dưới (*dầu*) vần với chữ cuối câu 6 dưới (*màu*). Chúng đều vần bằng.

Cách nói tương phản đối nghĩa: *Chàng thì đi... / Thiếp thì về...*: thực trạng chia li đã diễn ra trong hai cảnh đối lập nhau: *chàng: côi xa mưa gió / thiếp: buồn cũ chiều chẵn*. Sự cách ngăn ấy thật khắc nghiệt khiến cho nỗi sầu chia li bao phủ cả không gian cảnh vật: *tuôn màu mây biếc, trái ngàn núi xanh*. Câu thơ như trải dài ra, cùng với hình ảnh mây biếc, núi xanh gợi lên cái độ mênh mông, cái tầm vũ trụ của nỗi sầu chia li đó.

Nỗi sầu đó được tô đậm thêm trong khổ hai: Tiếp tục dùng cách nói tương phản, đối nghĩa: *Chàng còn ngoảnh lại / Thiếp hãy trông sang* cùng với hình thức điệp từ và đảo vị trí của hai địa danh Hàm Dương, Tiêu Tương (chú ý: Chốn Hàm Dương thành cây Hàm Dương, bến Tiêu Tương để tiếp tục diễn tả nỗi sầu chia li trong độ tăng trưởng (ở khổ trên, mới nói đến sự cách ngăn, ở khổ thơ này, sự cách ngăn đã là mấy trùng).

Nỗi sầu đó được tiếp tục nâng cao trong khổ cuối:

Vẫn tiếp tục cách nói đối nghĩa, điệp từ, điệp ý nhưng âm điệu câu thơ ở đây như day dứt hơn khi nỗi sầu chia li đã được dâng lên đến cực độ: *Cùng trông lại / cùng chẳng thấy*, chỉ còn một màu xanh

mênh mông của ngàn dâu xanh xanh đã chuyển thành xanh ngắt như đọng lại trong nỗi sầu của người chinh phụ. Chữ *sầu* trong câu thơ cuối đã trở thành khối sầu, núi sầu của cả đoạn thơ mà dư vị, vang của nó vẫn còn lan tỏa mãi không thôi...

Cần lưu ý kiểu điệp từ ở khổ cuối. Nó tiêu biểu cho sự phong phú, đa dạng của điệp từ trong *Chinh phụ ngâm khúc*.

Lặp trong một câu:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy. (tiếng 1 và 5)

Lòng Chàng ý Thiếp *ai* sầu hơn *ai*? (tiếng 5 và 7)

Đặc biệt là lặp giữa các câu:

Chữ "*thấy*" cuối câu 1 lặp chữ đầu câu 2.

Hai chữ "*ngàn dâu*" cuối câu 2 lặp hai chữ đầu câu 3 người ta thường nói đây là kiểu lặp tiếp nối cho thấy tâm trạng sầu chia li cứ dần dặc, liên tục không thể nguôi quên được. Vì thế mỗi lúc một đau đớn, héo hon.

Có thể thấy thêm ở từ *xanh xanh* câu 2 ở vị trí tiếng 2, 3 lặp với từ *xanh ngắt* ở câu 3 vị trí tiếng 3, 4 của câu thơ 6 tiếng.

Các vị trí lặp rất đa dạng cho thấy tâm trạng đau buồn cũng rất phức tạp. Những nỗi *sầu muộn* này đã giày vò người chinh phụ từ nhiều phía. Ở bất cứ thời gian nào, nhìn bất cứ sự vật nào lòng người cũng tái tê, róm rớm.

BÀI SỐ 39: Suy nghĩ về bài thơ *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan).

Bài làm

Đèo Ngang (thuộc dãy núi Hoành Sơn) là một đề tài quen thuộc đối với các thi nhân Việt Nam xưa nay. Tuy nhiên, trong hàng loạt tác phẩm (*Đăng Hoành Sơn* của Cao Bá Quát, *Quá Hoành Sơn* của Nguyễn Khuyến, *Hoành Sơn xuân vọng* của Nguyễn Thượng Hiền,...) có lẽ bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan được đánh giá là hay nhất, thành công nhất. Chỉ bằng những nét phác họa có tính ước lệ mà rất có hồn, tác giả đã vẽ nên bức tranh về cảnh Đèo Ngang trong buổi chiều tà thật sống động. Nào là cảnh *cỏ cây chen đá lá chen hoa*; nào là hình ảnh *vài chú tiều lom khom dưới núi*, *mấy nhà chợ lác đác bên sông*,... Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà Bà Huyện Thanh Quan tả Đèo Ngang trong buổi chiều tà. Liên hệ với một số sáng tác khác của bà, ta sẽ thấy bà rất hay nói tới khoảng thời gian này. Đó là *bóng tịch dương* trong bài *Thăng Long thành hoài cổ*; đó là *bóng hoàng hôn* trong bài *Chiều hôm nhớ nhà*. Cái khoảnh khắc chuyển giao giữa ngày

và đêm ấy hình như thường gieo vào lòng người cảm giác buồn man mác, nhất là đối với một người phụ nữ đang trong hoàn cảnh xa nhà, đứng chân nơi đất khách quê người như Bà Huyện Thanh Quan.

Đặc biệt, trong bài thơ này, nhà thơ đã khéo léo mượn cảnh để tả tình, dùng nghệ thuật chơi chữ đồng âm (con *quốc quốc* - nhớ *nước*; cái *gia gia* - thương *nhà*) để gửi gắm nỗi niềm hoài cổ của mình. Tâm sự hoài cổ ấy đã thấm đẫm trong từng ý thơ và đọng lại ở hình ảnh kết thúc bài: *Một mảnh tình riêng, ta với ta*. Trong buổi chiều tà, người nữ sĩ ấy đối mặt với trời, non, nước chốn Đèo Ngang để rồi quay trở lại với chính lòng mình, lẻ loi, cô độc, không có người tri âm để giải bày, tâm sự.

Về hình thức nghệ thuật, bài thơ được đánh giá là một tác phẩm đạt tới mức độ chuẩn mực của thơ Đường thất ngôn bát cú (chuẩn mực trong đề tài, bố cục, trong cách dùng từ ngữ, hình ảnh ước lệ), tạo nên vẻ dài các, trang nhã. Bên cạnh đó, nhà thơ đã chủ động khai thác sự phong phú đặc sắc của ngôn ngữ tiếng Việt qua hệ thống các từ láy tượng hình, tượng thanh, cách chơi chữ đồng âm,...

BÀI SỐ 40: Cảm nhận bài thơ Qua Đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan). *Bài làm*

Ma lực nào tạo nên sự cuốn hút ghê gớm của bài thơ *Qua Đèo Ngang*? Tên một con đèo, địa giới tự nhiên giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình đã đi vào thơ, đã làm cho tên tuổi Bà Huyện Thanh Quan trở thành bất tử.

Hãy khẽ ngâm và lắng nghe âm điệu réo rắt, du dương của bài thơ kiệt tác này:

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật tả cảnh Đèo Ngang lúc chiều tàn và nỗi lòng của người lữ khách.

Câu thơ phá đề mở ra một không gian nghệ thuật là “Đèo Ngang”, một thời gian nghệ thuật là “bóng xế tà”, một tâm trạng nghệ thuật,

đó là sự ngạc nhiên của người lữ khách lần đầu “bước tới” một miền đất lạ. “Bóng xế tà” là lúc ngày tàn, mặt trời đã gác núi, cảnh vật đi dần vào trạng thái yên tĩnh nghỉ ngơi.

Khoảnh khắc ấy đối với lữ khách đứng trước con đèo xa lạ, sao mà chẳng buồn? Chữ “tà” của vãn thơ như một tiếng lòng ngân nga, rung động man mác buồn:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Hai chữ “bước tới” gọi cho người đọc đoán định thời điểm nữ sĩ viết bài thơ này hơn 150 năm về trước, đó là khi nữ sĩ trên đường thiên lí vào kinh đô Phú Xuân nhận chức nữ quan “Cung trung giáo tập” của triều Nguyễn.

Câu thơ thứ hai mở ra một thế giới, một cảnh sắc nơi con đèo “Đệ nhất hùng quan” của Đại Việt. Cũng có cỏ và cây, tất cả phải “chen” với đá. Cũng có lá nhưng phải “chen” với hoa, hoa dại, hoa mua, hoa sim. Điệp từ *chen* gợi tả cảnh hoang vu, hoang dại của thiên nhiên nơi con đèo. Hai tiếng “đá” và “lá” ở giữa câu thơ vần với nhau (vần lưng) phối âm với vần chân (tà - hoa) đã làm cho nhạc điệu trầm bổng, réo rắt, đọc lên nghe rất thú vị:

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*

Từ trên con đèo, người lữ khách nhìn về chân núi, trông về dòng sông dưới chân đèo xa xa. Điểm nhìn hướng về mấy chú tiểu phu đang “lom khom” gánh củi dưới núi, rồi trông về mấy nhà “lác đác” chợ bên sông. Từ láy “lom khom” gợi tả sự vất vả của tiểu phu khi gánh củi đè nặng trên vai, đang từng bước từng bước xuống dốc núi. Từ tượng hình “lác đác” làm nổi bật sự thưa thớt, lèo tèo mấy lều chợ miền núi ngày xưa. Nghệ thuật đảo ngữ và phép đối làm cho không gian nghệ thuật Đèo Ngang thêm phần hoang sơ, hoang vắng. Trước cảnh vật ấy, thế giới ấy, lữ khách càng cảm thấy lẻ loi, cô đơn. Bút pháp tả cảnh ngụ tình của nữ sĩ rất tinh tế. Cảm xúc của thi nhân như thấm sâu vào dáng hình “lom khom”, vào đường nét “lác đác” trong màu vàng nhạt, vàng thẫm của “bóng xế tà”:

*Lom khom dưới núi tiêu vài chú.
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.*

Miền đất lạ, tuy có núi và sông, có mấy nhà chợ, có vài chú tiểu phu, nhưng đối với lữ khách lúc chiều tàn vẫn hoang vắng cô liêu.

Trời tối dần, bóng hoàng hôn bao phủ Đèo Ngang. Bút pháp nghệ thuật của thi pháp Đường thi được nữ sĩ vận dụng tài tình. Cảnh đèo

trở nên hoang vắng khi tiếng chim cuộc gọi đàn, khi tiếng chim gia gia giục giã. Con cuộc cuộc kêu hoài như tiếng của “người xưa” thiết tha “nhớ nước đau lòng”... Cái gia gia gọi bầy trong nỗi niềm “thương nhà mỗi miệng”. Tiếng chim cuộc gọi đàn cũng chính là tâm trạng “nhớ nước thương nhà” của li khách. Nữ sĩ từ kinh kì Thăng Long của đất “Đàng Ngoài”, nơi chôn nhau cắt rốn của mình lần đầu đi vào xứ: “Đàng Trong” sao không khỏi “nhớ nước” và “đau lòng”? Thương loài chim rừng “đau lòng” và “mỗi miệng” chính là tiếng than tự thương mình. Ở phần luận bài *Qua Đèo Ngang*, khúc nhạc rừng cũng là khúc nhạc lòng buồn thương của nữ sĩ:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỗi miệng cái gia gia.*

Một lần nữa, phép đối của Đường luật, biện pháp đảo ngữ được vận dụng một cách điêu luyện làm cho vần thơ vang lên trong nhạc điệu du dương, trong ngôn từ hài hòa cân xứng. Có thể nói đây là những vần thơ truyền cảm nhất, khi nói về một nỗi buồn đẹp: nhớ nước, thương nhà.

Hai câu kết cực tả nỗi niềm cô đơn, lẻ loi của li khách khi đứng trên đỉnh Đèo Ngang lúc hoàng hôn. Chầm chậm bước, rồi “dừng chân đứng lại” nhìn cao, nhìn xa, nhìn về bốn phía chỉ thấy “trời non nước” bát ngát mênh mông. Giữa vũ trụ bao la ấy, nữ sĩ cảm thấy nỗi riêng của lòng mình tan ra thành “mảnh”. Chẳng thấy quê nhà, chẳng có người thân thương (chồng, con), chỉ có “ta với ta”:

*Dừng chân đứng lại trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Ba chữ “ta với ta” đã thể hiện một cách sâu sắc xúc động nỗi buồn nhớ gia đình quê hương, nỗi niềm lẻ loi, cô đơn của nữ sĩ. Tâm trạng ấy một lần nữa tác giả nói đến trong bài *Chiều hôm nhớ nhà*:

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.*

“Thơ là tiếng lòng của thi nhân”, thi sĩ Tô Đông Pha đã nói như vậy. Ba chữ *ta với ta*, trong bài *Qua Đèo Ngang* nói lên nỗi buồn cô đơn lẻ loi của khách li hương. Trong câu thơ của Nguyễn Khuyến:

*Đâu trò tiếp khách trâu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.*

thì ba chữ “ta với ta” thể hiện một tình bạn tri âm tri kỉ. Bác cũng là ta, ta cũng bác, hai ta chan hòa trong một tình bạn thắm thiết thủy chung, cao đẹp. Qua đó, ta càng thấy rõ cá tính sáng tạo của hai nhà thơ Nôm lỗi lạc của dân tộc.

Trong bài thơ *Qua Đèo Ngang* có tả thực, có ước lệ tượng trưng, có lối tả phác họa chấm phá, có lấy động nói tĩnh, lấy điểm để gợi diện, lấy ngoại cảnh để phô diễn tâm cảnh, cho thấy một hồn thơ rất tài hoa. Cảm xúc và tâm hồn nữ sĩ nổi buồn cô đơn, nỗi nhớ quê, nhớ nhà của khách li hương như thấm sâu vào cảnh vật.

Nghệ thuật gieo vần, phép đối và đảo ngữ, tả cảnh ngụ tình đã làm cho nhạc điệu thơ du dương, réo rắt. Ngôn từ trang nhã, điệu thơ trang trọng, khoan thai. Đó chính là ma lực tuyệt vời của áng thơ tuyệt bút này. Đó là hồn thơ của Bà Huyện Thanh Quan từng làm cho triệu triệu người ngâm nga ngưỡng mộ *Qua Đèo Ngang* gần hai thế kỉ nay.

BÀI SỐ 41: Hiểu và nghĩ về nội dung – nghệ thuật của bài thơ *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan).

Bài làm

Bà Huyện Thanh Quan (? - ?), tên thật là Nguyễn Thị Hình, người làng Nghi Tàm nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội. Chồng bà làm tri huyện Thanh Quan (thuộc Thái Bình ngày nay), do đó có tên gọi là Bà Huyện Thanh Quan. Bà là một nữ sĩ vào loại tài danh hiếm có thời phong kiến. Tác phẩm của bà hiện còn lại sáu bài thơ trong đó có bài *Qua Đèo Ngang* nổi tiếng.

Bài thơ này được viết theo thể thất ngôn bát cú. Đây là một trong hai dạng cơ bản, phổ biến nhất của thơ Đường luật, gồm thất ngôn bát cú (7 chữ, 8 câu) và thất ngôn tứ tuyệt (7 chữ, 4 câu). Thơ thất ngôn bát cú Đường luật có những quy định rất chặt chẽ về bố cục (tổ chức cơ bản về nội dung và hình thức), luật (quy định về vần, thanh trong cả bài, đối giữa các cặp câu 3 - 4, 5 - 6), niêm (sự liên kết giữa các câu 1 - 8, 2 - 3, 4 - 5, 6 - 7).

Có thể chia bài thơ thành bốn phần (*đề, thực, luận, kết*) theo bố cục thông thường của một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Cảnh vật được miêu tả và lúc chiều tà. Thời điểm đó dễ gợi lên tâm trạng buồn, cô đơn nhất là với người lữ thứ.

Cảnh Đèo Ngang được miêu tả gồm những chi tiết: *cỏ cây, hoa lá, dãy núi, con sông, cái chợ, mấy túp nhà, tiếng chim quốc, chim đa đa và vài chú tiểu phu*. Các chi tiết được tả cho thấy cảnh Đèo Ngang um tùm, rậm rạp. Con người thì ít ỏi, thưa thớt. Các từ láy: *lom khom, lác đác*, các từ tượng thanh: *quốc quốc, gia gia* có tác dụng lớn trong việc gợi hình, gợi cảm và càng gợi lên cảm giác hoang vắng, quạnh hiu.

Cảnh Đèo Ngang là cảnh thiên nhiên, núi đèo bát ngát, thấp thoáng có sự sống của con người nhưng rất hoang sơ. Cảnh được miêu

tả vào lúc chiều tà, lại được nhìn từ tâm trạng của kẻ xa quê nên cảnh gợi lên cảm giác buồn, hoang sơ, vắng lặng.

Có thể thấy, ẩn giấu sâu kín sau bức tranh thiên nhiên là tâm trạng của người lữ thứ (Bà Huyện Thanh Quan). Đó là tâm trạng buồn, cô đơn, hoài cổ. Đọc bài thơ, ta cảm nhận được tiếng kêu da diết của chim quốc, chim đa đa cũng chính là tiếng lòng tha thiết nhớ nhà, nhớ quá khứ của đất nước.

Câu thơ cuối cùng chính là cao trào của nỗi buồn, nỗi cô đơn của người khách xa quê. Nó được miêu tả một cách trực tiếp (*Một mảnh tình riêng, ta với ta*).

Giữa cảnh trời, non, nước và một mảnh tình riêng có quan hệ đối lập nhau. Cảnh càng rộng lớn thì tình càng cô đơn, con người càng nhỏ bé. Như thế, rõ ràng cảnh góp phần khiến nỗi cô đơn của tác giả càng lớn hơn, nặng nề hơn.

Bài thơ là một mẫu mực cho thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật về mọi phương diện: từ số câu, số chữ đến cách hiệp vần, niêm, đối. Thế nhưng bài thơ không hề cứng nhắc, trái lại nó rất trang nhã, hàm súc, đặc biệt rất dồi dào về âm hưởng.

Tóm lại, với những nét bút trang nhã, nhà thơ đã vẽ nên cảnh Đèo Ngang thoáng đặng mà heo hút, tuy có thấp thoáng bóng người nhưng cảnh vật và cuộc sống vẫn còn rất hoang sơ. Người lữ thứ đứng trước khung cảnh thiên nhiên ấy bỗng trào dâng nỗi niềm nhớ nước thương nhà và nỗi buồn lặng cô đơn của người xa xứ.

BÀI SỐ 42: Cảm nhận của em về ba chữ “ta với ta” trong bài thơ Qua Đèo Ngang và Bạn đến chơi nhà.

Bài làm

Bà Huyện Thanh Quan và Nguyễn Khuyến là hai nhà thơ lớn của dân tộc, đều làm quan dưới triều Nguyễn, nhưng trong hai thời kì, hai thế hệ cách xa nhau khoảng nửa thế kỉ. Bà Huyện Thanh Quan là một nữ tài tử hiếm có trong xã hội phong kiến. Nguyễn Khuyến là một bậc tài danh lừng lẫy: “*Tam nguyên Yên Đổ*”.

Hai bài thơ đều viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật; ba chữ “ta với ta” đều nằm cuối bài thơ, trong phần kết:

*Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

(*Qua Đèo Ngang*)

*Dầu trò tiếp khách trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.*

(Bạn đến chơi nhà)

Qua Đèo Ngang tả cảnh con đèo lúc chiều tà và nói lên nỗi buồn của khách li hương; *Bạn đến chơi nhà* thể hiện một tình bạn tri kỉ, chân thành, quý mến. Do đó, về mặt ngôn ngữ tuy giống nhau, nhưng ý nghĩa và sắc thái biểu cảm hoàn toàn khác nhau.

Trời tối dần, người lữ khách đứng trên đỉnh Đèo Ngang vô cùng xúc động “*dừng chân đứng lại*”, bốn chôn trông xa, trông gần chỉ thấy “*trời non nước*” vũ trụ bao la mênh mông. Nỗi buồn thương nhớ gia đình quê hương tưởng như tan nát cả tấm lòng (một mảnh tình riêng) càng cảm thấy lẻ loi cô đơn. Ba chữ *ta với ta* là tiếng thở dài, tiếng than cực tả nỗi buồn cô đơn của khách li hương khi một mình đứng trên đỉnh đèo Ngang trong khoảnh khắc hoàng hôn.

Ba chữ “*ta với ta*” trong bài thơ Nguyễn Khuyến lại có một ý vị riêng. Đã lâu bạn già tâm giao mới đến chơi nhà. Vợ con đều đi vắng cả, chợ lại xa. Không có cơm gà cá gỡ gì để đãi bạn. Không có cải, cà, bầu, bí để tiếp khách. Miếng trầu là đầu câu chuyện cũng không có. Mà chỉ có “*ta với ta*”. “*Ta*” là bác, “*ta*” là tôi, “*ta*” là cả bác với tôi, chan hòa trong một tình bạn tri âm tri kỉ, chân tình, kính mến và quý trọng. Ba chữ “*ta với ta*” biểu hiện một tình bạn đẹp của các nhà Nho ngày xưa.

Qua đó, ta càng thấy rõ phải đặt ngôn ngữ thi ca vào văn cảnh, ngữ cảnh để cảm thụ. Và ta càng thấy rõ cá tính sáng tạo nghệ thuật của các thi sĩ chân tài.

BÀI SỐ 43: Cảm nhận về bài thơ *Bạn đến chơi nhà* (Nguyễn Khuyến).

Bài làm

Bài thơ luật Đường thất ngôn bát cú này có điều gì đặc sắc? Trước hết, nó như là những câu nói tự nhiên buột ra khi gặp bạn tới nhà. Những câu nói quen thuộc thông thường mà bất kì một người chủ nhà nào ở làng quê cũng có thể nói với bạn mình khi đến chơi. “*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà*” giản dị như lời chào khi gặp nhau. Cụ Nguyễn Khuyến hình như không phải nghĩ ngợi xem phả đề, thừa đề thì nói gì, viết gì. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, cứ nô nức nói ra mà lại thành thơ, như là “xuất khẩu thành chương” vậy.

Nhà thơ gọi bạn là bác, một cách gọi vừa nể trọng vừa thân mật tao nhã (ta nhớ đến Dương Khuê một người bạn thân thiết của nhà

thơ. Khi ông mất, mở đầu bài thơ khóc bạn, Nguyễn Khuyến cũng viết “Bác Dương thôi đã thôi rồi”). Một người bạn quý đến chơi, mà rõ ràng người bạn này ít đến chơi vì “đã bấy lâu nay”. Có thể là bận việc, mà cũng có thể là do xa xôi cách trở đò giang. Chúng tôi cứ ngỡ rằng bạn của nhà thơ phải khác làng, khác tổng, chứ nếu bạn láng giềng thì bạn mấy cũng vẫn có thể đến chơi chốc lát thường xuyên. Vả lại, nếu bạn ở gần hẳn không phải lo ngay đến cái chuyện “ăn uống”, đem nó ra nói ngay với bạn sau lời chào hỏi mừng rỡ. Vậy là, một người bạn thân, một người bạn ít khi đến thăm nhau được, một người bạn vượt đường xá xa xôi đã đến thăm: Quý vô cùng. Nhưng éo le thay, những người có thể giúp đỡ việc bếp núc thì đều không có ở nhà để sai bảo nhờ mượn. Chợ búa thì cũng xa, không thể “ù” một loáng ra mua đồ ăn thức nhắm. Vậy nên cuộc gặp gỡ hiếm hoi này không thể làm cho chàng hoàng được theo ý chủ nhân. đành phải tiếp bạn chỉ bằng những thứ “cây nhà lá vườn”.

Không đi chợ được thì dùng những thực phẩm tự nuôi trồng. Cá và gà cũng không phải là loại thức ăn xoàng “cơm gà cá gỏi” vẫn là món sang. Than ôi lại rủi thay:

*Ao sâu nước cạn, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.*

Làm sao mà bắt cá được khi chẳng những ao sâu còn thêm nước cạn! Không có cá thì gà. Nhưng vườn rộng đã khó đuổi, lại còn thêm rào thưa. Thành ra món gà cũng đành chịu. Không có thực phẩm chủ lực thì “rau dưa” vậy. Lại cũng không may nốt:

*Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.*

Về hai câu thơ này nhà thơ Xuân Diệu cảm thụ và bình luận thật tinh tế: “Hai câu 5 và 6 cùng nằm trong mạch văn “xin bạn thông cảm ấy” nhưng tách nó đứng riêng ra (...) bỗng nhiên nó vượt phạm vi một mâm cơm mà có một thi vị bao trùm như thơ Pastorale (thơ đồng áng) nổi tiếng ngày xưa của văn học thế giới, đó là cái hồn xanh của vườn tược: các thứ rau, đậu, quả... mới nhú, vừa nụ, rụng rốn, đang hoa... tất nhiên có đất xới, có hơi ẩm, có ánh nắng, có hương bay, có kiến leo, có ong đến.

Về độc đáo của những câu thơ phần thực và phần luận này là ở chỗ nào? Chính là ở chỗ: nhà thơ nói có đủ thứ để tiếp đãi bạn nhưng lại là không có một cái gì cả.

Có cá nhưng không bắt được cá, thành ra không có.

Có gà nhưng không đuổi được gà, thành ra không có.

Có đủ các loại rau, nhưng còn chưa dùng được thành ra không có. Đây là cách nói hóm hỉnh, cách nói “sang” chứ không có ý than nghèo hay kể túng. Nghĩa là chủ nhân có đủ mọi thứ và sẵn sàng hào phóng đãi bạn, nhưng hiềm vì các “lí do” hết sức chính đáng nên không thực hiện được ý định.

Câu thơ tiếp theo:

Đầu trò tiếp khách, trầu không có

Anh bạn đồng hương Hà Nam Ninh của chúng tôi bảo rằng đây không phải là “không có trầu” mà phải hiểu rằng mọi thứ đều không có, riêng “trầu không” thì có. Tức là phải ngắt nhịp câu thơ khác đi: trầu không - có. Nghĩa là cái để tiếp khách duy nhất chỉ có “trầu không”. Trầu không có thể hiểu là danh từ chỉ trầu mà cũng còn có thể hiểu chữ “không” có độc một món trầu. Toàn bộ lời thơ có thể diễn nôm ra là: mọi thứ để tiếp bác đều có cả nhưng không lấy được, không dùng được, duy chỉ có thứ trầu suông, xin bác dùng tạm rồi ta hàn huyên trò chuyện. Anh bạn lập luận: Nếu không hiểu là không có trầu, tức là cái tối thiểu nhất mà cũng không có thì chẳng hoá ra nhà thơ quá nghèo túng, và như vậy sẽ “lộ” ra cái sự nghèo, và những lí do rất hợp lí ở trên bỗng nhiên thành ra không đáng tin nữa!

Vùng quê Hà Nam Ninh có nhiều nơi gọi trầu là trầu không. Cách hiểu của anh bạn rõ ràng khá sáng tạo bất ngờ nên lí thú. Song chúng tôi vẫn thiên về ý cho rằng câu thơ nói “không có trầu” và hiểu như vậy mới đúng với tinh thần của cả bài thơ. Thứ nhất, tất cả tên các thứ cây trong bài đều dùng từ đơn để gọi: cải, cà, bầu, mướp, trầu. Mặt khác câu thơ trên đều trình bày theo một góc độ: có đấy mà không có đâu. Vì sao có mà không đều nêu ra các lí do hợp lí. Riêng câu thơ này trình bày khác hẳn: trầu không có. Không hề giải thích vì sao không có. Một cách trình bày có dụng ý. Té ra, những chuyện trên chỉ là nói cho sang, cho vui vậy thôi. Trầu không, thứ rẻ tiền nhất phổ thông nhất “Ba đồng một mớ trầu cay”, ấy vậy mà còn không có thì làm sao mà tin được rằng sẽ có đủ các thứ cao sang nói ở hai câu 3 và 4. Cái cười ý vị bật ra từ chỗ đó.

Thứ hai, như đã nói, người bạn đến chơi là một người bạn thân thiết, người “đồng thanh đồng khí” chứ có phải ai xa lạ đâu mà nhà thơ phải giấu cái nghèo đi. Có phải nhà thơ nghèo đến mức không có trầu ngay cả khi tiếp bạn hiền hay không? Đôi người căn cứ vào câu đối khóc vợ “nhà chửi cũng nghèo thay...” câu thơ trong bài *Chốn quê*: “Sớm trưa đưa muối cho qua bữa - Chợ búa trầu chè chẳng dám mua”, và bài thơ

nhận phần thịt cho của một người tốt bụng rồi “ôm mặt khóc” suy ra nhà thơ rất nghèo túng và cho rằng nhà thơ nói thật cảnh nghèo với bạn. Theo chúng tôi cái cách xem xét “kinh tế học” như vậy làm nghèo nàn sự cảm nhận văn chương đi nhiều lắm.

Thứ ba, cả mạch văn trình bày sự không có một tí gì về vật chất, ngay cả miếng trầu là thứ đơn giản nhất, tối thiểu nhất cũng không có chính là để chuẩn bị cho câu kết:

Bác đến chơi đây, ta với ta

Đâu cần gì phải có cá, gà hay rau dưa, trầu nước mới là vui, mới là sang, mới tỏ được thịnh tình và lòng mến khách của chủ nhà? Cao hơn cả mọi thứ vật chất, cao hơn cả mọi thứ nghi thức, chỉ nhìn thấy nhau là đủ sung sướng vui mừng. Nhà thơ Xuân Diệu đã nhận xét chính xác: “Cái ý của tác giả rất rõ: tình bạn tự nó đã là một bữa tiệc của tinh thần, cũng như Nguyễn Trãi đã nói với bạn mình năm trăm năm trước: hai bữa mừng nhau một mặt không, vui sướng nhìn nhau cũng đủ no rồi”.

Chúng ta hãy dừng lại một chút để thưởng thức vẻ đẹp cách viết câu thơ kết: “Bác đến chơi đây, ta với ta”. Quả thật nếu nhà thơ viết “ta với nhau” thì sẽ giảm thú vị đi rất nhiều, ấy chưa kể đến việc bị lạc vần. Chữ “ta” là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, số nhiều trong tiếng Việt. Nhưng tiếng ta vốn không chặt chẽ về phạm trù “giống và số” như các nước châu Âu. Trong ca dao, trong thơ, “ta” được dùng khá linh hoạt. Khi thì chỉ ngôi thứ nhất số ít:

Mình về có nhớ ta chăng

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.

Khi thì chỉ ngôi thứ nhất số nhiều:

Em ơi chưa ngọt đã từng

Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.

Nhưng có lẽ hình như chữ “ta” thiên chỉ về ngôi thứ nhất số ít chẳng, nên một số trường hợp để nhấn mạnh và cụ thể hoá số nhiều, người ta nói thêm: hai ta, đôi ta, ba ta, chúng ta, Nguyễn Khuyến đã từng viết “ta” với cả hai ý nghĩa trên. “Ta” ngôi thứ nhất số ít:

- Dương say ta chẳng biết là hoa

(Ta ơn người cho hoa)

- Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta

(Khóc Dương Khuê)

- Bóng người ta nghĩ bóng ta

Bóng ta ta nghĩ hoá ra bóng người.

(Bóng đèn cô đầu)

và “ta” ngôi thứ nhất số nhiều:

- *Đôi lứa như ta được mấy người.*

(*Gửi bác Châu Cầu*)

- *Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi.*

(*Nước lụt Hà Nam*)

Đặc sắc của việc viết “ta với ta” trong bài thơ này ở chỗ do tính mềm dẻo, uyển chuyển của đại từ này nên nó chỉ nhiều đấy nhưng lại là ít đấy, hai đấy nhưng lại là một đấy. Thêm nữa ở đầu bài đã nhắc “trẻ thời đi vắng” chỉ có mình tác giả ở nhà. Một mình dễ cô đơn lẻ loi, may được bạn tới thăm thì thật là vui. Ta với ta, hai chữ ta tượng hình lên như hai người bạn sống đôi, đối diện nhau qua chữ “với” khẳng khít và hoà hợp tưởng như không tách ra được. Nếu có ai hiểu rằng ở đây ta chỉ ngôi thứ nhất số ít cũng không phải là không có cơ sở. Vì thật ra, có hai người: bạn và nhà thơ, nhưng hai người ấy, với tình cảm cao thượng và thanh khiết như vậy thì “hai” cũng là “một” đấy thôi!

BÀI SỐ 44: Suy nghĩ về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Bạn đến chơi nhà* (Nguyễn Khuyến).

Bài làm

Nguyễn Khuyến (1835 - 1909), người thôn Vị Hạ (làng Và), xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Vì thi đỗ đầu cả ba kì thi Hương, thi Hội, thi Đình nên có tên gọi Tam Nguyên Yên Đỗ. Nguyễn Khuyến làm quan chừng 10 năm, rồi cáo quan về ở ẩn.

Nguyễn Khuyến là một nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ của ông gồm cả chữ Nôm và chữ Hán, hầu hết được sáng tác vào giai đoạn khi ông đã từ bỏ chốn quan trường.

Bạn đến chơi nhà là một bài thơ trữ tình đặc sắc được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Bài thơ này có một bố cục khá độc đáo. Có thể thấy bảy câu thơ đầu hợp thành một ý (những thiếu thốn (do tác giả cố tình dựng nên) về vật chất) và câu thứ tám làm thành một ý riêng (cái đáng trọng nhất của tình bạn ấy là sự đậm đà, thấm thiết).

Như trên đã nói, bài thơ này thuộc thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Căn cứ vào số câu (8 câu), số tiếng của mỗi câu (7 tiếng), vào sự gieo vần (vần chân “a” được gieo ở các câu 1, 2, 4, 6, 8) và vào tính chất đối của các cặp câu 3 với 4, câu 5 với 6 ta sẽ thấy được điều này.

Bài thơ lập ý bằng cách dựng nên tình huống không có gì để tiếp bạn, nhưng vẫn thể hiện được tình bạn đậm đà thấm thiết.

Theo nội dung câu thứ nhất (*Dã bấy lâu nay, bác tới nhà*), thì đáng ra, Nguyễn Khuyến phải tiếp đãi bạn thật chu đáo và tử tế.

Nhưng sáu câu kế tiếp, nhà thơ lại vẽ ra một hoàn cảnh rất đặc biệt để tạo ra sự đùa vui: Có sẵn mọi thứ nhưng hoá ra lại không có thứ gì. Vật chất muốn đầy đủ nhất nhưng lại cứ giảm đi, đến chỗ không còn một chút gì hết. Vì vậy tiếp bạn chỉ còn có mỗi cái tình. Tạo ra tình huống như vậy, vừa đùa vui, vừa nói lên sự mong ước tiếp đãi chu đáo cả vật chất lẫn tinh thần, lại vừa nhấn mạnh được cái tình. Chỉ một sự chân tình có thể đủ bù đắp những thiếu hụt vật chất.

Câu thứ 8 và cụm từ *ta với ta* nhấn mạnh tình cảm tri âm không cần phải vật chất đầy đủ mà chỉ cần cái tình chân thực thôi. Những người tri âm, tri kỉ có khi chỉ cần gặp nhau ngâm mấy câu thơ, đàn vài bản nhạc là đã đủ vui rồi. Tình cảm không cứ nhất thiết phải có đầy đủ vật chất mới vui là như vậy.

Qua cách ứng xử của nhà thơ, có thể nhận thấy, với bạn, Nguyễn Khuyến rất quan tâm đến bạn, muốn tiếp bạn thật là chu đáo. Đồng thời, chúng ta cũng thấy trong tình bạn, Nguyễn Khuyến rất coi trọng cái tình, coi trọng sự cung kính trong tình bạn.

Đặc sắc của bài thơ là ở chỗ: tuy là thơ Đường luật nhưng ý tứ lại được diễn đạt như những lời nói thường với những câu thơ tự nhiên, mộc mạc, giản dị. Bài thơ hay cũng bởi nhà thơ đã tạo ra được cái giọng điệu vui tươi, hóm hỉnh pha chút trào lộng đầy tinh tế.

Tóm lại, với một cách lập ý rất táo bạo, bài thơ của Nguyễn Khuyến thêm một lần nữa khẳng định: tình bạn đậm đà, thâm thiết cốt nhất là ở tấm lòng yêu kính lẫn nhau.

BÀI SỐ 45: Hiểu và nghĩ về bài thơ *Bạn đến chơi nhà* (Nguyễn Khuyến).

Bài làm

Dù đặt trong mạch thơ ca viết về đề tài tình bạn hay đặt trong sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Khuyến nói riêng và thơ Nôm Đường luật Việt Nam nói chung, thì bài thơ *Bạn đến chơi nhà* cũng được đánh giá là một trong những tác phẩm hay nhất. Thành công của bài thơ là đã đặt ra được một tình huống đặc biệt trở trêu (bạn quý đến chơi nhà mà không có một thứ gì để tiếp đãi), để rồi trong hoàn cảnh ấy ngời lên một tình bạn cao đẹp, trong sáng, hồn nhiên, dân dã. Bức thông điệp mà Nguyễn Khuyến muốn gửi tới mọi người là: Tình bạn cao đẹp cốt ở tấm lòng chân thành, đâu cần đến vật chất tầm thường hay những thủ tục lễ nghi khách sáo.

Về nghệ thuật, bài thơ có một vẻ đẹp dung dị với những lời thơ thuần khiết, mộc mạc, nhuần nhị, hồn nhiên. Đặc biệt là Nguyễn Khuyến đã phá bỏ ràng buộc về bố cục của bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú, tạo cho bài thơ một kết cấu riêng hết sức độc đáo với ba phần:

Phần 1: câu mở đầu (giới thiệu tình huống)

Phần 2: sáu câu giữa (trình bày hoàn cảnh)

Phần 3: câu kết (khẳng định quan niệm về tình bạn)

Ngoài ra, Nguyễn Khuyến cũng sử dụng rất khéo léo cách nói thậm xưng. Bởi một lẽ rất dễ hiểu, là một ông quan lớn trong triều lui về quê sống an nhàn ẩn dật, dẫu có thanh bạch thì cũng không nghèo tới mức bạn quý tới chơi nhà mà đến miếng trầu cũng không có để tiếp đãi. Vả lại, qua lời giới thiệu với nghệ thuật liệt kê trong bài thơ, ta thấy cụ Tam Nguyên Yên Đổ rất tự hào về cuộc sống ẩn dật với thú điền viên của mình: ông có vườn rộng, có ao sâu thả cá, có gà, có cải, cà, bầu, mướp. Việc thất lễ với khách chẳng qua chỉ là do hoàn cảnh khách quan (trẻ đi vắng, chợ xa, ao sâu nước cả, vườn rộng rào thưa, rau quả chưa đến mùa thu hoạch). Câu kết khép lại bài thơ đã đưa ra một lời lí giải thật bất ngờ mà sâu sắc: *Bác đến chơi đây, chỉ cần ta với ta* là đủ.

Bài thơ trữ tình có sử dụng bút pháp trào lộng, nói quá để cười cho vui, nhưng ẩn sau đó là một tấm lòng chân thành, một quan niệm cao đẹp về tình bạn chân chính, để rồi khi đọc bài thơ, ta như cảm nhận được nụ cười hóm hỉnh và tấm lòng đôn hậu của cụ Nguyễn Khuyến gửi gắm trong từng chữ, từng lời.

BÀI SỐ 46: Hiểu và nghĩ về nội dung – nghệ thuật bài thơ *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương).

Bài làm

Hồ Xuân Hương (? - ?), hiện chưa rõ về lai lịch. Nhiều tài liệu cho rằng, bà là con Hồ Phi Diễn (1704 - ?), người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Ông thân sinh ra Bắc dạy học, lấy vợ lẽ và sinh ra Hồ Xuân Hương. Hồ Xuân Hương từng sống ở Hà Nội. Bà gặp nhiều trắc trở về chuyện tình duyên.

Bài *Bánh trôi nước* được sáng tác theo thể thất ngôn tứ tuyệt (Đường luật). Bài thơ gồm bốn câu, mỗi câu bảy chữ, ngắt theo nhịp 4/3 truyền thống. Vẫn được gieo ở cuối câu 1 câu 2 và câu 4.

Triển khai phân tích bài thơ theo bố cục bốn phần: *khai, thừa, chuyển, hợp*.

Bài thơ này được làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, vì bài thơ tuân thủ đúng những quy định về luật thơ của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt (luật Đường):

Bài thơ gồm bốn câu.

Mỗi câu có 7 chữ và ngắt nhịp 4/3.

Vần được gieo ở cuối các câu 1, 2, 4.

Nghĩa thứ nhất của bài thơ thuộc về nội dung miêu tả bánh trôi nước khi đang được luộc chín. Nghĩa thứ hai thuộc về nội dung phản ánh vẻ đẹp, phẩm chất và thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Với nghĩa thứ nhất, Hồ Xuân Hương đã miêu tả lại hình dáng của chiếc bánh cũng như các công đoạn làm ra chúng. Bánh có màu trắng của bột, bánh được nặn thành những viên tròn, bánh *rắn* hay *nát* đúng là phụ thuộc vào tay người nặn (cho nước nhiều hay ít). Bánh luộc bằng cách đun sôi nước. Khi chín, bánh sẽ nổi lên.

Với nghĩa thứ hai, hình ảnh *bánh trôi nước* trở thành biểu tượng, biểu trưng cho người phụ nữ xưa, với những khía cạnh như:

Hình thức: xinh đẹp.

Phẩm chất: trong trắng, dù gặp cảnh ngộ vẫn giữ được sự son sắt, thủy chung, tình nghĩa.

Thân phận: nổi trôi, bấp bênh giữa cuộc đời.

Trong hai nghĩa này, nghĩa thứ hai là nghĩa chính. Nghĩa trước là phương tiện để nhà thơ chuyển tải nghĩa thứ hai. Nhờ có nghĩa thứ hai mà bài thơ mới có giá trị tư tưởng.

Bài thơ rất thành công vì đã xây dựng được một hình ảnh biểu tượng, một ẩn dụ. Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên mà vẫn ý vị, vẫn gợi ra nhiều liên tưởng sâu xa.

Bánh trôi nước là một bài thơ vịnh vật độc đáo. Nhưng vịnh món ăn dân tộc chỉ là một cái cớ để nhà thơ bộc bạch lên thân phận và tấm lòng của người phụ nữ với một niềm cảm thương sâu sắc.

BÀI SỐ 47: Cảm nhận bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương.

Bài làm

Mượn hình ảnh bánh trôi nước Hồ Xuân Hương muốn nói đến thân phận và phẩm giá của người phụ nữ Việt Nam.

Ngay câu đầu tiên:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Tác giả đã diễn tả bánh trôi nước làm bằng bột nếp trắng tinh, dáng bánh tròn tròn xinh xắn trông thật đẹp mắt. Hai chữ “thân em” nữ sĩ mượn từ ca dao khiến ta nhớ đến những câu hát của người lao

động: “Thân em như miếng cau khô...”, “Thân em như giếng giữa làng...”, “Thân em như tấm lụa đào...”. Qua đó, câu thơ gợi đến vẻ đẹp của tác giả cũng như của người phụ nữ Việt Nam. Bằng hai tính từ “trắng”, “tròn” vẻ đẹp của thân em càng được miêu tả đậm nét hơn. Nhưng ngược lại, hai tiếng “Thân em” cũng gợi đến những sóng gió, bất hạnh trong đời người phụ nữ, nó giống như “gió đập sóng dồi”, “hạt vào dài các, hạt ra ruộng cày”,... Và trong bài thơ này thì đó là:

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Nhìn ở góc độ tả thực, khi nấu bánh trôi, viên bánh ban đầu chìm xuống, khi đã chín thì lại nổi lên, ấy là “bảy nổi ba chìm”. Bằng ngòi bút điêu luyện, nữ sĩ Xuân Hương đã diễn tả cách nấu bánh nhưng ẩn trong đó là nói đến số phận long đong, lận đận “bảy nổi ba chìm” của phận gái đứng trước lễ giáo phong kiến. Không chỉ vậy, ba tiếng “với nước non” còn nâng cao vị thế, tâm vóc của người phụ nữ. Họ phải chịu long đong, vất vả như vậy là vì những công việc sánh ngang tâm vóc với nước cả non cao. Trong câu thơ tiếp bà đã sử dụng nghệ thuật tương phản trong hai từ “rắn” và “nát” để nói lên một sự thật: bánh ngon hay dở thì phụ thuộc vào “tay kẻ nặn”, còn số phận của người phụ nữ hạnh phúc hay bất hạnh đều tùy thuộc vào kẻ khác “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”... Đó là những nỗi khổ cực của người phụ nữ. Họ không được quyền quyết định số phận của mình. Trong ngày hội ngày xưa, phụ nữ chỉ như là một vật dụng, nếu còn giá trị sử dụng thì họ sẽ được coi trọng; ngược lại họ sẽ bị coi rẻ coi khinh.

Nhưng dầu vậy, ở người phụ nữ vẫn toát lên vẻ đẹp của lòng kiên trinh, son sắt:

Mà em vẫn giữ tấm lòng son

Cho dù “rắn” hay “nát” thì chiếc bánh trôi nước vẫn giữ được phần nhân bánh đỏ thắm bên trong. Cũng như người phụ nữ Việt Nam, dù cuộc đời mang nhiều đau thương khổ cực nhưng họ vẫn luôn “giữ tấm lòng son”. Chữ “son” mang ý nghĩa sắt son, chung thủy khi ca ngợi những người nghĩa sĩ bỏ mình cho nước, Nguyễn Đình Chiểu từng viết: “Tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm”. Tố Hữu có câu thơ nổi tiếng nói về tình nghĩa thủy chung của kẻ đi người ở trong *Việt Bắc*: “Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son”. Đó là tấm lòng đối với tình đời, tình người trong cuộc sống. Điều đó càng nâng cao phẩm giá của người phụ nữ, bất chấp điều kiện xã hội nam quyền của chế độ phong kiến luôn đè nặng lên số phận của những người đồng giới với nữ sĩ họ Hồ.

BÀI SỐ 48: Suy nghĩ về nghĩa hàm ẩn của bài thơ *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương).

Bài làm

Bánh trôi nước là một bài thơ tứ tuyệt thể hiện rất đầy đủ những nét phong cách nghệ thuật riêng biệt và độc đáo của nữ sĩ Hồ Xuân Hương - Bà chúa thơ Nôm. Cũng như nhiều sáng tác khác, ở bài thơ này, Hồ Xuân Hương đã chọn một đề tài rất bình dị, mộc mạc (cái bánh trôi nước) để gửi gắm trong đó một chủ đề sâu sắc: phẩm chất và thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ. Đây cũng chính là tính đa nghĩa của tác phẩm.

Hình ảnh và ngôn ngữ trong bài thơ rất dân dã, nôm na, không dùng cách nói ước lệ cầu kì như trong nhiều bài thơ Đường luật của các tác giả khác. Có thể phát hiện nhiều dấu ấn đậm nét của ca dao Việt Nam ở bài thơ *Bánh trôi nước*. Đó là cụm từ *Thân em* mở đầu bài thơ - một cụm từ xuất hiện khá nhiều trong mảng ca dao than thân. Đó là thành ngữ *bảy nổi ba chìm* ở câu thứ hai, là những từ thuần Việt mới nghe qua có vẻ thô mộc mà lại rất giàu tính tạo hình ở câu thứ ba... Tất cả đều thể hiện được một phong cách thơ độc đáo, đầy cá tính của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Viết về cái bánh trôi nước chỉ là cái cớ để Hồ Xuân Hương gửi gắm vào đó những tầng nghĩa hàm ẩn hết sức sâu sắc và thâm thúy. Qua bài thơ, tác giả Hồ Xuân Hương đã kiêu hãnh, tự hào khi ca ngợi vẻ đẹp hình thể (*vừa trắng lại vừa tròn*) và vẻ đẹp tâm hồn (*tấm lòng son*) của người phụ nữ; đồng thời bày tỏ sự cảm thông và bất bình trước số phận chìm nổi, bấp bênh, lệ thuộc của họ. Thực ra, viết về vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến không phải là đề tài mới trong văn học trung đại Việt Nam. Trước Hồ Xuân Hương đã từng có Nguyễn Dữ với tập *Truyện kì mạn lục* (mà tiêu biểu là *Chuyện người con gái Nam Xương*), Đặng Trần Côn với *Chinh phụ ngâm khúc*, Nguyễn Du với *Truyện Kiều*,... Tuy nhiên, nét độc đáo trong bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương chính là ở chỗ người phụ nữ đã tự lên tiếng nói về chính mình. Và tiếng nói ấy không chỉ là lời than thân mà còn là sự khẳng định quyết liệt: khẳng định một vẻ đẹp hoàn mĩ (*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*); khẳng định một bản lĩnh kiên cường, mạnh mẽ (có *bảy nổi ba chìm* thì cũng phải *bảy nổi ba chìm với nước non*); khẳng định một phẩm chất cao đẹp (*giữ tấm lòng son*). Nói một cách khác, lời than thân trong bài thơ đã làm ngời

sáng một nhân cách cao đẹp, một bản lĩnh kiên cường, dám nhìn thẳng vào số phận, vượt lên trên số phận và thách thức với hoàn cảnh sống. Đẹp mà đầy bất hạnh, dịu dàng mà đầy bản lĩnh - đó là chân dung của người phụ nữ thời phong kiến được Hồ Xuân Hương khắc họa trong bài thơ.

BÀI SỐ 49: Cảm nhận bài thơ *Cảnh khuya* của Bác Hồ.

Bài làm

Cảnh khuya là một trong những bài thơ cảm hứng trữ tình đặc sắc, một đóa hoa nghệ thuật tuyệt đẹp của Bác Hồ kính yêu. Năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang diễn ra vô cùng ác liệt, tại chiến khu Việt Bắc, Bác Hồ đã viết một chùm thơ chữ Hán và tiếng Việt. *Cảnh khuya* nằm trong chùm thơ ấy.

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

(*Cảnh khuya* - 1947 - Hồ Chí Minh)

Bài thơ miêu tả cảnh khuya núi rừng một đêm trăng, nói lên những suy tư lo lắng của Bác Hồ đối với vận mệnh của dân tộc.

Hai câu đầu làm hiện lên trước mắt người đọc một bức tranh sơn thủy về cảnh suối rừng, trăng ngàn Việt Bắc. Nhà thơ thao thức lắng nghe tiếng suối chảy trong trẻo từ rừng sâu vọng đến:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

Suối là vẻ đẹp của rừng già Việt Bắc. Bác lấy tiếng suối so sánh với tiếng hát; là khúc nhạc rừng ví với tiếng hát xa, êm ái ngọt ngào của con người, làm cho cảnh khuya chiến khu trở nên gần gũi, mang hơi ấm cuộc đời. Câu thơ làm ta liên tưởng đến tiếng suối trong bài *Côn Sơn ca* của Ưc Trai hơn 600 năm về trước:

Côn Sơn suối chảy rì rầm,

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai...

Hai hồn thơ trở nên gần gũi, thân thiết. Nguyễn Trãi đã về Côn Sơn "*quê cũ*" để xa lánh bụi trần, danh lợi, lấy suối, đá, thông, trúc làm bầu bạn. Bác Hồ đến chốn lâm tuyền Việt Bắc, xây dựng chiến khu đánh Pháp. Suối trở thành bài ca, câu hát nâng đỡ tâm hồn Bác trong những năm dài kháng chiến gian khổ.

Tả suối, ngòi bút nghệ thuật của Bác Hồ rất điêu luyện: lấy cái động (tiếng suối chảy) để miêu tả cái tĩnh (cảnh khuya) làm nổi bật sự

thanh vắng, tĩnh lặng của chiến khu một đêm trăng. Càng về khuya, núi rừng như chìm trong vắng lặng mênh mông. Bác *chưa ngủ* nên mới nghe rõ âm thanh suối chảy.

Câu thứ hai tả trăng ngàn:

Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.

Hai vế tiểu đối gọi lên vẻ đẹp hài hòa của cảnh vật thiên nhiên. Trăng được nhân hóa, rất thơ mộng *lồng* vào cổ thụ, bóng cổ thụ lại *lồng* vào hoa. Cảnh thiên nhiên trở nên hữu tình, huyền ảo. Chữ “*lồng*” được láy lại hai lần, chất thơ trữ tình mang hồn người, quyến rũ. Ánh trăng trải khắp núi rừng, dát vàng xuống rừng cây, “*lồng*” và trùm lên cổ thụ. Cảnh rừng có tầng cao, tầng thấp, có mảnh sáng mảnh mờ. Nét vẽ tinh tế, gam màu nhẹ và tươi mát, sự phối sắc tài tình mê cảm, hấp dẫn. Câu thơ của Bác là sự kế thừa sáng tạo văn thơ cổ, ngòi bút của Bác Hồ rất sành điệu, cổ kính:

*Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng.*

(Chinh phụ ngâm)

Hai câu thơ Bác đầy âm thanh nhạc điệu, trong thơ vừa có nhạc vừa có họa, rất thi vị, gợi cảm. Bác đã dành cho thiên nhiên, cây rừng, trăng ngàn những tình cảm thiết tha, nồng hậu.

Hai câu thơ 3, 4 trong bài thơ tứ tuyệt được thi pháp cổ gọi là câu “*chuyển*” và câu “*hợp*”. Cấu trúc bài thơ rất đặc biệt. Hai chữ “*chưa ngủ*” nằm cuối câu “*chuyển*” được đưa lên vị trí đầu câu “*hợp*”, cảnh được “*khép*” lại, tình được “*mở*” ra. Nghệ thuật liên hoàn hay gọi là “*ô thước kiêu*” (qua bắc cầu) làm cho thơ liền mạch, ý thơ phát triển mở rộng:

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Chưa ngủ vì thi nhân xúc động trước cảnh khuya “*như vẽ*”. Chưa ngủ thao thức, bồi hồi vì “*lo nỗi nước nhà*”. Nước nhà đang bị giặc Pháp xâm lăng, con thuyền kháng chiến đang băng qua ghềnh thác thì vị “*thuyền trưởng*” chưa thể ngủ ngon giấc được?

Nguyễn Trãi đã từng thao thức vì đại nghĩa:

*Còn một tấc lòng âu việc nước,
Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung.*

(Quốc âm thi tập)

Bác Hồ cũng thao thức “*chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*”. Cùng mang trong tâm hồn một tình yêu lớn đối với đất nước và nhân dân, thơ của

Bác chứa chan tình yêu “ôm cả non sông, mọi kiếp người” (Tố Hữu). Trong bài *Di thuyền trên sông Đáy*, Bác cũng viết:

*Lòng riêng riêng những bàn hoàn,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.*

Tình cảm đẹp đẽ ấy là điều tâm niệm thường trực của Bác: “Một ngày mà Tổ quốc chưa được thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”. Có thể nói, câu thơ “Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà” bình dị, sáng tỏ như một chân lí, để lại ấn tượng sâu sắc vì nó “mênh mông bát ngát tình”.

Cảnh khuya - bài thơ tứ tuyệt tựa như một đóa hoa đậm đà hương sắc đã góp phần làm đẹp nền thơ ca kháng chiến. Câu thơ giàu hình tượng và truyền cảm. Cảnh và tình hòa hợp. Vừa cổ kính, vừa hiện đại. Tình yêu nước thiết tha, tình yêu thiên nhiên nồng hậu, lời thơ mĩ lệ, trong sáng là cốt cách, vẻ đẹp của bài thơ. Bác là nhà thơ lớn của dân tộc. Đọc thơ Bác, tình yêu của chúng ta đối với Bác gắn liền với tình yêu Tổ quốc.

BÀI SỐ 50: Bài thơ *Cảnh khuya* của Hồ Chí Minh đã đọng lại trong tâm hồn yêu Văn của em những suy nghĩ và cảm xúc gì?.

Bài làm

Thu Đông năm 1947, bộ đội ta thắng lớn trên chiến trường Việt Bắc, Sông Lô, Đoan Hùng,... đã đi vào lịch sử dân tộc bằng những nét vàng chói lọi đầu tiên của quân và dân trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954). Mùa thu năm 1947, khi chiến dịch Việt Bắc đang diễn ra vô cùng ác liệt Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài thơ *Cảnh khuya* thể hiện cảm hứng yêu nước mãnh liệt bằng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Cả bài thơ dào dạt ánh sáng và âm thanh để lại trong lòng chúng ta ấn tượng vô cùng sâu sắc:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

(*Cảnh khuya* - 1947 - Hồ Chí Minh)

Cùng với bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* (1946), *Di thuyền trên sông Đáy* (1949), bài *Cảnh khuya* đã thể hiện tình yêu nước thiết tha của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Bài thơ *Cảnh khuya* tả cảnh suối rừng chiến khu Việt Bắc một đêm thu đẹp và nói lên nỗi thao thức của Bác Hồ kính yêu.

Hai câu thơ đầu tả cảnh khuya núi rừng chiến khu Việt Bắc. Tiếng suối chảy êm đềm, nghe rất “trong” từ xa vọng đến “như tiếng hát xa”. Đêm khuya thanh vắng mới có thể nghe rõ tiếng suối chảy như vậy. Đó là nghệ thuật lấy động để tả tĩnh, lấy tiếng suối đặc tả đêm chiến khu thiêng liêng, thanh vắng. Vĩ tiếng suối với tiếng hát là một nét vẽ tinh tế gợi tả núi rừng chiến khu thời máu lửa mang sức sống và hơi ấm con người:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Sáu trăm năm về trước, Nguyễn Trãi đã tả suối Côn Sơn:

Côn Sơn suối chảy rì rầm,

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

Đầu thế kỉ XX, Nguyễn Khuyên có viết:

Cũng có lúc chơi nơi đất khách.

Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo...

Đây là tuyệt bút tả tiếng suối trong nền thơ ca dân tộc.

Câu thứ hai Bác Hồ tả trăng chiến khu. Câu thơ có ba nét vẽ: tầng cao là trăng, tầng giữa là cổ thụ, tầng thấp là hoa - hoa rừng. Câu thơ đầy ánh sáng trắng rất đẹp. Phải là đêm thanh, trăng tròn mới có ánh sáng chan hòa như vậy:

Trăng lồng cổ thụ // bóng lồng hoa.

Chữ “lồng” điệp lại hai lần, đã nhân hóa trăng, cổ thụ và hoa, làm cho vần thơ dào dạt trữ tình, thi vị. Chữ “lồng” trong câu thơ này gợi nhớ đến vần thơ cổ cũng tả trăng, hoa:

Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng...

(Chinh phụ ngâm)

Hai vế tiểu đối: “Trăng lồng cổ thụ // bóng lồng hoa” tạo nên bức tranh tạo vật cân xứng, hài hòa, ngôn ngữ thơ trang trọng, điêu luyện. Có thể nói 2 câu đầu tả cảnh thiên nhiên rất đẹp đầy chất thơ: cảnh khuya trong sáng, lung linh huyền ảo, thơ nên họa nên nhạc. Thi sĩ với tâm hồn thanh cao đang sống những giây phút thần tiên giữa cảnh khuya chiến khu Việt Bắc.

Hai câu cuối diễn tả tâm tình thi sĩ. Câu 3 gọi là câu chuyển trong bài tứ tuyệt như cái bản lề, nửa trên là khái quát “cảnh khuya như vẽ” có suối, có trăng, có cổ thụ và hoa ngàn, nửa dưới là tâm trạng “chưa ngủ” của “người”, của thi sĩ, của lãnh tụ. Câu 4 nói rõ tâm trạng đó, không chỉ xúc động trước cảnh thiên nhiên đẹp mà còn bởi lẽ

“Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. Hai tiếng “chưa ngủ” ở cuối câu 3 được điệp lại đầu câu 4, biện pháp nghệ thuật liên hoàn ấy đã làm cho âm điệu vần thơ nhịp nhàng, triền miên như dòng suối chảy của cảm xúc, của tâm tình. Tình yêu nước của Bác rất sâu sắc, mãnh liệt:

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Cảnh khuya là bài thất ngôn tứ tuyệt kiệt tác. Là một trong những bài thơ trắng đẹp nhất của Bác Hồ. Người xưa đến với chốn lâm tuyền để lánh đục tìm trong, để được an nhàn. Còn Hồ Chí Minh đến với suối rừng Việt Bắc là để lập chiến khu đánh Pháp. Giữa cảnh khuya, có suối trắng... đẹp như vẽ, nhưng Người vẫn thao thức, vẫn “Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. Tâm hồn thi sĩ lồng vào cốt cách chiến sĩ. Màu sắc cổ điển hòa hợp với màu sắc thời đại – cảnh khuya trong kháng chiến. Đó là nét đẹp riêng trong bài thơ này của Bác. Cảm hứng thiên nhiên chan hòa với cảm hứng yêu nước được diễn tả một cách hàm súc nhuần nhị, trong sáng và đầy chất thơ.

Bác Hồ yêu nước, thương dân. Bác yêu thiên nhiên, Bác yêu trăng. *Cảnh khuya* như dẫn hồn ta vào những giấc mộng đẹp. Sức mạnh của thơ ca đích thực là vậy. Đọc thơ Bác, ta càng thêm yêu kính và biết ơn Bác Hồ Chí Minh.

Bức tranh thiên nhiên cảnh khuya mang vẻ đẹp màu sắc cổ điển. Nó gợi nhớ trong lòng ta những vần cổ thi về suối, về hoa, về trăng:

Côn Sơn suối chảy rì rầm,

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai...

(*Côn Sơn ca* - Nguyễn Trãi)

Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông...

(*Chinh phụ ngâm*)

Hai câu cuối bài thơ nói lên tâm trạng của Bác.

Cảnh khuya rất đẹp, Bác lặng ngắm rồi khẽ thốt lên: “*Cảnh khuya như vẽ*”. Ba chữ “*người chưa ngủ*” thể hiện niềm thao thức, nỗi xúc động của nhà thơ: yêu thiên nhiên, yêu non nước hữu tình. Câu cuối bài thơ, cánh cửa tâm hồn của Bác như được mở rộng. Bác không chỉ thao thức vì xúc động trước vẻ đẹp cảnh khuya núi rừng chiến khu Việt Bắc mà còn vì một Lí do sâu xa hơn nữa:

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Bác thao thức, lo lắng vì công cuộc kháng chiến của quân và dân ta, vì độc lập tự do của Tổ quốc. Lúc bấy giờ, cuộc kháng chiến chống

Pháp đang diễn ra ác liệt khó khăn. Câu cuối bài thơ diễn tả tình yêu nước sâu nặng, thiết tha của Bác. Hai chữ “*chưa ngủ*” được điệp lại 2 lần đã làm cho thơ liên mạch, tô đậm tâm trạng thao thức, vì nỗi nước nhà của lãnh tụ kính yêu.

Bài thơ *Đi thuyền trên sông Đáy*, Bác cũng nói lên tâm trạng ấy:

Lòng riêng riêng những bàn hoàn,

Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.

Cảnh khuya là bài thơ kiệt tác của Hồ Chí Minh, vừa mang vẻ đẹp cổ điển vừa mang tính thời đại, tính lịch sử. Cốt cách thi sĩ lồng trong tâm thế chiến sĩ. Ngôn ngữ thơ trong sáng, hình tượng thơ mỹ lệ, cảm xúc thơ nồng hậu. Tình yêu thiên nhiên, tình yêu nước tỏa sáng trong những vần thơ đẹp mà em nhớ mãi.

BÀI SỐ 51: Hiểu và nghĩ về tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của Hồ Chí Minh trong bài *Cảnh khuya*.

Bài làm

Tháp Mười đẹp nhất bông sen

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ.

Bác Hồ - vị lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, Người đã hi sinh hết mình cho dân, cho nước, Người có một trái tim nhân hậu, ấm áp, bao la và rất tinh tế. Mặc dù Người viết: “Ngâm thơ ta vốn không ham” nhưng những vần thơ Bác để lại cho đời thực sự là những vần thơ có giá trị. *Cảnh khuya* là một trong số những bài thơ tuyệt tác đó, thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước sâu sắc của Người:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Bài thơ được Bác viết năm 1947 tại chiến khu Việt Bắc. Vì vậy, cảm hứng bài thơ xuất phát từ cảnh đẹp non xanh nước biếc, thanh tú nơi núi rừng chiến khu. Nhan đề *Cảnh khuya* giới thiệu cụ thể thời gian, đó không phải buổi sáng tinh khôi, buổi chiều ảm đạm mà là đêm khuya. Thời điểm đất trời và con người như lắng lại, yên lặng, tĩnh tâm. Bác là một chiến sĩ đồng thời cũng là một thi sĩ, trước vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên, trái tim Người không thể không xao xuyến. Từ tình yêu thiên nhiên tha thiết, Bác đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên núi rừng tuyệt mỹ. Mở đầu thi phẩm, âm thanh tiếng suối vang lên thật trong trẻo:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

“Tiếng suối” là âm thanh đặc trưng của núi rừng. Câu thơ ngắt nhịp 3/4 khiến âm thanh đó càng trở nên trong vắt, réo rắt. Nếu như ban ngày, tiếng suối hoà chung nhịp với muôn vàn âm thanh như tiếng chim ca líu lo, tiếng các loài vật đùa nghịch... thì ban đêm tiếng suối như được độc quyền phô diễn khúc ca của mình. Nhà thơ sử dụng nghệ thuật so sánh ẩn dụ đặc sắc khi miêu tả âm thanh “tiếng suối”: “Tiếng suối trong như tiếng hát xa”. “Tiếng hát xa” là tiếng hát trong tưởng tượng hay tiếng hát của đoàn quân thắng trận vang vọng về? Nhưng chắc hẳn đó là âm thanh cần phải có sự lắng lòng, yên tĩnh kì lạ mới có thể cảm nhận được. Xưa, Nguyễn Trãi đã viết:

Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.

(Côn Sơn ca)

Ức Trai đã miêu tả tiếng suối Côn Sơn cũng trầm bổng như tiếng đàn cầm. Còn ở đây, Hồ Chí Minh tăng thêm sự gần gũi, hoà quyện giữa con người với thiên nhiên khi so sánh tiếng suối với tiếng hát. Cho dù câu thơ miêu tả âm thanh, song người đọc lại cảm nhận được bầu không khí yên tĩnh, bình lặng của cảnh. Câu thơ kết lại với từ “xa”, âm “a” tạo độ mở rộng khiến cho tiếng suối cứ như vang vọng mãi, ám ảnh.

Bức tranh thiên nhiên đêm khuya của núi rừng không chỉ có tiếng suối mà còn trở nên thi vị hơn, đẹp kì ảo hơn với sự xuất hiện của trăng:

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

“Trăng” là hình ảnh quen thuộc trong thơ Bác. Với Người, “trăng” không còn là vật thể thiên nhiên mà đã trở thành người bạn thân thiết, gần gũi:

Nhân hươu song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khách khán thi gia.

(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ)

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.)

Trong cảnh khuya ánh trăng bao trùm lên vạn vật với màu ánh bạc huyền ảo: “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”. Chỉ với một câu thơ, thi sĩ đã miêu tả được tầng bậc, lớp lớp cổ cây, núi rừng Việt Bắc. Từ “lồng” được điệp lại hai lần trong một dòng thơ, đặc tả một cách tinh tế sự hoà quyện của thiên nhiên cảnh vật. Trăng, cây, cổ hoa giờ tạo thành một khối thống nhất trong sự hài hoà. Đây thực sự là một trong số những câu thơ tuyệt tác tả trăng của núi rừng. Nếu không có sự gắn bó với thiên nhiên, lòng yêu thiên nhiên tha thiết, nhà thơ không thể viết nên những vần thơ vừa chân thực, vừa tinh tế đến vậy.

Bài thơ *Cảnh khuya* không đơn thuần là bài ca miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên núi rừng, bức tranh đó trở nên toàn mỹ hơn với sự xuất hiện của con người:

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Vẻ đẹp của cảnh một lần nữa được thi nhân khẳng định qua thủ pháp so sánh: “cảnh khuya như vẽ”. Ta bắt gặp sự đồng điệu giữa thơ Bác và ca dao:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

Cảnh non sông đất nước càng đẹp hơn trong thơ ca, trong tâm hồn những con người dạt dào tình yêu thương. Câu thơ ngắt nhịp 4/3 gọi cho người đọc nhiều suy tưởng. Phải chăng cảnh thiên nhiên đẹp quá khiến Người vấn vương, thao thức? Tuy nhiên, nếu chỉ như vậy thì Bác chỉ đơn thuần là một thi sĩ đa sầu, đa cảm. Câu thơ kết bài là lời giải thích trọn vẹn: “Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. Tấm lòng yêu nước, lo lắng cho dân của Người được thể hiện trực tiếp. Lối điệp vòng “chưa ngủ” như khắc sâu tâm trạng lo lắng, thao thức của Bác. Nhà thơ không sử dụng từ: “không ngủ” mà là “chưa ngủ” thể hiện sự chủ động, bản lĩnh của người chiến sĩ. Nếu ở ba câu đầu hình ảnh con người thi sĩ như chiếm lĩnh tất cả thì đến đây chất chiến sĩ được khẳng định mạnh mẽ. Có lẽ, trong cuộc đời rất ít phút giây Người dành cho riêng mình, đã bao đêm Người băn khoăn cho vận mệnh dân tộc. Ta nhớ đến thi phẩm của nhà thơ Minh Huệ, bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*, Người đã thức trắng cả đêm, lo lắng cho đoàn dân công ngủ ngoài rừng, giữa trời “mưa lâm thâm”:

*Lần thứ ba thức dậy
Anh hốt hoảng giật mình
Bác vẫn ngồi đinh ninh
Chòm râu im phăng phắc.*

*Chú cứ việc ngủ ngon
Ngày mai đi đánh giặc
Bác thức thì mặc Bác
Bác ngủ không an lòng.*

Bác thực sự là một vị cha già của dân tộc có trái tim yêu thương bao la và nhân hậu. Giữa cảnh sắc núi rừng Việt Bắc trong thời khắc đêm khuya, Người lặng lẽ, suy tư. Chất chiến sĩ, thi sĩ như hoà làm một trong một trái tim.

Cảnh khuya một bài thơ tứ tuyệt nhưng chứa đựng bao giá trị, bao tình cảm lớn lao. Qua thi phẩm, chúng ta - những thế hệ đi sau, được hiểu thêm về Bác, hiểu thêm về cảnh đẹp non sông, đất nước mình. Khi là một thi sĩ, Người là một thi sĩ tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết; khi là một chiến sĩ, Người lại là một chiến sĩ mang đầy tinh thần trách nhiệm, lo cho dân cho nước. Hai con người hoà quyện trong một con người, kết đọng lại ở một trái tim yêu nước dạt dào. Muôn triệu trái tim người con đất Việt luôn thành kính, biết ơn công lao to lớn của Người: Hồ Chí Minh!

BÀI SỐ 52: Suy nghĩ của em về bài thơ *Cảnh khuya* của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Không chỉ là một lãnh tụ vĩ đại, Bác Hồ còn là người yêu thiên nhiên và có tấm lòng rộng mở vì thiên nhiên. Cũng như bao nhà thơ khác, Bác rất yêu trăng và có nhiều bài thơ tuyệt bút về trăng; trong đó có bài *Cảnh khuya*. Bài thơ đã giúp tôi cảm nhận được tình yêu thiên nhiên da diết và gọi lên trong tôi niềm cảm phục; kính trọng với Bác - người vì dân, vì nước. Bài thơ được viết năm 1947, theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Ôi! Cảnh hiện lên mới thơ mộng làm sao! Đọc bài thơ, tôi như hình dung ra trước mắt một khung cảnh đẹp tuyệt diệu bằng những vần thơ tuyệt vời của Bác. Đó là nơi có âm thanh trong trẻo, nhẹ nhàng, du dương của tiếng suối. Vầng trăng sáng ngời, tỏa sáng dịu xuống những cây cổ thụ trở thành những bông hoa thêu dệt, đẹp lạ từ trên mặt đất. Trong khung cảnh huyền diệu đó, vẫn là tâm trạng của người chưa ngủ - Bác. Cảnh đẹp quá làm cho Bác khó ngủ và hơn thế nữa vì nghĩ tới dân tới nước nên Bác không ngủ được. Trong giai đoạn kháng chiến, Bác ngày đêm lo về đất nước và tin vào một chiến thắng oai hùng của dân tộc.

Hai câu đầu đã gọi lên trong tôi nhiều cảm xúc khó tả. Tác giả đã sử dụng hình ảnh so sánh "Tiếng suối trong như tiếng hát xa". Trong *Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi tiếng suối được so sánh với tiếng đàn cầm của thiên nhiên thì trong bài thơ *Cảnh khuya* tiếng suối được so sánh với tiếng hát con người. Tiếng suối thật trong trẻo, du dương

như bài hát trữ tình của con người. Việc so sánh đó đã gọi lên một tiếng suối thật nhẹ nhàng, êm đềm, ấp áp tình người và làm cho thiên nhiên con người hòa làm một. Khung cảnh thật có hồn, có tình. Câu thơ thứ hai đã vẽ lên một bức tranh đẹp tuyệt mĩ: “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”. Điệp từ “lồng” đã gọi lên sự đan cài quấn quýt của trăng và cây cổ thụ. Vàng trắng sáng quá! Nó tỏa những ánh sáng màu vàng lấp lánh lồng vào những cây cổ thụ tạo thành những mảng hoa màu đen như thêu dệt xuống mặt đất. Câu thơ thứ hai đã giúp tôi hình dung ra một bức tranh thật đẹp của rừng cây um tùm, nhiều tầng, nhiều sức sống với những gam màu sáng tối thật kì ảo. Ôi cảnh mới nên thơ, kì diệu làm sao! Qua hai câu thơ đầu, tôi thật ngưỡng mộ về tình yêu thiên nhiên bao la, thấm thiết của tác giả, thể hiện chất thơ từ trong tâm hồn Người.

Hai câu thơ sau thể hiện vẻ đẹp của người chiến sĩ hết lòng vì dân, vì nước “Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ - Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. Bác đã thả hồn vào trong gió để cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của cảnh khuya. Nếu trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ, Bác không ngủ được vì lo cho đoàn văn công thì trong *Cảnh khuya* Bác không ngủ được vì cảnh đẹp và vì đất nước đang trong những giai đầu chiến tranh khốc liệt. Bác lo cho nước nhà, lo cho nền độc lập, tự do của các con mình. Nhưng trước cảnh đẹp kì diệu của rừng đêm khuya. Bác không nỡ từ bỏ mà mở lòng đón nhận cái đẹp đó. Đêm trăng sáng đầy ước mơ về một thắng lợi oai hùng của đất nước Việt Nam. Qua đó, ta thấy được một tâm hồn thật lãng mạn của Bác. Mặc dù trong chiến tranh nhưng Bác vẫn viết nên bài thơ hay, tuyệt vời này. Hai câu thơ cuối đã giúp tôi hiểu hơn về tâm hồn lãng mạn và lòng yêu nước sâu sắc của Bác Hồ.

BÀI SỐ 53: Cảm nhận nội dung – nghệ thuật bài thơ *Cảnh khuya* của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Bài *Cảnh khuya* được viết bằng tiếng Việt theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật là thể thơ truyền thống của Trung Quốc. Tuy nhiên, cảnh và tình trong bài thơ thể hiện phong cách rất riêng của thơ Bác Hồ. Mở đầu bài thơ là bức tranh về cảnh vật và thiên nhiên trong một đêm khuya ở rừng Việt Bắc:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.*

Nét độc đáo ở đây là câu mở đầu Bác không giới thiệu cảnh mà giới thiệu cái tĩnh mịch trong đêm khuya. Vì tĩnh mịch nên mới nghe được *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*. Lại nữa, câu thơ ví tiếng suối như tiếng hát là một sự so sánh mới lạ vì tiếng hát của con người được đưa lên làm chuẩn để so sánh. Nếu như ở câu thứ nhất thiên nhiên được cảm nhận bằng thính giác thì ở câu thứ hai thiên nhiên được cảm nhận bằng thị giác: “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”. Bức tranh có nhiều tầng nhiều lớp nhờ chữ “lồng” được điệp lại. Bức tranh cũng rất cân xứng nhờ tác giả sử dụng tiểu đối (*Trăng lồng cổ thụ / bóng lồng hoa*). Giữa rừng Việt Bắc, cảnh đẹp đó khác nào cảnh tiên.

Tuy nhiên, nét độc đáo và hiện đại trong thơ Bác chính là tâm trạng. Ở câu thứ ba và câu kết, tứ thơ chuyển biến một cách bất ngờ:

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Câu thơ thứ ba là câu thơ bản lề chuyển từ cảnh sang tình: *Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ*. Tình cảm riêng tư của Bác cũng chính là tình yêu đất nước: *Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*. Sự chuyển biến bất ngờ của tứ thơ làm cho bài thơ có một nội dung mới: thì ra Bác chưa ngủ trước hết là vì lo việc nước. Hai tiếng “chưa ngủ” ở cuối câu thơ thứ ba được điệp lại ở câu kết, kết hợp với cách ngắt nhịp 2/5 như một lời khẳng định.

Bài thơ có nghệ thuật hết sức độc đáo. Cách ngắt nhịp ở câu cuối không giống cách ngắt nhịp 4/3 truyền thống. Cách sử dụng điệp từ, so sánh trong bài thơ cũng rất mới. Đây chính là những yếu tố góp phần làm nên sự độc đáo trong cả nội dung lẫn hình thức của bài thơ.

BÀI SỐ 54: Cảm nhận và so sánh hai bài thơ *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn

1. a. Bài *Cảnh khuya* được làm theo thể tứ tuyệt, có:

- 4 câu, mỗi câu 7 tiếng.
- 3 vần chân ở câu 1, 2, 4 (*xa, hoa, nhà*)
- Cấu trúc: Khai, thừa, chuyển, hợp. Hai dòng đầu tả cảnh, hai dòng sau thể hiện tâm trạng.

- Hai dòng thơ 1 và 4 ngắt nhịp không theo 4/3 như *nhịp* thơ Đường luật mà:

- + Câu 1: *Tiếng suối trong / như tiếng hát xa* (3/4).
- + Câu 4: *Chưa ngủ / vì lo nỗi nước nhà* (2/5).

b. Bài *Nguyên tiêu* theo sát mô hình thơ tứ tuyệt.

2. Hai dòng đầu bài *Cảnh khuya*.

- Câu 1:

Xưa nay người ta thường ví tiếng đàn với tiếng suối (*Côn Sơn có suối nước trong, Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai* (Nguyễn Trãi). Nay Hồ Chí Minh ví tiếng suối như *tiếng hát*. Cách so sánh này làm cho tiếng suối gần gũi với con người hơn, có sức sống trẻ trung và bất nhịp vào không khí đầy lạc quan của cuộc kháng chiến ở núi rừng Việt Bắc.

- Câu 2:

+ Đây là hình ảnh đẹp của một bức tranh có nhiều tầng, nhiều lớp với đường nét và hình khối đa dạng.

+ Có vòm cây cổ thụ vươn cao, tỏa rộng và trên cao lấp loáng ánh trăng.

+ Có bóng lá, bóng cây, bóng trăng in vào khảm hoa, in lên mặt đất thành những hình như bông hoa thêu dệt.

+ Bức tranh chỉ có hai màu sáng tối là trắng đen vậy mà lung linh, chập chờn, hòa hợp, quán quát. Thể hiện rõ ở hai từ *lồng* của một câu thơ.

3. Hai câu cuối biểu hiện tâm trạng tác giả.

- Hai tiếng "*chưa ngủ*" ở cuối dòng ba được lặp ở dòng bốn.

Đây chính là hai nét tâm trạng trước và sau *chưa ngủ*.

- Câu ba thể hiện sự rung động say mê trước vẻ đẹp như tranh của cảnh rừng Việt Bắc đêm trăng.

- Câu bốn bất ngờ mở ra vẻ đẹp chiều sâu trong tâm hồn nhà thơ: Sự thao thức chưa ngủ là vì lo đến vận mệnh đất nước.

- Niềm say mê cảnh thiên nhiên đẹp và nỗi lo việc nước là hai nét tâm trạng thống nhất của hai con người trong Bác Hồ. Ấy là phẩm chất chiến sĩ lòng trong người thi sĩ.

4. Bài *Nguyên tiêu* gợi nhớ *Phong kiều dạ bạc* của Dương Kế. Đặc biệt là ở câu cuối

- *Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền*.

(Nửa đêm tiếng chuông đến người khách trong thuyền)

- *Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền*.

5. Không gian trong hai dòng thơ đầu:

- Cao rộng, bát ngát tràn đầy ánh sáng và sức sống của mùa xuân trong đêm rằm tháng giêng.

- Câu 1: Nổi bật trên nền trời cao xanh là vầng trăng tròn đầy tỏa sáng khắp không gian.

- Câu 2: Không gian bát ngát như không có giới hạn: con sông, mặt nước liền tiếp với bầu trời.

Trong nguyên tác điệp từ *xuân* lặp lại ba lần cho thấy *xuân* đang ngập cả đất trời.

- Cách miêu tả ở đây chú ý sự toàn cảnh hoà hợp thống nhất các bộ phận trong tổng thể, không miêu tả tỉ mỉ chỉ miêu tả cái thần thái có sức gợi cao. Đây là phong cách thơ cổ điển.

6. Cả hai bài được viết trong những năm đầu rất khó khăn của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Bài *Cảnh khuya* viết 1947 - năm đầu của cuộc kháng chiến, vận mệnh dân tộc ngàn cân treo sợi tóc.

- Bài *Nguyên tiêu* viết đầu năm 1948 sau chiến thắng Việt Bắc. Quân dân ta đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của Pháp lên chiến khu Việt Bắc.

- Đặt trong những hoàn cảnh cụ thể như vậy ta thấy rõ sự bình tĩnh, chủ động và tinh thần lạc quan của Bác. Mặc dù ngày đêm phải lo việc nước, có nhiều đêm thao thức nhưng tâm hồn Bác luôn rung động với đêm trăng rừng, với tiếng suối xa, hay là cảnh trời nước bao la thắm đẫm sắc xuân.

- Phong thái lạc quan ung dung ấy còn được biểu hiện ở hình ảnh con thuyền của vị lãnh tụ và các đồng chí sau lúc làm việc quân trở về chơ đầy trăng giữa nước trời bao la cũng đầy trăng.

- Sự phơi phới lạc quan, còn toát ra từ giọng thơ vừa cổ điển, vừa hiện đại khỏe khoắn, trẻ trung: Trong đó hình tượng con người, cuộc sống nổi bật nhưng hòa hợp tuyệt diệu với thiên nhiên.

7. Hai bài thơ nói về trăng.

- *Cảnh khuya* là cảnh trăng rừng, tác giả đang một mình ngắm cảnh. Các sự vật ở đây lồng vào nhau trong lặng lẽ mà sinh động. Bác chưa ngủ vì còn ngắm cảnh đẹp nhưng cái lí do khiến ta xúc động là đang lo việc nước nhà.

- Bài *Nguyên tiêu* là trăng trên sông nước. Tác giả cùng với các đồng chí của mình “bàn việc quân” giữa chốn nước thẳm đầy khói sương sóng nước. Thiên nhiên là một không gian cứ rộng mở ra mãi bởi trăng xuân soi chiếu cả bầu trời lẫn mặt nước đầy sắc xuân. Hình tượng con thuyền chơ trăng về cho thấy sự lạc quan bởi đã làm xong việc quân, bởi đã nắm chắc phần thắng ở trong tay khi cuộc chiến đấu đang sắp sửa.

BÀI SỐ 55: Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật hai bài thơ *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969) không chỉ là vị lãnh tụ cách mạng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam mà còn là một nhà thơ, nhà văn hoá lớn của dân tộc và nhân loại. Với quan điểm văn chương là vũ khí phục vụ cho sự nghiệp cách mạng, trong cuộc hành trình khắp năm châu bốn biển tìm con đường cứu nước cứu dân, Người đã để lại những tác phẩm chính luận, những truyện ngắn đặc sắc: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Vi hành*, *Lời kêu gọi của bà Trưng Trắc*,... Ngày 2-9-1945, trước toàn thể quốc dân đồng bào, trước công luận thế giới, Người đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* bất hủ, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Cảnh khuya và *Rằm tháng giêng* là hai bài thơ thất ngôn tứ tuyệt hay được Bác viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Hai bài thơ thể hiện tình cảm với thiên nhiên, tình yêu đối với đất nước và phong thái ung dung tự tại của Bác Hồ.

Căn cứ vào nội dung, nhìn chung khi phân tích có thể chia mỗi bài thơ thành hai phần:

- Bài *Cảnh khuya*: downlodsachmienphi.com

Hai câu đầu: tả cảnh trăng sáng về khuya.

Hai câu sau: nói lên sự say mê vẻ đẹp thiên nhiên của tác giả.

- Bài *Rằm tháng giêng*:

Hai câu đầu: khung cảnh và sức sống mùa xuân trong đêm rằm tháng giêng

Hai câu sau: phong thái ung dung, lạc quan của người lãnh tụ.

Hai câu thơ đầu của bài *Cảnh khuya* miêu tả cảnh trăng sáng về khuya. Tiếng suối chảy trong đêm yên tĩnh nghe trong trẻo như tiếng hát xa. Trăng sáng lồng bóng cây cổ thụ, rồi xuyên qua từng khe lá rải xuống mặt đất như hoa. Cảnh trong hai câu thơ đầy thơ mộng, trong trẻo, dịu dàng và ấm áp.

Hai câu thơ cuối của bài thơ là cái tình say đắm của tác giả trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Có thể nói một trong những lí do khiến “người chưa ngủ” ấy chính là vì cảnh thiên nhiên quá đẹp. Người vì say đắm trước vẻ đẹp thiên nhiên mà không ngủ. Song hai câu thơ cuối còn khắc hoạ một phương diện khác của Hồ Chí Minh. Bác “chưa ngủ” không chỉ bởi thiên nhiên quá đẹp và quá ư quyến rũ mà còn bởi “*Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*”. Cụm từ “chưa ngủ” được nhắc lại hai

lân gần với nổi bắn khoan về vận nước, điều đó đủ cho thấy tấm lòng thiết tha vì dân vì nước của Bác Hồ.

Không gian được miêu tả trong bài *Rằm tháng giêng* là một không gian rộng lớn của trời, mây, sông, nước. Bầu trời, mặt nước, dòng sông như nối liền, trải rộng bởi sắc xuân bát ngát. Câu thơ thứ hai khá đặc biệt trong cách tả: cảnh được tả từ gần đến xa, từ thấp lên cao cùng với sự lặp lại tới ba lần chữ xuân khiến cho câu thơ thất ngôn như tràn ngập ánh xuân tươi. Sắc xuân, khí xuân như đượm lên cảnh vật.

Bài *Nguyên tiêu* gợi nhớ đến câu thơ: *Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền* trong bài *Phong Kiều dạ bạc* của Trương Kế. Câu cuối của bài *Nguyên tiêu* và câu thơ này của Trương Kế đều nói về lúc đêm khuya (*dạ bán*) và đều nói về hình ảnh con thuyền trên sông nước. Tuy vậy, điểm khác là ở chỗ, một bên “người khách” đến thăm tác giả là tiếng chuông chùa (Hàn Sơn), còn bên kia “người khách” ấy chính là trăng xuân chứa chan bát ngát, đượm tình.

Hai bài thơ này được Bác viết trong những năm đầu kháng Pháp vô cùng khó khăn gian khổ. Thế nhưng, ở trong thơ, ta vẫn gặp một chủ thể trữ tình rất yêu thiên nhiên, vẫn ung dung làm việc, vẫn chan hoà cùng ánh trăng thơ mộng của núi rừng. Người lo lắng cho đất nước nhưng trong tâm hồn, Bác vẫn dành cho thiên nhiên những niềm ưu ái, không vì việc quân bận rộn mà Người dành hờ hững, từ chối vẻ đẹp thiên nhiên. Điều này nói lên phẩm chất lạc quan và phong thái ung dung của Bác.

Tuy hai bài thơ đều viết về trăng ở chiến khu Việt Bắc, nhưng ở mỗi bài vẻ đẹp của trăng lại được thi sĩ cảm nhận bằng một vẻ riêng.

Trăng trong *Cảnh khuya* là ánh trăng đã được nhân hoá. Trăng lồng bóng vào cây cổ thụ để giải “hoa” (hoa trăng) trên mặt đất. Cảnh vật như hiện ra lồng lộng dưới ánh trăng. Thêm nữa, tiếng suối trong đêm trong trẻo như tiếng ai đang ngân nga hát càng làm cho trăng khuya thêm mơ mộng.

Trong khi đó, trăng trong *Rằm tháng giêng* là trăng xuân, trăng mang không khí và hương vị của mùa xuân. Cảnh ở đây là cảnh trăng ở trên sông, có con thuyền nhỏ trong sương khói. Nhưng điểm đặc biệt nhất phải nói đến đó là sự chan hoà của ánh trăng như tràn đầy cả con thuyền nhỏ.

Có thể thêm một số câu thơ Bác viết về trăng như:

Trăng vào cửa sổ đòi thơ

Việc quân đang bận xin chờ hôm sau.

(*Tin thắng trận*)

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Ngắm trăng)

Cảnh khuya và *Rằm tháng giêng* là hai bài thơ tứ tuyệt nhỏ nhắn, xinh xắn. Ngôn từ, thi liệu có đôi chỗ tương đồng với một vài câu thơ cổ nhưng cả hai vẫn là những sự sáng tạo nghệ thuật đặc sắc làm cho bài thơ có một nét đẹp riêng, một tâm hồn riêng.

Hai bài thơ được viết tại chiến khu Việt Bắc khi mà cuộc kháng chiến chống Pháp đang ở vào giai đoạn khó khăn. Tuy thế, Bác vẫn rất yêu thiên nhiên, vẫn ung dung làm việc, vẫn đắm say trong ánh trăng thơ mộng của núi rừng. Lo lắng cho đất nước nhưng không vì thế mà Bác hững hờ với vẻ đẹp thiên nhiên. Đó là cái cốt yếu làm nên phẩm chất lạc quan và phong thái ung dung của Bác.

BÀI SỐ 56: Hai bài thơ *Cảnh khuya* và *Nguyên tiêu* đều miêu tả cảnh trăng ở chiến khu Việt Bắc. Hãy nêu suy nghĩ của em về cảnh trăng trong mỗi bài?

Bài làm

Cảnh khuya và *Nguyên tiêu* là hai bài thơ kiệt tác của Hồ Chí Minh. Cả hai bài đều viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, nhưng ngôn từ khác nhau. *Cảnh khuya* viết bằng tiếng Việt; *Nguyên tiêu* viết bằng chữ Hán.

Không gian nghệ thuật của hai bài thơ là thiên nhiên núi rừng Việt Bắc, nhưng thời điểm sáng tác, thời gian nghệ thuật lại khác nhau. *Cảnh khuya* viết vào mùa thu 1947, khi giặc Pháp đang tấn công lên Việt Bắc. Còn *Nguyên tiêu* được viết vào đầu xuân 1948, khi chiến dịch Việt Bắc đã chiến thắng vang dội.

Cả hai bài đều nói đến trăng; cảnh trăng trong mỗi bài thơ lại có những nét đẹp riêng, sắc thái biểu cảm riêng.

Cảnh trăng trong bài *Cảnh khuya* là cảnh trăng thu. Có suối chảy trong rừng khuya từ xa vọng đến nghe rất “trông”, “như tiếng hát xa” êm đềm, ngọt ngào. Trăng sáng lung linh. Ánh trăng “lồng” vào cỏ thụ và hoa ngàn. Cảnh trăng thơ mộng, huyền diệu mang vẻ đẹp cổ điển, rất hữu tình thi vị:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.

Trăng đã làm đẹp thêm cảnh sắc núi rừng chiến khu, đem đến bao xúc động, khiến nhà thơ khẽ thốt lên trong lòng: “*Cảnh khuya* như vẽ...”.

Cảnh trăng trong bài *Nguyên tiêu* là cảnh trăng xuân, trăng trong đêm rằm tháng giêng, trăng vừa tròn (nguyệt chính viên). Vũ Bằng trong *Thương nhớ mười hai* đã nói về trong tháng giêng Bắc Việt: “Trời sáng lung linh như ngọc”, “cái trăng tháng giêng, non như người con gái mơn mẩn dào dạt”, “ánh trăng ấy không vàng mà trắng như sữa, trong như nước ôn tồn”.

Trăng trong bài thơ của Bác làm cho sông xuân, nước xuân, trời xuân trở nên bát ngát bao la, vừa đẹp vừa dạt dào sức sống. Ba chữ “xuân” trong câu thơ thứ 2 làm cho cảnh trăng đất nước trở nên trắng lệt, tỉnh khời:

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.*

Câu thơ thứ 4, vầng trăng rằm tháng giêng lại được nói đến. Con thuyền của lãnh tụ để “bàn bạc việc quân” giữa nơi khói sóng đã trở thành con thuyền của thi nhân lúc trở về bến lúc nửa đêm. Con thuyền đã chở đầy ánh trăng:

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

Trăng trong hai bài thơ của Bác là trăng sáng, trăng tròn. Cảnh trăng nào cũng hữu tình thơ mộng. Tuy có sắc thái biểu cảm khác nhau, nhưng tất cả đều nói lên tình yêu trăng, tình yêu thiên nhiên chan hòa với tình yêu quê hương đất nước. Cảnh trăng là một nét đẹp trong hồn thơ Hồ Chí Minh: ung dung, lạc quan, yêu đời.

BÀI SỐ 57: Cảm nhận nội dung – nghệ thuật bài thơ *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Nguyên tiêu là bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948, sau chiến thắng Việt Bắc. Hai câu đầu của bài thơ là một bức tranh tuyệt đẹp trong đêm rằm tháng giêng:

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
(Đêm nay, đêm rằm tháng giêng, trăng đúng lúc tròn nhất)
Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên.
(Sông xuân, nước xuân tiếp giáp với trời xuân)*

Một đêm trăng cực sáng - trăng nguyên tiêu - khiến cho mặt nước và bầu trời đầy sức xuân: “sông xuân, nước xuân tiếp giáp với trời xuân”. Trong khung cảnh ấy, đáng lẽ người nghệ sĩ phải có cảm hứng về cảnh đẹp của đêm rằm. Nhưng không, tứ thơ đột ngột chuyển sang một hướng khác: “Yên ba thâm xứ đàm quân sự” (Nơi sâu thẳm mịt

mù khói sóng bàn việc quân). Rõ ràng, Bác vừa là người nghệ sĩ vừa là người chiến sĩ. Con người chiến sĩ trong Bác luôn luôn được đặt trước con người nghệ sĩ. Khi việc quân việc nước đã bàn xong thì con người nghệ sĩ và con người chiến sĩ ở Bác đã hoà làm một: “Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền” (Nửa đêm quay về trăng đầy thuyền). Hình ảnh trăng đầy thuyền thật là lãng mạn và nên thơ. Bài thơ thể hiện phong thái ung dung, lạc quan, luôn làm chủ hoàn cảnh của Bác Hồ.

Cấu trúc bài thơ chặt chẽ theo đúng niêm luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Bài thơ được sáng tác bằng chữ Hán, sử dụng nhiều từ ngữ ước lệ, cách sử dụng điệp ngữ kết hợp với sự chuyển hướng đột ngột của tứ thơ làm cho bài thơ vừa có nét cổ kính vừa có nét hiện đại, tô đậm thêm phong cách độc đáo của thơ Bác.

BÀI SỐ 58: Trình bày cảm nhận của em về bài thơ *Nguyên tiêu* của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Hồ Chí Minh không chỉ là người anh hùng giải phóng dân tộc, mà còn là nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Người đã lấy văn thơ làm vũ khí chiến đấu sắc bén cho sự nghiệp phấn đấu vì độc lập tự do và hoà bình của đất nước ta. Tâm hồn nhạy cảm kết hợp với một trí tuệ siêu Việt đã tạo nên một nhà thơ lỗi lạc với một phong cách độc đáo - cổ điển mà hiện đại. Một trong những bài thơ thể hiện rõ nhất nét phong cách này của Người là *Nguyên tiêu* - một thi phẩm mang đậm phong vị Đường thi mà vẫn thấm đẫm cảm quan hiện đại của một chiến sĩ:

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang xuân thuỷ tiếp xuân thiên,
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

(*Nguyên tiêu* - Hồ Chí Minh)

Dịch thơ:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân,
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

(Xuân Thuỷ dịch)

Nhà thơ Xuân Thuỷ kể lại: Đầu xuân năm 1948, Bác chủ trì cuộc Hội nghị Trung ương mở rộng, nhằm vạch ra phương hướng và nhiệm vụ mới cho một giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam. Sau

cuộc họp, Bác xuôi thuyền về nơi căn cứ. Nhân trăng sáng, cảnh đẹp, Bác cảm hứng đọc bài thơ. Phút thi hứng ấy của Người đã để lại cho chúng ta một áng thơ trác tuyệt.

Bài thơ được làm bằng chữ Hán, mang âm hưởng Đường thi nhưng vẫn đậm đà màu sắc dân tộc thể hiện qua hơi thở thời đại ấm áp trong đó. Câu thơ đầu tiên, như một câu kể đơn thuần:

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,

(Đêm nay, đêm rằm tháng giêng, trăng đúng lúc tròn nhất)

(Rằm xuân lồng lộng trăng soi)

Nhưng chính trong sự giản dị ấy, cái hay của ý thơ mới phát lộ. Khị dịch thơ, nhà thơ Xuân Thuỷ đã thêm vào chữ “lồng lộng” mà mất đi chữ “chính viên”. “*Chính viên*” là vừa tròn - ở độ viên mãn nhất. Nhà thơ không tả (lồng lộng) mà chỉ kể, để cảnh tự nói lên tất cả. Cái đẹp của buổi đêm, của trăng đã nằm trong sự khẳng định “chính viên” của thi nhân. Không gian (*kim dạ*), thời gian (*nguyên tiêu*) cảnh vật (*nguyệt chính viên*) như hài hoà, đan tựa vào nhau, tạo nên một bức tranh cảnh đặc sắc. Đây là sự học tập từ Đường thi: ngắn gọn, cô đúc, gợi mà không tả tạo nên cái mệnh mang của cảnh trong lòng độc giả.

Từ sự mộc mạc đó, câu thơ thứ hai đột ngột bừng sáng với sự xuất hiện của ba từ “xuân”:

Xuân giang xuân thuỷ tiếp xuân thiên

(Sông xuân, nước xuân tiếp giáp với trời xuân)

(Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân)

Ba từ “xuân” hoà vào nhau làm cho khung cảnh như bao phủ một sắc xuân ngập tràn. Đêm chiến khu 1948 ấy, xuân như chảy dài theo dòng sông, lan rộng cùng mặt nước và vút lên tận trời cao. Ta nhận ra trong đó một thi hứng, xuân hứng dâng trào. Bản dịch thơ của Xuân Thuỷ đã làm mất đi một chữ xuân, như Bác nhận xét: “Dịch lưu loát, giữ được chất thơ, nhưng dòng thứ hai có ba chữ xuân hoà với nhau mà bản dịch chỉ có hai chữ xuân, thế là ý đủ mà chữ còn thiếu...”. Về sau, nhà thơ Xuân Thuỷ đã khéo dựa chữ xuân lên câu thứ nhất để giữ đủ ba chữ xuân của Hán tự. Nhưng giữa ba chữ xuân trên cùng một dòng và ba chữ xuân trên cả hai dòng là cả một khoảng cách không nhỏ. Bởi trong nguyên tác sự lặp lại đó vừa chuyển tải nội dung vừa là điểm nhấn của hình thức nghệ thuật. Chữ “tiếp” trong câu thơ này cũng là một đặc sắc mà Xuân Thuỷ đã không giữ được trong bản dịch. “Tiếp” là nối liền, tạo một không gian trải dài, từ nước, sông vút lên trời cao. Xuân không chỉ ở bề mặt rộng mà còn nối dài bất tận. Nhà thơ Xuân

Thủy thay đó bằng chữ “lân” dấu đã phản ánh được phần nào sự hài hoà, ngập tràn của xuân nhưng thu hẹp không gian và phạm vi ảnh hưởng của nó, làm giảm đi hiệu ứng của bài thơ.

Xuân hứng đã trở thành thi hứng dẫn mạch thơ đi như ngọn sóng trào. Hai chữ *thiên - yên* bắt vần thật tự nhiên để dẫn dắt tới câu thứ ba:

Yên ba thâm xứ đàm quân sự.

(Nơi sâu thăm mật mù khói sóng bàn việc quân)

(Giữa dòng bàn bạc việc quân)

Hình ảnh “yên ba thâm xứ” mang đến một không khí rất Đường thi, gợi tả nhớ đến câu thơ xưa của Thôi Hiệu:

Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

(Hoàng Hạc lâu - Thôi Hiệu)

Nhưng Hồ Chí Minh là một nhà thơ chiến sĩ. Vì vậy mà không khí thơ cổ ấy lại ghi khắc được cả màn sương mù dày đặc vùng cao những ngày mùa đông Việt Bắc. Điều đặc biệt nhất là không gian của màn sương huyền ảo và kín đáo đó lại là nơi những nhà cách mạng đang trao đổi những điều có tính chất sống còn của Tổ quốc của dân tộc. Đến đây ta mới cảm nhận rõ hơn những vần thơ của Hoàng Trung Thông về Bác:

Những vần thơ Bác vần thơ thép

Mà vần mệnh mông bát ngát tình.

(Hoàng Trung Thông)

Cái “tình” và cái “thép” hài hoà đã giúp Bác nhận ra xuân hứng ngay trong khi bàn việc nước, để khởi hứng lên những vần thơ độc đáo:

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

(Nửa đêm quay về trăng đầy thuyền)

(Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền)

Âm hưởng Đường thi đậm đà trong câu thơ khiến không ít người đã nhầm với một câu thơ trong bài *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế:

Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.

(Phong kiều dạ bạc - Trương Kế)

Ngôn từ gần giống nhau nhưng tứ thơ hoàn toàn khác biệt. Trong thơ Trương Kế, tiếng chuông là âm hưởng chủ đạo thì trong thơ Hồ Chí Minh, trăng mới là nhân vật chính. Đó chính là điều làm nên sức sống, màu sắc riêng của Hồ Chí Minh. Thanh huyền ở vần kết bài thơ (thuyền) gợi cho ta một không gian thật bát ngát, cũng là dư vang cho cả bài thơ. Trăng từ chỗ chỉ là một vầng ở câu đầu (nguyệt chính viên), đã thành trăng ánh một trời nơi câu cuối (nguyệt mãn thuyền). Thi

nhân trở về trên con thuyền đầy trăng. Nền thơ biết bao, giống như những tao nhân mặc khách của truyền thống phương Đông. Con thuyền của nhà quân sự thoát biến thành thi tứ. Nó trở thành con thuyền đông đầy ánh trăng, sáng lấp lánh. Nó cho ta thấy niềm lạc quan yêu đời phơi phới của người thi sĩ, chiến sĩ Hồ Chí Minh. Ai cũng biết, trăng và thơ luôn là hai người bạn tri kỷ, song hành trong suốt cuộc đời cách mạng gian khó của Bác. Đã bao lần ta bắt gặp trăng trong thơ Người:

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

(Cảnh khuya)

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Vọng nguyệt)

Vẫn là vầng trăng tình nghĩa gắn bó bao lâu, nhưng ở mỗi bài lại có những cảm nhận mới. Trong *Nguyên tiêu*, trăng mang một điều gì đó thật xúc động, như một người bạn nhẹ nhàng, lặng lẽ, tạo nên khoảnh khắc bình yên quý giá trong cuộc đời đầy thử thách của tác giả.

Cảm hứng bao trùm *Nguyên tiêu* là cảm hứng của niềm vui, hạnh phúc, hi vọng và tin tưởng. Chỉ khắc họa một khoảnh khắc mà gợi lên những giá trị vĩnh cửu.

Bài thơ là sự kết hợp hài hoà về đẹp cổ điển và màu sắc hiện đại. Nó mang đến cho ta bức chân dung tinh thần của Hồ Chí Minh - một cái tôi trữ tình mà vẫn đầy chất "thép", đúng như thi sĩ Phê-lích Pi-ta Rô-đri-gét đã từng đúc kết giản dị:

Bởi vì Người là Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nhà thơ Hồ Chí Minh

Người nông dân trầm tĩnh Hồ Chí Minh,...

Và Người sẽ còn sống mãi, trường tồn cùng đất nước Việt Nam, đẹp sáng ngời như vầng *Nguyên tiêu*!

BÀI SỐ 59: Suy nghĩ về bài thơ *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Bài thơ *Rằm tháng giêng* (*Nguyên tiêu*) Bác viết năm 1948, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta mới trải qua hơn một năm còn gặp nhiều khó khăn chồng chất. Thế nhưng những khó khăn ấy không để lại một nét gợn nào trong bài thơ. Bài thơ trong suốt, biểu hiện một vẻ đẹp hoàn chỉnh một đêm trăng rằm tháng giêng, nhưng đẹp hơn lung linh hơn là của một tâm hồn lớn.

Cảm hứng sáng tạo của nhà thơ trước hết dậy lên từ cảnh một đêm rằm tháng giêng, nghĩa là một đêm trăng, lại trăng rằm, vầng trăng đang độ tròn đẹp nhất. Cảnh vật ở đây phơi phới lồng lộng, dù đó là cảnh ban đêm ở chiến trường khu Việt Bắc. Đất trời sông nước tràn ngập ánh trăng, tràn ngập sắc xuân, sức xuân.

Rằm xuân lồng lộng trăng soi,

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.

(Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,

Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên.)

Cái nhìn khoẻ khoắn của nhà thơ bao trùm lên cảnh vật thiên nhiên. Vầng trăng đang độ tròn nhất, sáng nhất (*nguyệt chính viên*) hoà hợp với mùa xuân đầy cả đất trời: *Xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên* (Sông xuân, nước sông tiếp nối với trời xuân) có ba chữ xuân nối tiếp nhau cứ như ùn ùn trỗi dậy sắc xuân, sức xuân. Mùa xuân kết liền mặt nước và bầu trời. Mùa xuân không tĩnh mà đang chuyển động, mùa xuân sống động chứ không phải là mùa xuân yên lặng.

Nhà thơ Hồ Chí Minh biểu hiện một tư thế ung dung trước cảnh vật, cao hơn cảnh vật, tư thế của một người làm chủ thiên nhiên, xã hội. Tâm hồn Bác chan hoà với cảnh sắc đất trời sông nước mùa xuân nhưng bao giờ cũng chủ động trùm lên tất cả. Sông xuân (*Xuân giang, xuân thủy*) là cái hữu hạn; trời xuân (*xuân thiên*) là cái vô hạn. Cái nhìn đồng nhất hữu hạn và vô hạn ấy của nhà thơ làm cho không gian thơ rộng mở khôn cùng và hình ảnh thơ, ý thơ càng thêm bát ngát. Cảnh trăng *lồng lộng* nối liền trời nước là một cảnh trăng rất say và rất mộng. Ánh trăng đã thành cảm hứng thường trực của nhà thơ. Trăng vào thơ – đó là truyền thống phương Đông. Thơ Bác đầy trăng đã nói lên tâm hồn nghệ sĩ phương Đông của Bác. Nhưng trong truyền thống thơ ca, chúng ta gặp cảm xúc trước thiên nhiên trước ánh trăng của các nhà thơ thường nảy nở trong một tư thế nhân sinh tĩnh tại, an nhàn. Các nhà thơ đến với trăng là để ngắm trăng, để thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên. Ở Bác Hồ, tâm hồn nhà thơ Hồ Chí Minh giữa cảnh đất trời sông nước đầy trăng như thế phải đâu là chuyện đi thưởng xuân! Bên cạnh cái cảm hứng thiên nhiên còn là cảm hứng lớn hơn, cao đẹp hơn; cảm hứng về vận mệnh đất nước. Hai câu thơ sau, đặc biệt câu thơ thứ ba là tâm điểm của bài thơ, của tư thế nhà thơ, tâm hồn nhà thơ:

Giữa dòng bàn bạc việc quân,

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

*(Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.)*

Yên ba thâm xứ - nơi tận cùng của khói sóng vừa kín đáo vừa yên tĩnh, những người lãnh đạo cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đang bàn bạc việc quân, đến nửa đêm trăng sáng đầy thuyền.

Vẫn một con thuyền, với khói sóng, với trăng đêm,... nhưng không có sương khói mung lung, không có cái buồn của ánh lửa chài bên sông, không có cái huyền bí mơ màng của một tâm sự u uẩn trong một bài thơ cổ, một bài thơ Đường thi của Trương Kế:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.
(Trăng tà chiếc quạ kêu sương,
Lửa chài cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.)*

Và cái *yên ba thâm xứ* ở câu thơ thứ ba còn gợi lên phảng phất âm hưởng ở một vài bài thơ nào đó nữa:

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.
(Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.)*

(Thôi Hiệu)

Hoặc của Cao Bá Quát:

*Thế sự thăng trầm quân mạc vấn
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu.
(Cuộc đời lên xuống anh đừng hỏi
Trong khói sóng có một con thuyền.)*

Cái khói sóng nghìn xưa đã gợi một nỗi buồn li quê của khách giang hồ và gợi lại một nỗi đau tuyệt vọng của một tài tử bế tắc trước cuộc đời. Nhưng với Bác Hồ, cảnh xưa kết hợp với thực tại một cách tài tình. Câu *bàn bạc việc quân* đã xóa đi nỗi buồn muôn thuở của khói sóng. Ba chữ *đàm quân sự* như một yếu tố có tính chất khu biệt thơ Bác và thơ của những nhà thơ cổ điển khác. Và câu thơ cũng cho chúng ta thấy rõ việc quân đâu phải là việc khô khan mà cũng là một công việc nên thơ. Thơ đến với mùa xuân, với trăng, với sông nước,

thơ cũng đến với cả công việc cách mạng. Với Bác Hồ, không có nơi nào là “khu rừng cấm của thơ ca”.

Nửa đêm trăng sáng, nên thơ. Một không gian yên ả như thế thường gọi lên một tiếng chuông chùa xa đưa thoát tục. Bác Hồ đã đưa cảnh nửa đêm trở về với đời thực, *bàn bạc việc quân*. Cũng như trong cảnh nằm chợp mắt sau gần một đêm không ngủ được, người ta cũng dễ mơ đến những gì thuộc về cuộc sống đời thường nhưng Bác Hồ thì lại mơ đến ngôi sao năm cánh. Cảnh *yên ba thâm xứ* như đối lập với cảnh *đàm quân sự* nhưng sự đối lập này lại được đồng nhất ở câu thơ sau:

Dạ bán quy lại nguyệt mãn thuyền

(Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền).

Cái mơ và cái thực hoà chung trong một con thuyền chở đầy trăng.

Bài thơ *Rằm tháng giêng* là cả một sự hài hoà tuyệt đẹp. Hài hoà giữa cái đáng vẽ cổ điển (cũng là cảnh đêm trăng, cảnh sông nước, cảnh xuân,...) và thi nhân mà thơ xưa vốn có với cái đáng vẽ hiện đại bởi ở đây thi nhân không tan biến vào tạo vật mà xuất hiện với tư thế của một người đang cùng nhân dân, lãnh đạo nhân dân đang trù hoạch công việc kháng chiến, giữ vững nền độc lập, tự do của dân tộc. Bài thơ còn là sự hài hoà giữa con người nghệ sĩ và con người chiến sĩ trong một con người Hồ Chí Minh. Đây có thể coi là một trong những bài thơ hay nhất của Bác viết trong những ngày ở chiến khu Việt Bắc gian khổ, thiếu thốn nhưng tràn đầy lạc quan cách mạng.

BÀI SỐ 60: Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* của Nguyễn Ái Quốc.

Bài làm

Nguyễn Ái Quốc là tên gọi rất nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được dùng từ năm 1919 đến 1945. Bút danh Nguyễn Ái Quốc gắn với tờ báo *Người cùng khổ*, nhiều truyện kí (sau này in thành *Truyện kí Nguyễn Ái Quốc* và tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* viết trên đất Pháp, bằng tiếng Pháp trong thời gian từ 1922 đến 1925).

Truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* được viết ngay sau khi nhà cách mạng Phan Bội Châu bị bắt cóc (18-6-1925) ở Trung Quốc bị giải về giam ở Hỏa Lò - Hà Nội và sắp bị xử án, còn Va-ren thì chuẩn bị sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương. Tác phẩm được viết với mục đích cổ động phong trào của nhân dân trong nước đòi thả Phan Bội Châu.

Đoạn trích kể về tình huống đối mặt giữa hai nhân vật có tính cách hoàn toàn đối lập nhau: Va-ren thì gian trá, lố bịch, đại diện cho thực dân Pháp phản động ở Đông Dương; Phan Bội Châu kiên cường, bất khuất, xứng đáng là vị anh hùng, tiêu biểu cho khí phách của dân tộc Việt Nam.

Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu là một truyện ngắn có tính chất kí sự nhưng thực tế là hư cấu, do tác giả tưởng tượng và sáng tạo từ sự việc trước khi sang Đông Dương nhậm chức, Va-ren có tuyên bố sẽ quan tâm tới Phan Bội Châu.

Trước khi sang Đông Dương, do sức ép của công luận ở Pháp và Đông Dương, Va-ren đã hứa sẽ chăm sóc cụ Phan Bội Châu.

Nhưng thực chất đó chỉ là một lời hứa dối trá nhằm trấn an công luận, trấn an nhân dân Việt Nam đang đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu.

Tác giả đã sử dụng biện pháp châm biếm sâu cay để lật tẩy bộ mặt giả dối của Va-ren. Y đã hứa một cách “nửa chính thức”, tức là hứa ỡm ờ, hứa mà không nhất thiết phải thực hiện. Tiếp theo Người lại viết: “giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa...” Viết như thế, Người đã ngầm cho độc giả (nhân dân Việt Nam) nhận rõ bộ mặt thật của những tên quan thực dân. Trong quá trình cai trị, để có thể vơ vét được nhiều của cải, để bóc lột được công sức lao động của nhân dân Đông Dương một cách tàn tệ, thậm chí đi làm bia đỡ đạn cho chúng, chúng đã hứa rất nhiều nhưng không bao giờ giữ lời hứa, nhất là khi những lời hứa ấy lại không mang đến lợi ích cho chúng.

Trong đoạn văn có hai nhân vật: Va-ren và Phan Bội Châu, được xây dựng theo quan hệ tương phản, đối lập nhau: Va-ren là một viên toàn quyền, còn Phan Bội Châu là một người tù. Một bên là kẻ bất lương nhưng thống trị, bên kia là người cách mạng vĩ đại nhưng đã thất thế. Tác giả dành một số lượng từ ngữ lớn, hình thức ngôn ngữ trần thuật để khắc hoạ tính cách Va-ren. Còn với Phan Bội Châu, tác giả dùng sự im lặng làm phương thức đối lập. Đây là một cách viết vừa tả vừa gợi, rất thâm thúy, sinh động và lí thú.

Trong cuộc đối thoại (tưởng tượng) của tác giả, hầu như chỉ có Va-ren nói, còn Phan Bội Châu thì im lặng. Bởi vậy, ngôn ngữ của Va-ren thực chất là ngôn ngữ độc thoại, tự nói một mình. Qua lời nói, cử chỉ, Va-ren bộc lộ rõ tính cách nham hiểm, thâm độc. Y không ngừng ve vuốt, dụ dỗ, bịp bợm một cách trắng trợn nhằm thuyết phục Phan Bội Châu từ bỏ tư tưởng cách mạng, cộng tác với chúng (thực chất là đầu

hàng). Thậm chí y còn đem cả thân thế (từng là một kẻ phản bội đồng đội, đồng chí trong Đảng Xã hội) ra để thuyết phục Phan Bội Châu hãy theo gương y để có được một cuộc sống sung sướng.

Ngược lại với sự ba hoa, khoác lác của Va-ren, từ đầu đến cuối Phan Bội Châu chỉ im lặng. Ông phớt lờ, coi như không có Va-ren trước mặt. Sự im lặng, dửng dưng của Phan Bội Châu thể hiện một thái độ khinh bỉ cực độ, đồng thời cũng cho thấy bản lĩnh kiên cường của nhà cách mạng trước kẻ thù, cho dù đó là Toàn quyền Đông Dương đi chăng nữa.

Ý nghĩa của bài văn sẽ giảm đi rất nhiều nếu không có những lời bình vừa hóm hỉnh vừa sắc sảo của tác giả. Từ đầu cuộc đối thoại, tác giả như đang ngồi ngay bên cạnh, chứng kiến Va-ren giở đủ mọi ngón nghề và cũng chứng kiến sự thất bại thảm hại của y trước người tù cách mạng. Sau đó tác giả đưa ra lời bình: “Nhưng cứ xét bình tình, thì đó chỉ là vì (Phan) Bội Châu không hiểu Va-ren cũng như Va-ren không hiểu (Phan) Bội Châu”. Thật hóm hỉnh và sâu sắc. Hai chữ “không hiểu” được tác giả giải thích một phần (không phải vì không hiểu tiếng nói của nhau vì đã có thông ngôn), còn lại để cho bạn đọc tự suy ngẫm. Như vậy, hai con người không hiểu được nhau chỉ có thể vì họ không thể và không bao giờ cùng tư tưởng, chí hướng, không bao giờ đi chung một con đường. Dù Va-ren có nói gì chăng nữa thì với Phan Bội Châu, y cũng chỉ là một kẻ xa lạ, một kẻ không đáng để Phan Bội Châu phải bận tâm.

Kết thúc cuộc đối thoại (mà thực chất là độc thoại), tác giả còn dẫn lời của một nhân vật tưởng tượng khác (anh lính đồng) để tạo cho câu chuyện cảm giác khách quan. Theo lời anh lính đồng, anh ta có thấy “đôi ngón râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi”. Với chi tiết này, trong con mắt của Phan Bội Châu, Va-ren cũng chỉ là một đứa trẻ.

Dường như thế vẫn chưa diễn tả hết được thái độ khinh miệt của Phan Bội Châu đối với Va-ren, tác giả còn đưa ra lời của một nhân chứng tưởng tượng khác mà theo lời của tác giả, “chẳng dám nêu tên”, quả quyết rằng Phan Bội Châu đã nhổ vào mặt Va-ren. Và Người lại còn chưa thêm: “cái đó thì có thể”.

Sự trần thuật xen lẫn các yếu tố bình luận rất phong phú, đa dạng của tác giả khiến cho câu chuyện hết sức hấp dẫn, góp phần làm nổi bật tình cảnh vừa lỗ bịch vừa hài hước của Va-ren, đồng thời cũng làm rõ thêm thái độ, tính cách, bản lĩnh của Phan Bội Châu.

Truyện ngắn đã thể hiện được khá rõ cái giọng văn hóm hỉnh mà sắc sảo, cũng như khả năng tưởng tượng, hư cấu rất phong phú của Hồ Chí Minh. Ngoài ra, bài văn cũng rất thành công trong nghệ thuật xây dựng nhân vật.

Truyện ngắn này đã khắc họa nổi bật hai tính cách đại diện cho hai lực lượng xã hội đối lập nhau: Va-ren - gian trá, lọc bịch, đại diện cho thực dân Pháp phản động ở Đông Dương và Phan Bội Châu kiên cường, bất khuất. Qua đó, truyện ngợi ca vẻ đẹp của người chí sĩ họ Phan - “một bậc anh hùng, vị thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập”, người đại diện tiêu biểu cho tinh thần yêu nước và khí phách Việt Nam.

BÀI SỐ 61: Nêu cảm nhận của em về truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* của Nguyễn Ái Quốc.

Bài làm

Trong quãng thời gian sống và hoạt động cách mạng tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc có một số tác phẩm viết bằng tiếng Pháp như: *Vì hành, Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu...* Đó là những tác phẩm thể hiện tính chiến đấu qua ngòi bút văn chương trong đó tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* đăng trên báo *Người cùng khổ* số 36, 37 vào tháng 9, tháng 10 năm 1925. Trong 3 phần của tác phẩm ta thấy rằng cuộc chạm trán giữa Va-ren và Phan Bội Châu đầy kịch tính, thể hiện ngòi bút châm biếm sắc sảo của Nguyễn Ái Quốc. Tác giả dùng thủ pháp tương phản tạo nên tính chiến đấu sắc bén cho tác phẩm.

Va-ren là tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình còn Phan Bội Châu là bậc anh hùng, vị thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập, được hai mươi triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng. Vì tìm đường cứu nước, cứu dân, cụ Phan bị bọn thực dân kết án “tử hình vắng mặt”, đang bị đeo gông và chờ ngày lên máy chém. Hai con người khác hoàn toàn đối lập nhau. Va-ren phải hứa “chăm sóc” cụ Phan Bội Châu. Lúc này nhà yêu nước Phan Bội Châu mới bị bắt giam. Cả nước đang dấy lên một phong trào đấu tranh rộng khắp đòi thả cụ.

Đến Việt Nam hẳn đã diễn ra những những trò lố. Tuy không trực tiếp nhìn thấy nhưng bằng con mắt thời cuộc và cảm nhận riêng của mình Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bộ mặt xảo quyệt của tên cáo già giả nhân giả nghĩa. Xuống tàu tên chính khách đâu có để ý đến lời hứa “chăm sóc” cụ Phan Bội Châu mà ngày chỉ muốn chăm sóc đến

khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã. Như vậy ta thấy hấn chỉ lo cho bản thân mình, hứa là “chăm sóc” mà đến Đông Dương hấn còn lo yên vị xong xuôi, tác giả đã gây sự nghi ngờ cho dư luận. Thực tế là cụ Phan vẫn “ngồi tù”. Đến Việt Nam hấn vui thú trước những sự dụ dỗ, áp ứ, tiệc tùng của chính quyền Sài Gòn và Huế.

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, Va-ren phải dừng lại ở Huế để Hoàng đế Khải Định và triều đình cài lên ngực áo hấn *Nam long bội tinh*, cái cao quý nhất của Hoàng triều. Hấn chưa có công trạng gì cho thuộc địa mà đã được ban thưởng của triều đình nhà Huế. Tên toàn quyền vẫn vùi mình vào tiệc tùng, vô tình nuốt lời hứa, trong khi đó cụ Phan vẫn ngồi tù.

Và Va-ren đến Hà Nội - cuộc chạm trán giữa một kẻ phản bội Đảng Cộng sản Pháp với một bên là *bậc thiên sư, đáng xả thân vì độc lập, được hai mươi triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng*.

Điều thú vị sắp diễn ra, tên toàn quyền bắt tay cụ Phan, tay trái thì nâng cái gong to kạch đang xiết chặt Phan Bội Châu trong nhà tù ảm đạm. Hấn tuyên bố *tôi đem tự do đến cho ông đây*.

Cuộc mặc cả bắt đầu, y dụ dỗ, y yêu cầu cụ Phan hãy từ bỏ ý chí đấu tranh vì nền độc lập dân tộc, y nêu ra một số tên phản bội để làm gương, và thật nực cười chính y cũng là kẻ phản bội. *Trước tôi là đảng viên xã hội đây, giờ đây tôi làm toàn quyền...* Tiếc thay cuộc “mặc cả”, “diễn thuyết” của Va-ren rất hùng hồn và không thiếu những Lillê đầy tình cảm như *trong lúc ông và tôi nắm chặt tay - có thông ngôn rành mạch thế mà cụ Phan cứ đứng đưng*. Xét bình tình thì lúc đó cả Phan Bội Châu và Va-ren không hiểu nhau.

Cụ Phan làm sao lại hiểu được những lời nói giả dối của một kẻ xấu xa đã phản bội chính giai cấp mình, một kẻ mà ngoài mẽ thì lịch sự, oai phong mà bên trong thì gian xảo, cáo già. Cụ Phan không thể hiểu một kẻ mà với cụ chỉ là một tên cướp nước không hơn không kém. Còn với Va-ren một tên chính khách bản thủ làm sao hiểu được sự cao thượng, vĩ đại của một người đem cả tính mạng của bản thân cho nền độc lập tự do của dân tộc. Hai thái cực đối lập nhau trong cuộc chạm trán nảy lửa với những lời nói, hành động của Va-ren đã bóc trần bộ mặt xảo trá của hấn.

Trong cuộc chạm trán ấy, Phan Bội Châu rất chủ động *dứng im lặng, mỉm cười một cách kín đáo*. Đặc biệt trong phần tái bút, tác giả cho biết một nhân chứng quả quyết rằng *Phan Bội Châu đã nhổ vào mặt Va-ren*. Hành động này cho thấy thái độ ghê tởm, khinh

bỉ của cụ Phan trước tên toàn quyền đang thao thao bất tuyệt *lên mặt dạy đời* ấy. Vị toàn quyền được triều đình An Nam tôn kính kia đã bị hạ nhục, coi thường.

Người đọc cảm thấy thích thú qua chi tiết này. Bằng trí tưởng tượng phong phú tác giả đã vạch trần bộ mặt xảo quyệt, giả nhân giả nghĩa của tên toàn quyền Va-ren trong cuộc chạm trán với cụ Phan. Sự đối lập, tương phản giữa hai con người đầy kịch tính, các chi tiết nghệ thuật làm cho người đọc bật cười, cái cười tán thưởng khâm phục cụ Phan *anh hùng thiên sứ* và khinh bỉ lên án tên toàn quyền Va-ren. Những trò lố mà hắn làm tại Đông Dương và đặc biệt cuộc chạm trán và mặc cả dụ dỗ cụ Phan thực sự là những trò lố của trò lố.

Nguyễn Ái Quốc viết truyện này không chỉ nhằm mục đích ca ngợi Phan Bội Châu - một người tù lừng tiếng mà còn đòi ân xá cho cụ, đồng thời vạch trần bộ mặt xảo quyệt bản thủ của tên toàn quyền Va-ren nói riêng và lũ thực dân Pháp nói chung. Ngòi bút hiện thực đầy sắc sảo, nó chính là lưỡi gươm chống lại kẻ thù xâm lược của Nguyễn Ái Quốc trong những năm sống và hoạt động tại Pháp.

BÀI SỐ 62: Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh. - downloadsachmienphi.com

Hướng dẫn

1. Cảm hứng và mạch cảm xúc của bài thơ:

Cảm hứng của tác giả trong bài thơ được khơi gợi từ sự việc *tiếng gà trưa*. Ba tiếng này được lặp lại bốn lần ở đầu các khổ thơ.

- Cứ mỗi lần nhắm mắt lại là mỗi lần hình ảnh trong kỉ niệm của tuổi ấu thơ được gọi lên. Chính sự lặp lại này điểm nhịp cho dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình.

- Mạch cảm xúc toàn bài thơ:

Trên đường hành quân, người chiến sĩ chợt nghe tiếng gà nhảy ổ. Nó gợi những kỉ niệm tuổi ấu thơ về hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng, hình ảnh người bà với những chất chiu lo cho cháu cùng những mong ước nhỏ bé tuổi thơ.

Tiếng gà trưa đi vào cuộc chiến đấu cùng người chiến sĩ. Nó khắc sâu thêm tình cảm quê hương đất nước.

2. Những hình ảnh và kỉ niệm tuổi ấu thơ được gọi lên từ tiếng gà trưa:

+ Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp như tranh.

- + Kỉ niệm thời thơ ấu xem trộm gà đẻ bị bà mắng.
- + Hình ảnh người bà chất chiu dành dụm lo cho cháu.
- + Niềm vui và mong ước nhỏ bé của tuổi thơ được tiền bán gà mua bộ quần áo mới. Ước mong ấy đi cả vào giấc ngủ tuổi thơ.

- Những kỉ niệm ấy được gọi lại biểu lộ tâm hồn trong sáng hồn nhiên của một em nhỏ giờ đây đã là người chiến sĩ đang đi vào mặt trận. Đó là những kỉ niệm rất đáng trân trọng, rất đáng quý của bà với cháu.

3. Qua những kỉ niệm của một thời ấu thơ, ở người cháu, hình ảnh người bà có những nét nổi bật sau:

- Tàn tảo chất chiu trong cảnh nghèo. Qua hình ảnh sau:

+ *Tay bà khum soi trứng*

Dành từng quả chất chiu

+ *Bà lo đàn gà toi,*

Mong trời đừng sương muối.

- Dành trọn vẹn tình yêu thương lo cho cháu:

+ *Dành từng quả chất chiu*

+ *Để cuối năm bán gà*

Cháu được quần áo mới.

- Trong lời bảo ban nhắc nhở, trách mắng thì vẫn xuất phát từ tình yêu thương cháu:

Có tiếng bà vẫn mắng

Gà đẻ mà mày nhìn

Rồi sau này lang mặt.

- Từ những kỉ niệm trên cho thấy tình bà cháu thật sâu nặng thấm thiết:

+ Bà chất chiu lo lắng cho cháu.

+ Cháu yêu thương kính trọng và biết ơn bà.

4. Thơ ngũ ngôn trong thơ ca Việt Nam có hai loại chính:

- Thể ngũ ngôn tứ tuyệt có nguồn gốc từ Trung Quốc (*Tĩnh dạ tứ* của Lý Bạch).

- Thể ngũ ngôn có nguồn gốc Việt Nam:

+ Từ thể hát dặm.

+ Từ về dân gian.

Trong thơ hiện đại ngũ ngôn thường cấu tạo thành từng khổ. Mỗi khổ bốn dòng, vẫn liền ở câu hai, ba (cũng có thể vắn cách).

Chữ cuối câu bốn vần với tiếng cuối câu đầu của khổ tiếp theo.

Các khổ thơ cũng có thể nhiều hơn hoặc ít hơn bốn câu.

Số chữ trong câu cũng có thể ít hơn năm tiếng. Cứ lấy hai khổ đầu bài *Tiếng gà trưa* ta sẽ thấy sự biến đổi khá linh hoạt của thể thơ ngũ ngôn ở Xuân Quỳnh.

- Số dòng thơ: Khổ đầu: 7; khổ sau: 6.

Số tiếng mỗi dòng thơ: Trong 13 dòng thì có một câu "*Tiếng gà trưa*" xuất hiện ba tiếng như điểm nhịp cho việc gợi về từng kỉ niệm.

- Gieo vần khổ 1:

+ Ngoài việc dùng vần liền ở hai dòng hai và ba (nhỏ và ổ) thì xuất hiện vần cách (xa và ta).

+ Câu thứ năm bắt vần ở câu bốn.

(*xa và trưa*) nhưng sau đó nó liên hệ với câu 7 (*trưa và thơ*). Sự chuyển về hình thức của thơ ngũ ngôn như vậy có thể diễn đạt được tình cảm tự nhiên với nhiều hình ảnh bình dị, chân thật.

BÀI SỐ 63: Hiểu và nghĩ về bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh.

Bài làm

Xuân Quỳnh (1942 - 1988), người làng La Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây, là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Thơ Xuân Quỳnh trẻ trung, sôi nổi, rất sâu sắc và cũng rất giàu nữ tính. Xuân Quỳnh viết nhiều về những chuyện đời thường trong gia đình, tình yêu, tình mẹ con,... Thơ bà biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, thiết tha và đắm thắm.

Tiếng gà trưa là một bài thơ ngũ ngôn, được Xuân Quỳnh sáng tác vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ. Trong thơ ca Việt Nam, thể thơ ngũ ngôn có hai loại:

Ngũ ngôn tứ tuyệt: bắt nguồn từ thơ ngũ ngôn của Trung Quốc. Đây là loại mà ta đã quen thuộc khi học bài *Phò giá về kinh* (*Tụng gia hoàn kinh sư*) của Trần Quang Khải.

Loại thơ ngũ ngôn không hạn định về số câu. Đây là loại có nguồn gốc từ thể hát dặm Nghệ Tĩnh và thể vè dân gian. Những bài thơ này thường cũng được cấu tạo thành các khổ bốn câu, mỗi câu năm chữ nhưng số khổ trong một bài được mở rộng. Với loại bài này, vần đặt ở cuối câu thứ hai và thứ ba, chữ cuối câu thứ tư lại hiệp vần với chữ cuối câu thứ nhất ở khổ tiếp theo.

Bài thơ của Xuân Quỳnh được sáng tác theo loại thơ ngũ ngôn tự do nên tác giả có rất nhiều sáng tạo và đặc biệt rất linh hoạt trong việc bố trí các câu trong một khổ cũng như trong cách gieo vần thơ.

Bài thơ chia thành 3 phần:

Phần 1 (khổ thơ đầu): cái cơ gợi nên những kỉ niệm của nhân vật trữ tình.

Phần 2 (5 khổ thơ tiếp): những hồi ức về tiếng gà trưa và tình yêu thương của bà đối với cháu.

Phần 3 (phần còn lại): tình yêu của cháu đối với bà và với Tổ quốc, quê hương.

Trần ngập trong bài thơ *Tiếng gà trưa* là những kỉ niệm tuổi thơ. Trong đó, nổi bật là hình ảnh người bà, kí ức về tình bà cháu mộc mạc mà sâu nặng. Tất cả được gợi về từ một âm thanh quen thuộc, bình thường: tiếng gà mái cục tác trong nắng trưa.

Có thể hình dung mạch cảm xúc trong bài thơ như sau:

Trên đường hành quân, buổi trưa, nghỉ lại bên xóm nhỏ, người chiến sĩ nghe tiếng gà nhảy ổ. Những kỉ niệm đẹp đẽ, thân thương về quê nhà cứ theo đó mà ùa về trong lòng người chiến sĩ. Nổi nhớ đậm sâu nhất ở hình ảnh người bà tần tảo sớm hôm chăm chút cho người cháu nhỏ. Nổi nhớ cứ thế khắc sâu hơn hình ảnh quê hương, trở thành động lực thúc người chiến sĩ cầm súng lên đường.

Tiếng gà trưa đã gợi lại trong tâm trí của người chiến sĩ những hình ảnh và kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ:

Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng bên những ổ trứng hồng.

Kỉ niệm một lần tò mò xem gà đẻ bị bà mắng.

Hình ảnh người bà đầy lòng thương yêu, chất chiu từng đàn gà, quả trứng để chăm lo cho cháu.

Kỉ niệm về niềm vui và mong ước của tuổi thơ: được một bộ quần áo mới từ tiền bán gà (tưởng tượng ra vẻ đẹp của bộ quần áo).

Qua những dòng kỉ niệm được gợi lại, có thể nhận thấy, tác giả đã biểu lộ tâm hồn trong sáng, hồn nhiên của một người em nhỏ, cũng như biểu lộ tình cảm yêu quý trân trọng người bà của đứa cháu.

Qua bài thơ, có thể nhận thấy tình cảm của bà và cháu thật sâu nặng và thấm thiết. Bà tần tảo chất chiu trong cảnh nghèo để cố dành dụm mua cho cháu bộ quần áo mới. Ngược lại, người cháu luôn thương yêu, quý trọng và biết ơn bà.

Bài thơ này được viết theo thể ngũ ngôn (5 tiếng) nhưng rất sáng tạo và linh hoạt:

Thường mỗi khổ trong một bài ngũ ngôn có 4 câu nhưng bài này chỉ có ba khổ 4 câu, các khổ khác có đến 5 hoặc 6 câu, riêng khổ thứ nhất có đến 7 câu.

Cách gieo vần trong bài thơ cũng rất linh hoạt. Phần lớn vần trong bài thơ là vần cách, có khi không chú trọng đến việc đúng vần mà chỉ cần giữ âm điệu. Mặc dù vậy, đọc bài thơ lên nghe vẫn thấy rất hài hoà trong mạch cảm xúc của tác giả.

Các câu thơ trong bài đều gồm 5 tiếng, riêng câu thơ *Tiếng gà trưa* (lặp lại mở đầu các khổ thứ hai, thứ ba, thứ tư và thứ bảy) chỉ có ba tiếng. Đây là một cách để Xuân Quỳnh tạo nên điểm nhấn về cảm xúc. Sau mỗi câu thơ *Tiếng gà trưa* là tác giả lại nhớ về một hình ảnh, một kỉ niệm quen thuộc. Các câu thơ này giữ cho mạch cảm xúc của bài thơ liền mạch, khiến cho những kỉ niệm và hình ảnh thơ luôn da diết, nồng nàn.

Bài thơ rất giàu hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, tự nhiên. Nhịp thơ uyển chuyển, linh hoạt nhờ sự mở rộng số câu thơ tạo nên giọng thơ truyền cảm, vừa gọi tâm tình, vừa rất cuốn hút người nghe.

Tiếng gà trưa là những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Những kỉ niệm gia đình rất tự nhiên và sâu nặng đó đã làm sâu sắc hơn tình yêu đất nước, quê hương.

BÀI SỐ 64: Suy nghĩ về tình cảm bà cháu, tình yêu quê hương đất nước sâu sắc của Xuân Quỳnh qua bài thơ *Tiếng gà trưa*.

Bài làm

Tuổi thơ! Hai tiếng thiêng liêng và dịu ngọt vang lên nhắc nhở mỗi chúng ta về một thời không bao giờ quên. Tuổi thơ gắn liền với những gì thân quen, gần gũi, bình dị nhất. Đó là bờ đê ven sông, vì vu thả diều mỗi chiều hè, là cánh đồng bát ngát cánh cò bay, là những đêm trăng nô đùa bên đình làng... Mỗi người đều mang trong mình những kỉ niệm riêng về tuổi thơ. Đối với người chiến sĩ trong thi phẩm *Tiếng gà trưa* của nữ sĩ Xuân Quỳnh thì tuổi thơ gắn liền với âm thanh tiếng gà và đặc biệt gắn liền với hình ảnh người bà tần tảo sớm hôm. Bài thơ như một tiếng ca trong trẻo, tha thiết về tình cảm bà cháu, tình yêu quê hương đất nước dạt dào.

Bài thơ mở đầu bằng lời kể rất tự nhiên:

Trên đường hành quân xa

Dừng chân bên xóm nhỏ.

Chỉ với hai câu thơ ngắn gọn, tác giả đã đem đến lượng thông tin rất chi tiết. Người đọc hiểu rằng nhân vật trữ tình trong bài thơ là một chiến sĩ, đang trên đường hành quân ra trận chiến đấu, dừng nghỉ

ở xóm nhỏ. Thời điểm miêu tả là thời điểm hiện tại. Giữa không gian xóm nhỏ vang lên:

*Tiếng gà ai nhảy ổ
“Cục... cục tác cục ta”
Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ.*

Tiếng gà vang lên giữa trưa thể hiện một không gian làng quê yên bình, tĩnh lặng. Tác giả tỏ ra là người rất am hiểu cuộc sống của thôn quê, đã miêu tả chính xác âm thanh tiếng gà: “Cục... cục tác cục ta”. Dấu ba chấm đặt giữa câu khiến cho tiếng gà mái nhảy ổ trở nên sống động. Tiếng gà ấy không chỉ vang lên xoa tan không gian đang tĩnh mịch mà tiếng gà ấy như tiếng chuông thức tỉnh tâm hồn người chiến sĩ. Tác giả sử dụng liên tiếp điệp từ “Nghe” cùng với biện pháp nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác trong ba câu thơ tiếp khiến hình ảnh thơ càng giàu sức biểu cảm. “Nắng trưa” vốn là hình ảnh cảm nhận bằng thị giác nay cảm nhận bằng thính giác, “xao động” là từ chỉ cảm nhận của cảm giác thì trong câu thơ dùng chỉ cảm nhận của thính giác. Có lẽ tiếng gà trưa không phải chỉ làm “xao động nắng trưa” mà quan trọng hơn làm “xao động”, xốn xang tâm hồn người chiến sĩ. Tiếng gà trưa như một vị thuốc tinh thần, xoa tan đi bao mệt mỏi “Nghe bàn chân đỡ mỏi” và đặc biệt nó nhắc nhở người chiến sĩ về một miền kí ức, kí ức của tuổi thơ “Nghe gọi về tuổi thơ”. Nhà thơ không sử dụng từ “nhớ về” mà dùng “gọi về” như muốn nhấn mạnh sức lay động mạnh mẽ của âm thanh tiếng gà.

Miên man theo tiếng gà trưa, người chiến sĩ đang từ thời điểm thực tại nhớ về quá khứ tuổi thơ của mình. Hình ảnh đầu tiên xuất hiện trong dòng hồi ức đó là hình ảnh:

*Tiếng gà trưa
Ổ rơm hồng những trứng
Này con gà mái mơ
Khắp mình hoa đốm trắng
Này con gà mái vàng
Lông óng như màu nắng.*

Cách miêu tả của tác giả rất tự nhiên và đầy sức gợi. Nhà thơ lựa chọn những màu sắc rất tươi sáng “hồng, vàng, trắng” để miêu tả một bức tranh được sắc màu. Từ “này” được điệp lại hai lần, đứng đầu

mỗi dòng thơ có tác dụng nhấn mạnh, tạo sự chú ý với người đọc. Tác giả chẳng khác nào một người họa sĩ đang giới thiệu với mọi người vẻ đẹp của bức tranh gà mái vàng đầy sức sống. Tuy nhiên, tiếng gà trưa, hình ảnh gà mái đẹp rực rỡ chỉ là nền để nhắc nhở người con xa quê về một người thân thiết, một người bà kính yêu, suốt đời tần tảo, nuôi cháu lớn khôn. Điều hấp dẫn là ở đây hình ảnh bà không xuất hiện bắt đầu với dáng lưng còng quen thuộc mà xuất hiện với tiếng “măng yêu”:

*Tiếng gà trưa
Có tiếng bà vẫn mắng
- Gà đẻ mà mày nhìn
Rồi sau này lang mặt!
Cháu về lấy gương soi
Lòng dại thơ lo lắng.*

Hình ảnh người bà hiện lên rất tự nhiên, chân thực, gần gũi. Bà hiện lên với hành động, cử chỉ tảo tần, cần mẫn, cẩn thận:

*Tiếng gà trưa
Tay bà khum soi trứng
Dành từng quả chắt chiu
Cho con gà mái ấp.*

Từ láy “chắt chiu” đã gọi lên trong tâm trí người đọc, hình ảnh người bà nâng niu từng quả trứng. Bà đang nuôi dưỡng sự sinh sôi, nảy nở của đàn gà. Việc làm đó xuất phát từ tình yêu của bà dành cho cháu, vì vậy nó càng thiêng liêng, đáng quý:

*Cứ hàng năm hàng năm
Khi gió mùa đông tới
Bà lo đàn gà toi
Mong trời đừng sương muối
Để cuối năm bán gà
Cháu được quần áo mới.*

Bà lo lắng làm lưng vắt vả tất cả chỉ vì đứa cháu thân yêu. Sáu dòng thơ là lời kể tâm tình, chứa chan bao cảm xúc. Đặc biệt hai câu cuối cho bạn đọc thấy được tình cảm vô bờ bến của bà. Ta như cảm nhận được nụ cười rạng ngời niềm vui của bà khi thấy đứa cháu hạnh phúc, vui sướng với quần áo mới: “Ôi cái quần chéo go - Ống rộng dài quét đất - Cái áo cánh trúc bâu - Đi qua nghe sột soạt”. Dù đó chỉ là “Cái quần chéo go”, hay “Cái áo cánh trúc bâu” giản đơn nhưng nó lại thấm đượm tình bà cháu. Vì vậy, nó càng trở nên ý nghĩa, đẹp hơn hết thấy quần áo lụa là, gấm vóc.

Bài thơ kết lại với sự quay về thực tại của nhân vật trữ tình cùng lời hứa đầy quyết tâm:

*Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi, cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ.*

Nhà thơ đã khéo léo trong việc tổ chức các hình ảnh, từ hình ảnh lớn lao, kì vĩ như “Tổ quốc, xóm làng” đến hình ảnh cụ thể, gần gũi, nhỏ bé là bà, là tiếng gà cục tác là “ổ trứng hồng”. Tình yêu Tổ quốc luôn đứng trên tất cả và với người chiến sĩ này dường như tình yêu đó được chất chiu, kết tinh từ những tình yêu bình dị. Nói cách khác, động lực thúc người chiến sĩ ra trận là sự bình yên của xóm làng, sự bình yên của bà và cả sự bình yên của những giấc mơ tuổi thơ. Bài thơ khép lại với hình ảnh thật đẹp, thật bình yên “ổ trứng hồng tuổi thơ”.

Tiếng gà trưa thực sự là một thi phẩm đặc sắc từ hình thức thể hiện đến nội dung biểu đạt. Bài thơ được làm theo thể thơ 5 chữ, cách gieo vần rất tự nhiên. Đặc biệt câu thơ ba chữ “tiếng gà trưa” được lặp lại bốn lần ở đầu các đoạn thơ có tác dụng nhấn mạnh và kết nối liên mạch các khổ thơ với nhau. Tiếng gà đã đánh thức bao kỉ niệm, bao tình cảm thiêng liêng của người chiến sĩ. Người đọc hiểu rằng tình yêu nước có thể được đánh thức, bắt đầu từ những gì bình dị nhất.

Đã hơn hai mươi năm trôi qua kể từ ngày nữ sĩ Xuân Quỳnh cùng chồng và con trai ra đi sau tai nạn thảm khốc nhưng những vần thơ của chị vẫn còn sống mãi trong lòng bạn đọc. Nếu phải chọn những bài thơ đặc sắc nhất viết về tình cảm bà cháu, về kỉ niệm tuổi thơ, tôi tin chắc rằng sẽ không thể không có *Tiếng gà trưa*. Một bài thơ chứa chan nỗi niềm cảm xúc, thấm đượm tình yêu thương.

BÀI SỐ 65: Suy nghĩ về tác phẩm *Một thứ quà của lúa non: Cốm* của Thạch Lam.

Bài làm

Đối tượng của bài tùy bút này nói về sản phẩm cốm làng Vòng ở Hà Nội. Một đặc sản, một món quà có ý nghĩa khi Hà Nội vào thu.

Tác giả đã sử dụng thể tùy bút. Cho nên trong bài có những đoạn miêu tả, kể, nhận xét, bình luận. Nhưng nổi bật nhất vẫn là yếu tố trữ

tình, bộc lộ trực tiếp cảm xúc của tác giả. Cảm xúc thấm sâu vào mọi chi tiết vào sự nhận xét và bình luận.

Chẳng hạn ở đoạn văn thứ ba.

Cốm là thứ quà riêng biệt của đất nước là nhận xét. Nhưng tác giả viết tiếp: *"Là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát mang trong hương vị"*... thì nó nghiêng hẳn vào biểu thị cảm xúc qua lời bình luận.

Có thể phân ra ba đoạn:

Đoạn 1 (từ đầu đến *"chiếc thuyền rồng"*): Từ hương thơm của lúa non tác giả nghĩ tới cốm và sự hình thành hạt cốm từ sự tinh túy của thiên nhiên và khéo léo của con người.

Đoạn 2 (từ *"Cốm là thứ quà"* đến *"nhũn nhặn"*): Phát hiện và ca ngợi giá trị của cốm; thức dâng đặc biệt thanh khiết của đất và trời và trở thành một sản phẩm chứa đựng giá trị văn hóa gắn với phong tục sâu sắc của dân tộc Việt Nam.

Đoạn 3 (phần còn lại): Tác giả bàn về sự thưởng thức cốm. Cho thấy ý nghĩa sâu xa trong việc hưởng thụ một sản phẩm kết tinh nhiều giá trị thiên nhiên trời đất. Tác giả cũng đề nghị người mua và người thưởng thức món quà này phải biết kính trọng cái lộc của trời.

Tác giả mở đầu bài viết bằng những hình ảnh và chi tiết.

Đó là hương thơm của lá sen trong làn gió mùa hạ lướt qua vùng sen của mặt hồ.

Hương thơm ấy nhắc tới hương vị của cốm, thứ quà đặc biệt của lúa non.

Cách vào bài như vậy là rất tự nhiên, gợi cảm, biểu hiện sự tinh tế và thiên về cảm giác của tác giả. Đặc biệt ở đây là khứu giác để nhận cảm hương thơm thanh khiết của cánh đồng lúa, của lá sen và lúa non. Đoạn văn có rất nhiều tính từ miêu tả tinh tế hương vị và cảm giác. (*Thanh nhã tinh khiết, thơm mát, trắng thơm, phẳng phất, trong sạch*). Nó giống như một thứ *thơ văn xuôi* vậy.

Tác giả đã diễn tả và bình luận về một phương diện văn hóa của cốm gắn liền với tục sâu sắc.

Dùng cốm làm lễ vật sâu sắc thật thích hợp và có ý vị sâu xa, bởi cốm là thức dâng của trời đất, mang trong nó hương vị vừa thanh nhã vừa đậm đà của đồng quê nội cỏ. Nó thích hợp với lễ nghi ở xứ trồng lúa nước như nước ta.

Lễ vật này cùng với hồng lại càng hòa hợp, tốt đôi, biểu trưng cho sự hài hòa gắn bó duyên lứa đôi. Sự hài hòa này biểu hiện:

Màu sắc: Việc so sánh màu ngọc thạch và màu ngọc lưu già làm cho hai sản vật trở nên cao quý.

Hương vị: Một thứ thanh đậm, một thứ ngọt sắc, hai vị giác này nâng đỡ cho nhau.

Nhân đây, tác giả phê phán thói chuộng ngoại của những kẻ giàu có vô học không biết trân trọng những sản vật cao quý kín đáo và nhũn nhặn của truyền thống dân tộc.

Đoạn văn bàn về sự thưởng thức cốm.

Vốn là thứ quà bình dị, chẳng có gì là cầu kì, tưởng không có gì cần bàn về việc ăn cốm.

Tác giả đã có cái nhìn thấu đáo và thái độ văn hóa khi nói về sự thưởng thức một món ăn bình dị như cốm.

“Ăn cốm phải ăn từng chút ít (...) bài thơ thảo mộc”

Tác giả đưa ra lời đề nghị với những người mua cốm phải nhẹ nhàng, trân trọng với thứ sản vật, thức quà quý này.

“Sự thưởng thức (...) sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn”.

Qua câu văn ta thấy tác giả rất am hiểu cái món “Thức quà riêng của đất nước”, rất trân trọng cái giá trị tinh thần kết tinh trong cốm. Đây là cái nhìn từ nền văn hóa ẩm thực cho nên nó mang nặng tấm lòng với quê hương xứ sở.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI SỐ 66: Cảm nhận về giá trị tác phẩm *Một thứ quà của lúa non: Cốm* (Thạch Lam).

Bài làm

Thạch Lam (1910 - 1942), tên khai sinh là Nguyễn Tường Vĩnh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn (nhóm văn chương khá nổi tiếng trước Cách mạng tháng Tám với các tên tuổi quen thuộc thời bấy giờ như Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo,...). Đương thời, văn Thạch Lam không nổi tiếng như các nhà văn khác nhưng một nhà văn đàn anh đã nhận xét rất tinh tế và chính xác: mai sau, cái còn lại với đời chính là văn của Thạch Lam chứ không phải là ai khác. Điều này đã được kiểm chứng qua thời gian. Cho đến bây giờ, nói đến Nhất Linh, Khái Hưng,... ít người biết nhưng tên tuổi Thạch Lam còn mãi với những hương vị băng khuâng, ngọt ngào từ *Hai đứa trẻ*, *Dưới bóng hoàng lan*, *Hà Nội ba mươi sáu phố phường*,...

Văn Thạch Lam rất ít sự kiện, hầu như không có những sự kiện nổi bật, gay cấn,... thường là phương tiện để các nhà văn cuốn hút người đọc. Ấn tượng sâu sắc mà những câu văn Thạch Lam để lại chính là

những dư vị “thấm sâu vào tận gốc lười” trong từng câu văn, từng hình ảnh nhẹ nhàng mà đầy rung cảm. Mỗi câu văn của Thạch Lam đều có khả năng làm rung lên những sợi tơ đàn êm ái trong tâm hồn người đọc, người nghe.

Tuỳ bút “là một thể loại kí. Lối viết tương đối phóng khoáng; nhà văn tuỳ theo ngọn bút đưa đi, có thể từ sự việc này sang sự việc kia, từ liên tưởng này sang liên tưởng kia, để bộc lộ những cảm xúc, những tâm tình, phát biểu những nhận xét về người và cảnh. Cái bản ngã của nhà văn được thể hiện gần như trong thơ trữ tình. Tuỳ bút là thể giàu chất trữ tình nhất trong các loại kí. Những sự việc, những con người nhắc đến trong tuỳ bút tuy không kết thành một hệ thống chặt chẽ, nhưng phải nằm trong trật tự hợp lí của dòng cảm xúc, dòng suy nghĩ của tác giả và cũng phải xác thực. Giá trị của tuỳ bút là ở những suy nghĩ sâu sắc, thâm trầm rút ra từ những sự việc tưởng như riêng tư, bình thường. Sức lôi cuốn của nó còn ở ngôn ngữ trau chuốt, giàu hình ảnh bất ngờ và lí thú, tạo ra một chất thơ riêng”.

Một thứ quà của lúa non: Cốm được viết theo thể tuỳ bút. Dựa vào các yếu tố hình ảnh, sự vật cụ thể như thể kí nhưng bài viết thiên về cảm xúc trữ tình, chủ trọng thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng, vấn đề của đời sống.

Bài tuỳ bút của Thạch Lam tuy có mạch cảm xúc và liên tưởng khá tự do nhưng vẫn rất hợp lí. Bài tuỳ bút có thể được chia thành ba đoạn:

Đoạn 1 (từ đầu đến “*chiếc thuyền rồng*”): Thạch Lam gợi nhớ khéo léo đến cốm từ hương thơm của lúa non và sự hình thành hạt cốm từ những tinh túy của thiên nhiên và sự khéo léo của bàn tay con người.

Đoạn 2 (từ “*Cốm là thức quà riêng biệt*” đến “*kín đáo và nhũn nhặn*”): những giá trị của cốm - thức dâng đặc biệt thanh khiết của đất trời, một sản phẩm chứa đựng giá trị văn hoá gắn với phong tục sâu tột của dân tộc.

Đoạn 3 (từ “*Cốm không phải là thức quà*” đến hết): Tác giả bàn về sự thưởng thức cốm cùng những lời đề nghị với người mua và người thưởng thức món quà này.

Bài tuỳ bút này viết về một thứ quà của núi non: cốm. Để nói về đối tượng ấy, tác giả đã sử dụng các phương thức miêu tả, thuyết minh, biểu cảm và bình luận. Nhưng phương thức biểu đạt chủ yếu là biểu cảm.

Tác giả đã mở đầu bài viết bằng hương thơm của lá sen trên hồ. Nó gợi nhớ về cái thức quà thanh nhã và tinh khiết. Tiếp đến, tác giả

miêu tả những bông lúa non, những bông lúa chín chứa cái chất quý trong sạch của trái đất, nguyên liệu để làm ra cốm.

Cảm giác về hương thơm của lá sen, về màu xanh của cánh đồng, về mùi thơm mát của lúa non, giọt sữa trắng thơm trong hạt lúa phẳng phát hương vị của ngàn hoa cỏ... đã tạo nên tính biểu cảm của đoạn văn (ca ngợi sự thanh nhã và tinh khiết của cốm).

Tác giả đã nhận xét: dùng hồng (quả hồng) và cốm làm đồ sêu tết là rất phù hợp. Cốm là thức dâng của trời đất, mang trong nó hương vị vừa thanh nhã, vừa đậm đà của đồng nội, có thể lấy làm thứ biểu trưng cho xứ sở chuyên trồng lúa nước như nước ta. Thứ lễ vật ấy lại đem sánh với quả hồng với ý nghĩa biểu trưng cho sự hoà hợp tốt đôi thì thật đúng là một thứ lễ nghi đầy ý nghĩa. Sự hoà hợp và tương xứng của hồng và cốm đã được tác giả phân tích trên phương diện màu sắc, hương vị. Màu sắc thì quý giá, hài hoà; hương vị thì hoà hợp và nâng đỡ. Đó đúng là một phong tục đẹp của nhân dân ta.

"Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam". Nhận xét trên đây của nhà văn thật tinh tế và chính xác. Cốm quả là thứ quà rất độc đáo. Nó được làm từ sản phẩm gần gũi với người dân quê. Nó là một lễ phẩm mà cánh đồng dâng tặng con người. Hương cốm là hương của lúa, một thứ hương mộc mạc, giản dị thanh khiết của đồng quê. Cốm không chỉ là một món ăn thông thường. Nó trở thành một món quà văn hoá, phong tục nhất là với phong tục sêu tết trong hôn nhân. Vì thế, cốm đúng là một thức quà riêng biệt.

Sự tinh tế khi thưởng thức món quà bình dị này thể hiện ở chỗ: ăn cốm không thể nào ăn vội, vừa ăn thông thả, vừa ngẫm nghĩ thì mới cảm hết được hương thơm, vị ngon, sự tươi mát của lá non, cái dịu dàng thanh đạm của thảo mộc. Mua cốm là nâng đỡ, vuốt ve, kính trọng lộc trời, công sức của con người. Mua cốm một cách có văn hoá thì thưởng thức sẽ trang nhã, ngon hơn và đẹp hơn.

Có thể thấy sự tinh tế của ngòi bút Thạch Lam thông qua đoạn miêu tả và bộc lộ cảm xúc khi sữa lúa hình thành nên hạt lúa non. Từ đó mà làm nên hạt cốm. Sự tinh tế còn thể hiện rõ khi tác giả bộc lộ cảm xúc về sự hài hoà giữa hồng và cốm, trong đoạn bàn về cách thưởng thức cốm. Phải là người tinh tế lắm, am hiểu và nhạy cảm lắm mới có thể thể hiện giá trị của một thứ quà bình dị mà thanh khiết, độc đáo như vậy.

Bài văn thể hiện năng lực quan sát nhạy cảm và tinh tế của nhà văn. Ngôn ngữ văn xuôi có chọn lọc, câu văn giàu nhạc điệu gợi ra âm hưởng du dương, nền nã cuốn hút sự tò mò và ham thích khám phá của người đọc.

Bằng ngòi bút tinh tế, nhạy cảm và tấm lòng trân trọng, Thạch Lam đã ngợi ca một món quà riêng biệt của đất nước mang chút hương vị mộc mạc, thanh khiết của đồng quê. Đường như nhờ có bài văn mà một nét văn hoá đặc sắc của dân tộc ẩn chứa trong một sản vật giản dị được cảm nhận rõ ràng hơn.

BÀI SỐ 67: Hiểu và nghĩ về tác phẩm *Một thứ quà của lúa non: Cốm* (Thạch Lam).

Bài làm

Đây là bài văn được viết theo thể tuỳ bút, trích trong tập tuỳ bút *Hà Nội ba mươi sáu phố phường* của Thạch Lam, ghi lại những cảm nhận về một thứ quà bình dị ở Hà Nội: Cốm.

Cảm hứng được gợi lên từ hương thơm của lá sen trong làn gió mùa hạ lướt qua vùng sen của mặt hồ. Hương thơm ấy gợi nhắc đến hương vị của cốm, thứ quà đặc biệt của lúa non. Và cứ thế, theo dòng cảm xúc, tác giả đã diễn tả những cảm nhận của mình thông qua nhiều giác quan, đặc biệt là khứu giác, để từ đó làm nổi bật hương thơm thanh khiết của cánh đồng lúa, của lá sen và cốm, cũng như sự khéo léo của con người trong việc làm cốm và vẻ hấp dẫn, quyến rũ của những cô hàng cốm làng Vòng với cái dấu hiệu đặc biệt là chiếc đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng. Mỗi một hình ảnh được đưa vào bài viết đều có sức gợi cảm rất lớn. Qua trang viết của Thạch Lam, ta còn hiểu thêm cả cách thưởng thức thứ quà bình dị mà vô cùng *thanh nhã và tinh khiết* này: *phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ*. Có như vậy mới tận hưởng được hương vị đặc biệt của cốm làng Vòng, mới thấy trọng hương vị ấy đã thu lại cả *cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc*. Thì ra việc thưởng thức một thứ quà cũng thể hiện được bản sắc văn hoá đặc biệt của một vùng, một miền, một xứ sở.

Bài tuỳ bút không chỉ dừng lại ở ý nghĩa giới thiệu về một nét văn hoá ẩm thực của người Hà Nội, mà thông qua đó, tác giả còn diễn tả những suy nghĩ, tình cảm của mình đối với vẻ đẹp bình dị mà tinh khiết, thân thuộc mà thanh cao của cốm Hà Nội. Đó là sự trân trọng,

yêu quý và hết sức tự hào. Từ vẻ đẹp của tâm hồn người Hà Nội, Thạch Lam còn gọi cho ta nghĩ tới vẻ đẹp của con người Việt Nam, của thiên nhiên đất nước Việt Nam.

Bài văn có lối viết dung dị, nhẹ nhàng mà đậm thấm, sâu lắng. Cảm xúc cứ tuôn chảy trên đầu bút, tự nhiên tới mức người đọc khó nhận ra sự sắp xếp khéo léo của tác giả. Từng câu, từng chữ, từng lời nối tiếp nhau, tạo nên những trang viết thật xúc động. Đó là sự kết tinh bởi một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một khả năng quan sát tỉ mỉ, kĩ lưỡng và một ngòi bút tài hoa của nhà văn Thạch Lam.

BÀI SỐ 68: Hiểu và nghĩ về tác phẩm *Mùa xuân của tôi* (Vũ Bằng).

Bài làm

Mùa xuân của tôi là đoạn đầu của thiên tùy bút *Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt* của tác giả Vũ Bằng, một nhà báo, một nhà văn và là một người chiến sĩ cách mạng hoạt động trong lòng địch từ năm 1954 đến 1975.

Bài tùy bút có thể chia làm ba đoạn. Đoạn mở đầu từ đầu đến “mê luyện mùa xuân”. Tác giả chứng minh tình yêu của con người đối với mùa xuân là quy luật tự nhiên. Đoạn hai từ “Tôi yêu” đến “mở hội liên hoan”. Tác giả nhận ra cảnh sắc và không khí mùa xuân ở thiên nhiên và lòng người. Đó là không khí mùa xuân ở đất Bắc. Thiên nhiên có cái lạnh bởi mưa riêu riêu, gió lạnh lạnh của mùa đông còn vương lại và hơi ấm của mùa xuân khắp đất trời thấm vào lòng người với những âm thanh mới lạ. Không khí mùa xuân đất Bắc còn thể hiện ở khung cảnh đầm ấm của gia đình quanh bàn thờ trong những ngày đầu xuân. Sức sống của thiên nhiên và con người còn được miêu tả bằng các hình ảnh so sánh mới lạ. Đoạn cuối bộc lộ những quan sát và cảm nhận tinh tế của tác giả về cảnh sắc và không khí mùa xuân sau ngày rằm tháng giêng bằng những hình ảnh thú vị, những chi tiết gợi tả.

Nếu như bài tùy bút *Sài Gòn tôi yêu* thể hiện được những nét đẹp của cảnh quan thiên nhiên, sinh hoạt và phong cách con người Sài Gòn - miền Nam của Tổ quốc thì bài tùy bút *Mùa xuân của tôi* đã thể hiện được đặc sắc về vẻ đẹp của thiên nhiên Hà Nội mùa xuân và phong tục sinh hoạt ở miền Bắc. Đó là vẻ đẹp riêng biệt mang bản sắc văn hoá độc đáo, tinh tế của cả một vùng đất nước. Tác giả đã tái hiện một cách tài tình không khí và cảnh sắc mùa xuân đất Bắc trong những ngày tháng giêng đầu xuân, qua sự quan sát và cảm nhận rất tinh tế. Mạch cảm xúc của tác giả đi từ quy luật tình cảm của con người đối với mùa

xuân, từ cảnh sắc và không khí mùa xuân ở đất trời và lòng người đến cảnh sắc riêng của tiết xuân sau những ngày tháng giêng ở miền Bắc. Qua mạch cảm xúc của mình, tác giả đã biểu hiện tình cảm tha thiết nồng nàn với quê hương đất nước, với cuộc sống dân tộc; đồng thời thể hiện được ngòi bút tinh tế, tài hoa của một nhà văn tâm huyết.

Bài tùy bút được tác giả dùng nhiều từ ngữ gợi tả, nhiều hình ảnh so sánh gợi cảm, sử dụng các câu văn điệp cú pháp... làm nổi bật lên sức sống của mùa xuân trong thiên nhiên và lòng người ở quê hương miền Bắc.

BÀI SỐ 69: Cảm nhận về giá trị tác phẩm *Mùa xuân của tôi* (Vũ Bằng).

Bài làm

Vũ Bằng (1913 - 1984) là một nhà văn, nhà báo đã khá nổi tiếng ở Hà Nội từ những năm trước Cách mạng tháng Tám. Sau năm 1954, ông vào Sài Gòn, vừa viết văn, làm báo vừa tham gia hoạt động cách mạng. Dù ở xa nhưng Vũ Bằng luôn nhớ về Hà Nội, về quê hương yêu dấu với biết bao kỉ niệm êm đềm, những ấn tượng sâu sắc không thể phai nhòa. Ông đã viết thiên tùy bút rất gợi cảm *Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt* (in trong tập *Thương nhớ mười hai*) để thể hiện nỗi nhớ băng khuâng, da diết và lòng mong mỏi đất nước thống nhất của mình.

Văn bản *Mùa xuân của tôi* cũng được viết theo thể tùy bút, trong cảm hứng của một người xa quê, nhớ về mùa xuân gợi cảm nơi đất Bắc.

Bài tùy bút có thể chia thành ba đoạn:

Đoạn 1 (từ đầu đến “mê luyện mùa xuân”): Những cảm nhận về quy luật tình cảm của con người với mùa xuân.

Đoạn 2 (tiếp theo đến “mở hội liên hoan”): Cảm nhận về cảnh sắc, không khí chung của mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc.

Đoạn 3 (phần còn lại): Cảnh sắc và không khí mùa xuân sau ngày rằm tháng giêng.

Bài tùy bút này tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân trong tháng giêng ở Hà Nội và miền Bắc qua nỗi nhớ thương da diết của một người con xa quê.

Ba đoạn liên kết với nhau bằng mạch cảm xúc: từ những quy luật tình cảm chung của con người đến những cảm nhận riêng về mùa xuân. Cuối cùng là những cảm nhận sâu sắc về tháng giêng. Đây là mạch cảm xúc được phát triển rất tự nhiên, hợp lôgic.

Trong đoạn văn từ “Tôi yêu sông xanh, núi tím” đến “mở hội liên hoan”, cảnh sắc và không khí mùa xuân Hà Nội và miền Bắc đã được

gợi tả qua nhiều chi tiết. Trước hết, tác giả đã gợi tả được cái đặc trưng của thời tiết và khí xuân miền Bắc với “mưa riêu riêu, gió lành lạnh”, như từ mùa đông còn vương lại, nhưng lại có cái ấm áp, tràn ngập của khí xuân, hơi xuân. Những âm thanh như tiếng nhận kêu, tiếng trống chèo, những câu hát huê tình,... hoà quyện trong làn hương ấm áp của nhang trầm, đèn nến, nhất là cái ấm áp toả ra từ không khí gia đình đoàn tụ... Tất cả gợi lên một nét hương sắc không thể nào phai trong tâm hồn của người xa xứ.

Không chỉ miêu tả sức sống của mùa xuân từ bên ngoài, tác giả còn thể hiện được sức sống nổi bật của con người trong mùa xuân bằng những hình ảnh đầy gợi cảm và với những hình ảnh so sánh rất cụ thể: “*Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống trong người căng lên như máu,... những cặp uyên ương đứng cạnh*” và “*tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá*”. Đến như cảm nhận về cái rét thì cũng là: “*...cái rét ngọt ngào, chứ không còn tê buốt căm căm nữa*”.

Ngôn ngữ của đoạn văn này là những ngôn từ được chắt lọc tinh tế. Những hình ảnh so sánh vừa cụ thể vừa mới lạ, cùng với cách cảm, cách nghĩ sáng tạo, tất cả được kết hợp trong một thứ giọng điệu vừa sôi nổi, vừa thiết tha khiến cho đoạn văn để lại được nhiều ấn tượng và gợi ra nhiều dư ba.

Trong đoạn văn còn lại, tác giả tập trung miêu tả những nét riêng của trời đất thiên nhiên và không khí mùa xuân sau ngày rằm tháng giêng. Đó là thời điểm giao mùa của trời đất, của sự vật, cỏ cây, thời tiết,... Nhiều thứ hoà quyện để tạo nên một sự chuyển giao rất đẹp: “*Tết hết mà chưa hết hẳn,... mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn*”. Cảnh ấy khiến lòng người cũng đồng điệu theo.

Qua việc tái hiện những cảnh sắc và không khí ấy, có thể khẳng định: chính tình yêu và nỗi nhớ da diết đến cháy bỏng đã làm thức dậy bao nỗi niềm trong tâm hồn tác giả, khiến cho ngòi bút của nhà văn trở nên tinh tế và nhạy cảm hơn.

Trong nỗi nhớ da diết của một người con xứ Bắc xa quê, tác giả đã tái hiện lại cảnh mùa xuân Bắc Việt với những ấn tượng êm đềm, dịu ngọt, những cảm nhận tinh tế mà chỉ có những người yêu tha thiết quê hương mới có được. Cảnh mùa xuân trên đất Bắc là cả một cuộc giao hoà của trời đất, của lòng người, của sức sống và tình yêu.

Bài văn dồi dào những hình ảnh so sánh vừa gần gũi vừa đầy mới lạ và đầy sáng tạo. Ngôn ngữ rất chính xác và tinh tế kết hợp

trong một thứ giọng điệu vừa sôi nổi vừa thiết tha khiến cho bài văn để lại nhiều ấn tượng và gợi ra nhiều dư ba trong lòng người đọc.

Bài văn là nỗi nhớ thương da diết của đứa con Hà Nội khi phải xa quê. Từ nỗi nhớ quê, bài tùy bút gợi ra lòng yêu cuộc sống và khát khao thống nhất nước nhà của nhà văn.

BÀI SỐ 70: Cảm nhận về đẹp mùa xuân trong tác phẩm *Mùa xuân của tôi* (Vũ Bằng).

Bài làm

Bài tùy bút đã tái hiện lại cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân trong tháng giêng ở Hà Nội và miền Bắc qua nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê.

Bài văn có thể chia ra làm ba đoạn:

Đoạn đầu (từ *"Tự nhiên như thế"* đến *"mê luyến mùa xuân"*): Tình cảm con người với mùa xuân là quy luật tự nhiên, tất nhiên.

Đoạn giữa (tiếp đó đến *"mở hội liên hoan"*): Cảnh sắc và không khí mùa xuân ở đất trời và ở lòng người.

Đoạn cuối (phần còn lại): Cảnh sắc của đất trời mùa xuân từ khoảng sau ngày rằm tháng giêng ở miền Bắc.

Cảnh sắc mùa xuân của Hà Nội và miền Bắc được gợi tả qua những chi tiết và hình ảnh rất đặc trưng: Vừa có cái lạnh của *"mưa rieu rieu, gió lạnh lạnh"* như từ mùa đông còn vương lại, nhưng lại có cái ấm áp nồng nàn của khí xuân, hơi xuân tràn ngập trời đất và thấm vào lòng người, những âm thanh tiếng nhạc kèn, tiếng trống chèo, câu hát huê tình. Không khí mùa xuân còn hiện lên trong khung cảnh gia đình với bàn thờ, đèn nến, hương trầm... và tình cảm gia đình yêu thương thấm thiết.

Sức sống của thiên nhiên và con người trong mùa xuân biểu hiện nổi bật bằng những hình ảnh gợi cảm và so sánh cụ thể. Chẳng hạn: *"Nhựa sống trong lòng người căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ li ti"*.

Giọng điệu ở đoạn văn này vừa sôi nổi vừa tha thiết tạo cho tác phẩm có tính truyền cảm, hấp dẫn người đọc.

Không khí và cảnh sắc thiên nhiên từ sau ngày rằm tháng giêng đã bộc lộ qua sự quan sát và cảm nhận rất tinh tế, nhạy cảm của tác giả thể hiện qua từng chi tiết ngoại cảnh (Chẳng hạn: *Đào hơi phai, nhưng nhụy còn phong, cỏ không xanh mướt (...)* nức một mùi hương

man mác). Qua đây ta thấy tác giả không chỉ am hiểu kĩ càng mà còn rất yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống và biết tận hưởng những vẻ đẹp của cuộc sống cho tinh thần của mình.

Sự tinh tế nhạy cảm của tác giả, là miêu tả sự thay đổi chuyển biến, màu sắc, không khí bầu trời, mặt đất, cây cỏ trong một khoảng thời gian rất ngắn, từ những khoảnh khắc qua rầm tháng giêng.

BÀI SỐ 71: Cảm nhận giá trị tác phẩm *Sài Gòn tôi yêu* (Minh Hương).

Bài làm

Cũng như *Một thư quà của lúa non: Cốm*, văn bản *Sài Gòn tôi yêu* được viết theo thể tùy bút, có khác là Thạch Lam thì thể hiện xúc cảm về một sản vật giản dị, độc đáo mà giàu hương vị của đất nước còn Minh Hương lại miêu tả những nét riêng tạo nên phong cách và vẻ đẹp của một thành phố.

Bài văn gồm ba đoạn:

Đoạn 1 (từ đầu đến “*tổng chi họ hàng*”): ấn tượng chung và tình yêu của tác giả với Sài Gòn.

Đoạn 2 (tiếp theo đến “*leo lên hơn năm triệu*”): Những cảm nhận và những lời bình luận của tác giả về phong cách con người Sài Gòn.

Đoạn 3 (phần còn lại): Khẳng định một lần nữa tình yêu của tác giả với thành phố ấy.

Bài tùy bút này thể hiện tình cảm yêu mến của tác giả về Sài Gòn trên các phương diện: thiên nhiên, khí hậu, thời tiết, cuộc sống sinh hoạt của thành phố, cư dân và phong cách của con người Sài Gòn.

Sự cảm nhận tinh tế của tác giả về thiên nhiên, khí hậu đặc biệt của Sài Gòn:

Tác giả miêu tả Sài Gòn qua nhiều hiện tượng thời tiết với những nét riêng (nắng sớm, gió lộng buổi chiều, cơn mưa nhiệt đới ào ào và mau dứt).

Cảm nhận về sự đổi thay nhanh chóng, đột ngột của thời tiết (*trời đang ui ui buồn bã bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh*).

Cảm nhận về không khí, nhịp điệu cuộc sống đa dạng của thành phố trong nhiều thời khắc khác nhau (đêm khuya, những giờ cao điểm, buổi sáng tinh sương).

Ngay ở phần này, chúng ta cũng có thể nhận thấy tình yêu nồng nhiệt thiết tha của tác giả đối với thành phố của mình. Nhờ tình yêu ấy mà tác giả đã cảm nhận được nhiều vẻ đẹp và nét riêng của thành phố. Thậm chí ngay cả những “trái chứng giở trời” của thời tiết trong

tâm trí tác giả cũng trở nên thành những cái đáng nhớ, đáng yêu. Để nhấn mạnh tình cảm của mình và thể hiện sự phong phú, độc đáo của thiên nhiên, khí hậu Sài Gòn, trong đoạn văn này, tác giả đã sử dụng rất thành công thủ pháp điệp từ và điệp cấu trúc câu.

Trong phần thứ hai của bài tùy bút, tác giả đã tập trung nói về con người Sài Gòn với những nét nổi bật về dân cư, phong cách:

Nhận xét về dân cư Sài Gòn, tác giả khẳng định: đây là nơi hội tụ của con người ở khắp bốn phương nhưng đã hoà hợp, không còn phân biệt nguồn gốc mà chỉ còn là những người con của Sài Gòn.

Nét phong cách nổi bật của con người Sài Gòn được tác giả khái quát là tự nhiên, chân thành, cởi mở, mạnh bạo, mà vẫn ý nhị. Tác giả đã chứng minh những nhận xét ấy bằng thực tế hiểu biết về con người Sài Gòn của mình qua gần năm mươi năm. Những tính cách ấy được biểu hiện trong đời sống hàng ngày và trong những hoàn cảnh thử thách của lịch sử. Vẻ đẹp của con người Sài Gòn được minh hoạ qua hình ảnh của các cô gái Sài Gòn với trang phục khoẻ khoắn, cử chỉ, dáng điệu vừa yếu điệu, ngây thơ vừa nhiệt tình, tươi tắn.

Qua bài văn, ta hiểu thêm nhiều phương diện về Sài Gòn, một trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá ở phương Nam của Tổ quốc. Đó là thành phố không chỉ lớn về diện tích, dân cư mà còn rất độc đáo về thời tiết, khí hậu, đặc biệt là về con người.

Bài văn thể hiện sự quan sát tinh tế và sự miêu tả rất tài tình của nhà văn. Thủ pháp so sánh kết hợp với những câu văn dài ngắn linh hoạt xen lẫn những kết cấu trùng điệp (*tôi yêu trong nắng sớm,... tôi yêu thời tiết trái chuông,...*) đã giúp nhà văn khắc họa một cách rõ nét những đặc trưng rất đáng yêu của thành phố Sài Gòn.

Bài văn thể hiện một cách sâu sắc những ấn tượng khó quên của tác giả về các “đặc trưng” của Sài Gòn, nhất là về phong cách con người - những con người chân thành, bộc trực, thẳng thắn; cũng là những con người bất khuất, kiên cường, sẵn sàng dấn thân vào khó khăn, nguy hiểm vì đạo nghĩa.

BÀI SỐ 72: Suy nghĩ về tác phẩm *Sài Gòn tôi yêu* (Minh Hương).

Bài làm

Sài Gòn tôi yêu là bài tùy bút mở đầu trong tập tùy bút - bút kí *Nhớ Sài Gòn*, tập I của Minh Hương. Đây là những cảm nhận chung nhất về Sài Gòn, thể hiện tình cảm yêu mến của tác giả đối với thành phố này.

Mặc dù là bài bút kí nhưng mạch cảm xúc của tác giả có thể được chia làm ba đoạn. Đoạn đầu từ đầu đến “tông chi họ hàng” là những cảm nhận tinh nhạy, chính xác của tác giả về thiên nhiên và nhịp sống ở Sài Gòn cũng như tình cảm của tác giả với thành phố này. Đoạn hai từ “ở trên đất này” đến “hơn năm triệu” nêu những nhận xét về đặc điểm của cư dân Sài Gòn, những cảm nhận về phong cách riêng biệt của người Sài Gòn. Đoạn kết khẳng định tình yêu của tác giả với thành phố này.

Bài tùy bút *Sài Gòn tôi yêu* của tác giả Minh Hương đã bộc lộ được những cảm nhận về nhiều nét đẹp riêng của Sài Gòn với thiên nhiên, khí hậu nhiệt đới, nhịp sống đa dạng và nhất là phong cách hoà hợp của con người Sài Gòn. Thiên nhiên Sài Gòn với nhiều nét đẹp rất riêng của nắng, của gió, của mưa. Chính vì tình yêu nồng nhiệt thiết tha mà tác giả không những yêu cái nắng ngọt ngào vào buổi chiều lồng gió nhớ thương mà còn yêu cả thời tiết trái chứng của Sài Gòn; không những yêu cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương mà còn yêu cả sự ồn ào đông đúc trong giờ cao điểm. Những điều tưởng như vô lí ấy khi được tác giả biện minh bằng câu ca dao đã làm sáng lên một điều: cái đẹp bắt nguồn từ tình yêu. Nét đẹp riêng của Sài Gòn được tác giả tô đậm bởi nét đẹp của con người – nét đẹp hoà hợp của cư dân trên mọi miền Tổ quốc tụ về làm nên phong cách độc đáo của con người Sài Gòn: chân thành, bộc trực, cởi mở. Nét đẹp của cư dân Sài Gòn và Nam Bộ còn là tinh thần bất khuất không chút do dự, không nề hà gian khổ, sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc trong suốt ba mươi năm kháng chiến.

Bài tùy bút có bố cục được sắp xếp hợp lí với mạch cảm xúc. Từ ấn tượng chung về vẻ đẹp của Sài Gòn và tình yêu của mình với Sài Gòn để làm nền, tác giả đã đi đến cảm nhận và bình luận về những phong cách của con người Sài Gòn để từ đó khẳng định tình yêu của mình với thành phố thân yêu.

Để bộc lộ mạch cảm xúc của mình, tác giả đã sử dụng các câu ngắn, dài khác nhau. Các từ ngữ địa phương được dùng đúng lúc đúng chỗ làm nổi bật những đặc điểm độc đáo của Sài Gòn. Đặc biệt, khi thể hiện sự phong phú của thiên nhiên, khí hậu Sài Gòn, tác giả đã sử dụng phép điệp ngữ ở đầu câu, điệp cấu trúc câu để tạo hiệu quả nhấn mạnh, sử dụng những phép so sánh tu từ làm cho sự việc trở nên cụ thể, sinh động.

BÀI SỐ 73: Hiểu và nghĩ về nội dung – nghệ thuật tác phẩm *Sài Gòn tôi yêu* (Minh Hương).

Bài làm

Bài tùy bút thể hiện tình cảm yêu mến và những ấn tượng bao quát chung của tác giả về thành phố Sài Gòn trên các phương diện chính: thiên nhiên, khí hậu thời tiết, cuộc sống, sinh hoạt của thành phố, cư dân và phong cách của con người Sài Gòn.

Đoạn 1 (từ đầu đến *"tông chi họ hàng"*): Nêu những ấn tượng chung về Sài Gòn và tình yêu của nhân vật "tôi" với thành phố.

Nét riêng biệt của thiên nhiên, khí hậu Sài Gòn qua sự cảm nhận khá tinh tế của tác giả thể hiện ở:

Sự cảm nhận nhiều hiện tượng thời tiết với những nét riêng (*nắng sớm, gió lồng buổi chiều, cơn mưa nhiệt đới ào ào nhưng mau dứt...*)

Cảm nhận về sự thay đổi nhanh chóng, đột ngột của thời tiết (*trời đang ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh*).

Cảm nhận về không khí, nhịp điệu đa dạng của thành phố trong những thời khắc khác nhau (đêm khuya thưa thớt tiếng ồn, phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm, cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương, làm không khí mát dịu, thanh sạch).

Tác giả đã bộc lộ tình yêu nồng nhiệt, thiết tha với thành phố Sài Gòn của mình. Chính nhờ vậy mà tác giả cảm nhận được nhiều vẻ đẹp riêng của thành phố. Ngay cả những điều không dễ chịu như sự thay đổi đột ngột của thời tiết của những cơn mưa nhiệt đới, sự ồn ào đông đúc... cũng trở thành cái đáng yêu đáng nhớ. Tác giả đã biện minh bằng câu ca dao *"Yêu nhau yêu cả đường đi..."*.

Tác giả sử dụng hiện pháp *điệp từ đầu câu*, điệp cấu trúc câu để tạo hiệu quả nhấn mạnh tình cảm của mình và thể hiện sự phong phú của thiên nhiên, khí hậu Sài Gòn.

Đoạn 2 (tiếp theo đến *"leo lên hơn năm triệu"*): Cảm nhận và bình luận về phong cách con người Sài Gòn. Tác giả tập trung nói về nét nổi bật trong phong cách của người Sài Gòn. Đây chính là sức sống và nét đẹp riêng của thành phố:

Nhận xét về *đặc điểm của cư dân Sài Gòn*. Đây là nơi tụ hội bốn phương nhưng đã hòa hợp, không phân biệt nguồn gốc mà chỉ là người Sài Gòn.

Phong cách người Sài Gòn: chân thành, bộc trực, cởi mở, các cô gái có vẻ đẹp tự nhiên, dễ gần mà ý nhị.

Sài Gòn là đất lành, dù ít chim chóc: Đất lành chính là bởi người.

Tác giả đã chứng minh bằng sự hiểu biết của chính mình về người Sài Gòn với gần năm mươi năm gần gũi họ. Những nét tính cách, tự nhiên, chân thành, bộc trực, cởi mở, mạnh bạo mà ý nhị được biểu hiện trong đời sống hằng ngày và ở trong những hoàn cảnh thử thách của lịch sử.

Gây ấn tượng cho ta là việc tác giả nói về nét đẹp Sài Gòn qua hình ảnh các cô gái trước 1945 với dáng vẻ trang phục tự nhiên khỏe khoắn vừa ý tứ vừa mạnh dạn, có vẻ cổ xưa, nhưng mang tinh thần dân chủ.

BÀI SỐ 74: Cảm nhận về tâm trạng và ý nghĩ của người mẹ trong bài *Cổng trường mở ra* của Lý Lan.

Bài làm

Đêm trước ngày khai trường của đứa con vào học lớp Một, mẹ không ngủ được, mẹ ngắm nhìn đứa con đang nằm ngủ ngon lành “ *gương mặt thanh thoát... tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo*”.

Quần áo mới, giày nón mới, cặp sách mới, tập vở mới... đã sẵn sàng, con “*háo hức*”, con cảm nhận được sự quan trọng của ngày khai trường,... vì thế khi con đã lên giường mà “*không sao nằm yên được*”. Sau khi ru con ngủ, mẹ “*không biết làm gì nữa*”. Mọi thứ đồ chơi của con bày ra, con đã giúp mẹ thu dọn từ chiều, làm rất “*hăng hái*” sau khi nghe mẹ nói: “*Ngày mai đi học, con là cậu học sinh lớp Một rồi*”.

Lên giường, mẹ vẫn “*trần trọc*”. Mẹ “*không lo lắng*” về sự bỏ ngõ của con. Lên ba, con đã đi học rồi. Trước ngày khai giảng, con đã làm quen với bạn mới, thầy cô giáo mới... Mẹ không ngủ được vì mẹ nhớ lại kỉ niệm tuổi thơ của mẹ khi bà ngoại đưa mẹ đi học. Mẹ “*nôn nao, hồi hộp*” khi đến gần trường; mẹ “*hốt hoảng*” khi cổng trường đóng lại, bà ngoại đứng ngoài cánh cổng...

Lý Lan đã diễn tả một cách chân thực và cảm động về nỗi thao thức của người mẹ trẻ trong đêm trước ngày khai trường đưa con thơ vào lớp Một. Mẹ thương con; tuổi thơ cắp sách đến trường của mẹ rất đẹp và sâu sắc, nên người mẹ trẻ mới có tâm trạng thao thức và nỗi xúc động như thế.

Rồi cảm xúc của người mẹ trôi theo thời gian và không gian..., mẹ nghĩ về ngày khai trường ở nước Nhật “*là ngày lễ của xã hội*”... Lý Lan rất tinh tế khi thể hiện ước mơ mang tính nhân văn của người mẹ Việt Nam đối với những chính sách về giáo dục.

Đêm về khuya, nhưng người mẹ vẫn “không ngủ được”. Mẹ nghĩ đến ngày mai sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay ra mà nói: “*Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra*”.

Cử chỉ của người mẹ rất đẹp vừa nâng đỡ, dìu dắt, vừa tung cánh con bay lên bầu trời cao rộng. Rất yêu thương và tin tưởng, hi vọng. Câu nói của mẹ đã khích lệ đứa con thơ bước vào con đường văn hoá, đua tranh với bạn bè trong một thế giới kì diệu đã và đang mở ra...

Con đường của tuổi thơ là *con đường đi học*, đó cũng là *con đường hạnh phúc*.

BÀI SỐ 75: Suy nghĩ của em sau khi học xong văn bản *Cổng trường mở ra*

Bài làm

Từ lúc sinh ra đến lúc con trưởng thành, có bao đêm mẹ thức trắng. Lúc ốm đau, khi quấy khóc rồi lớn lên, con học hành, bước vào cuộc sống. Lo toan cho con bộn bề. Và một trong những đêm trắng đó là đêm trước ngày con vào lớp Một - bước ngoặt quan trọng đầu tiên trong đời con. Bởi thế nó làm lòng mẹ bồi hồi. Tác giả Lý Lan có lẽ cũng đã trải qua tâm trạng ấy và ghi lại rất chân thật và cảm động trong văn bản *Cổng trường mở ra*.

Không có cốt chuyện, một chuỗi cảm xúc được biểu hiện qua lời tâm sự của người mẹ: lo lắng, hồi hộp, hi vọng, tin tưởng... các cung bậc ấy cứ đan xen, trở đi ở lại trong lòng người mẹ yêu con. Ngắm nhìn con ngon giấc, mẹ nói với con nhưng là nói với chính lòng mình. Bước ngoặt đầu tiên của cuộc đời con là ngày khai trường con vào lớp Một, nó mở ra một “thế giới kì diệu” cho con. Hơn ai hết, mẹ hiểu điều đó bởi mẹ cũng có một ngày như thế trong đời. Kí ức ứa về, kỉ niệm xưa sống dậy. Việc mẹ làm, điều mẹ nghĩ tất cả đều toát lên tình yêu tha thiết và niềm hi vọng vô bờ gửi cho con. Vừa thấy con bé bỏng, ngây thơ, hồn nhiên, vừa có vẻ trưởng thành. Lòng mẹ vừa vui lại xen một chút lo lắng bồn chồn.

Không gây ấn tượng với người đọc bằng tình tiết, sự kiện mà lôi cuốn người đọc bởi sự miên man của dòng cảm xúc và lấp lánh tình yêu vô bờ của người mẹ. Nói với con nhưng thực ra người mẹ ấy đang nói với chính mình. Cách nói ấy vừa giản dị gần gũi vừa dễ gây được sự đồng cảm bởi nó chân thành và mãnh liệt.

Trong bộn bề tâm sự, lo lắng của người mẹ ấy, ta còn nhận ra vị trí, vai trò vô cùng quan trọng của nhà trường với cuộc đời mỗi con người. Cổng trường mở ra cũng là một thế giới kì diệu cho con, bởi bước qua cổng trường con đến với tri thức, với bạn bè, con hòa mình vào cuộc sống cộng đồng. Những điều con rất cần trong hành trang bước vào đời bởi theo quy luật của cuộc sống, con không thể mãi bé bỏng để ở trong vòng tay mẹ. Đây là ý nghĩa sâu sắc của văn bản và cũng là điều người mẹ lo lắng khi con bắt đầu xa dần vòng tay mẹ. Hồi hộp, lo lắng, bởi người mẹ biết rằng “mỗi một sai lầm trong giáo dục sẽ ảnh hưởng đến cả một thế hệ mai sau”. Nghĩ đến chuyện nước Nhật xa xôi là để nghĩ đến mình, nghĩ đến trách nhiệm nặng nề của chính bản thân với sự trưởng thành của con và của thế hệ trẻ trên đất nước mình. Phải chăng, người mẹ ấy đang trăn trở, không phải cho riêng đứa con bé bỏng của mình mà trăn trở cho cả một thế hệ tương lai. Trăn trở cho sự tiếp nối, sự chuyển giao thế hệ. Bởi thế giá trị nhân văn của tác phẩm sâu sắc hơn rất nhiều. Cũng bởi thế, vượt ra ngoài một lời tâm sự với riêng con mình, văn bản đặt ra vấn đề cho toàn xã hội là đảm bảo cho con trẻ được học hành, được trưởng thành, trong một môi trường giáo dục tốt nhất, khi mà trong cuộc sống ta còn bắt gặp rất nhiều em bé không có tuổi thơ, trong kí ức của các em không có tiếng trống trường, không có tuổi học trò. Đồng cảm với người mẹ ấy, ta có thể dừng dung được chăng?

Trở lại với dòng tâm sự của người mẹ. Tin yêu và hi vọng, mẹ an ủi con mình: “Hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”. Đã bảy năm rồi, ta đã hiểu cái thế giới diệu kì ấy là gì. Từ bé bỏng, dại khờ ta đã lớn khôn. Từ những con chữ đầu tiên với nét chỉ còn run rẩy ta đã hiểu biết thêm bao điều. Từng ngày, từng ngày ta cần mẫn cùng thầy cô bạn bè tích lũy tri thức, chuẩn bị hành trang bước vào đời, bởi vì ta biết rằng thế kỉ XXI cần những con người không chỉ có đức mà còn phải có tài. Đất nước cần những con người yêu đất nước, cống hiến hết mình, cần những con người có hiểu biết, có trong mình trí tuệ của nhân loại. Cần những con người có thể làm thế giới biết đến một Việt Nam giàu mạnh để xứng với thuở xa cha ông đã làm thế giới nghiêng mình về một Việt Nam anh dũng tuyệt vời. Sứ mệnh ấy đặt lên vai lớp trẻ chúng ta. Ta càng hiểu và cảm động biết bao khi đọc những dòng tâm sự bồi hồi của người mẹ như mẹ ta bảy năm về trước.

Khép lại bài văn là dư âm của một thế giới kì diệu phía sau cánh cổng trường, dư âm của lòng mẹ và tình yêu tha thiết. Dư âm của nỗi mong mỏi, khát khao, niềm tin yêu vô hạn mà chưa mẹ, thầy cô và tất cả mọi người gửi cho thế hệ trẻ. Ta thấy lòng mình ấm áp, thấy như mình được chấp cánh để bay tới những chân trời mơ ước và khát vọng.

BÀI SỐ 76: Suy nghĩ về truyện ngắn *Cuộc chia tay của những con búp bê* (Khánh Hoài).

Bài làm

Truyện viết về hai anh em Thành và Thủy phải chia tay nhau theo cha và mẹ đã li hôn. Nhân vật chính là: Thành và Thủy.

Truyện được kể theo ngôi thứ nhất (người kể xưng “tôi”). Đó là nhân vật Thành, người chứng kiến các việc xảy ra, cũng là người chịu nỗi đau như em gái của mình. Cách lựa chọn ngôi kể này làm tăng thêm tính chân thực của truyện, tạo điều kiện để nhân vật tự bộc lộ một cách sâu sắc và tự nhiên những suy nghĩ, tình cảm của mình, do vậy sức thuyết phục của truyện cũng cao hơn.

Mượn chuyện những con búp bê phải chia tay nhau để nói lên một cách thấm thía con người phải chia tay nhau (ở đây lại là hai anh em ruột thịt trong một nhà) để tăng thêm nỗi đau xót và sự vô lí của cuộc chia tay này. Những con búp bê vốn là đồ chơi từ thuở nhỏ, thường gợi lên sự ngộ nghĩnh, trong sáng, ngây thơ, vô tội - cũng như hai anh em Thành - Thủy vô tư, không có tội lỗi gì... thế mà phải đành chia tay. Tên truyện đã gợi ra một tình huống buộc người đọc phải theo dõi đồng thời cũng thể hiện được ý đồ tư tưởng của người viết.

Các chi tiết trong truyện để thấy hai anh em Thành - Thủy rất mực gần gũi, yêu thương, chia sẻ và quan tâm lẫn nhau.

Các chi tiết trong cuộc sống của hai anh em trước đây:

Thủy mang kim ra tận sân vận động vá áo cho anh,...

Thành giúp em học, chiều nào cũng đón em đi học về,...

Khi phải chia tay, các em càng thương yêu và quan tâm lẫn nhau:

Chia đồ chơi, Thành nhường hết đồ chơi cho em;

Thủy thương anh “không ai gác đêm cho anh ngủ” nên lại nhường cho anh con Vệ Sĩ,...

Lời nói của Thủy khi thấy Thành đặt hai con búp bê ra hai phía:

“Anh lại chia rẽ con Vệ Sĩ với con Em Nhỏ ra à? Sao anh ác thế!” kèm theo thái độ “tru tréo lên giận dữ”.

Thế nhưng Thủy rất thương anh, sợ đêm đêm không có con Vệ Sĩ canh giấc ngủ cho anh, nên em rất bối rối.

Muốn giải quyết mâu thuẫn này chỉ có cách gia đình Thủy - Thành phải đoàn tụ, hai anh em không phải chia tay. Cuối cùng Thủy đặt hai con búp bê bên nhau. Cách lựa chọn của Thủy gợi lên trong lòng người đọc lòng thương cảm đối với Thủy. Đó là một cô bé giàu lòng vị tha rất thương anh, thương cả những con búp bê. Thà mình chịu chia lìa chứ không để búp bê chia tay; thà mình thiệt thòi nhưng để cho anh mình con Vệ Sĩ canh giấc ngủ an lành. Chi tiết này cho thấy sự chia tay của hai em nhỏ là không nên có. Nó thật phi lí.

Trong cuộc chia tay của Thủy với lớp học có một chi tiết làm cô giáo bàng hoàng. Thủy nói với cô nhà bà ngoại ở xa, em sẽ không đi học nữa; mẹ nói sẽ sắm cho em một thúng hoa quả ngồi chợ mà bán.

Chi tiết cảm động nhất có thể là:

Cô giáo Tâm tặng cho Thủy quyển vở và chiếc bút máy nắp vàng.

Khi nghe Thủy nói không được đi học nữa, cô Tâm sững sốt: “Trời ơi! Cô giáo tái mặt và nước mắt giàn giụa”.

Thành kinh ngạc vì:

Trong khi cuộc sống vẫn như mọi ngày vậy mà hai anh em lại phải chịu đựng một cú sốc. Đó là sự mất mát và đổ vỡ gia đình.

Trong lúc tâm hồn mình đang nổi bão giông vì sắp chia lìa đứa em gái nhỏ thế mà trời đất không đổi thay.

Đây là mâu thuẫn giữa tâm cảnh và ngoại cảnh. Tác giả đã miêu tả diễn biến tâm lí này rất chính xác. Nó làm tăng nỗi buồn, sự lạc lõng trước cuộc sống thường ngày ở nhân vật Thành.

BÀI SỐ 77: Cảm nhận về truyện ngắn *Cuộc chia tay của những con búp bê* (Khánh Hoài).

Bài làm

Từ cuộc chia tay của bố mẹ, hai anh em Thành và Thủy cũng phải mỗi người mỗi ngả: Thủy về quê với mẹ còn Thành ở lại với bố. Hai anh em nhường đồ chơi cho nhau, Thủy đau đớn chia tay thầy cô, khi chia tay còn quyến luyến anh không muốn rời,... Những cuộc chia tay gợi lên trong bạn đọc những xúc cảm mạnh mẽ cùng nỗi xót thương cho cảnh ngộ mà lẽ ra những người bạn nhỏ không phải gánh chịu. Tình cảm mà hai anh em dành cho nhau càng khiến ta thấy ngậm ngùi, đau xót.

Sống trong gia đình tuy bố mẹ không còn yêu thương nhau nhưng hai em Thành và Thủy lại biết quan tâm đến nhau rất mực. Khi Thành đi đá bóng bị rách áo không dám về nhà. Thủy thương anh mang kim ra tận sân vận động để vá áo cho anh. Đến lượt Thành, trước sự quan tâm lo lắng cho cô em gái ngoan ngoãn, cậu cảm động vô cùng và từ đó thường giúp em mình học. Sáng Thành đưa em đến lớp rồi chiều chiều lại đón em về.

Ngày chia tay, khi người mẹ nhắc nhở hai đứa con chia đồ chơi, với Thủy, em coi anh trai mình như một điểm tựa duy nhất “run lên bần bật, thật kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi (anh trai mình)”. Suốt đêm qua, Thành cũng lắng nghe từng tiếng “nức nở, tức tưởi” của em mà đau xót, “cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc to nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suối”. Trong cuộc chia tay đau đớn này, hai anh em luôn hướng về nhau để chia sẻ nỗi lòng.

Tình yêu thương cảm động của hai nhân vật này được thể hiện rõ nhất qua việc chia búp bê. Hai con búp bê Em Nhỏ và Vệ Sĩ vốn là đồ chơi chung của hai anh em, được hai anh em rất yêu thích. Lúc chia đồ chơi, Thành nhường em hết: “Anh cho em tất”. Thủy buồn bã: “Em để hết lại cho anh”. Với trẻ nhỏ, đồ chơi là những thứ mà các em thích nhất, thậm chí còn thích hơn cả quà bánh. Nhưng ở đây, hai anh em nhường nhau tất cả, không nhận cho mình dù chỉ một món đồ vật nào. Sự vị tha cảm động ấy chỉ có thể có ở tình anh em thắm thiết, cảm động. Bị mẹ bắt chia đồ chơi, Thành cay đắng tách hai con búp bê. Thủy vừa giận dữ trách anh chia rẽ hai người “bạn” nhỏ vừa lo sợ anh không có Vệ Sĩ canh giấc ngủ... Ngay giờ phút chia tay anh để đi đến một nơi xa xôi, một nơi mà cô bé cũng không thể lo được cho số phận của mình, phải bỏ học đi bán hàng, Thủy vẫn thương, vẫn lo cho anh trai yêu quý của mình. Trước những giọt nước mắt của cô em gái, Thành chỉ còn biết lấy khăn cho em lau mặt, đưa em đến trường chào cô giáo và bạn bè. Hai đứa trẻ trên đường nắm sát tay nhau chỉ sợ một trong hai người vượt mất.

Câu chuyện kết lại bằng những chi tiết vô cùng cảm động: Thủy để lại con búp bê, bắt anh trai hứa “không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau”; Thành meo mào hứa với em và đứng như chôn chân xuống đất nhìn theo bóng cô em gái nhỏ liêu xiêu. Trong hành động của hai anh em khi ấy hàm chứa một mong ước lớn lao: hai anh em luôn được ở bên nhau để cùng chia sẻ cuộc sống, để mãi mãi là máu mủ ruột rà.

BÀI SỐ 78: Cảm nhận về giá trị truyện ngắn *Cuộc chia tay của những con búp bê* (Khánh Hoài).

Bài làm

Văn bản này được xếp vào nhóm văn bản nhật dụng. Phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản là tự sự. Ngoài ba cuộc chia tay tạo thành ba yếu tố hạt nhân của văn bản, tác giả có sử dụng phương thức biểu cảm qua cách kể chuyện đồng thời bộc lộ trực tiếp cảm xúc của nhân vật chính (cũng là người trong cuộc). Sự kết hợp khéo léo giữa hai phương thức này giúp cho văn bản có được giọng điệu truyền cảm, gợi lên nhiều nỗi xa xót trong tâm hồn bạn đọc.

Vì bố mẹ chia tay nhau, hai anh em Thành và Thủy cũng phải mỗi người một ngả: Thủy về quê với mẹ còn Thành ở lại với bố. Hai anh em nhường đồ chơi cho nhau trong nước mắt. Thủy đau đớn chia tay thầy cô bè bạn vì về quê em cũng không được đi học nữa. Trước khi ra đi, Thủy còn dúi đồ chơi vào tay anh mà đôi chân thì quuyến quuyến chẳng muốn rời.

Truyện viết về hai nhân vật: Thành và Thủy. Truyện miêu tả cảnh gia đình của Thành và Thủy tan vỡ (cha mẹ bỏ nhau) đặc biệt khắc họa sự xót xa của hai anh em khi tình cảm của họ bị xẻ chia. Nhân vật chính trong truyện là Thành (cũng là người kể chuyện).

Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất. Người kể chính là người chứng kiến câu chuyện xảy ra, trực tiếp tham gia cốt truyện - tức là cùng chịu nỗi đau vì sự mất mát về tình cảm như em gái mình. Cách lựa chọn ngôi kể này giúp tác giả có điều kiện trực tiếp thể hiện suy nghĩ tình cảm và diễn biến tâm trạng của nhân vật tăng thêm tính chân thực của truyện, làm cho truyện hấp dẫn và sinh động hơn. Chính vì thế, mặc dù tiêu đề của truyện là *Cuộc chia tay của những con búp bê* nhưng người đọc vẫn hiểu là cuộc chia tay của Thành và Thủy.

Tuy nhiên, tiêu đề truyện còn một hàm ý khác. Những con búp bê thường gợi liên tưởng đến sự hồn nhiên, trong sáng, vô tư. *Cuộc chia tay của những con búp bê* tạo ra một tình huống tâm lí - đó là cuộc chia tay không đáng có cũng như không đáng có cuộc chia tay giữa Thành và Thủy - hai anh em vốn rất mực gần gũi, thương yêu và luôn luôn quan tâm, chia sẻ cùng nhau. Tên truyện, vì thế đã gợi ra được một tình huống đáng chú ý khiến người đọc phải quan tâm theo dõi.

Các chi tiết trong truyện cho thấy hai anh em Thành, Thủy rất mực gần gũi, thương yêu, chia sẻ và luôn quan tâm đến nhau:

Khi Thành đi đá bóng bị rách áo, Thuỷ đã mang kim ra tận sân vận động để vá áo cho anh.

Ngược lại, Thành thường giúp em mình học. Chiều chiều lại đón em ở trường về.

Lúc chia tay, Thành đã nhường hết đồ chơi cho em nhưng Thuỷ lại sợ anh không có người gác đêm nên cứ một mực buộc anh phải nhận giữ con Vệ Sĩ.

Đọc truyện, điều dễ nhận thấy là giữa lời nói và hành động của Thuỷ bộc lộ những mâu thuẫn rõ rệt khi thấy anh chia hai con búp bê Vệ Sĩ và Em Nhỏ ra hai bên: trong suy nghĩ Thuỷ không muốn chia rẽ hai con búp bê, nên Thuỷ vừa ngạc nhiên vừa giận dữ “Sao anh ác thế!” đã lại rất thương Thành, sợ đêm đêm không có con Vệ Sĩ canh giấc ngủ cho anh. Để giải quyết được mâu thuẫn ấy, chỉ có một cách duy nhất là bố mẹ các em không xảy ra việc chia tay. Nhưng thực tế thật là nghiệt ngã. Cuộc chia tay của người lớn đã để lại hậu quả đau đớn cho các em. Cuối truyện, Thuỷ đã để lại con Vệ Sĩ. Đây là chi tiết có tính cao trào, đặc sắc, giàu ý nghĩa nhân văn của truyện.

Trong cuộc chia tay của Thuỷ với cả lớp, chi tiết Thuỷ cho biết mình sẽ không được đi học nữa (vì nhà bà ngoại ở xa trường quá) và rồi đây, Thuỷ sẽ phải đi bán hoa ngoài chợ là chi tiết khiến cô giáo (và cả các bạn nữa) bàng hoàng nhất. Cha mẹ Thành và Thuỷ chia tay, với họ đó đã là một nỗi đau đớn lớn. Nhưng ở tuổi của Thuỷ mà không được đến trường, lại phải bước vào đời sớm thế, rõ ràng chi tiết ấy sẽ khiến cho mọi người cảm thấy xót xa hơn.

Trong khi đó, có lẽ chi tiết cảm động nhất trong màn chia tay này là chi tiết cô giáo Tâm tặng cho Thuỷ quyển vở và cây bút nắp vàng (hoặc cũng có thể nêu ra chi tiết: sự chết lặng đi của cô Tâm cùng những giọt nước mắt từ từ rơi khi nghe tin Thuỷ không còn được đến trường nữa).

Thành kinh ngạc bởi trong khi tâm hồn mình đang diễn ra những mất mát, đớn đau quá lớn (mất ấm gia đình, phải chia tay đứa em gái nhỏ) thì cuộc đời ngoài kia vẫn trôi bình thản. Chi tiết này cho thấy sự hụt hẫng, cô đơn của nhân vật. Nó tác động mạnh vào ý thức trách nhiệm của mỗi chúng ta trước những người xung quanh và trước cuộc sống của cộng đồng.

Qua câu chuyện, tác giả muốn gửi đến chúng ta một lời nhắn nhủ rằng: mái ấm gia đình là một tài sản vô cùng quý giá. Nó là nơi gìn giữ những tình cảm cao quý và thiêng liêng. Hãy gìn giữ nó, đừng bao

giờ vì một lí do gì mà làm tổn hại đến những tình cảm cao quý và thiêng liêng ấy.

Cốt truyện tuy không li kì, phức tạp, nhưng cái hay của truyện là ở cách kể chuyện rất chân thật và cảm động. Về cách kể chuyện có thể thấy:

Lời dẫn chuyện thường có tính chất khách quan nhưng trong văn bản này, lời dẫn chuyện cũng là lời của nhân vật trong truyện nên các sự kiện được kể đều thấm đẫm cảm xúc, bao trùm lên trên hết là tình thương của người anh đối với em.

Lời nhân vật đa dạng, lời của mỗi nhân vật thể hiện tâm trạng khác nhau.

Truyện đề cập đến một vấn đề khá tế nhị và phức tạp (chuyện li hôn và hậu quả của nó đối với gia đình và xã hội), từ đó, phê phán những bậc cha mẹ thiếu trách nhiệm đối với con cái. Đồng thời, truyện cũng khơi gợi được những xúc cảm chân thành của người đọc khi miêu tả rất sâu sắc tình cảm nhân hậu, trong sáng vị tha của hai em bé.

BÀI SỐ 79: Cảm nhận bài thơ *Xa ngắm thác núi Lư* (*Vọng Lư sơn bộc bố*) - Lý Bạch.

download **Bài làm** downloaadsachmienphi.com

Có hai căn cứ để xác định vị trí đứng ngắm thác nước của tác giả. Đầu đề bài thơ với chữ *vọng* và câu thứ hai với chữ *dao*. *Vọng* là ngắm, *dao* là xa. Như vậy tác giả đứng ở xa để ngắm thác núi Lư như đầu đề đã ghi rõ: *Xa ngắm thác núi Lư*. Cảnh vật được nhìn từ xa. Điểm nhìn đó không cho phép khắc họa cảnh vật một cách chi tiết, tỉ mỉ nhưng lại có lợi thế là dễ phát hiện được vẻ đẹp của toàn cảnh. Để làm nổi bật được sắc thái hùng vĩ của thác nước Lư Sơn, cách chọn điểm nhìn đó là tối ưu.

Câu thơ tả vẻ đẹp của mặt trời chiếu trên đỉnh núi Hương Lô. Vẻ đẹp ấy như thế nào và đã được nhà thơ miêu tả ra sao? Muốn cảm nhận được cái “thần” của vẻ đẹp ấy, cần xem lại cấu trúc của câu thơ:

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên

(*Mặt trời chiếu núi Hương Lô sinh làn khói tía*).

Nhật là chủ ngữ với hai vị ngữ *chiếu Hương Lô* và *sinh tử yên* (hai động từ *chiếu* và *sinh*). Như vậy, quan hệ về ý nghĩa giữa hai vế trong câu thơ là quan hệ nhân quả, chủ thể xuyên suốt là *mặt trời*: *mặt trời chiếu núi Hương Lô* (vế 1) cho nên *sinh làn khói tía* (vế 2). Trước Lý Bạch, nhà sư Tuệ Viễn đã từng tả “*Khi bao trùm trên đỉnh Hương Lô mịt mù như hương khói*” (nên mới có tên Hương Lô là Lò

Hương). Nhưng cái mới mà Lý Bạch đã đem tới cho vẻ đẹp của Hương Lô là miêu tả nó dưới những tia nắng của mặt trời, và làn hơi nước, phản quang ánh sáng mặt trời, đã chuyển thành một màu tím vừa rực rỡ, vừa kì ảo. Với động từ *sinh*, ánh sáng mặt trời xuất hiện như *chủ thể* làm cho mọi vật sinh sôi nảy nở, trở nên sống động. Chỉ tiếc trong câu thơ dịch, về sau lại chuyển thành *cụm chủ vị* (“khói tía bay”), chủ thể là *khói tía* khiến cho mối quan hệ nhân quả nói trên đã bị xóa bỏ, không khí huyền ảo đã bị xua tan.

Câu thơ đã phác ra được cái phong nền của bức tranh toàn cảnh trước khi miêu tả vẻ đẹp của bản thân thác nước. *Thác nước* mới là trung tâm của bức tranh nhưng nó đã được hiện lên thật hùng vĩ trên cái phong nền đẹp đẽ này. Từ câu một mà mở ra ba câu tiếp theo: bài thơ đã triển khai theo hướng 1 - 3 trong mối quan hệ giữa bốn câu thơ của một bài tuyệt cú.

Những vẻ đẹp khác nhau của thác nước đã được Lý Bạch phát hiện và miêu tả trong ba câu tiếp theo.

Có thể thấy ba vẻ đẹp được phát hiện và miêu tả dưới con mắt nghệ sĩ của nhà thơ:

Câu thứ hai: *Dao khan bộc bố quải tiền xuyên*.

Vẻ đẹp của thác nước được tập trung ở từ *quải* (treo). Thác không chảy mà lại được treo trên dòng sông phía trước. Vì sao vậy? Vì ở xa ngắm nên dưới mắt nhà thơ, thác nước vốn tuôn trào đổ ầm ầm xuống núi đã biến thành một dải lụa trắng rủ xuống được treo lên giữa khoảng vách núi và dòng sông. Chữ (treo) đã biến cái động thành tĩnh do cảm nhận nhìn từ xa về dòng thác. Đỉnh núi khói tía mịt mù, chân núi dòng sông tuôn chảy, khoảng giữa là thác nước treo cao như dải lụa. Quả là một bức danh họa trắng lệ như lời nhận xét của các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc. (Ở bản dịch thơ, vì lược bớt chữ “treo” nên ấn tượng do hình ảnh dòng thác gợi ra trở nên mờ nhạt và ảo giác về dải Ngân Hà ở câu cuối cũng trở nên thiếu cơ sở - dải lụa gợi lên dải Ngân Hà hợp lí hơn là dòng thác).

Câu thứ ba: *Phi lưu trực há tam thiên xích*.

Cảnh vật lại từ tĩnh chuyển sang động nhờ hai động từ “phi” (như bay), “trực” (đổ thẳng đứng): *Thác chảy như bay đổ thẳng xuống từ ba nghìn thước*. Câu thơ trực tiếp tả thác nước song đồng thời lại cho người đọc hình dung được thế núi cao và sườn núi dốc đứng. Núi thấp sườn thoải thì không thể “phi lưu” và “trực há” được.

Câu cuối: *Ngli thị Ngân Hà lạc cửu thiên*.

Đây là vẻ đẹp huyền ảo của thác nước được nhà thơ tái hiện thật tài tình hai động từ “nghi” (ngỡ là), “lạc” (rơi xuống) và hình ảnh Ngân Hà: *Ngỡ là sông Ngân rơi từ chín tầng mây*. Biết sự thực không phải vậy mà cứ tin là thật thì mới sáng tạo ra cái tứ thơ này khiến dòng thác trở nên *hùng vĩ một cách huyền ảo*. Câu thơ xưa nay vẫn được coi là danh cú (câu thơ, câu văn hay nổi tiếng) chính vì đã kết hợp được một cách tài tình cái ảo và cái chân, cái *hình* và cái *thần*, đã tả được cảm giác kì diệu do hình ảnh thác nước gợi lên trong tâm khảm nhà thơ và để lại dư vị đậm đà trong lòng bạn đọc bao thế hệ.

Cảnh thác núi Lư mỹ lệ, hùng vĩ, kì diệu. Điều đó vừa nói lên tình yêu quê hương, tình yêu thiên nhiên đậm thắm, vừa thể hiện tính cách hào phóng mạnh mẽ của nhà thơ.

BÀI SỐ 80: Cảm nhận giá trị bài thơ *Xa ngắm thác núi Lư (Vọng Lư sơn bộc bố)* - Lý Bạch.

Bài làm

Lý Bạch (701 - 762), nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, quê ở Cam Túc nhưng ngay từ khi mới năm tuổi ông đã theo gia đình về sống ở Tứ Xuyên. Vì thế, nhà thơ vẫn thường coi Tứ Xuyên là quê hương của mình. Lý Bạch từ nhỏ đã thích ngao du, mong lập nên công danh sự nghiệp, song đường quan nghiệp của ông có nhiều trắc trở.

Lý Bạch được mệnh danh là “*tiên thơ*”. Thơ ông thể hiện một tâm hồn tự do phóng khoáng. Hình ảnh trong thơ của ông tươi sáng, kì vĩ, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện. Thơ ông hay nhất ở những bài viết về chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn. *Vọng Lư sơn bộc bố* được làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt. Đây là một trong những bài thơ rất hay, tiêu biểu cho đề tài thiên nhiên của Lý Bạch.

Đây là một bài thơ thuần tả cảnh. Mỗi câu là một góc nhìn cảnh vật. Vì thế sẽ triển khai phân tích từng câu theo bố cục bốn phần như đã biết của một bài thất ngôn tứ tuyệt.

Căn cứ vào nhan đề của bài thơ (*Xa ngắm thác núi Lư*) và căn cứ vào nghĩa của hai từ; *vọng* (trông từ xa), *dao khan* (nhìn từ xa), có thể thấy cảnh núi Lư được nhà thơ quan sát và miêu tả từ xa. Vị trí đứng này tuy không thể giúp nhà thơ miêu tả được những chi tiết của thiên nhiên, cảnh vật nhưng lại có thể quan sát được vẻ đẹp của toàn cảnh, miêu tả được cái hùng vĩ tự nhiên của thác nước.

Ngay ở câu thơ đầu tiên (*Nắng rơi Hương Lô khói tía bay*), tác giả đã hoạ nên hình ảnh núi Hương Lô thật mỹ lệ. Trong ánh nắng mặt trời

chiều rọi, mây khói chuyển thành màu tía, khói hương huyền ảo, khác thường (có người dịch là mây tím). Câu thứ nhất, với hình ảnh núi Lư, như đã làm nên một cái nền cho bức tranh phong cảnh. Trên cái nền ấy, ở câu thơ tiếp theo, hình ảnh thác nước mới thật nổi bật, sống động: *Xa trông dòng thác trước sông này. Xa trông chứ không phải nhìn ngắm ở khoảng cách gần. Phải là từ xa thì, trong cái nhìn, mới thu nhỏ được hình ảnh thác nước để hình dung nó trong toàn cảnh.*

Bản dịch thơ dịch không sát câu thứ hai. Nguyên tác là: *Dao khan bộc quả tiền xuyên* (nghĩa là: Nhìn xa thấy dòng thác như treo trên dòng sông phía trước). Chữ *quả* thật thần tình, bản dịch thơ làm mất chữ này. Thác nước cao rộng xa như treo trước dòng sông, tựa như một dải lụa khổng lồ (*bộc quả*: thác nước trên núi chảy xuống, nhìn xa như một tấm vải treo dọc buông rủ xuống). Trước mắt ta hiện ra một cảnh tượng thiên nhiên kì vĩ, phi thường. Hình ảnh dòng thác trên nền cảnh (đã được tạo ra ở câu 1) như một bức ảnh mà ở đó nhà nghệ sĩ đã làm cảnh vật tĩnh lại trong chớp nhoáng, lấy tĩnh mà tả động.

Đến câu thơ thứ ba, hình ảnh dòng thác thoát chuyển sang trạng thái động: *Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước. Từ phi (bay) trong câu này khiến khung cảnh hùng vĩ, ấn tượng mạnh mà không thiếu sự bay bổng. Để ở câu thơ cuối hồn thơ chợt cất cánh một ẩn dụ lãng mạn: Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây. Lối nói khoa trương lại diễn tả được một cách chân thực trạng thái cảm nhận về cái kì vĩ, phi thường. Chẳng có hình ảnh nào diễn đạt hơn được nữa cái sức mạnh nên thơ, như thực mà quá đổi lạ thường của thác nước trong cái nhìn của thi sĩ như dải Ngân Hà rơi xuống từ chín tầng mây này.*

Lý Bạch từng được mệnh danh là *Thi tiên* (tiên thơ). Thơ ông thể hiện một tâm hồn luôn vươn tới tự do, phóng khoáng. Hình ảnh trong thơ ông thường tươi sáng, bay bổng diệu kì bộc lộ một tình yêu quê hương đất nước thiết tha. Qua bài thơ *Xa ngắm thác núi Lư* ta phần nào thấy được điều đó.

Bài thơ tứ tuyệt lời hàm súc, ý sâu xa. Hình ảnh thơ tráng lệ, huyền ảo. Cái hay, cái đẹp của ngôn từ, hình ảnh đúng là rất hợp tâm hồn tự do, phóng khoáng của nhà thơ.

Chỉ với bốn câu thơ, 28 chữ, mà tác giả đã vẽ lên một thác cảnh thật hùng vĩ và ngoạn mục. Cảnh không chỉ là cảnh đẹp tự nhiên mà còn là cảnh đẹp trong con mắt nhìn đầy tưởng tượng và luôn biến ảo của nhà thơ. Qua bức tranh thiên nhiên hùng vĩ mà đậm thấm, phần nào ta hiểu được tính cách mạnh mẽ phóng khoáng của nhà thơ.

BÀI SỐ 81: Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật bài thơ *Xa ngắm thác núi Lư* (Vọng Lư sơn bộc bố) – Lý Bạch.

Hướng dẫn

Lý Bạch (701 - 762), nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, quê ở Cam Túc nhưng ngay từ khi mới năm tuổi ông đã theo gia đình về sống ở Tứ Xuyên. Vì thế, nhà thơ vẫn thường coi Tứ Xuyên là quê hương của mình. Lý Bạch từ nhỏ đã thích ngao du, mong lập nên công danh sự nghiệp, song đường quan nghiệp của ông có nhiều trắc trở.

Lý Bạch được mệnh danh là “tiên thơ”. Thơ ông thể hiện một tâm hồn tự do phóng khoáng. Hình ảnh trong thơ của ông tươi sáng, kì vĩ, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện. Thơ ông hay nhất ở những bài viết về chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn.

a. Nguồn gốc, xuất xứ

Đây là bài thơ tiêu biểu viết về đề tài thiên nhiên của ông.

b. Thể loại, kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

- Thể loại: Thơ thất ngôn tứ tuyệt.
- Kiểu văn bản: Biểu cảm.
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, miêu tả.

c. Kết cấu: 2 phần

- Ba câu đầu: Cảnh thác nước.
- Câu cuối: Tình cảm của nhà thơ trước thác núi Lư.

d. Tóm tắt nội dung

- Vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô:
- + Toàn cảnh núi Hương Lô dưới phản quang của ánh nắng mặt trời.
- + Những vẻ đẹp khác nhau của thác nước.
- Tâm hồn thi nhân:
- + Trí tưởng tượng bay bổng trước cảnh đẹp của quê hương, đất nước.
- + Tình yêu thiên nhiên đắm say.

e. Ý nghĩa, nghệ thuật

- *Xa ngắm thác núi Lư* là bài thơ khắc họa được vẻ đẹp kì vĩ, mạnh mẽ của thiên nhiên và tâm hồn phóng khoáng, bay bổng của nhà thơ Lý Bạch.

- Kết hợp tài tình giữa cái thực và cái ảo, thể hiện cảm giác kì diệu do hình ảnh thác nước gợi lên trong tâm hồn lãng mạn Lý Bạch.

- Sử dụng biện pháp so sánh, phóng đại.
- Liên tưởng, tưởng tượng so sánh.
- Sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh.

BÀI SỐ 82: Bài thơ *Xa ngắm thác núi Lư* (*Vọng Lư sơn bộc bố*) - Lý Bạch - đã đọng lại trong tâm hồn yêu Văn của em những suy nghĩ và cảm xúc gì?

Bài làm

Nhắc đến Lý Bạch là nhắc đến cây đại thụ của nền văn học cổ điển Trung Hoa. Ông sống vào đời Đường (701 – 762), học rộng, tài cao, tính tình phóng khoáng, thích ngao du sơn thủy. Thơ ông tiêu biểu cho bút pháp lãng mạn, khoáng đạt tự do bay bổng. Có lẽ như vậy mà ngọn núi. Lư sơn hiện ra như một thắng cảnh tuyệt mỹ trong thơ ông:

*Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên,
Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.
Phi lưu trực há tam thiên xích,
Nghì thị Ngân Hà lạc cửu thiên..*

Dịch nghĩa:

*Mặt trời chiếu núi Hương Lô, sinh làn khói tía,
Xa nhìn dòng thác treo trên dòng sông phía trước.
Thác chảy như bay đổ thẳng xuống ba nghìn thước,
Ngõ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây.*

Dịch thơ:

*Nắng rơi Hương Lô khói tía bay,
Xa trông dòng thác trước sông này.
Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,
Tuông dải Ngân Hà tuột khỏi mây.*

Tương Như dịch

Lý Bạch đi nhiều, biết rộng. Hầu như tất cả các danh lam thắng cảnh trên đất nước Trung Hoa rộng lớn ông đều đặt chân tới. Bài thơ này tuyệt bút tả cảnh thác núi Lư hùng vĩ, tráng lệ qua đó biểu hiện một tình yêu thiên nhiên, yêu núi sông Tổ quốc

Mở đầu bài thơ là cảnh thác núi Lư sơn từ xa nhìn lại:

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên

Hương Lô là ngọn núi cao nằm phía tây bắc của dãy Lư sơn, đứng xa quan sát nó giống như một chiếc Lư hương, làm cái phong nền cho dòng thác. Ngọn Hương Lô như gợi cho người đọc một sự liên tưởng và hình dung: ánh nắng mặt trời lan toả khoác lên dãy núi Lư lớp áo choàng huy hoàng rực rỡ. Giữa khung cảnh ấy nổi lên ngọn Hương Lô, chiếc Lư Hương khổng lồ nghi ngút khói trầm hương màu tím. Đây chính là sự khúc xạ ánh sáng, trên đỉnh núi lúc này như được thắp lên

những luồng sáng hàng nghìn ánh màu rực rỡ, lộng lẫy huy hoàng. Hình ảnh núi Hương Lô quan sát từ xa như vừa thực vừa ảo làm hiện lên vẻ đẹp kì lạ của thác núi Lư. Câu thơ như đầy màu sắc, màu trắng của thác, xanh của núi, vàng của nắng và tím của sương khói. Đằng sau câu thơ ta như thấy vị tiên thơ đang trầm ngâm ngắm cảnh, chiêm ngưỡng sự diệu kì này.

Cảnh Hương Lô thật kì tuyệt, nhưng thu hút và huyền ảo hơn vẫn là ngọn thác:

Dao khan bệc bố quải tiên xuyên.

Phi lưu trực há tam thiên xích,

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

Nhan đề là *vọng* một vị trí quan sát từ xa, nhìn dòng thác, thác nước tuôn trào đổ xuống âm âm tựa ngang trời. Dòng thác qua con mắt *thi tiên* đã biến thành dải lụa trắng xóa mềm mại treo ngang trời. Từ *quải* được coi như nhãn tự của câu thơ, nó biến cái động thành cái tĩnh, thể hiện rất thực cảm giác khi nhìn thấy dòng thác từ xa. Đỉnh núi khói tía bao phủ, ngang trời, lưng núi dòng sông chảy như dải lụa mềm mại uyển chuyển, bức tranh tráng lệ kì vĩ biết bao:

Phi lưu trực há tam thiên xích

Đến câu thơ thứ ba này cảnh vật từ tĩnh chuyển sang động. Thế nước chảy như bay (*phi lưu*) được diễn tả qua hai động từ đi kèm hai trạng từ. Ta hình dung thấy núi cao, nước đổ thẳng xuống như dựng đứng, *ba ngàn thước* là lối nói khoa trương nhưng người đọc vẫn cảm thấy chân thực.

Bằng cảm hứng lãng mạn của mình, sự liên tưởng kì lạ nhà thơ đã thấy:

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

Câu thơ trác tuyệt thể hiện tài năng quan sát và cảm hứng lãng mạn tuyệt vời của thi nhân. Tả thác nước thần tình giữa cái ảo và cái thực, cái hình và cái thần diễn tả được cảm giác kì diệu do hình ảnh thác nước gợi trong tâm khảm nhà thơ. Do vậy *nghi thị* (ngỡ là) rất thành công. Hồ nghi mà vẫn cho là thật. Từ trên cao ba ngàn thước, thác nước âm âm tuôn trào uyển chuyển mạnh mẽ nhưng mềm mại như dải lụa. Hay hơn thế tác giả ngỡ là dòng sông sao tuột khỏi chín tầng mây đang lơ lửng treo ngang trời. Đây là hình ảnh đẹp nhất trong bài thơ, ở đây ngôn ngữ thơ đã chấp cánh cho hồn thơ bay bổng diệu kì. Ngắm dòng thác Lư sơn ngỡ như lạc vào chốn bồng lai ngư phủ.

Với tình yêu thiên nhiên say đắm, thi tiên đã dựng lên bức tranh thác nước Lư sơn hoành tráng tuyệt vời. Hơn một thiên niên kỉ trôi qua đã mấy ai được đến núi Lư sơn để ngắm lại dòng thác khi nắng rọi? Quả vậy thác núi Lư làm cho thơ Lý Bạch vĩnh hằng bất tử với thời gian.

Bài thơ là một tuyệt tác, nó thể hiện trí tưởng tượng hiếm có, nét thậm xưng tráng lệ, cảm hứng lãng mạn dạt dào. Qua đó ta hiểu rõ một tâm hồn thơ say sưa với cảnh đẹp thiên nhiên. Biết bao danh lam thắng cảnh đã đi vào thời ông để mãi mãi muôn đời nhớ đến thi tiên - Lý Bạch.

BÀI SỐ 83: Suy nghĩ về bài thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* của nhà thơ Lý Bạch.

Bài làm

Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh là bài thơ rất độc đáo của Lý Bạch. Toàn bài thơ (kể cả đầu đề) chỉ có 23 chữ quen thuộc nhưng ý nghĩa vô cùng phong phú. Thông thường ở một bài tứ tuyệt, hai câu đầu tả cảnh, hai câu sau ngụ tình. Ở đây khác, trong hai câu đầu chỉ có câu đầu là cảnh “sàng tiền minh nguyệt quang” (ánh trăng sáng đầu giường) nhưng là cảnh đặc biệt. Chữ “sàng” trong câu thơ cho thấy nhà thơ có lẽ đang nằm ngủ và không ngủ được. Vì thế, nhà thơ bất chợt nhìn thấy đầu giường “minh nguyệt quang” (ánh trăng sáng). Chính trong lúc trần trọc ấy lại bất gặp ánh trăng sáng cho nên tác giả “ngihtị địa thượng sương” (ngờ là sương trên mặt đất) là hợp lí. Chính ánh trăng sáng là cái duyên cớ đẩy sức gợi đánh thức tâm tư tình cảm của tác giả. Chỉ một động từ chỉ trạng thái tâm lí “ngiht” với một hình ảnh so sánh “địa thượng sương”, câu thơ đã nghiêng hẳn về tả tình. Đây chính là bước ngoặt để xuất hiện câu thơ thứ tư:

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đề đầu tư cố hương.

(Ngẩng đầu ngắm vầng trăng sáng,

Cúi đầu nhớ quê cũ)

Câu thơ thứ ba không có gì mới vì nó gần giống với câu dân ca Nam triều “Ngưỡng đầu khán minh nguyệt” nhưng cái mới là Lý Bạch sử dụng rất đúng chỗ. Hành động “cử” là tất yếu. Từ chỗ thấy ánh trăng đẹp tác giả đã ngẩng đầu để ngắm vầng trăng. Và chính vầng

trăng đơn côi mà cực đẹp đã đánh thức tình yêu quê hương trong lòng nhà thơ:

Dề dẫu tư cố hương.

Hai câu thơ đối nhau miêu tả những hoạt động liên tục “củ, vọng, đề, tư”, đó là những hoạt động dạt dào tư duy và cảm xúc, làm cụ thể và sinh động hơn tình huống “vọng nguyệt hoài hương” (trông trăng nhớ quê).

Cả bài thơ có năm động từ biểu thị năm trạng thái liên tiếp nhưng không có chủ thể của hoạt động. Chính sự vắng mặt của chủ ngữ mà ý thơ trở nên súc tích, cô đọng, khái quát. Vì thế bài thơ không chỉ là tâm tư của tác giả mà còn là của hàng triệu người xa xứ từ xưa đến nay.

BÀI SỐ 84: Cảm nhận về bài thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh*.

Bài làm

Có ai đi xa mà chẳng nhớ về quê hương làng xóm. Nơi đã gắn bó máu thịt trong tâm hồn mỗi người chúng ta. với Lý Bạch, thi nhân suốt đời chống kiếm lãng du luôn nặng tình với quê hương. Tình cảm ấy thể hiện da diết mãnh liệt, dâng trào, nó được nâng cánh bằng cảm hứng lãng mạn, bay bổng diệu kì qua bài *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh*.

Dầu giường ánh trăng rọi

Ngõ mặt đất phủ sương

Ngẩng đầu nhìn trăng sáng

Cúi đầu nhớ cố hương.

Từ xa đến nay các thi nhân bao giờ cũng mượn cảnh để bày tỏ nỗi niềm tâm sự. Một bức tranh đẹp ập vào mắt ta trước tiên cũng là cảnh và sau đó là tình, là tâm trạng ẩn chứa bên trong. Lý Bạch - “thi tiên” của đời Đường Trung Quốc ngay từ những dòng thơ đầu đã dẫn ta vào một thế giới đầy ảo diệu.

Sàng tiền minh nguyệt quang

Nghi thị địa thượng sương.

Ấn tượng đầu tiên là trăng, trăng ở khắp mọi nơi không chỉ giới hạn nơi đầu giường lữ khách. Đêm khuya thanh tĩnh, bốn bề vắng lặng ta nghe những bước trăng nhẹ nhàng len lỏi phủ khắp không gian. Trăng như dòng suối miên man chảy trong đêm sâu. Trăng dịu mát vuốt ve cảnh vật trong cái tĩnh lặng đến khôn cùng. Trong đêm thâu, không gian bốn bề vắng lặng, không một tiếng gió thổi, một tiếng côn

trùng kêu, cũng chẳng có có một tiếng chuông chùa ngân buông... chỉ có trắng sáng trải khắp không gian. Ánh trắng gọi cảm giác lâng lâng lạ thường. Ánh trắng giờ đây là chủ thể. Thiên nhiên hiện lên với vẻ đẹp trong sáng nhất. Cuộc sống trở về những nhịp thâm trầm, trút bỏ cái náo động, xô bồ của ban ngày. Trăng đẹp dịu biết bao, trăng tìm đến với con người. Bác Hồ của chúng ta cũng là một lãnh tụ rất yêu trăng:

Trăng vào cửa sổ đòi thơ

Việc quân đang bận xin chờ hôm sau.

Bác Hồ dành từ chối người bạn tri âm tri kỉ bởi còn bận việc nước. Còn với Lý Bạch người lãng tử trong phút dừng chân nơi quán trọ để trợn lòng mình đến với trăng. Trăng đẹp và thơ mộng quá. Đêm đã sang canh êm đềm thanh tĩnh lúc này chỉ có trăng và nhà thơ. Và rồi không thể hững hờ với vầng trăng đã từng làm bạn từ ngày còn *hẹn hò trên núi Nga Mi*. Lý Bạch ngẩng đầu ngắm trăng, trăng gặp thi nhân như hai kẻ tri âm tri kỉ, cảm động không nói lên lời.

Trong phút đối diện bất ngờ ấy, sự liên tưởng lãng mạn kèm theo sự hoài nghi diệu kì. Trăng hay là sương mặt đất? Ánh trăng hắt qua song cửa hay là sương khói朦胧 lung? Trăng thực đấy mà sao mờ mờ, ảo ảo khó nắm bắt đến kì lạ. Cái sương khói của ánh trăng làm cho câu thơ ngập trong không khí mơ màng, hư hư thực thực, trăng sáng mà sáng bàng bạc huyền ảo. Trăng ở quanh thi nhân như tầng tầng lớp lớp. Trăng làm cho căn phòng hẹp của thi nhân và mặt đất bao la hoà làm một, và cũng rất tự nhiên:

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đề đầu tư cố hương.

(Ngẩng đầu ngắm vầng trăng sáng,

Cúi đầu nhớ quê cũ)

Đêm nay nhìn trăng sáng nơi quê người, nỗi lòng mãnh liệt, tha thiết trong lòng đứa con xa quê trời dậy, day dứt khôn nguôi. Ánh trăng thời trai trẻ năm nào trên núi Nga Mi hiện về. Quá khứ, hiện tại, quê nhà, quê người, thành công, thất bại, hi vọng... đan xen trĩu nặng trong lòng tác giả. Ánh trăng đêm nay sáng quá và nó gọi bao kỉ niệm. Ngẩng đầu nhìn trăng là tư thế hướng ngoại, cúi đầu là nhớ về cố hương (hướng nội). Hai tư thế *ngẩng đầu* và *cúi đầu*, hai tâm trạng *nhìn và nhớ*, hai đối tượng làm trĩu lòng kẻ xa quê. Hai hình ảnh *trăng sáng* và *cố hương* đi sóng đôi nhau biểu hiện một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu quê hương tha thiết. Nhớ *cố hương* là nhớ tới gia

đình, người thân; nhớ tới thời thơ ấu với bao mộng tưởng đẹp đẽ. Thế mới biết quê hương là những gì thiêng liêng nhất, một ngôi nhà, một góc phố, một cánh đồng, một dòng sông...

Nhà thơ Chế Lan Viên có câu:

Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn.

(*Tiếng hát con tàu*)

Tình yêu quê hương đã thành máu, thành hồn. Nó được thể hiện qua những cung bậc của tình cảm. Nỗi nhớ quê hương qua sự khơi gợi của ánh trăng dội về mãnh liệt. Tình yêu quê hương với cả một bức tranh chan chứa ánh trăng làm nền bay cao mãi, xa mãi, ngân vang mãi khúc nhạc lòng của chàng trai trẻ ngày nào trên núi Nga Mi. Câu thơ cuối khép lại nhưng tình ý còn chưa dứt. Dù chỉ trong hai mươi chữ, nhưng cuối cùng ấn tượng đậm nét trong ta về Lý Bạch là một con người luôn gắn bó với *cố hương*.

Quả thật Lý Bạch với tình yêu quê hương đất nước tha thiết, mãnh liệt được nâng cánh bằng những cảm hứng lãng mạn tuyệt vời. *Tình dạ tử* đã hâm nóng những mạch cảm xúc trong ta, ta yêu quý trân trọng và hoà cùng những dòng thơ Lý Bạch chính là làm cho giá trị đích thực của thi ca chuyển tải thể giới nội tâm con người sống mãi với thời gian. Lý Bạch đã góp phần làm cho diện mạo thơ Đường thêm phong phú.

BÀI SỐ 85: Suy nghĩ về giá trị bài thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* của Lý Bạch.

Bài làm

Vọng nguyệt hoài hương (trông trăng nhớ quê) là một thi đề quen thuộc. Nhà thơ Đỗ Phủ từng ví trăng là ánh sáng quê hương. Thơ Lý Bạch tràn đầy trăng. Có trăng nơi quê hương (*Trăng nửa vành thu trên đỉnh Nga Mi*), trăng nơi biên ải, trăng tri kỉ cùng thi nhân (*Một mình uống rượu dưới trăng*)... và ở đây là trăng gợi nhớ quê hương. *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* giản dị mà độc đáo, tinh tế mà không hề trau chuốt. Bài thơ được viết theo hình thức cổ thể, một thể thơ trong đó mỗi câu thường có 5 hoặc 7 chữ, song không bị những quy tắc chặt chẽ về niêm, luật và đối.

Bài thơ có hai phần:

Hai câu thơ đầu: cảnh đêm trăng.

Hai câu thơ sau: nỗi lòng của người xa xứ.

Mặc dù có thể chia thành bố cục như trên song cần tránh cách hiểu cực đoan cho rằng hai câu thơ đầu chỉ thuần tả cảnh và ngược lại, hai câu cuối chỉ tả tình. Tình và cảnh trong những bài thơ kiểu như bài thơ này bao giờ cũng thấm nhuần một cách rất tinh tế.

Ta hãy chú ý đến chữ “sàng” trong câu thơ thứ nhất (*sàng ở đây có nghĩa là giường*). Như thế chữ *sàng* gợi cho ta nghĩ rằng nhà thơ đang nằm mà không ngủ được. Và cũng vì nằm trên giường không ngủ thì mới thấy ánh trăng xuyên qua cửa. Hơn thế nữa chắc hẳn phải có một chủ thể trữ tình ở đây thì mới có cái sự “*nghe*” (*Nghe mặt đất phủ sương*) được. Nhân vật trữ tình rất có thể là chưa ngủ, hoặc ngủ rồi nhưng tỉnh dậy và không ngủ được nữa. Trong trạng thái mơ màng ấy mới có cái sự nghe nghe rất đẹp (trăng sáng mà nghe là sương). Như thế dù không trực tiếp tả người, câu thơ vẫn gợi lên được trạng thái và tình cảm của con người.

Hai câu thơ sau cũng vậy. Thực ra chỉ có đúng ba chữ trực tiếp tả tình, đó là: *tư cố hương* (nhớ về quê cũ), còn lại đều tả cảnh, tả người. Hay nói chính xác hơn cảnh được tả để chuyển tải cái tình quê hương da diết.

Như thế, từ đây có thể rút ra kết luận: trong bài thơ này (và cả một số bài thơ Đường khác nữa), hai câu đầu (hoặc nửa trên) thường thiên về tả cảnh (trong cảnh có tình), ngược lại hai câu sau thiên về tả tình (trong tình có cảnh).

Về phép đối trong bài thơ:

Bài thơ được làm theo hình thức cổ thể ngũ ngôn tuyệt cú. Cái tự do của hình thức thể hiện (so với Đường luật thì cổ thể không bị những quy tắc chặt chẽ về niêm, luật và đối ràng buộc) tỏ ra rất có hiệu quả khi diễn đạt mạch cảm xúc tự nhiên. Tuy thế, tác giả cũng đã sử dụng phép đối rất đặc địa ở hai câu cuối: *Ngẩng đầu / Cúi đầu, nhìn trăng sáng / nhớ cố hương*. Nguyên tác cho thấy đây là cặp đối rất chỉnh, về mặt từ loại: động từ 1 động từ (*cử đầu / đề đầu vọng / tư*), tính từ / tính từ (*minh / cố*), danh từ / danh từ (*nguyệt / hương*).

Về mặt ý nghĩa, cặp đối tạo thành sự sóng đôi: Cảnh / tình (*trăng / quê hương*). Sự sóng đôi này chính là cấu tứ của bài thơ. Cảnh gợi tình, trăng gợi nhớ quê hương, rồi đến lúc con người chìm đắm trong nỗi nhớ, trăng thấm đẫm vào hồn. Cái cúi đầu như lặng lẽ, như buồn tủi...

Bài thơ ngắn chỉ gồm hai mươi chữ mà có tới 5 động từ: *nghe* (nghe), *cử* (ngẩng), *vọng* (nhìn), *đề* (cúi) và *tư* (nhớ). Thực ra nếu theo

dôi thứ tự của bốn động từ này, chúng ta có thể nhận ra mạch cảm xúc của bài thơ. Bốn động từ đều bị lược đi chủ thể hành động nhưng có thể dễ dàng khẳng định, chủ thể trữ tình, chủ thể hành động ở đây chính là tác giả. Năm động từ tạo thành một mạch cảm xúc vận động rất nhanh, có thể hiện thực hoá lại bằng văn xuôi như sau: nhân vật trữ tình (nhà thơ) tỉnh dậy (hoặc đang mơ màng ngủ) thì nhận ra ánh sáng đang lọt qua khe cửa, ngõ ngang vì không biết là sương hay là trăng, nhà thơ ngẩng lên như là một hành động để mà xác nhận. Nhưng rồi chính cái khoảnh khắc ngẩng đầu kia lại gọi về trong lòng tác giả nỗi niềm của người xa xứ. Hành động cúi đầu như là đang cố nén đi cái cảm xúc mãnh liệt đang trào dâng.

Tĩnh dạ tứ với những từ ngữ giản dị mà tinh luyện. Bài thơ đã thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình quê hương của một người sống xa nhà trong đêm trăng thanh tĩnh.

Mặc dù không bị gò ép về niêm luật nhưng *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* vẫn là một bài thơ mẫu mực về nghệ thuật sử dụng phép đối, sử dụng từ ngữ, đặc biệt là các động từ. Bài thơ giản dị mà hàm súc, cô đọng.

Bài thơ là một góc khác trong tâm hồn đầy nhạy cảm của thi nhân Lý Bạch. Bài thơ cho thấy ẩn sâu trong tâm hồn của người thi sĩ thích tự do, phóng khoáng luôn là một tấm lòng tha thiết với quê hương.

BÀI SỐ 86: Suy nghĩ về hai câu cuối bài thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* của Lý Bạch.

Bài làm

Câu “ngõ mặt đất phủ sương” vừa trực tiếp tả tâm trạng băng khuâng, bồi hồi lại vừa gián tiếp tả cử chỉ của người ngồi trên giường đang nhìn và xa xôi, mông lung, như tìm kiếm một thứ gì đó mà đối với tác giả nó rất gần gũi, thân thương. Nhớ đất, nhớ người, nhớ cả quê hương.

Ngẩng đầu nhìn trăng sáng

Cúi đầu nhớ cố hương.

Đến hai câu cuối thì nỗi nhớ quê trào lên bội phần, cử chỉ hành động cũng thêm bồi rối trần trọc, trần trở. Cảnh vật và tình cảm tâm trạng đan xen, kết hợp như đang hòa quyện nhau không thể nào tách bạch. Trong cái đêm yên tĩnh ấy, trăng rất sáng, rất trong, rất đẹp

nhưng lòng người không thể vui với trăng được mà ngược lại, dù ngẩng hay cúi đầu thì nỗi nhớ quê day dứt, vẫn tồn tại, vẫn khắc khoải trong lòng tác giả. Cảnh vui, cảnh đẹp nhưng người nhớ, người sầu thì có cảnh cũng chỉ làm sầu thêm thôi.

Bài thơ được làm theo hình thức cổ thể ngũ ngôn tuyệt cú. Hình thức thể hiện tự do rất có nhiều hiệu quả khi diễn đạt mạch cảm xúc tự nhiên. Tuy thế, tác giả cũng đã sử dụng phép đối rất đặc địa ở hai câu cuối: *Ngẩng đầu / Cúi đầu, nhìn trăng sáng / nhớ cố hương*. Nguyên tác cho thấy đây là cặp đôi rất chỉnh, về mặt từ loại: động từ / động từ (*cử đầu / đề đầu, vọng / tư*), tính từ / tính từ (*minh / cố*), danh từ / danh từ (*nguyệt / hương*). Cặp đối tạo thành sự sóng đôi: Cảnh / tình (*trăng / quê hương*). Sự sóng đôi này chính là cấu tứ của bài thơ. Cảnh gợi tình, trăng nhớ quê hương, rồi đến lúc con người chìm đắm trong nỗi nhớ, trăng thấm đẫm vào hồn. Cái cúi đầu như lặng lẽ, như buồn tủi trong nội tâm đau đáu chốn quê nhà.

BÀI SỐ 87: Cảm nhận về nghệ thuật bài thơ *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* của Lý Bạch.

Hướng dẫn

1. Quan hệ giữa tình và cảnh trong bài thơ:

a. Nhận xét về động từ ở hai câu đầu trong nguyên tác và trong bản dịch thơ:

- Nguyên tác chỉ có 1 động từ là *ngô* (ngỡ là) chủ thể là con người.
- Bản dịch thơ có thêm 2 động từ: *roi, phủ* chủ thể là ánh trăng và mặt đất.

Chính điều này trong bản dịch thơ đã tạo ra cảm giác hai câu thơ đầu là thuần túy tả cảnh. Thực ra, ở đây chủ thể vẫn là con người: con người thấy *ánh trăng sáng đầu giường* mà *ngỡ là gương soi trên mặt đất*. Như vậy, ánh trăng dù đẹp dễ vẫn chỉ là đối tượng nhận xét, cảm nghĩ của chủ thể. Và trong cái hoạt động *thấy* (ánh trăng) mà *ngỡ là* (sương) ấy đã chứa đựng biết bao tình cảm của thi nhân (một *thời điểm không ngủ được là một khoảnh khắc suy nghĩ* của con người).

b. Hai câu cuối sở dĩ đem đến cái ấn tượng tả tình là vì ba chữ cuối bài: *nhớ cố hương*. Thực ra hai câu này không phải là tả tình thuần túy. Chỉ có ba chữ tả tình trực tiếp: *tư cố hương*. Còn lại là tả cảnh, tả người: *vọng minh nguyệt, cử đầu, đề đầu*. Cái tài của thi

nhân là tả cảnh, tả người song tình người lại được thể hiện rõ: tình người; tình quê hương đã được nói lên cụ thể và sâu sắc trong hành động *ngẩng đầu ngắm trăng sáng* rồi lại *cúi đầu nhớ quê cũ*.

c. Như vậy, có thể kết luận: mối quan hệ giữa cảnh và tình trong bài thơ là mối quan hệ tự nhiên tất yếu, gắn bó khăng khít, đạt đến mức cao và nhuần nhị. Với *Tĩnh dạ tứ*, nói “xúc cảnh sinh tình” không đủ. Ở đây, tình vừa là nhân, vừa là quả: *Nhớ quê, thao thức không ngủ nhìn trăng; Nhìn trăng lại càng nhớ quê!*

2. Tìm hiểu cách sử dụng phép đối trong bài thơ:

a. Phép đối được nhà thơ sử dụng rất chỉnh trong hai câu thơ cuối:

Cử đầu vọng minh nguyệt

Đề đầu tư cố hương

động từ - danh từ - động từ - tính từ - danh từ

Số lượng chữ, cấu trúc ngữ pháp, từ loại giống nhau.

b. Tác dụng của phép đối trong việc biểu hiện tình cảm quê hương của tác giả:

3. Chính phép đối trên đã cho ta thấy sự hoạt động liên tục của tư duy, của cảm xúc bên trong.

- Cái cúi đầu thứ nhất là hướng sang ngoại cảnh để nhìn trăng.

- Cái cúi đầu thứ hai đã diễn đạt một ý: *Ngõ đầu giường là sương trên mặt đất*. Động từ “*ngiht*” (ngỡ như) đã liên kết hai dòng thơ này.

- Tất cả các động từ quan hệ chặt chẽ với nhau.

Nghĩ - cử - vọng - đề - tư

- Tất cả chủ ngữ đều đã bị lược nhưng ta vẫn thấy ngẫm trong đó chỉ có một chủ ngữ duy nhất là chủ thể trữ tình. Đây là cảm xúc của một người. Vì vậy mạch cảm xúc nhất quán, liền mạch.

BÀI SỐ 88: Suy nghĩ về bài thơ *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê* (Hồi hương ngẫu thư) - Hạ Tri Chương.

Bài làm

Hạ Tri Chương là viên quan nổi tiếng đời nhà Đường ở Trung Quốc. Ông có rất nhiều bài thơ hay. *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê* (Hồi hương ngẫu thư) là bài thơ tiêu biểu của ông. Nếu như bài thơ *Tĩnh dạ tứ* của Lý Bạch thể hiện tình cảm quê hương qua nỗi sầu xa xứ thì bài thơ này thể hiện tình cảm quê hương ngay khi Hạ Tri Chương mới bước chân về quê.

Tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ được thể hiện một cách kín đáo. Thơ Đường thường lấy cái biến đổi để nêu lên cái không biến đổi và ngược lại.

Hai câu đầu gồm một câu kể và một câu tả nhưng mỗi câu đều được đặt trong thế đối lập giữa *thiếu tiểu li* và *lão đại hồi*, giữa *hương âm vô cải* và *mấn mao tồi*. Chính sự đối lập này đã khẳng định một điều không thay đổi: Nhà thơ vẫn là con người của quê hương. Câu thơ thứ ba và thứ tư là hệ quả của hai câu đầu. Sự ngỡ ngàng của nhà thơ trước câu hỏi của các nhi đồng đã nói lên sự xúc động của ông. Xúc động vì không những bản thân nhà thơ thay đổi mà cả quê hương cũng có nhiều đổi thay. Gặp ông chỉ có những nhi đồng và đều “Tương kiến bất tương thức” (Gặp nhau mà không biết nhau). Câu thơ chứa chất bao nỗi đau xót ngậm ngùi nhưng rất kín đáo trước những thay đổi ở quê nhà. Càng xúc động hơn khi đối với trẻ con, ông là khách lạ mà chúng vẫn tươi cười chào đón hướng hồ biết ông là người nhà thì chúng sung sướng biết nhường nào. Vì thế với ông, nỗi buồn tủi cũng chỉ thoáng qua, nhường chỗ cho niềm vui tràn ngập và tình yêu quê hương cũng được nhân lên gấp bội.

BÀI SỐ 89: Cảm nhận bài thơ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (Hồi hương ngẫu thư) - Hạ Tri Chương.

Bài làm

Hạ Tri Chương một thi sĩ lớn đời Đường, ông sinh 659 - 744. Ông đậu tiến sĩ năm 36 tuổi, là đại quan của triều Đường, được nhà vua và quần thần rất trọng vọng. Thơ ông chan chứa lòng yêu quê hương đất nước. Một trong những bài thơ đặc sắc về chủ đề này được người đời truyền tụng là *Hồi hương ngẫu thư*.

Thiếu tiểu li gia, lão đại hồi,

Hương âm vô cải, mấn mao tồi.

Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,

Tiểu vấn: Khách tòng hà xứ lai?

Cũng như Lý Bạch, Hạ Tri Chương xa quê từ lúc còn thơ bé. Quê hương với bao kỉ niệm thân thương, gần gũi với tuổi thơ ấu của mỗi người. Có lẽ chẳng mấy ai muốn xa quê, nơi đã gắn bó thành máu, thành hồn. Mở đầu bài thơ bằng thủ pháp tiểu đối đã nêu lên một cảnh ngộ: tác giả phải từ biệt gia đình từ lúc ấu thơ, từ nhỏ không

được sống ở quê. Nơi đất khách quê người gợi bao buồn khổ. Rồi đến khi tóc đã pha sương mới có dịp được trở về:

Thiếu tiểu li gia, lão đại hồi
(Khi đi trẻ, lúc về già)

Xa quê từ ngày còn thơ bé, khi trở lại đã già rồi. Thời gian cách biệt không phải là ba năm, mười lăm năm mà hơn nửa thế kỉ, gần một đời người sao lại không thương nhớ? Cảnh ngộ ấy là bi kịch của vị quan đời Đường trên con đường công danh. Cuộc đời đầy sóng gió, con người ta với một lần sinh ra và một lần vĩnh viễn ra đi vào cõi vĩnh hằng. Do vậy cuộc sống của họ luôn cố gắng phấn đấu cho được một chút công danh. Với Hạ Tri Chương công danh đã thành đạt nhưng phải *li gia*, xa quê nhà yêu dấu của mình. Có thể nói rằng đây chính là *khối sầu*, là một nỗi đau của bất cứ ai lâm vào cảnh ngộ này.

Ra đi từ lúc ấu thơ và khi trở lại

Hương âm vô cải, mấn mao tồi
(Giọng quê vẫn thế, tóc đã khác bao)

Ở đây tác giả dùng phép tiểu đối để khẳng định tình cảm của tác giả với quê nhà. Quê hương trở thành máu thịt, tâm hồn đối với mỗi con người. Nó trở thành một phần cuộc đời của mỗi con người. Do vậy suốt một đời xa quê, mái tóc đã điểm sương, nhuộm màu thời gian, gió sương cát bụi phong trần, nhưng *hương âm* (giọng quê) vẫn không thay đổi. Giọng quê chính là hơi thở, tiếng nói của quê hương. Trong giọng nói ấy mang hơi thở của đất mẹ, của quê chưa đất tổ mà dấu ở phương trời nào cũng không thay đổi. Chi tiết này cho thấy tình cảm của tác giả luôn gắn bó với quê hương, nơi dòng sữa ngọt ngào, tiếng ru, tình thương của mẹ hiền... Chỉ có những kẻ mất gốc thì mới thay đổi giọng quê, mới coi thường tiếng mẹ đẻ.

Trong cái biến đổi *sương pha mái đầu* và cái không đổi *giọng quê vẫn thế* thể hiện tấm lòng chung thủy, sắt son với nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Tình cảm ấy thật đẹp, thật tự hào với Hạ Tri Chương. Hơn nửa thế kỉ làm quen phục vụ triều đình tại Kinh đô Tràng An, đứng trên đỉnh cao danh vọng, sống trong nhung lụa vàng son thế mà tình cố hương trong ông vẫn không thay đổi. Đó là điều đáng kính phục.

Trở về nơi mà gần cả cuộc đời đã xa nó, đương nhiên sẽ gặp những nghịch lí.

Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,
Tiểu vấn: Khách tòng hà xứ lai?

Khi đi xưa nay trở lại nhà đã trở thành khách lạ, khi đi cũng là lũ trẻ bây giờ, lúc này trở lại đã là bác, là ông. Thời gian xa quê đằng đẳng theo năm tháng. Bạn bè tuổi thơ ngày xưa ai còn ai mất? Có lẽ họ cũng đã *sương pha mái đầu* cả rồi. Ngoảnh lại thời gian, ôi đã ngót gần hết một đời người. Thời gian trôi đến không ngờ:

Trẻ con nhìn lạ không chào

Hỏi rằng: Khách ở chốn nào lại chơi?

Một câu hỏi hồn nhiên ngây thơ của nhi đồng để lại trong lòng tác giả nỗi buồn man mác băng khuâng. Tuổi già sức yếu mới trở lại cố hương. Tình yêu quê hương của Hạ Tri Chương đẹp để biết bao. Ta còn nhớ Tố Hữu đã từng viết:

Ngày đi, tóc hãy còn xanh

Mai về, dù bạc tóc anh cũng về!

(*Nước non ngàn dặm*)

Bài thơ *Hồi hương ngẫu thư* là một bài thơ hay gợi cho ta nhiều xúc động. Tác giả sử dụng tiểu đối thành công, tạo nên những vần thơ hàm súc, gợi cho người đọc bao liên tưởng về nỗi lòng của khách li hương. Bài thơ là tiếng lòng của Hạ Tri Chương yêu quê hương tha thiết, thủy chung, thấm đẫm trên từng vần thơ.

BÀI SỐ 90: Cảm nhận về nghệ thuật bài thơ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (Hồi hương ngẫu thư) - Hạ Tri Chương.

Hướng dẫn

Sự độc đáo của tình cảm quê hương được thể hiện qua tên của bài thơ:

1. Nếu như trong *Tĩnh dạ tứ* là một nỗi niềm nhớ quê đau đớn; khi ở xa quê, nhìn ánh trăng, vầng trăng mà thao thức thì ở đây nhà thơ về ngay trên quê và bị sốc thật sự vì mình không thể ngờ như vậy.

- Từ *ngẫu* nghĩa là *ngẫu nhiên*. Thực ra nó có quan hệ với "*thư*": *ngẫu thư* nghĩa là *ngẫu nhiên viết* chứ không phải tình cảm bộc lộ ngẫu nhiên. Như vậy, tác giả không có ý định làm thơ khi đặt chân tới quê hương của mình. Chính khi bị gọi là *khách* thì tác giả mới choáng váng. Đây là duyên cớ có tính ngẫu nhiên khiến tác giả viết bài thơ. Cần thấy rằng đằng sau sự làm thơ như vô hình này là một tình quê hương sâu nặng, thường trực lúc nào cũng muốn thổ lộ. Cho nên chỉ cần có một tình huống chân thực mà phi lí như cuối bài thì tình yêu với quê hương có cơ hội bộc lộ.

2. Nghệ thuật đối

Câu đầu cả ý lẫn lời đối rất chỉnh:

Thiếu tiểu li gia

đối với: *lão đại hồi*

- Trong hai vế câu hai

+ Có bộ phận đối chỉnh cả ý và lời:

hướng âm và mấn mao

+ Một bộ phận chưa thật chỉnh về lời nhưng ý lại chỉnh:

vô cỏi (không đối) đối *ý tôi*: thay đổi.

- Tác dụng phép đối:

+ Câu 1 đã dùng đối để kể một cách ngắn gọn quãng đời xa quê đi làm quan; đối lập cái thời *trẻ* và thời *già*.

+ Câu 2 là *tả*. Tác giả dùng một yếu tố thay đổi (mái tóc) để làm nổi bật yếu tố không thay đổi (*hương âm*: giọng nói quê hương). Qua sự đối này nói về tình cảm gắn bó quê hương cho dù đã xa quê từ trẻ.

+ Dù *kể* hay *tả*, phép đối đã gián tiếp bộc lộ tình cảm.

3. Xác định phương thức biểu đạt ở hai câu thơ

- Câu 1 là câu kể, phương thức biểu đạt là tự sự, nhưng vẫn có yếu tố biểu cảm, vì vậy phương thức biểu đạt chủ yếu là biểu cảm qua tự sự.

- Câu 2 là câu tả, phương thức biểu đạt là miêu tả, nhưng vẫn có yếu tố biểu cảm, vì vậy phương thức biểu đạt chủ yếu là biểu cảm qua miêu tả.

4. Sự biểu hiện của tình quê hương ở hai câu trên và hai câu dưới có gì khác nhau về giọng điệu?

- Giọng điệu ở hai câu trên là giọng điệu kể và tả bình thường để bộc lộ tình cảm của một người cả đời xa nhà nay mới trở về quê hương.

- Giọng điệu ở hai câu dưới là giọng điệu bi hài thấp thoáng ẩn hiện sau những lời tường thuật khách quan, trầm tĩnh chứa đựng một nỗi buồn đau ngậm ngùi của nhà thơ khi gặp “bi kịch” ngay phút đầu tiên về đến quê nhà:

+ Chỉ có nhi đồng ra đón (vì bạn cùng trang lứa nay chắc không còn ai?)

+ Các em đón nhà thơ bằng tiếng cười, câu hỏi hồn nhiên, thơ ngây với lòng hiếu khách càng làm cho nỗi lòng tác giả thêm tan nát. Bởi vì trở về nơi chôn nhau cắt rốn mà lại “bị” xem như “khách”! Không chỉ nhà thơ ngậm ngùi, đau xót mà người đọc chúng ta cũng đồng cảm sâu sắc trước cảnh ngộ đầy “trớ trêu” ấy.

PHẦN 2.

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

BÀI SỐ 91: Hãy giải thích câu tục ngữ: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Bài làm

Xưa kia ông cha ta đã dạy dỗ chúng ta: “Uống nước nhớ nguồn”. Đó là câu tục ngữ có ý nghĩa sâu xa đối với con người sống trong một cộng đồng.

Gần gũi và rõ ràng, cụ thể hơn nữa là câu tục ngữ:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Đi sâu vào ý nghĩa câu tục ngữ này, chúng ta sẽ hiểu sâu sắc hơn truyền thống nhân nghĩa, sống thủy chung của nhân dân ta.

Câu tục ngữ có hai nghĩa:

- Nghĩa đen: Được ăn một quả ngon, ngọt ta phải nhớ đến người trồng cây (dĩ nhiên ý nghĩa này giới hạn trong “cây nhà lá vườn” nhiều hơn).

- Nghĩa bóng: “ăn quả” ở đây chỉ sử dụng thành quả lao động của người khác, không hẳn chỉ là hoa quả. Nguyễn Trãi đã từng nói: “ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày”. Và ca dao đã có những câu sâu sắc vừa nhắc nhở vừa như khẳng định một lẽ sống phải có tình nghĩa:

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Biết công hôm sớm cấy cày cho chăng.

Sâu sắc hơn, người nông dân nhắc đến sự vất vả trong lao động phải đổ mồ hôi, nước mắt lấy hạt lúa gạo cho ta ăn.

Ai ơi bưng bát cơm đầy.

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Những người sáng tạo, làm ra sản phẩm tinh thần nếu không phải “một nắng hai sương” thì cũng phải có những ngày đêm vật lộn với chữ nghĩa mới thành thơ văn, những đường nét thấm đẫm tâm huyết để có được bức tranh, những cảm xúc chắc lọc từ tim óc mới có được bài nhạc.

Nói chung, các nhà văn, nhà thơ, các nhà bác học, các nhà cách mạng cũng phải lao động gian khổ, chịu đựng bao đắng cay, nguy hiểm mới đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc và văn minh cho con người.

Thừa hưởng những kết quả đó chúng ta có “bốn phận” phải nhớ ơn người mang lại những thành quả ấy cho ta.

Câu tục ngữ chỉ có 6 chữ mà in sâu trong đó truyền thống tốt đẹp về lòng nhân nghĩa thủy chung của dân tộc. “Sáu chữ vàng này” không

phải chỉ nằm sâu trong văn học dân gian, thể hiện giữa những con người còn đang hiện diện trên đất nước, quê hương, làng xóm mà còn khơi gợi trong ta bằng những hành động nhớ ơn những người đã khuất như những anh hùng liệt sĩ. Lễ hội đền Hùng, lễ hội Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo... hàng năm và việc “đền ơn trả nghĩa” cho những gia đình liệt sĩ, thương binh ngày nay chính là ta đang thực hiện câu tục ngữ sáng đẹp ngàn đời “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Thật ra, cũng có một số người (rất ít) đưa ra luận điểm “sống ở trên đời người đi trước có trách nhiệm chuẩn bị cho người đi sau, do đó ai cũng là người được hưởng thành quả lao động của người đi trước... Vậy nói đến ơn huệ làm gì?”.

Lại có người nổi “Người trồng cây hiện nay muốn được ăn quả ngay, họ có nghĩ gì đến người đời sau đâu mà phải mang ơn họ” (đi nhiên người nói câu này cũng dùng ý nghĩa xã hội của câu tục ngữ).

Quan điểm sống của những người này là: “Đời cua, cua máy, đời cáy cáy đào”.

Những người theo lối sống này là tự mình hạ xuống như một loại động vật, sống không cần quan hệ và đạo lý. Rõ ràng, chúng ta không thể thực hiện lối sống này vì nó xấu xa, thiếu tình nghĩa, từ bỏ truyền thống tốt đẹp của ông cha ta để lại. Chúng ta phải xây dựng cho mình đạo lý sống “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

BÀI SỐ 92: Giải thích câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách”.

Bài làm

Những câu tục ngữ được xem là “túi khôn” của nhân loại. Sau những câu văn ngắn gọn, có vần điệu, có lớp nghĩa hiển ngôn hiển hiện rõ ràng là lớp nghĩa hàm ẩn sâu xa. Ở đó, nhân dân ta đã thể hiện kinh nghiệm, tư tưởng, quan điểm, hay đơn giản hơn là những điều quan sát được trong thiên nhiên và sự liên tưởng qua việc quan sát đó. Sự kiện ấy đã xuất hiện trong nhiều câu tục ngữ và nổi bật là câu: “Lá lành đùm lá rách”.

Với những hình ảnh gần gũi, giản dị, câu tục ngữ này dễ dàng tạo nên một ấn tượng riêng trong lòng người đọc. Ngắn gọn thế nhưng câu tục ngữ lại chứa đựng những ba nghĩa chính. Xét về nghĩa đen có người bảo lá lành đùm lá rách là để chỉ một hiện tượng tự nhiên. Trên cây, những chiếc lá lành lặn, mạnh mẽ bao giờ cũng vươn lên và cũng luôn ở phía trên những chiếc lá có đôi chút rách nát, yếu ớt như để

che chở, bao bọc. Tuy đó chỉ là một cái nhìn chủ quan của dân gian xưa về một hiện tượng tự nhiên nhưng nó cũng đã thể hiện tình cảm của họ thời đó. Còn có một cách giải thích khác được lưu truyền - Cách giải thích ấy cho rằng lá lành đùm lá rách là để chỉ những lớp lá bên trong khi gói không mấy lành lặn rồi mới đến những chiếc lá lành lặn, đẹp đẽ bọc bên ngoài, cái cách gói ấy đã có từ muôn đời, đến nay đã thành cái lệ, cái tập tục, cái thói quen của những người gói bánh.

Nhưng dù lớp nghĩa đen hay có là gì đi nữa thì ẩn sâu trong nó vẫn là một lớp nghĩa bóng đẹp đẽ, sâu xa. Câu tục ngữ "*Lá lành đùm lá rách*" đã thể hiện tinh thần tương thân tương ái, bao bọc, che chở những con người khó khăn hơn, và cả những chiếc lá rách nát, xấu xí để cuộc sống sẽ như một cái cây tươi tốt, đâm chồi nảy lộc. Những ý nghĩ sâu sắc ấy đã dạy cho chúng tôi một bài học về cách làm người, về cách ứng xử trong xã hội, trong cuộc sống này. Qua đó mỗi người cũng đã tự thấy được bốn phận, trách nhiệm của mình là phải bao bọc, chở che cho những con người bất hạnh hơn. Nói đúng ra là phải biết thương yêu, chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau để cuộc sống bớt khổ đau, đói nghèo và bất hạnh. Có vậy mối quan hệ giữa con người trong xã hội mới đúng nghĩa "đồng bào" mà cha ông xưa đã răn dạy.

Những câu tục ngữ luôn như vậy, ngắn gọn mà chứa đựng một bài học sâu sắc. Hi vọng rồi đây, vốn kiến thức của em sẽ ngày một dày hơn lên, có thêm nhiều những câu ca dao, tục ngữ hay như vậy. Chắc chắn em sẽ cố gắng hết mình để nghe lời và thực hiện tốt những gì đã được đúc kết từ mỗi lời dạy đó.

BÀI SỐ 93: Chứng minh rằng, với dân tộc Việt Nam đoàn kết đã thành lẽ sống.

Đoạn văn

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước, sử sách còn ghi lại biết bao câu chuyện đoàn kết chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh đuổi quân của Nam Hán thắng lợi là do dân ta hết lòng ủng hộ, cùng nhau hợp sức lại. Rồi đến chiến thắng vẻ vang của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng, của Hưng Đạo Vương, Trần Quốc Tuấn ba lần đánh bại quân Nguyên đã nêu cao tinh thần đoàn kết chống giặc của cả dân tộc ta. Rồi kháng chiến chống giặc Pháp với chiến thắng Điện Biên Phủ, lá cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới. Trang sử vẻ vang chưa khép lại, nó lại mở ra một

cuộc chiến khác, gay go hơn, quyết liệt hơn. Đó là kháng chiến chống Mĩ mà cả ba miền Nam, Trung, Bắc cùng nhau góp sức chung vai gánh vác: nông dân thi đua sản xuất lúa gạo để nuôi quân, công nhân cùng nhau chế tạo vũ khí, tầng lớp trí thức cùng góp phần không nhỏ. Nhân dân từ người Kinh đến người Thượng, từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bằng đến rừng núi xem nhau như anh em một nhà, người này ngã xuống, kẻ khác đứng lên quyết tâm chống giặc. Cả nước tham gia kháng chiến và chiến dịch Hồ Chí Minh vĩ đại thắng lợi vẻ vang, thống nhất đất nước.

BÀI SỐ 94: Chứng minh nội dung câu tục ngữ: “Cổ công mài sắt có ngày nên kim”.

Bài làm

Ta không thể quên một người rất nghèo, đi ở chăn trâu cho phú ông. Phú ông nuôi riêng thầy dạy học cho các con mình. Người chăn trâu ấy nhìn mà thêm cái chữ nghĩa nhưng chỉ dám học vụng, học trộm mà thôi. Đó chính là Nguyễn Hiền, người làng Dương Miện, tỉnh Hà Nam, sống vào đời vua Trần Thái Tông, khoảng thế kỉ XIII. Ông đã kiên nhẫn, chịu khó học tập không lúc nào ngừng nghỉ: học trên lưng trâu, học bên cối xay lúa trong lúc giã gạo cho chủ... Hiền thường nói với mẹ: “Mặt đất dưới chân con là giấy, cành cây trên đầu là bút của con!”. Nhờ chăm chỉ, kiên trì học tập, Nguyễn Hiền đã đỗ Trạng nguyên ngay lúc còn là một chú bé tóc để trái đào. Rồi ông trạng “Văn hay chữ tốt” Cao Bá Quát từng là một người “gieo vạ” cho dân khi ông được nhờ viết đơn gửi quan mà chữ không đọc nổi. Kiên trì rèn luyện, từ chỗ không ai đọc nổi chữ ông viết, ông đã trở thành người nổi tiếp đời đời về tấm gương khổ luyện thành tài. Sau mỗi mùa thi, bạn có thấy những cái tên, những con người được nhắc đến với lòng ngưỡng mộ khi họ trở thành thủ khoa sau mười hai năm mài mài đèn sách không? Mỗi tuần, bạn có thấy một người bước lên bục vinh quang nhận vòng nguyệt quế trong chương trình Đường lên đỉnh Olympia không? Rồi những kì thi quốc tế các môn khoa học tự nhiên, Robocon châu Á... học sinh Việt Nam được vinh danh, được nhắc đến không phải chỉ một lần. Những con người ấy đã gặp nhau trên đỉnh cao vinh quang và đã cùng đi trên những con đường đầy chông gai, thử thách, những con đường rất dài. Đấy chẳng phải họ đã mài sắt để nên kim sao?

BÀI SỐ 95: Chứng minh rằng, nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”.

Hướng dẫn

- Xác định thể loại làm bài: Văn chứng minh.

- Đối tượng cần chứng minh: *nhân dân Việt Nam ta luôn luôn sống theo đạo lí “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”.*

- Chủ đề: *Sự nhớ ơn.*

Lưu ý: Ở đây có hai câu tục ngữ với hình thức tuy khác nhau nhưng bổ sung cho nhau về mặt ý nghĩa:

a. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây:* biết ơn người đã tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ.

b. *Uống nước nhớ nguồn:* biết ơn nguồn cội.

- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trọng tâm trong đề bài:

a. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

+ *Ăn quả* là gì?

- Nghĩa là hưởng thụ thành quả do người khác mang lại.

+ *Kẻ trồng cây* là gì?

- Người tạo ra thành quả cho chúng ta thừa hưởng.

- Nghĩa cả câu (lời khuyên): biết ơn người đã tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ.

b. *Uống nước nhớ nguồn*

+ *Uống nước* là gì?

- Nghĩa là hưởng thụ những giọt nước ngọt lành. Ý chỉ cái lành, cái tốt.

+ *Nhớ nguồn* là gì?

- Biết nhớ ơn tới nguồn cội, tổ tiên, ông bà.

- Nghĩa cả câu (lời khuyên): nhớ ơn đến nguồn cội, tổ tiên của ta khi ta được hưởng những cái tốt, cái lành.

* Tuy là hai câu tục ngữ khác nhau về hình thức nhưng có chung một ý nghĩa, cần giải thích nghĩa ở cả hai câu này gần gũi nhau. Đề cao giá trị, ý nghĩa của hai câu về mặt tinh thần trong cuộc sống của mỗi con người Việt Nam.

Dàn bài

I. Mở bài

- Dẫn dắt: “Trong kho tàng ca dao, tục ngữ của ông cha ta đã đúc kết biết bao kinh nghiệm sống quý báu...”.

- Nêu nội dung của hai câu tục ngữ.
- Trích dẫn hai câu tục ngữ.
- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?)

II. Thân bài

- Từ ngữ liên kết: *Thật vậy, quả đúng như vậy.*
- Lời dẫn.

1. *Giải thích từ ngữ trọng tâm trong câu tục ngữ (Nghĩa đen ⇒ Nghĩa bóng).*

a. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

+ *Ăn quả là gì?*

- Nghĩa là hưởng thụ thành quả do người khác mang lại.

+ *Kẻ trồng cây là gì?*

- Người tạo ra thành quả cho chúng ta thừa hưởng.

- Nghĩa cả câu (lời khuyên): biết ơn người đã tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ.

* Trồng được một cây ăn quả phải mất nhiều năm, lại tốn rất nhiều công sức để vun phân tưới nước, tỉa lá bắt sâu. Cũng giống như người làm ra hạt gạo phải trải qua không biết bao nhiêu cực khổ nhọc nhằn, nào dầm sương giải nắng, nào chân lấm tay bùn, cày bừa cấy gặt,... Ta được ăn trái ngọt, được bát cơm đầy chẳng lẽ ta không nghĩ đến công lao của những người đã đổ mồ hôi ra trồng trọt để ta thừa hưởng hay sao? Ngụ ý câu này khuyên ta nên tỏ lòng biết ơn kẻ đã cứu mang giúp đỡ mình. Một trong những cách đáp đền công ơn đó là ta không được sống ích kỉ, mà sống vì mọi người, cho mọi người.

b. *Uống nước nhớ nguồn*

+ *Uống nước là gì?*

- Nghĩa là hưởng thụ những giọt nước ngọt lành. Ý chỉ cái lành, cái tốt.

+ *Nhớ nguồn là gì?*

- Biết nhớ ơn tới nguồn cội, tổ tiên, ông bà.

- Nghĩa cả câu (lời khuyên): nhớ ơn đến nguồn cội, tổ tiên của ta khi ta được hưởng những cái tốt, cái lành.

* Sông hay suối nào cũng vậy, đều có nguồn xuất phát của nó. Uống nước ta phải nhớ ơn nước đã giúp ta đỡ khát hôm nay. Ngụ ý nói con người ai lại không có tổ tông, nguồn cội. Ta phải nhớ ơn tiên tổ, những đấng đã có công gây dựng nên cơ nghiệp vững chãi cho ta được có mặt ngày nay. Kẻ nào quên ơn của tiên tổ kẻ đó không đáng được làm người.

2. Đưa ra các nguồn dẫn chứng

a. Trong thời đại lịch sử xa xưa

- Trong quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông chất chứa bao mồ hôi, xương máu của các vị anh hùng dân tộc: Hai Bà Trưng, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,... Vì thế đất nước và dân tộc mới có thể bền vững mãi mãi. Từ đó, con cháu đời sau mới được hưởng thái bình, ấm no, hạnh phúc. Bốn phần chúng ta là thế hệ sau phải biết nhớ ơn công lao của các vị anh hùng ấy.

- Bác Hồ bốn ba bao nhiêu năm ở nước ngoài, chịu biết bao cực khổ, gian truân mong muốn tìm ra con đường giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ. Bốn phần chúng ta là học sinh, chúng ta phải luôn khắc cốt ghi tâm câu nói đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại

b. Trong thời đại hiện nay

Ngày 20/11, ngày mà những học sinh trong tà áo trắng thể hiện sự tri ân của mình đối với những người thầy, người cô đã nâng bước cho mình trên con đường tri thức.

- Ngày Quốc giỗ mừng 10 tháng 3 (âm lịch) là ngày mà con cháu Việt Nam hướng về các vị Hùng Vương - cha anh ngày trước đã có công xây dựng và giữ gìn đất nước bền vững. Đây cũng là hành động thể hiện sự nhớ ơn.

- Đảng và Nhà nước ta đề tưởng nhớ sự hi sinh cao cả của các bà mẹ đã cống hiến những người con anh hùng cho Tổ quốc, đã phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", xây cất những căn nhà tình thương tình nghĩa cho các chiến sĩ đã có công với cách mạng. Những điều này thể hiện sự nhớ ơn đến những con người huyền thoại đã hi sinh một phần thân thể của mình cho sự độc lập, tự do của dân tộc.

c. Trong thơ văn

- Uống nước nhớ người đào giếng.

- Uống nước chớ quên người đào mạch.

d. Mở rộng

Lên án, chê trách những kẻ vong ơn bội nghĩa, chỉ biết đến bản thân mình mà quên đi công ơn của những vị cha anh đi trước. Chúng ta cũng có những câu nói thể hiện sự vô ơn:

- Ăn cháo đá bát.

- Có mới nới cũ.

- Có trăng quên đèn.

- Qua cầu rút ván.

III. Kết bài

- Từ ngữ liên kết: *Qua những điều vừa phân tích trên cho ta thấy.*
- Khẳng định lại ý nghĩa của hai câu tục ngữ: Sự nhớ ơn là một trong những đức tính tốt đẹp cần giữ gìn và phát huy.
- Liên hệ bản thân: Bản thân luôn nhớ ơn công lao của các vị anh hùng dân tộc ngày trước, Bác Hồ - vị Cha già vĩ đại của dân tộc Việt Nam, thầy cô và cha mẹ của mình, luôn nỗ lực phấn đấu học giỏi, chăm ngoan để không phụ lòng mọi người.

Đoạn văn

Trải qua hơn bốn ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã phải đương đầu với những kẻ thù xâm lược hung hãn, tàn bạo như Hán, Tống, Minh, Thanh rồi thực dân Pháp, phát xít Nhật và cuối cùng là đế quốc Mĩ. Bao nhiêu người đã ra đi không trở về, xương máu đã đổ xuống để bảo vệ chủ quyền tự do, độc lập cho Tổ quốc. Trên khắp đất nước, đâu đâu cũng có những đền miếu, chùa chiền và đài tưởng niệm để ghi nhớ công ơn của những anh hùng liệt sĩ đã cống hiến và hi sinh cho Tổ quốc. Đền thờ các vua Hùng trên đất tổ Phong Châu, đền thờ Hai Bà Trưng ở Hà Nội, đền thờ Đinh Tiên Hoàng ở Ninh Bình, đền thờ các vị vua đời Trần có công ba lần đánh tan quân Nguyên Mông ở Nam Định; Quảng Ninh, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội, đền Bến Dược ở Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, nghĩa trang Trường Sơn ở Quảng Bình... và hàng ngàn nghĩa trang liệt sĩ quanh năm được nhân dân ta chăm sóc khói nhang với tấm lòng biết ơn vô hạn. Một biểu hiện thiết thực nữa của lòng biết ơn là chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng. Biết bao bà mẹ Việt Nam anh hùng được cả nước tôn vinh, được các cơ quan, đoàn thể, trường học nhận phụng dưỡng để các mẹ yên hưởng tuổi già. Phong trào đền ơn đáp nghĩa nhân rộng khắp nơi. Những ngôi nhà tình nghĩa mọc lên từ miền xuôi cho đến miền ngược. Những đội quân tình nguyện ngày đêm miệt mài đi tìm hài cốt đồng đội ở các chiến trường xưa nơi rừng sâu núi thẳm để quy tập về nghĩa trang liệt sĩ hoặc đưa các anh về với mảnh đất quê hương... Đó là biểu hiện sinh động của đạo lí *Uống nước nhớ nguồn* và *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* của nhân dân ta.

Bài làm 1

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, ca dao tục ngữ thường được xem như một quyển từ điển, chứa đựng trong đó là vô vàn kiến thức bổ ích về đời sống và những kinh nghiệm sống quý báu mà nhân

dân ta đã đổ biết bao xương máu để đúc kết lại. Trong đó, nhớ ơn là một đạo lí được nhân dân ta lưu truyền từ đời này sang đời khác nhằm để răn dạy chúng ta. Và trong muôn vàn câu ca dao, tục ngữ quý báu ấy có hai câu tục ngữ mang ý nghĩa phải biết ơn cội nguồn và những người đã từng giúp đỡ ta, đó là câu “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” và “uống nước nhớ nguồn”. Vậy hai câu tục ngữ trên có ý nghĩa như thế nào?

Thật vậy, để dạy bảo cho con cháu để hiểu một khái niệm trừu tượng, một phẩm chất đạo đức tốt đẹp, ông cha ta thường dùng những từ ngữ, hình ảnh giản dị mà có ý nghĩa sâu sắc trong cuộc sống. Ăn ở đây được hiểu là động tác giữa thức ăn vào miệng, *nhớ* là biết ơn, *kẻ trồng cây* là người đã trồng ra cây có quả ngọt đó. Nghĩa đen của câu này là chúng ta khi ăn một loại trái cây ngon ngọt nào đó, ta phải biết ơn người đã gieo trồng tạo ra quả ngọt cho ta thưởng thức. Uống là động tác đưa nước vào miệng, *nhớ* là biết ơn, *nguồn* là nơi bắt đầu tạo ra dòng nước mát ngọt. Nghĩa đen của câu này là nước mà chúng ta đang dùng là do nguồn nước tạo ra nên chúng ta phải biết ơn nguồn nước. Suy rộng ra nghĩa bóng ở hai câu tục ngữ này đó là ta phải luôn nhớ ơn nguồn cội, tổ tiên và những người đã tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ.

Nhớ ơn - có thể nói đó là một đạo lí, truyền thống tốt đẹp mà dân tộc ta gìn giữ từ rất lâu đời và mỗi con người Việt Nam đều phải có. Trong xã hội ngày nay, sự hoà bình của đất nước, sự độc lập, tự do của dân tộc là do công ơn của Người. Bác Hồ kính yêu, vị Cha già vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người đã bôn ba bao nhiêu năm ở nước ngoài để tìm ra con đường giải phóng dân tộc, hết lòng yêu nước, thương dân nên chúng ta phải luôn “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại”. Ngoài ra, cha mẹ ta cũng là “nguồn cội”, là đấng sinh thành có công ơn to lớn đối với chúng ta nên bốn phận làm con, chúng ta phải luôn hiếu thảo, kính trọng và luôn khắc cốt ghi tâm công lao trời biển của họ. Bên cạnh đó, ta còn có những người thầy, người cô đã truyền đạt những kiến thức bổ ích cho mình và truyền những tình cảm thân thiết cho ta như ruột thịt. Và ngày 20/11 là ngày mà chúng ta thể hiện sự tri ân của mình đến họ một cách đầy thân thương nhất mặc dù đó chỉ là một cành hoa hồng, một tấm thiệp bé nhỏ, những chùm hoa điểm mười cũng là một món quà đầy ý nghĩa, chan chứa tình cảm gần gũi, trong sáng nhưng đã thể hiện sự nhớ ơn của ta dành cho quý thầy cô. Trong thơ văn, đạo lí này cũng được toả sáng qua các câu ca dao, tục ngữ “không thầy đố mày làm nên”, “Công cha như núi Thái Sơn / Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”... Nhưng trái lại với sự nhớ

ơn, ta còn bắt gặp những kẻ sống một cách vô ơn bội nghĩa, phải đi công lao của những người đã mang đến cho mình sự no ấm, hạnh phúc. Đó thật sự là những con người rất đáng chê trách và lên án. Thể hiện cho sự vô ơn này, ta có thể kể đến những câu như “Qua cầu rút ván”, “Ăn cháo đá bát”, “Có trăng quên đèn”, “Có mới nới cũ”,...

Qua các nguồn dẫn chứng trên cho ta thấy một điều, nhớ ơn là một trong những đạo lý tốt đẹp mà nhân dân Việt Nam ta luôn ghi nhớ và làm theo. Riêng bản thân tôi sẽ luôn luôn nhớ ơn công lao của các vị anh hùng dân tộc ngày trước, Bác Hồ - vị cha già vĩ đại của dân tộc Việt Nam, thầy cô và cha mẹ của mình, luôn nỗ lực phấn đấu học giỏi, chăm ngoan để không làm phụ lòng mọi người.

Bài làm 2

Đất nước Việt Nam ta tự hào là một đất nước giàu đẹp có nhiều trang thơ văn lịch sử hào hùng. Và đằng sau những trang thơ văn lịch sử hào hùng đó là những bài học quý giá hoặc kinh nghiệm lâu đời đã được ông cha ta đúc kết và truyền lại qua bao thế hệ bằng những câu tục ngữ, ca dao ngắn gọn nhưng giàu ý nghĩa. Để bày tỏ lòng biết ơn, nhân dân ta thường mượn hai câu tục ngữ “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” và “uống nước nhớ nguồn”. Đây cũng chính là một bài học quý giá mà ông cha ta muốn truyền lại cho thế hệ về sau. Vậy ta phải hiểu hai câu tục ngữ trên một cách đúng đắn ra sao?

Quả đúng như vậy, để con cháu đời sau dễ hiểu ông cha ta thường mượn những hình ảnh gần gũi với cuộc sống để giải thích những đạo lý tốt đẹp muốn gửi gắm. Ăn nghĩa là hưởng thụ, kẻ trồng cây nghĩa là người đã tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ, nhớ là biết ơn, nhớ ơn. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây - hiểu theo nghĩa đen có nghĩa là chúng ta ăn một loại quả ngon ngọt nào đó, ta phải biết nhớ ơn người đã tạo ra loại quả ngọt đó cho ta. Còn trong câu uống nước nhớ nguồn, uống nước có nghĩa là ta uống một thứ nước mát lạnh, nhớ nguồn là chúng ta phải nhớ đến cội nguồn, nơi bắt đầu của nó. Nghĩa cả câu đó là khi ta uống một thứ mát lạnh, trong sạch thì ta phải nhớ đến cội nguồn của nó. Cả hai câu tục ngữ này nếu ta hiểu theo nghĩa sâu xa thì nó như lời khuyên răn, nhắc nhở ta phải luôn biết ơn, tôn thờ, kính trọng những người đi trước, những người đã tạo ra thành quả tốt đẹp cho mình hưởng thụ.

Từ thời xa xưa, con người Việt Nam ta đã có truyền thống quý báu này, như truyền thuyết Thánh Gióng chống giặc Ân xâm lược đầy hào hùng. Bên cạnh đó, ta cũng không thể nào quên được các vua Hùng đã

gây dựng và tạo nên đất nước này, bảo vệ nó vững chắc và hùng mạnh suốt bao nhiêu thế kỉ. Hình ảnh Bác Hồ vĩ đại luôn là hình ảnh đại diện của đất nước Việt Nam giàu đẹp. Suốt một đời, Người đã có nhiều công lao đóng góp to lớn, cống hiến tuổi thanh xuân của mình cho sự phát triển, phồn vinh của đất nước. Dù đi đâu chẳng nữa, Bác vẫn luôn giữ được nét đẹp, phong cách giản dị của người Việt Nam, thông thạo hàng chục thứ tiếng để có thể tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Những vị anh hùng ấy luôn được người đời ghi sâu, nhớ mãi.

Cho đến ngày nay, những vẻ đẹp đó vẫn tồn tại trong trái tim người Việt Nam. Lăng Bác Hồ được xây dựng bằng tất cả tấm lòng của nhân dân để ghi nhớ công ơn của Người dành cho cả dân tộc Việt Nam. Cũng có thể kể đến khi ta nhắc đến lòng nhớ ơn đó là từng gia đình với những tình cảm quý báu như tình mẫu tử, tình bà cháu, tôn thờ tổ tiên và biết ơn họ với tấm lòng thành kính, sâu sắc. Những con đường hiện nay được mang tên những vị anh hùng như Nguyễn Trãi, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Trung Trực,... Tất cả những việc làm đó dù lớn hay nhỏ nhưng đều mang chung một ý nghĩa lớn lao đó là lòng biết ơn sâu sắc.

Ngoài ra trong thơ văn, chúng ta cũng có thể dễ dàng bắt gặp một số câu tục ngữ, ca dao, dân ca thể hiện sự nhớ ơn của những người con đối với công lao trời biển của những đấng sinh thành lòng biết ơn như:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Hay câu nói nổi tiếng của Bác “các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” lời nói của Bác như một lời nhắc nhở con cháu Việt Nam mãi nhớ đến công ơn của các vị cha anh ngày trước.

Thế mà ngày nay, trên báo chí hay kênh truyền hình, tin tức đều xuất hiện rất nhiều bạn trẻ có biểu hiện “ăn cháo đá bát”, “có trăng quên đèn” như chửi cha mắng mẹ, những kẻ ấy đã quên đi công ơn dưỡng dục, sinh thành của họ đối với mình. Sử dụng ma túy, nghiện ngập gây tổn hại đến danh dự của gia đình, dòng họ, tổ tiên. Những hành động đó đều đáng bị phê phán, chê trách và đáng bị tố cáo, xử phạt.

Qua những dẫn chứng trên cho ta thấy, con người Việt Nam luôn luôn sống theo đạo lí “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “uống nước nhớ nguồn”. Qua đó ta có được bài học là phải biết ơn, tôn thờ những vị cha anh ngày trước cũng như những người đã tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ.

BÀI SỐ 96: Em hãy giải thích câu tục ngữ “*Thương người như thể thương thân*”.

Bài làm

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu thương đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. Tình cảm yêu thương con người ấy đã trở thành máu thịt trong mỗi chúng ta. Từ đó hình thành nên lòng nhân ái, tình người bao la. Ông bà ta xưa có dạy:

Thương người như thể thương thân.

Đây là một lời khuyên chí tình, chí nghĩa nhằm nhắc nhở con cháu phải biết yêu thương giúp đỡ người khác như yêu thương chính bản thân mình. Lời nói tự nhiên chân thành ngắn gọn, mà lại chứa chan bao điều giáo huấn. Câu tục ngữ được tách thành hai vế: Một bên là người “*nhân loại*”, một bên là bản thân bởi cách so sánh “*như thể*”. Lời dạy trên muốn nhấn mạnh: Nếu ta thương thân ta như thế nào thì phải thương người xung quanh ta như thế ấy. Thân thể của ta thì ta phải quý trọng, phải chăm sóc. Chỉ một vết trầy xước nhỏ, một chứng đau nhẹ cũng khiến cho ta phải quan tâm lo sợ... cho tấm thân ta. Thấm được cái đau khi mình mắc phải sẽ giúp ta thông cảm với nỗi đau của người khác. Nếu như người chung quanh ta không may gặp khó khăn, hoạn nạn thì ta nên giúp đỡ quan tâm, chăm sóc họ như yêu thương chăm sóc chính bản thân mình. Chúng ta ai cũng hiểu rằng: là người sống trong xã hội, không ai sống lẻ loi, đơn độc được mà phải tập hợp thành đoàn thể, cộng đồng. Trong gia đình ta có mối quan hệ anh em, những người cùng huyết thống, cùng có những kỉ niệm vui buồn bên nhau. Họ chẳng khác nào như chân với tay trong cùng một cơ thể. Do đó khi có ai gặp hoạn nạn khó khăn, mọi người đều nỗ lực quay mặt làm ngơ cho được bởi “*máu chảy ruột mềm*”.

Xa hơn nữa là bạn bè, bà con hàng xóm, những người đã cùng ta “*tối lửa tắt đèn*” có nhau. Tuy không cùng máu mủ nhưng họ lại là người có tình có nghĩa sâu nặng với ta. Những lúc “*trái gió trở trời*”, những khi “*cùng đường bí lối*”, họ đến với ta bằng những tấm lòng chân thành để “*chia ngọt sẻ bùi*”. Tình nghĩa ấy sâu đậm chẳng khác nào anh em một nhà. Vì vậy khi họ không may rơi vào hoàn cảnh khó khăn, lẽ nào ta lại ngoảnh mặt làm ngơ cho đành. Lúc này thái độ “*nhường cơm sẻ áo*”, “*chị ngã em nâng*” là một việc mà ta phải thực hiện tốt. Ngay đến cộng đồng xã hội mà ta đang sống, những người dù ở miền ngược hay miền xuôi, dù nơi rừng núi hay đồng bằng cũng đều là anh em, bởi lẽ họ với ta cùng một dân tộc, có chung một mẹ Âu

Cơ... Chính mối quan hệ gắn bó này tạo nên tình cảm tương thân tương ái giữa con người với con người trong xã hội. Tình cảm ấy đã bao đời nay trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Trải qua những năm tháng kháng chiến gian khổ, gay go cả nước đều chung lòng đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để đi đến thắng lợi vẻ vang. Và cũng đã biết bao lần toàn dân ta đã hưởng ứng tích cực lời kêu gọi *"một miếng khi đói bằng một gói khi no"* của Đảng và Nhà nước ta để quyên góp từ tiền bạc đến thuốc men vật dụng cần thiết chia sẻ nỗi đau với các nạn nhân bị thiên tai lũ lụt. Những việc làm ấy đã thể hiện rất rõ tấm lòng *"Thương người như thể thương thân"* mà ông cha ta đã truyền dạy. Tình cảm cao đẹp ấy là một đạo lí, là một nét đẹp của con người, là nền tảng để xây dựng một xã hội văn minh, hạnh phúc.

Tóm lại, câu tục ngữ đã cho ta một bài học về đạo làm người. Lời dạy ấy mãi vang bên tai ta nhắc nhở ta phải có lòng nhân ái, phải biết thương yêu mọi người xung quanh như thương yêu chính bản thân mình. Phát huy được truyền thống tốt đẹp của ông cha là chúng ta vừa thể hiện nhân cách làm người vừa góp phần xây dựng một đất nước văn minh tiến bộ.

BÀI SỐ 97: Nhân dân ta thường khuyên bảo nhau:

Ai ơi giữ chí cho bền

Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Hãy giải thích ý nghĩa câu ca dao trên.

Bài làm

Ở đời, thường làm công việc gì muốn thành công ta phải bền lòng vững chí. Không vì những lời bàn ra tán vào mà bỏ cuộc hay thay đổi ý kiến của mình. Khi gặp phải khó khăn, ta nên chủ động, bình tĩnh sáng suốt để giải quyết. Để khuyên chúng ta cần phải có nghị lực, giữ vững lập trường trong mọi công việc, ca dao có câu:

Ai ơi giữ chí cho bền

Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Đây là lời kêu gọi, nhắc nhở chân thành: Phải luôn giữ vững ý chí, giữ vững lập trường, không thay đổi; dù cho những người xung quanh có *"xoay lưng"*, *"đổi nền"* thì việc ta, ta cứ làm. Như vậy mới mong công việc ta làm có kết quả. Khi bắt tay vào công việc, ai cũng muốn đạt được thắng lợi. Như vậy ta phải có bản lĩnh, quyết tâm hành động để đạt được mục đích mà mình đề ra. Bất cứ từ việc nhỏ đến việc lớn, từ việc học tập cho đến việc đấu tranh chống giặc, lúc nào và bao

giờ cũng gặp phải khó khăn. Những khó khăn ấy có thể do khách quan hoặc chủ quan đưa đến. Lúc này, khi ta có ý chí vững vàng, có bản lĩnh chắc chắn sẽ vượt qua, hoàn thành thắng lợi công việc. Có quyết tâm, có lập trường vững vàng thì ta không phải phân vân, không bị lung lay trước sự bàn tán, sự tác động của môi trường xung quanh. Dẫu cho mọi người có “xoay hướng” hay “đổi nền” ta cũng mặc. Ta cứ theo hướng mình đã vạch ra mà đi tới. “*Xoay hướng*”, “*đổi nền*” ở đây là muốn nói đến việc xoay chiều đổi hướng đi theo ngã khác, con đường khác - đổi cái nền móng mà mình đã xây dựng. Rõ ràng, nếu hướng đã chọn, nền đã xây đắp rồi mà lại thay đổi thì làm sao xây cất cho hoàn thành được ngôi nhà? Cho nên nếu ai cứ mỗi lần làm việc gì cũng bị tác động bởi những lời bàn tán xung quanh và lại “*đổi nền*”, “*xoay hướng*” thì những con người đó chẳng bao giờ thành đạt cả. Ta hãy nhìn lại những trang sử vàng của dân tộc, có biết bao người anh hùng hào kiệt đã thể hiện ý chí kiên cường, giữ vững lập trường, kiên định đến cùng và đã tạo nên chiến thắng. Rõ nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mĩ vừa qua, dân tộc ta luôn thể hiện rõ ý chí của mình, quyết tâm chiến đấu đến cùng vì độc lập tự do cho đất nước. Có những lúc tình hình cách mạng lâm vào thế nguy nan tưởng chừng như không thể gương dậy nổi, nhưng nhân dân ta vẫn không nản chí ngã lòng, quyết theo Đảng, theo Bác đến cùng và đã giành được thắng lợi vẻ vang. Nếu những lúc lâm nguy như vậy mà cách mạng ta lại “*xoay hướng*”, “*đổi nền*” thì không biết đất nước này sẽ đi đâu, về đâu?

Càng suy ngẫm ta càng thấy được giá trị thiết thực của bài học kinh nghiệm này: Phải giữ vững ý chí, phải có lập trường kiên định thì mới đi đến thành công. Và nên nhớ rằng, mọi lời “*bàn ra tán vào*” của dư luận đôi khi không dựa vào cơ sở khoa học nào, không sát với hoàn cảnh thực tế của ta, nên dễ gây ra rối rắm, làm ta hoang mang, có khi hỏng việc. Điều này ta rất dễ dàng thấy trong quá trình học tập của mình. Biết bao lần làm bài đúng, nghe lời bàn tán sửa lại thành sai. Biết bao lần ta lên kế hoạch học tập cho mình, rồi nghe lời bạn này nói ra, bạn kia nói vào cuối cùng ta không làm được chuyện gì cả.

Tóm lại, bài học về lòng kiên định, ý chí vững bền là một bài học quý, một kinh nghiệm sống rất cần thiết cho mỗi chúng ta. Cho nên câu ca dao trên luôn có tác dụng tốt, nó nhắc nhở ta không được dao động trước những hoàn cảnh khách quan. Hãy luôn nhớ:

*Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.*

BÀI SỐ 98: Nhân dân ta thường nhắc nhở nhau: “*Không thấy đổ mày làm nên*”, nhưng lại có lúc khẳng định: “*Học thầy không tày học bạn*”. Hai câu tục ngữ đó có chỗ nào mâu thuẫn nhau? Ở mỗi câu tục ngữ, có điểm nào còn hạn chế? Theo em nên biểu hiện việc học thầy và học bạn như thế nào là đúng? Hãy chứng minh.

Bài làm 1

Từ xa xưa, nhân dân đã rất coi trọng vai trò của thầy trong công tác giáo dục. Câu ca dao:

Muốn sang thì bắc cầu kiều

Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy.

đã trở thành câu hát quen thuộc của người bình dân ru cho giấc ngủ con thơ. Thầy giáo có vai trò to lớn như thế nên được cả xã hội yêu mến. Tuy nhiên, đánh giá vai trò của người thầy giáo, có những ý kiến khác nhau. Nhân dân ta có câu: “*Không thấy đổ mày làm nên*”, nhưng lại có câu: “*Học thầy không tày học bạn*”. Hai ý kiến đó khác nhau như thế nào? Ở từng câu tục ngữ, có điều nào chưa thỏa đáng? Nên hiểu như thế nào cho đúng. Đó chính là những vấn đề chúng ta cần bàn luận.

Về cơ bản, hai câu tục ngữ trên không mâu thuẫn nhau. Cả hai câu đều nêu lên vai trò to lớn của người thầy giáo, cùng công nhận tác dụng của người thầy đối với việc dạy dỗ, giáo dục học sinh. Muốn hiểu biết, muốn nên người không thể thiếu vai trò của người thầy. Người thầy giáo từ lâu đã được coi là làm một công việc hết sức cao quý là việc “trồng người”, là vẽ lên trên trang giấy trắng của tâm hồn trẻ những bông hoa đẹp, vun đắp và tiếp sức cho những cho những khát vọng vươn tới của tuổi thơ. Người thầy giáo, cô giáo từ lâu đã được coi như là người cha, người mẹ thứ hai của trẻ em, là một trong ba bộ phận giáo dục quan trọng nhất (nhà trường, gia đình và xã hội).

Hai câu tục ngữ có chỗ khác nhau. Nói: “*Không thấy đổ mày làm nên*” là tuyệt đối hóa vai trò và tác dụng của thầy giáo đối với học sinh, điều này chưa thỏa đáng. Đánh rằng, suốt một thời gian dài, từ lúc còn thơ cho đến lúc trưởng thành, làm nên sự nghiệp, mỗi con người đều nhờ có công ơn dạy bảo của nhà trường, của thầy giáo, nhưng một phần là do bản thân mỗi người phát huy nỗ lực, tự thân vận động để tiếp thu cái mới, phát huy sức sáng tạo của mình. Lại có những người cả một đời không được cắp sách đến trường mà vẫn nên người. Tất nhiên điều này thật khó, thật ít thấy ai chưa từng đi học lại làm nên được những việc lớn ngoài sự tự vận động để kiếm sống. Mặt

khác, ngoài tác động của thầy giáo, học sinh còn chịu ảnh hưởng to lớn của hoàn cảnh xung quanh, của gia đình, bạn bè và xã hội.

Nhưng nói “Học thầy không tày học bạn” cũng có chỗ chưa đúng. Nói như thế là hạ thấp vai trò và tác dụng của thầy giáo, đề cao quá đáng vai trò của bạn bè trong học tập. Trong giáo dục, bạn bè chỉ có tác dụng hỗ trợ. Muốn giúp đỡ nhau trong học tập, bạn bè phải cùng phấn đấu học tập và rèn luyện theo nội dung mà thầy giáo đã hướng dẫn. Không được thầy dạy, không biết thì giúp đỡ nhau thế nào được.

Như vậy, học ở thầy vẫn là chủ yếu. Lại rất cần sự nỗ lực của mỗi cá nhân và sự sáng tạo của người học. Nếu không thì khác nào “nước đổ lá khoai” hay là “dàn gảy tai trâu”. Tuy vậy, thời gian học ở trường không nhiều bằng thời gian sống ở ngoài nhà trường, ngoài kiến thức học được ở thầy giáo kiến thức cuộc sống khác nào biển cả mênh mông, học bao nhiêu cũng không đủ. Vì thế, phải mở rộng việc học hỏi: học ở bạn, học ở nhân dân, học trong thực tế. Có như thế, những điều học được ở thầy mới được bổ sung, kiểm nghiệm và đạt kết quả, vận dụng được vào cuộc sống.

Hai câu tục ngữ bổ sung ý nghĩa cho nhau. Một mặt, nhân dân ta đã chỉ cho chúng ta hai địa chỉ tin cậy để học hỏi và học ở thầy và ở bạn, mặt khác khẳng định vai trò to lớn của thầy và sự cần thiết phải học tập ở bạn bè. Để tiếp thu lời khuyên bảo chí tình của nhân dân, chúng ta phải kính trọng và biết ơn thầy giáo đã mở rộng và nâng cao đôi cánh tâm hồn ta, dẫn dắt ta đến kho tàng bí mật của tri thức, đến lâu đài của khoa học. Song một điều không thể thiếu đó là phải khiêm tốn, đoàn kết để học hỏi ở bạn, để giúp đỡ bạn bè. Có như thế, việc học tập của chúng ta mới đạt kết quả tốt đẹp, mới mong giỏi giang để trở thành hữu ích cho cuộc đời chung.

Bài làm 2

Trong nhà trường của chúng ta, người thầy là trung tâm, chủ đạo trong quá trình dạy và rèn luyện, học tập đối với học sinh. Trong khi đó ta coi học sinh có vai trò chủ động tích cực tiếp thu sự giảng dạy của thầy. Coi người thầy là quyết định hết thảy. Tuyệt đối hóa vai trò của người thầy.

Và khi nói: “Học thầy không tày học bạn” lại như hạ thấp vai trò người thầy... Hiểu theo nghĩa nào đó “bạn” như người thầy thứ hai vượt lên người thầy thứ nhất (Không tày học bạn).

Tuy nhiên, xét cho cùng thì cả hai câu tục ngữ này không có mâu thuẫn gì mà chuyển hóa, thúc đẩy lẫn nhau vì cả hai đều xác nhận vai

trò của “dạy” đối với “học”. (Dạy qua trực tiếp là thầy, dạy qua trung gian là bạn).

Vì vậy hai câu tục ngữ có mặt đúng và có mặt chưa thật đúng. Nói cách khác là cả hai câu đặt ra có vấn đề chưa được thỏa đáng.

Đúng là người thầy có vai trò lớn trong sự thành đạt của người học trò. Từ xưa đến nay đã có bao nhiêu minh chứng là người thầy tài giỏi đã tạo ra cho đất nước có những nhân tài kiệt xuất. Như thầy Nguyễn Đắc Bằng của Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Chu Văn An của Phạm Sư Mạnh, Cao Bá Quát, người mà Nguyễn Khuyến đã từng thụ giáo là Hoàng Giáp Phan Văn Nghi... mà trở thành ông nghè Tam Nguyên Yên Đỗ đó sao. Sau này còn bao nhiêu thầy đào tạo ra cả một lớp người cho cách mạng tháng Tám. Và cung cấp cho cuộc kháng chiến bao nhiêu anh tài... mà ở đây chỉ xin điểm một vài thầy. Ví dụ: như các thầy Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp, Tạ Quang Bửu, Dương Quảng Hàm, Hoàng Như Mai...

Người “bạn” với ý nghĩa là bạn tốt, có vai trò bảo ban giúp đỡ lẫn nhau cùng học tập và kết quả nhưng nói “không thầy” thì thật khó chấp nhận!

Thực ra trong sự “làm nên” của người học trò lại còn có biết bao gương sáng do nỗ lực chủ quan mà thành đạt, chỉ xin lấy một thí dụ điển hình như Nguyễn Cảnh Toàn đã bằng con đường tự học là chủ yếu mà trở thành giáo sư, tiến sĩ Toán học nổi tiếng!

Như vậy thành quả trong đời học sinh thật ra có ba yếu tố tác động:

- Thứ nhất là người thầy có vai trò lớn nhất.
- Thứ hai chính là sự nỗ lực bản thân của người học sinh có vai trò rất đặc biệt.

- Thứ ba là người bạn (bạn tốt, giỏi, hay) có ý nghĩa hỗ trợ, bổ sung quan trọng trong sự trưởng thành.

Như vậy cần đánh giá hai câu tục ngữ này sao cho thấu tình đạt lý?

Trước hết cần hiểu và thông cảm với lời nói của người xưa. Đúng là người thầy có vai trò quyết định, nên nhân dân thường dùng lời nói ngắn gọn, hàm súc để rút ra những kinh nghiệm sống và truyền đạt một ý tưởng có tính răn dạy người ta nhấn mạnh một chiều.

Hơn nữa, trong xã hội ngày xưa thì hai câu tục ngữ trên không phải chỉ đề cập duy nhất đến vấn đề dạy “chữ nghĩa, kinh sách” mà còn bao gồm cả việc dạy và học nghề nữa. Thậm chí còn đề cập đến cả phạm vi đạo đức “ý chí lập thân”... Truyện *Lưu Bình Dương Lễ* chẳng phải là một tình bạn đẹp đó sao?

Hiểu như vậy ta có thể chấp nhận hai câu tục ngữ này đều có khía cạnh đúng đắn, nhưng người xưa hay nói quá đi, nhưng nó vẫn bổ sung ý nghĩa cho nhau để đạt tới chân lí.

Thầy có trình độ kiến thức, khoa học cao lại có khả năng sư phạm chắc chắn sẽ dạy cho chúng ta những kiến thức vừa cơ bản vừa phong phú.

Bạn bè của chúng ta chắc chắn có những người tiếp thu nhanh, có kinh nghiệm, có thể hướng dẫn, hỗ trợ thêm cho chúng ta, giúp ta khắc phục những thiếu sót trong học tập, để vững vàng tiến lên.

Tóm lại, hai câu tục ngữ trên tách riêng ra từng câu thì mỗi câu đều có những điểm chưa đúng hoàn toàn, nhìn bề ngoài có vẻ mâu thuẫn với nhau. Nhưng cùng đi với nhau sẽ là lời khuyên đầy đủ, có chân lí, phải coi trọng việc học thầy, lại phải coi trọng việc học bạn, cùng với nỗ lực bản thân.

Từ đó đi đến thái độ phải biết kính thầy, yêu bạn, luôn luôn khiêm tốn học hỏi lẫn nhau.

Như vậy hai câu tục ngữ dạy ta những điều rất bổ ích.

BÀI SỐ 99: Chứng minh câu tục ngữ:

***Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.***
Bài làm

Tình yêu thương đoàn kết là truyền thống cao đẹp của dân tộc Việt Nam. Trong bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước vẻ vang, nhân dân ta đã phát huy tình thương yêu, đoàn kết, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc lâu bền. Bài học về tình thương và đoàn kết đã ăn sâu vào tâm hồn dân tộc. Vì thế, nhân dân ta thường nhắc nhở nhau:

***Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.***

“*Một cây*” chẳng thể nào làm nên núi “*nên non*”, nên rừng. Đó là một sự thật hiển nhiên. Nhưng “*ba cây*”, tượng trưng cho nhiều cây, rừng cây thì có thể tạo nên non, “*nên núi*”, không phải là núi thấp, mà là “*núi cao*”. Từ “*một cây*” đã chuyển thành “*ba cây*”, số lượng đã thay đổi thì chất lượng cũng biến đổi. Nhưng yếu tố quyết định của sự vận động từ “*lượng*” thành “*chất*” là sự “*chụm lại*”, của “*ba cây*” nên mới có hiện tượng thiên nhiên sừng sững “*hòn núi cao*” kia. “*Chụm lại*” là hành động, là biểu hiện tâm lí thể hiện sự hợp lực, đồng lòng, là sự gắn bó đoàn kết. “*Cây*” trong câu tục ngữ được nhân hóa, trở thành

một biểu tượng rất sống động và thấm thía về nhân dân, nói lên tình thương yêu đoàn kết dân tộc. Qua câu tục ngữ nhân dân ta nêu lên bài học quý báu về tinh thần đoàn kết, gắn bó mật thiết với nhau trong cộng đồng dân tộc.

Lịch sử và cuộc sống, thơ văn và thực tế đã có biết bao thí dụ sống động nói về tình đoàn kết dân tộc.

Từ thời xa xưa, với công cụ thô sơ, người Việt đã bạt rừng, lấn biển, đắp đê, đào kênh để làm nên những cánh đồng màu mỡ, xanh tươi:

Việt Nam đất nước ta ơi!

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.

(Nguyễn Đình Thi)

Con đê sông Hồng, sông Thái Bình sừng sững như bức tường thành, dài hàng trăm cây số là kết tinh từ sức mạnh đoàn kết, chung lưng đấu cật của hàng triệu triệu con người ta qua hàng ngàn năm lao động.

Nhờ công ơn của nữ tướng Lê Chân mà có ấp An Biên những năm đầu Công nguyên. Và mồ hôi, xương máu của bao thế hệ "*chùm lại*" mà ta có thành phố cửa biển to đẹp như ngày nay.

Tiếng hô: "*Quyết chiến! Quyết chiến!*" của các bộ lão vang lên khắp điện Diên Hồng thời nhà Trần trong thế kỉ XIII không chỉ biểu thị cho tinh thần yêu nước bất khuất mà còn thể hiện sức mạnh lớn lao của nhân dân Đại Việt quyết chiến quyết thắng quân xâm lược Mông Cổ, như Trần Quốc Tuấn đã nói: "*Vua tôi đồng lòng. Anh em hoà thuận, cả nước góp sức*".

Đoàn kết là sức mạnh. Đoàn kết để chiến thắng ngoại xâm. Đoàn kết để khắc phục khó khăn, phát triển kinh tế. Từ ngày miền Nam giải phóng đến nay, sức lao động của bộ đội và nhân dân đã làm thay đổi bộ mặt Đồng Tháp Mười, vùng đồng cỏi mênh mông đã trở thành vựa lúa Long An.

Công trình thủy điện Hòa Bình, Trị An, đường dây dẫn điện cao thế 500KV Bắc - Nam, xây dựng con đường Trường Sơn cũng như hàng nghìn công trình khác trên mọi miền đất nước hiện nay đã làm sáng tỏ một chân lí vĩ đại: "*... Ba cây chùm lại nên hòn núi cao*".

Em nhớ mãi bài thơ của Bác Hồ nói về sức mạnh đoàn kết, về ý chí, sự hợp sức đồng lòng cho con người niềm vui lớn:

Hòn đá to

Hòn đá nặng

Nhiều người nhắc

Nhắc lên đặng!

Nhân dân ta đã biến lời dạy của Hồ Chủ tịch thành hiện thực:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết .

Thành công, thành công, đại thành công.

Và dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ sức mạnh đoàn kết càng được nhân lên gấp bội, nhân dân ta đã đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất Tổ quốc.

Câu tục ngữ:

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

đã làm cho mỗi chúng ta thêm thấm thía về bài học đoàn kết. Nó thắp sáng niềm tin và lòng tự hào dân tộc trong mỗi con người Việt Nam. Sức mạnh Việt Nam bắt nguồn từ tình yêu thương đoàn kết dân tộc.

BÀI SỐ 100: Em hãy giải thích câu:

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

Bài làm

Trường học là nơi ngày hai buổi ta đến học hỏi ở thầy giáo nhiều điều về kiến thức và lễ nghĩa. Nhưng nếu chỉ học ở trường, ở lớp thôi thì vẫn chưa đủ. Vì trường học, mình nó, chưa đủ luyện cho ta nên người hoàn toàn được. Bởi vậy tục ngữ đã có câu:

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

Câu này khuyên ta nên đi ra ngoài và con đường ta đi cũng có thể là một trường học để dạy ta được. Và tuy đi rất ít – chỉ có một ngày thôi - mà lại học được những một “sàng khôn” nghĩa là được nhiều điều khôn lắm. Khái niệm “sàng” ở đây muốn nói là “nhiều”, là cụ thể hóa sức chứa đựng của cái khôn.

Ta hãy xem xét câu trên có đúng không và đúng thế nào?

Hàng ngày bước chân ra ngoài, ta thấy con đường ta đi phô bày ra một cách tường tận. Dưới con mắt ta muôn vàn cảnh ngộ khác nhau, có thể dạy ta nhiều điều khôn ngoan. Cuộc sống ở đây được phơi bày ra một cách thiết thực với thiên hình vạn trạng của nó. Qua sự giao thiệp, đụng chạm giữa một người mà ta gặp thấy trên đường ta có thể rút được nhiều bài học rất “sống”, đáng làm cho ta suy nghĩ, học tập.

Ta cứ thả bộ trên con đường trước cửa, cho một quãng ngắn thôi, cũng đủ cho ta thấy rõ. Một cậu bé ngã mũ chào một cụ già quen thuộc. Năm ba người xúm vào đẩy một chiếc xe hơi chết máy. Vài chị gánh nước thuê giành giật nhau bên máy nước công cộng. Ở ngã tư đường, một cảnh sát giao thông đang điều khiển giao thông cho xe cộ. Một bà

vui vẻ giúp đỡ ông già mù một ngàn bạc... Đối với ta, đó chẳng phải là những bài học rất thiết thực về sự lễ phép, sự đoàn kết, sự giúp đỡ lẫn nhau, sự cạnh tranh để sống, về luật đi đường, về lòng bác ái, vị tha... là gì? Lại còn biết bao cảnh tượng khác, làm cho ta hoan hỉ hay làm cho ta phải náo lòng đau xót. Mỗi điều ta trông thấy, mỗi điều ta nghe thấy ở ngoài đường là bài học bổ ích về trí dục cũng như đức dục.

Ngoài cái ý nghĩa trên đây, câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” còn muốn khuyên ta nên đi ra ngoài, đi đây, đi đó để học hỏi thêm những điều mới lạ bổ ích cho kiến thức của ta. Ta không tự mãn với sự hiểu biết của ta qua sách vở nhà trường, mà bung tai bịt mắt trước vô số những điều hay, điều lạ ở bốn phương.

Con người suốt ngày, suốt năm cứ ru rú giữa bốn bức tường đến khi bước ra ngoài trở nên vụng về, ngớ ngẩn biết bao! Người ấy đâu có biết được những phong cảnh đẹp của đất nước sông núi, những di tích lịch sử gợi hồn dân tộc? “Đi” không phải là chỉ mê mải với những nơi thắng cảnh mà phải qua những miền rừng núi cũng như đồng quê, qua đô thị cũng như miền bể.

Trong khi đi, ta để mắt tìm tòi, quan sát, so sánh những điều ta thấy với những điều học ở trường. Ta thăm viếng những miền quê lạ, tìm hiểu cách sinh hoạt của đồng bào, ghi chép những điều mới lạ... Như thế cái đi của ta mới có ích.

Nếu trong khi đi mà ta tìm thấy được nhiều điều bổ ích thì trái lại, ta cũng có thể chứng kiến những việc có thể làm cho ta phải suy nghĩ. Là vì bên cạnh sự đoàn kết, bác ái, cần lao, đôi khi ta còn thấy những cảnh giành giật, lãnh đạm phi lí, có thể làm cho ta nghi ngờ, chán nản, hoặc cảm dỗ ta vào con đường xấu xa. Bởi vậy muốn học điều “khôn” khi đi ra ngoài phải biết sáng suốt xem xét, học hỏi, phân biệt cái đẹp với cái xấu, cái hay với cái dở. Có thế thì việc đi của ta mới là bổ ích, khỏi mất thì giờ và tốn tiền, tốn bạc.

BÀI SỐ 101: Giải thích câu: *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.*

Bài làm

Ta hãy nhìn bạn ta, một học sinh, chỗ nào cũng có mực: tay chân, quần áo, sách vở, có khi đầy cả mặt mũi nữa. Bạn học sinh đã bị vấy mực lem nhem, vì hàng ngày phải dùng đến mực. Dù khéo léo đến đâu, dù sạch sẽ thế nào cũng không tránh khỏi vết mực, chẳng nhiều thì ít.

Buổi tối, khi muốn đọc sách, ta phải đem lại bên đèn, chỗ đó có nhiều ánh sáng, dễ đọc hơn. Đèn đặt chỗ nào, ánh sáng tỏa ra chỗ đó,

soi rõ mọi vật chung quanh. Trái lại, càng xa đèn bao nhiêu, càng tối bấy nhiêu. Bởi thế, ta có câu tục ngữ rất xác đáng:

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.

Nhưng câu tục ngữ này không phải chỉ khuyên ta đừng gần mực để bị đen tay, hay nên gần đèn để được nhiều ánh sáng. Thâm ý của cổ nhân là muốn khuyên ta rằng: gần người hay, ta cũng được hay, gần kẻ dở ta cũng hóa dở.

Thực vậy, nếu ta gần người xấu xa hiểm độc, thì rồi có ngày bản tính ta cũng thay đổi giống như kẻ kia, chẳng khác gì khi ta gần mực, để bị mực bôi bẩn ra người.

Trái lại, nếu ta kết bạn với người hay thì chẳng mấy lúc mà ta cũng học được nhiều những điều hay, nếu tốt, cũng như khi ta gần đèn thì được hưởng nhiều ánh sáng của đèn.

Ảnh hưởng xấu, tốt đó là vì đâu? Đó là bởi tính hay bất chước của con người. Nhất là khi tuổi ta còn trẻ, kinh nghiệm ta còn ít, nên dễ a dua, đua đòi chúng bạn, không phân biệt được đâu là hay, đâu là dở.

Tuổi thanh thiếu niên chúng ta lại càng hay bắt chước, giàu lòng tự ái và thường ganh đua, thành thử hay đua nhau làm điều xấu. Cho nên ta cần phải thận trọng trong việc kén bạn.

Ở nhà là đứa con bất hiếu, hỗn láo với cha mẹ, anh học trò phản lại thầy, viên chức tham ô, kẻ bán nước hai dân... đều là những kẻ chẳng còn nhân phẩm, để lại tiếng xấu cho đời, vết nhơ cho gia tộc.

Trái lại, có người đem của cải làm công việc thiện, sống ngay thẳng chính trực, làm ích nước, lợi dân, hay những vị anh hùng hi sinh cho Tổ quốc những người ấy dù không còn sống nữa, xóm làng, dân tộc, cũng vẫn hết lòng nhắc nhở, chẳng cần khắc đá, ghi bia.

Chúng ta ngày nay còn nhỏ, phải tập làm những điều hay, tránh những điều dở. Hãy trọng dư luận chung quanh; đừng coi thường những lời phê bình của họ. Nếu ta giẫm trên dư luận mà làm càn, làm bậy thì ta nhắm mắt cũng không yên, đã chết rồi mà tiếng xấu của đời vẫn còn đeo đẳng mãi.

BÀI SỐ 102: Dân gian ta có câu tục ngữ: *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*. Nhưng có người lại bảo: *Gần mực chưa chắc đã đen, gần đèn chưa chắc đã rạng*. Hãy viết một bài văn chứng minh thuyết phục bạn ấy theo ý kiến của em.

Dàn bài

I. Mở bài.

- Giới thiệu câu tục ngữ.
- Khái quát nội dung câu tục ngữ.
- Dẫn dắt đến ý kiến.

II. Thân bài

- + Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ:
 - Nghĩa đen.
 - Nghĩa bóng.
 - Ý nghĩa khái quát của câu tục ngữ.
- + Khẳng định tính đúng đắn của câu tục ngữ bằng việc đưa ra các dẫn chứng trong thực tế mà em biết.
 - + Mở rộng câu tục ngữ.
 - Câu tục ngữ là một chân lí nhưng còn mang tính cực đoan.
 - Cũng có những trường hợp: Gần mực chưa chắc đã đen, gần đèn chưa chắc đã rạng.
 - Câu tục ngữ chỉ đúng với những người luôn có ý thức học hỏi:
 - + Về ý kiến mà bạn đã nêu, có thể khẳng định: ý kiến đó tuy có phần đúng nhưng không thể khẳng định tuyệt đối như vậy được.

III. Kết bài

Tán thành phần đúng trong ý kiến mà bạn nọ đã nêu. Nhưng cần khẳng định tin đúng đắn theo hướng thuận chiều của câu tục ngữ, bởi đó là một chân lí đã được thực tế chứng minh.

Bài làm

Môi trường sống có ảnh hưởng rất nhiều đến sự hình thành nhân cách của con người. Các mối quan hệ gia đình, bạn bè, hàng xóm... đều tác động tới mỗi cá nhân. Điều đó đã được cha ông ta đúc kết qua câu tục ngữ: “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”.

Để nêu lên một bài học hoặc một kinh nghiệm nào đó trong cuộc sống, ông cha ta thường mượn hình ảnh của sự vật có liên quan đến con người để thể hiện ý của mình. Mực có màu đen (Ngày xưa mực Tàu được đúc thành thỏi, khi dùng thì đem mài với nước, lấy bút lông chấm vào mực để viết chữ Hán, nếu sơ ý bị mực dây vào chân tay, quần áo thì khó tẩy sạch). Từ thực tế đó, người xưa mượn mực để ám chỉ những cái xấu xa. Còn đèn là vật phát ra ánh sáng. Đến gần đèn, ta sẽ được soi sáng. Cho nên đèn tượng trưng cho điều tốt đẹp, sáng sủa. Mượn hai hình ảnh tương phản nhau là mực và đèn, câu tục ngữ ngầm nhắc nhở: Nếu giao du với hạng người xấu, ta sẽ bị nhiễm thói hư tật xấu; nếu ta kết bạn với những người tốt thì ta sẽ học tập được nhiều điều hay, điều tốt.

Quan sát thực tế cuộc sống hằng ngày xảy ra xung quanh, ta sẽ thấy ý nghĩa của câu tục ngữ trên là đúng.

Xét trong phạm vi gia đình thì cha mẹ, anh chị là tấm gương để cho con em noi theo. Nếu cha mẹ hòa thuận và coi trọng việc giáo dục con cái, anh em yêu thương nhau thì đó là gia đình hạnh phúc, sẽ có được những đứa con ngoan ngoãn, hiếu thảo, giỏi giang. Ngược lại, nếu cha mẹ lục đục, anh em bất hòa thì chắc chắn con cái sẽ hư hỏng, khó nên người.

Trong xã hội, nếu tiếp xúc thường xuyên với những đối tượng xấu xa, lừa đảo cướp giật, chà đạp lên nhau để sống thì một ngày nào đó, ta sẽ bị tiêm nhiễm thói hư tật xấu. Người xưa đã khẳng định: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài* và có lời khuyên chí lí:

Thói thường gần mực thì đen

Anh em bạn hữu phải nên chọn người.

Đối với lứa tuổi học sinh, việc kết bạn là hết sức quan trọng. Nếu chơi với những bạn chăm ngoan, học giỏi, lễ phép, biết kính trên nhường dưới... thì chúng ta sẽ học tập được những đức tính tốt và sẽ trở thành người tốt. Bạn bè sẽ giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ.

Ý nghĩa của câu tục ngữ trên từ lâu nay đã được công nhận nhưng trong một lần tranh luận ở lớp, bạn em lại cho rằng: *Gần mực chưa chắc đã đen, gần đèn chưa chắc đã rạng*. Ngẫm nghĩ kĩ, em thấy ý kiến của bạn ấy phần nào có lí, song không phải vì thế mà giá trị của câu tục ngữ bị phủ nhận.

Quả thật, yếu tố con người, ý chí, nghị lực vô cùng quan trọng. Nếu làm chủ được bản thân, có ý chí, lập trường; quan điểm vững vàng thì chúng ta khó bị tha hóa bởi cái xấu.

Sống trong môi trường không tốt mà con người vẫn giữ được nhân cách trong sáng thì cũng giống như hoa sen nở trên đầm lầy vẫn tỏa ngát hương thơm. Xung quanh ta có rất nhiều tấm gương như vậy. Nhà tình báo Vũ Ngọc Nhạ suốt mấy chục năm sống ngay trong hang ổ quân thù là bè lũ bán nước Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu và chính phủ ngụy quyền Sài Gòn, tay sai của đế quốc Mỹ xâm lược vậy mà "ông cố vấn" vẫn nguyên vẹn là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, mưu trí và dũng cảm. Ông đã vượt qua vô vàn thử thách, hiểm nguy để theo đuổi đến cùng lí tưởng cách mạng, góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Gần gũi hơn, quen thuộc hơn là gương sáng của các bạn nhỏ nhà nghèo mà hiếu học. Có bạn ngày ngày vượt hàng chục cây số đèo dốc,

rừng núi đến trường. Có bạn mồ côi cha mẹ, sống cơ cực, thiếu thốn trăm bề vẫn phấn đấu vượt lên hoàn cảnh để học tốt, học giỏi. Không ít những anh chị sinh viên vừa làm vừa học, vừa rèn luyện bản lĩnh để vững vàng bước vào đời... Điều đáng nể phục là họ đã chiến thắng hoàn cảnh và chiến thắng được chính mình.

Ngược lại, có những người hoàn cảnh sống hoàn toàn thuận lợi, tốt đẹp nhưng bản thân lại chẳng ra gì. Sinh ra trong gia đình giàu sang, thừa thãi bạc tiền, danh vọng, họ không phải lo lắng, bươn chải để mưu sinh mà chỉ việc học cho tốt, sống cho tốt. Thế nhưng họ lại sớm sa ngã bởi những thú ăn chơi sa đọa như tiêu xài hoang phí, nay vũ trường, mai quán rượu, rồi hút chích ma túy, điên cuồng đua xe gây tai nạn trên đường phố. Như vậy là họ đã tự nhuộm đen nhân cách của mình.

Ngày nay, trong xã hội tốt đẹp mà chúng ta đang sống, vẫn còn một số người vì nhắm mắt chạy theo đồng tiền để thỏa mãn những dục vọng vật chất mà đánh mất đạo đức, nhân cách, thậm chí mất cả sự nghiệp. Vì vậy, trong quan hệ ta phải thận trọng, sáng suốt để không phải ân hận về sau.

Tuy vậy, đối với người chưa tốt, không phải chúng ta một mực xa lánh họ để họ buông xuôi trước cái xấu. Những năm gần đây, vòng tay nhân ái của cộng đồng đã cứu mang nhiều số phận lỡ bước sa chân vào con đường tăm tối của các tệ nạn, giúp họ trở về cuộc sống lương thiện, thành người hữu ích cho xã hội.

Câu tục ngữ *Gần mực thì đen gần đèn thì rạng* là một lời khuyên thiết thực và bổ ích. Ta cũng rút ra từ đó bài học bổ ích cho bản thân là hãy không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong để có được một quan điểm sống lành mạnh, đúng đắn. Hãy tránh xa bóng tối của những cám dỗ xấu xa; chọn bạn tốt mà chơi để học tập và phấn đấu trở thành con ngoan trò giỏi. *Gần đèn* để được soi sáng là điều cần thiết nhưng ngọn đèn sáng nhất vẫn là ngọn đèn tỏa chiếu từ chính tâm hồn mình.

BÀI SỐ 103: Trường em tổ chức một cuộc thi giải thích các câu tục ngữ. Để tham gia cuộc thi đó, em hãy chọn một câu tục ngữ mình tâm đắc và giải thích nó.

Giải thích câu tục ngữ:

*Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

Dàn bài

1. Mở bài

- Lời nói là công cụ giao tiếp.
- Ông cha ta khuyên bảo mọi người về cách sử dụng lời nói sao cho có hiệu quả.

2. Thân bài

- Lời nói phản ánh trình độ hiểu biết, tư cách đạo đức, tính tình của mỗi con người cụ thể. Lời nói vừa lòng là những lời lẽ lịch sự, tế nhị.
- Để đạt được hiệu quả giao tiếp, ta phải tùy từng đối tượng, hoàn cảnh mà vận dụng lời nói cho phù hợp.
- Muốn có khả năng dùng lời nói đẹp, cần có quá trình học tập, rèn luyện thường xuyên, lâu dài.
- Tuy nhiên cũng cần tránh hiện tượng dùng những lời nói ngon ngọt để nịnh hót, lấy lòng.

3. Kết bài.

- Mỗi người phải biết *nói lời đúng, nói lời hay.*

Bài làm

Lời nói là phương tiện để con người trao đổi tư tưởng, tình cảm và kinh nghiệm với nhau (bao gồm cả kinh nghiệm xử thế, lao động sản xuất, học tập...). Vì thế, nó có giá trị đặc biệt trong đời sống. Để khuyên bảo mọi người cách nói năng sao cho đạt hiệu quả cao nhất trong giao tiếp, ông cha ta đã từng căn dặn:

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Trong cuộc sống hằng ngày, con người thường xuyên phải dùng ngôn ngữ làm phương tiện giao tiếp. Nếu biết lựa chọn lời nói thích hợp thì mọi người sẽ hiểu nhau hơn, công việc sẽ thuận lợi hơn, kết quả sẽ cao hơn. Mỗi người bình thường đều có khả năng nói lên mọi điều nhưng có lời hay, lời đẹp mà cũng có lời thô, lời vụng. *Chim khôn hót tiếng rảnh rang, Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.* Ta có thể lựa chọn được lời nói tùy theo ý định và trình độ văn hóa của mình. Ông cha ta hình dung lời nói như một thứ công cụ dễ kiếm, dễ chọn trong tầm tay của mọi người. Nếu chọn đúng, lời nói sẽ tạo hiệu quả lớn, còn lựa sai, thì lời nói sẽ làm *mất lòng nhau.*

Hiệu quả của lời nói đẹp là làm *vừa lòng nhau.* Lời nói đẹp tạo ra sự cảm thông, sự ăn ý và hiểu biết lẫn nhau. Đó là cơ sở để con người đạt được mục đích trong giao tiếp. Để cho *vừa lòng nhau*, cần

phải biết lựa chọn lời nói thích hợp với đối tượng, với hoàn cảnh, với sắc thái tình cảm.

Cùng nói về một hiện tượng là cái chết nhưng có rất nhiều cách diễn đạt khác nhau: sư già đã *viên tịch*, người chiến sĩ *đã anh dũng hy sinh* vì Tổ quốc; ông cụ mới *khuất núi*... Người có văn hóa khi giao tiếp thường biết lựa chọn cách nói thích hợp. Một lời nói *thích hợp* làm cho quan hệ thêm tốt đẹp và việc làm thêm hiệu quả. Một lời nói hớ hênh, vô ý sẽ làm hỏng hết mọi dự định. Chọn được những lời nói thích hợp chính là ta đã làm tốt việc lựa lời. *Chuyện đời*.

Nhưng để có khả năng *lựa lời*, chúng ta phải học tập, rèn luyện liên tục, lâu dài. Ông cha ta đã từng để lại rất nhiều *điển tích* về sự cần trọng trong cách nói năng của con người: *Ăn ở phải ngay, nói phải ngay; Học ăn, học nói, học gói, học mở*...

Tuy chú ý đến việc *lựa lời* để đạt được hiệu quả trong giao tiếp nhưng người xưa không bao giờ cho rằng mục đích giao tiếp chỉ là *đạt được điều mình muốn* mà còn phải *đúng đạo*.

Cần phải chọn lời nói thích hợp, nhưng *đúng đạo* chứ không phải chỉ quan tâm đến sự đồng tình của người nghe, bởi vì *đúng đạo* khi nói *thật mất lòng*. Một lời nói êm tai, nhẹ nhàng nhưng *giáo điều* thì không thể coi là một hành vi giáo tiếp đúng đắn. *Nói thật, nói thẳng* qua *nói thật*, lời nói thích hợp trước hết phải là lời nói *thật*, *thực*, đó là lời nói đẹp.

Lời nói là công cụ giao tiếp, lời nói thể hiện phẩm chất trình độ của mỗi con người. Biết dùng lời nói thích hợp sẽ *tạo được hiệu quả* tốt trong giao tiếp. Vì vậy, chúng ta cần phải tự rèn luyện *cách nói* để nâng văn minh, lịch sự để đạt được mục đích như mong muốn.

BÀI SỐ 104: Nhân dân ta thường nói: “Có chí thì nên” Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

Hướng dẫn

- Xác định thể loại làm bài: Văn chứng minh.
- Đối tượng cần chứng minh: *Tính đúng đắn của câu tục ngữ “Có chí thì nên”*.
- Chủ đề: *kiên trì, vượt khó*.
- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trong *tâm trạng* để *bắt đầu*.
- + *Chí là gì?* (Là ý muốn bền bỉ theo đuổi một mục đích hoặc điều gì tốt đẹp).
- + *Nên là gì?* (Là thành ra được, là kết quả cuối cùng).

lời, chỉ có **chí** thì nên nghĩa là như thế nào? (Bền chí ắt có ngày sẽ tạo dựng nên những việc lớn mà mình hằng ao ước).

đoạn cuối của bài có ghi là **Dàn bài**

ý của **I. Mở bài** là nói đến

giáo sư **Dẫn dắt** "Trong kho tàng ca dao, tục ngữ của ông cha ta đã đúc kết **biết bao kinh nghiệm sống quý báu...**"

lời nói **Nội dung** câu tục ngữ.

lời nói **Trích dẫn** câu tục ngữ.

- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?), đặt học sinh

vấn đề **II. Thân bài** nhiều lần

lời nói **Từ ngữ liên kết** *Thật vậy, Quả đúng như vậy.*

- Lời dẫn.

quét **Giải thích** từ ngữ *trong tâm trong câu tục ngữ* (Nghĩa đen $\Rightarrow$ Nghĩa bóng) từ nghĩa đen

+ **Chí** là gì?

lời nói **Là ý muốn bền bỉ** theo đuổi một mục đích, hoặc điều gì tốt đẹp.

lời nói **Nếu là gì?** ý nói

không **Là thành quả** được, là kết quả cuối cùng.

ý nói **Có chí thì nên** nghĩa là như thế nào?

ý nói **Bền chí ắt có ngày** sẽ tạo dựng nên những việc lớn mà mình hằng ao ước.

ý nói **Nghĩa cả câu** (dời khuyên): Người không có ý chí thì không thể làm nên được việc gì. Vì vậy, người đời ai cũng phải biết lập chí. Lập chí **đây là do** nên luyện cho mình ý chí tự lập, cố vươn lên mà không nhờ cậy vào sự giúp đỡ, tiếp tay của một cá nhân nào, thế lực nào. Trong những công việc mà mình đang thực hiện, nếu có sự bền chí, ắt **ngày nào đó** mình sẽ thành công.

2. Đưa ra các nguồn dẫn chứng

a: Trong thời đại lịch sử xa xưa

- Nguyễn Hiền, đỗ Trạng Nguyên năm 12 tuổi là nhờ vào lòng quyết tâm, bền chí trong việc tự học mà thành tài.

- Cao Bá Quát, từ một người viết chữ không đọc được đến chỗ kiên trì, rèn luyện mà chữ viết đã được cải thiện và tên tuổi Cao Bá Quát **vẫn** lưu giữ đến nay nổi tiếng khắp vùng.

ý nói **Trong thời đại hiện nay**

- Thầy Nguyễn Ngọc Ký bị liệt hai tay từ nhỏ nhưng vẫn quyết tâm, nhẫn nại luyện viết chữ bằng chân của mình và ông đã thành

công, trở thành một tấm gương sáng muôn đời về ý chí, về nghị lực vượt qua nghịch cảnh.

- Giáo sư Ngô Bảo-Châu với sự kiên trì nghiên cứu Toán học và cuối cùng cũng đã mang vinh dự về cho nước nhà Việt Nam thân yêu cùng với giải thưởng Fiels danh giá.

c. Trong thơ văn.

- Có công mài sắt có ngày nên kim.

- Thất bại là mẹ thành công.

- Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên. (Bác Hồ)

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

- Nước chảy đá mòn.

III. Kết bài

- Từ ngữ liên kết: *Qua những điều vừa phân tích trên cho ta thấy,*

- Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ: Trong bất cứ công việc nào nếu ta có sự kiên trì, bền chí sẽ thành công tất cả.

- Liên hệ bản thân: Luôn phấn đấu, nỗ lực, quyết tâm nhiều hơn trong học tập và trong cuộc sống.

Bài làm 1

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam, ta nhận thấy có một lượng tri thức khổng lồ những kinh nghiệm sống quý báu, những kiến thức có giá trị đã được ông cha ta đúc kết thành những câu nói ngắn gọn. Trong đó, có những câu tục ngữ, ca dao nói về lòng kiên trì, nhẫn nại, vượt khó của nhân dân ta. Câu tục ngữ thể hiện điều này không khác hơn chính là câu "Có chí thì nên". Vậy câu tục ngữ trên có ý nghĩa như thế nào?

Thật vậy, để dạy bảo cho con cháu đời sau để hiểu một khái niệm trừu tượng, một phẩm chất đạo đức quý báu, ông cha ta đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh sinh động, giàu ý nghĩa. "Chí" ở đây có nghĩa là ý chí, sự kiên trì, quyết tâm phấn đấu của mình; "nên" ở đây có thể hiểu là kết quả, là thành công mỹ mãn. "Có chí thì nên" mang một lời khuyên rất chân thật, đó là nó khuyên chúng ta phải có kiên trì, quyết tâm, nỗ lực phấn đấu thì mới thành công trong tất cả mọi việc.

Trong kho tàng lịch sử xa xưa luôn tồn tại những con người có ý chí quyết tâm rất bền bỉ như Lê Lợi, Quang Trung, Hai Bà Trưng,... Nếu như họ không kiên chí kiên định trong việc đánh đuổi giặc thù, thì liệu họ có mang về cho nước nhà Đại Việt sự độc lập, tự do một cách vẻ vang hay không?

Ngoài ra, trong xã hội ngày nay cũng có không ít những tấm gương sáng ngời về ý chí, về sự quyết tâm kiên định trong mọi việc như: thầy Nguyễn Ngọc Ký tuy đã bị liệt hai tay từ bé nhưng nhờ sự nỗ lực của bản thân, thầy tự rèn luyện viết chữ bằng đôi chân của mình mà giờ đây thầy đã là một giáo viên ưu tú, là tấm gương nghị lực phi thường cho mọi người xung quanh noi theo. Hay như, trong lớp học có vài bạn học tập tuy kém, nhưng nhờ có sự phấn đấu vươn lên, quyết tâm vượt qua hoàn cảnh khó khăn mà các bạn đã có sự tiến bộ vượt bậc đáng nể.

Bên cạnh đó, ta còn nhận thấy trong biến cả thơ văn cũng có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ, bài thơ,... chứa đựng nội dung tương tự như câu tục ngữ “Có chí thì nên” như: “Thất bại là mẹ thành công”, “Có công mài sắt có ngày nên kim”, hay như bài thơ của Bác Hồ:

Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đăm đăm và lập biển

Quyết chí ắt làm nên.

Tất cả những câu tục ngữ và bài thơ trên đều có chung một ý nghĩa là khuyên ta hãy luôn bền chí, kiên tâm khi làm bất cứ việc gì thì mọi việc sẽ thành công trong tương lai.

Mặt khác, vẫn còn rất nhiều người chỉ mới thấy khó khăn một chút trong công việc hay học tập thì đã chán nản, nhụt chí. Những suy nghĩ tiêu cực ấy rồi sẽ làm cho họ từ bỏ công việc đang làm hay lớn hơn nữa đó chính là ước mơ, hoài bão của mình sẽ bị chôn vùi vào sự tiêu cực ấy. Không chỉ vậy, khi bạn đã từ bỏ mọi việc sẽ dễ dẫn đến sự chán ghét bản thân và cuối cùng họ sẽ trở thành gánh nặng của gia đình và xã hội.

Qua những điều chúng ta vừa phân tích ở trên đã cho thấy, nếu ta kiên trì, bền chí, có một lòng quyết tâm vững vàng thì dù công việc ấy có khó khăn đến đâu chẳng nữa cũng không thể cản bước bạn đi đến con đường thành công. Riêng bản thân tôi đã tự rút ra cho mình một bài học đó là không nên từ bỏ việc mình đang làm dù cho khó khăn đến đâu, chỉ cần cố gắng, nỗ lực, phấn đấu sẽ đạt được thành tựu như mình hằng mong ước.

Bài làm 2

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam có thể nói tục ngữ được xem như là một cuốn sách “bách khoa toàn thư” chứa đựng trong đó là vô vàn tri thức sống và những kinh nghiệm quý báu được nhân dân ta đúc kết quả cả ngàn năm. Sống là phải biết vượt qua khó khăn, hoạn nạn thì mới thành công được. Với ý nghĩa đó, có một câu tục ngữ đã thể hiện được nếu có ý chí, quyết tâm thì sẽ vượt qua được tất cả. Đó là câu tục ngữ “có chí thì nên”. Vậy ta phải hiểu câu tục ngữ này ra sao?

Thật vậy, để dạy bảo cho con cháu đời sau để hiểu một khái niệm trừu tượng, một phẩm chất đạo đức cao quý, ông cha ta thường dùng những từ ngữ, hình ảnh giản dị mà sâu sắc trong cuộc sống. Vậy thế nào là có chí thì nên? “Có chí” là có ý chí, nghị lực hướng đến một mục đích mà mình đề ra để giúp ích cho tương lai của mình. “Thì nên” là thành công, mong muốn của mình đã đạt được. “Có chí thì nên” có ý nghĩa là nếu mình có chí hướng đến mục đích mà mình đề ra và cố gắng thực hiện tốt thì mai sau chúng ta sẽ thành công. Con đường đời rất dài, gian nan, mọi khó khăn, nguy hiểm luôn rình rập xung quanh chúng ta. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng vươn lên, không chùn bước, không đầu hàng trước khó khăn thì chúng ta sẽ thành công.

Trong thời đại lịch sử xa xưa, chúng ta dễ dàng bắt gặp những tấm gương vượt khó và đã thành tài, như Trạng nguyên Nguyễn Hiền - đỗ Trạng nguyên chỉ mới 12 tuổi và là vị Trạng nguyên trẻ tuổi nhất của Việt Nam ta ngày xưa. Vì nhà nghèo nên cậu không được đến trường như bao bạn đồng trang lứa. Hàng ngày, cậu đi ra đồng chăn trâu. Rảnh rỗi, cậu lại ghé qua lớp học của một thầy giáo dạy trong làng. Thầy giáo dạy đến đâu cậu đều nhắm theo và thuộc đến đấy. Khi kiểm tra, cậu lấy lá chuối viết lên đó và nhờ thầy chấm điểm. Nhờ ý chí quyết tâm vươn lên, tinh thần ham học đã thôi thúc cậu phải cố gắng hơn nữa và cuối cùng cậu cũng đã thi đỗ Trạng nguyên. Hay như ông Cao Bá Quát - một người viết chữ rất xấu. Ông đã gieo vạ cho dân khi được một bà lão nhờ viết lá đơn trình lên quan. Vì chữ quá xấu, quan đọc không được đành phải trả lại. Từ đó, ngày nào Cao Bá Quát cũng chăm chỉ rèn luyện viết chữ cho đẹp. Nhờ ý chí quyết tâm ấy, ông đã trở thành người nổi tiếng về viết chữ đẹp, là một tấm gương kiên trì, vượt khó rất xứng đáng cho mọi người noi theo.

Trong xã hội ngày nay, cũng có nhiều tấm gương vượt qua số phận, nhắc đến những người giàu nghị lực, kiên trì, nhẫn nại, chịu khó chúng ta không thể không kể đến thầy Nguyễn Ngọc Ký. Tuy đã

liệt cả đôi tay nhưng với ước mơ cháy bỏng cho việc học tập cùng với lòng quyết tâm, ông đã trở thành một con người có ích cho xã hội.

Trong biển cả thơ văn, đức tính quyết tâm, kiên trì quý báu ấy cũng tỏa sáng qua các câu tục ngữ, bài thơ: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”, “Không có việc gì khó / Chỉ sợ lòng không bền / Đào núi và lấp biển / Quyết chí ắt làm nên”...

Mặt khác, trong cái xã hội hiện đại này cũng có nhiều người chỉ biết lẩn tránh khó khăn, nguy hiểm và đẩy nó cho người khác. Khi muốn trở thành nổi tiếng, thành tài thì lại cướp đi thành công của người khác. Họ đâu biết rằng, thành công rất khó kiếm, thành tài được như ngày hôm nay là phải tốn rất nhiều công sức để gây dựng nên. Những con người rất cần phải được lên án trong xã hội.

Qua các dẫn chứng trên cho ta thấy, thành công rất khó tìm kiếm. Vì thế chúng ta phải luôn vượt qua khó khăn, kiên trì, nỗ lực, quyết tâm làm đến cùng mục đích mà mình đã đặt ra. Qua đó, tôi rút ra được bài học cho bản thân mình là: nếu muốn thành công thì phải chịu khó vươn lên cuộc sống, vượt qua khó khăn. Bạn có nghĩ giống tôi không?

BÀI SỐ 105: Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ: “Thất bại là mẹ thành công”.

Download **Hướng dẫn** Online

- Xác định thể loại làm bài: Văn chứng minh.

- Đối tượng cần chứng minh: *Tính đúng đắn của câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công”*

- Chủ đề: *kiên trì, vượt khó.*

- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trọng tâm trong đề bài:

+ *Thất bại* là gì?

· Là không đạt được kết quả, mục đích như dự định, trái với thành công.

+ *Thành công* là gì?

- Nghĩa cả câu (lời khuyên): Khi ta làm một công việc gì đó, tuy thất bại nhiều lần nhưng nếu ta biết rút kinh nghiệm thì cũng sẽ thành công.

Lưu ý: Nguồn dẫn chứng đưa ra cần phải sát với nội dung đề bài, tránh xa rời, khó hiểu, và phải đi theo trình tự từ xưa đến nay. Tránh sắp xếp lộn xộn các dẫn chứng sẽ gây bất hợp lý trong việc đọc hiểu nội dung.

Dàn bài

I. Mở bài

- Dẫn dắt: Trong kho tàng ca dao, tục ngữ của ông cha ta đã đúc kết biết bao kinh nghiệm sống quý báu...”

- Nêu nội dung câu tục ngữ.

- Trích dẫn câu tục ngữ.

- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?)

II. Thân bài

- Từ ngữ liên kết: *Thật vậy, Quả đúng như vậy.*

- Lời dẫn.

1. *Giải thích từ ngữ trọng tâm trong câu tục ngữ* (Nghĩa đen ⇒ Nghĩa bóng)

+ *Thất bại* là gì?

- Là không đạt được kết quả, mục đích như dự định, trái với thành công.

+ *Thành công* là gì?

- Nghĩa cả câu (lời khuyên): Khi ta làm một công việc gì đó, tuy thất bại nhiều lần nhưng nếu ta biết rút kinh nghiệm thì cũng sẽ thành công.

Làm việc gì mà bị thất bại coi như hỏng việc. Đó là điều đáng buồn. Nhưng với người có chí, thất bại cũng là một điều hay. Vì rằng, qua cái hỏng, người ta sẽ nghiền ngẫm tìm cho ra cái sai của mình để sửa chữa trong những việc làm sắp tới. Như vậy công việc lần sau sẽ được mĩ mãn hơn. Người xưa có câu “khốn nhất sự, tăng nhất trí” có nghĩa là gặp khốn một việc là học khôn được một điều.

2. *Đưa ra các nguồn dẫn chứng*

a. *Trong thời đại lịch sử xa xưa*

- Nguyễn Hiền, đỗ Trạng Nguyên năm 12 tuổi là nhờ vào lòng quyết tâm bền chí trong việc tu học mà thành tài.

- Cao Bá Quát, từ một người viết chữ không đọc được đến chỗ kiên trì, rèn luyện mà chữ viết đã được cải thiện và tên tuổi Cao Bá Quát văn hay chữ đẹp nổi tiếng khắp vùng.

- Những trận đánh lớn, những cuộc khởi nghĩa của ông cha ta ngày trước nếu không có sự kiên trì, quyết tâm đánh đuổi giặc ngoại xâm thì chúng ta sẽ không có được một đất nước phồn vinh như ngày hôm nay.

b. Trong thời đại hiện nay

- Thầy Nguyễn Ngọc Ký bị liệt hai tay từ nhỏ nhưng vẫn quyết tâm, nhẫn nại luyện viết chữ bằng chân của mình và ông đã thành công, trở thành một tấm gương sáng muôn đời về ý chí, về nghị lực vượt qua nghịch cảnh.

- Giáo sư Ngô Bảo Châu với sự kiên trì nghiên cứu toán học và cuối cùng cũng đã mang vinh dự về cho nước nhà Việt Nam thân yêu cùng với giải thưởng Fields danh giá.

- Cậu bé Nguyễn Ngọc Hiếu nhà nghèo, học giỏi.

- Adam Khoo - một triệu phú người Singapore từ một cậu bé ngang bướng, học tập đã kiên trì phấn đấu học tốt và thành đạt cùng với quyển sách đầu tay *"Tôi tài giỏi bạn cũng thế"* (dịch giả: Trần Đăng Khoa, Ưông Xuân Vy) cùng nhiều quyển sách nổi tiếng khác nữa.

c. Trong thơ văn

- Có công mài sắt có ngày nên kim.

- Thất bại là mẹ thành công.

- Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên. (Bác Hồ)

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

- Nước chảy đá mòn.

- Câu nói của Nguyễn Bá Học: "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông".

- Ai ơi giữ chí cho bền

Dù ai xoay hướng, đổi nền mặc ai.

- "Tôi tin rằng mọi mơ ước đều có thể đạt được bằng sự kiên nhẫn" (M.Pha-ra-đây).

III. Kết bài

- Từ ngữ liên kết: *Qua những điều vừa phân tích trên cho ta thấy,*

- Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ: Trong bất cứ công việc nào, đôi khi ta gặp thất bại, từ sự thất bại ấy ta rút kinh nghiệm và kiên trì thực hiện sẽ đạt được thành công.

- Liên hệ bản thân: Luôn phấn đấu, nỗ lực, quyết tâm, kiên trì nhiều hơn trong học tập và trong cuộc sống.

Bài làm 1

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam đã có biết bao câu tục ngữ hay và đẹp và cũng có biết bao là đức tính tốt vốn có của con người đã được ông cha ta truyền từ đời này sang đời khác. Trong những lời khuyên dạy bảo ấy, đức tính kiên trì, nhẫn nại luôn là một trong những đức tính tốt, quý báu. Chúng ta biết đấy, để làm nên một sự nghiệp lớn ta phải trải qua biết bao nhiêu là gian truân, vất vả và đầy cực khổ và đây cũng chính là quá trình dẫn ta đến thành công. Điều đó không khác gì nội dung câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công”. Vậy chúng ta phải hiểu câu tục ngữ này một cách đúng đắn ra sao?

Thật vậy, để dạy bảo cho con cháu đời sau để hiểu một khái niệm trừu tượng, đơn giản mà dễ hiểu ông cha ta đã dùng những từ ngữ, đơn giản mà dễ hiểu nhưng chứa đầy ý nghĩa sâu sắc trong đó. Vậy ở đây, thất bại có nghĩa là gì? Thất bại là khi ta đã bỏ ra rất nhiều công sức để đạt đến đỉnh cao nhưng không đạt như ý muốn của mình. Còn thành công ở đây nghĩa là gì? Thành công là khi ta làm một việc gì đó mà đạt được như ý muốn. Xét về mặt nghĩa đen thì “thất bại là mẹ thành công” muốn nói rằng gặp nhiều thất bại thì ta sẽ dễ dàng thành công hơn. Ngoài ra khi xét về mặt nghĩa bóng, thì hai khái niệm thành công và thất bại còn có ý nghĩa sâu xa hơn. Thất bại còn thể hiểu là một quá trình rèn luyện, học tập, tìm tòi mệt mỏi. Còn thành công lại chính là kết quả sau quá trình học tập đầy gian lao và cực khổ đó. Vậy khi bàn về mặt nghĩa bóng thì câu tục ngữ này muốn mang đến cho chúng ta một đạo lý rằng: nếu có tính kiên trì, nhẫn nại thì một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ thành công.

Trong cuộc sống, chúng ta thường hay vấp ngã nhưng quan trọng hơn hết đó chính là bản thân ta có đủ dũng khí để đứng lên làm lại từ những lần thất bại đó hay không? Từ thời xa xưa ở đất Việt có biết bao là nhân tài, nhưng bản thân họ dù thông minh, tài giỏi nhưng để đạt được một thành tựu lớn, một thành công như mong muốn, họ cũng đã phải trải qua biết bao gian truân, vất vả. Điển hình như ông Cao Bá Quát - người nổi tiếng về văn hay chữ tốt cũng phải trải qua nhiều ngày cực khổ, vất vả. Ông từ lúc còn trẻ, viết văn rất hay nhưng chữ viết thì quá tệ, nhưng nhờ có ý chí, quyết tâm nên ông cũng viết được chữ rất đẹp. Bên cạnh đó, ta không thể không nhắc tới Trạng nguyên Nguyễn Hiền, tuy học lỏm vào mỗi buổi chiều chăn trâu bên nhà ông phú hộ, ông đã tự học và đi thi đỗ Trạng nguyên khi mới 12 tuổi. Trong những trận đánh đuổi giặc ngoại xâm của nhân dân ta, nhờ sự

kiên trì, nhẫn nại mà chúng ta đã giành được độc lập dân tộc, giải phóng nhân, dân Việt Nam thoát khỏi ách áp bức của bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Điều đó chứng tỏ, lòng kiên trì, nhẫn nại là một đức tính cực kì quan trọng góp phần vào sự thành công của chúng ta.

Ở thời đại ngày nay cũng có biết bao nhiêu là tấm gương sáng về đức tính kiên trì cho chúng ta noi theo. Thầy Nguyễn Ngọc Ký cũng là một người rất đáng cho chúng ta noi gương, học tập theo. Mặc dù ông bị liệt hai tay từ bé nhưng ông không chịu thua số phận, nghịch cảnh. Hàng ngày, ông vẫn kiên trì tập viết chữ bằng đôi chân của mình, nhờ sự nỗ lực, phấn đấu lớn đó mà ông đã thành đạt, trở thành nhà giáo ưu tú mẫu mực mà bao học sinh học tập, noi gương theo. Hay tại đất nước Singapore xa xôi, Adam Khoo cũng là một tấm gương về học tập và sự nỗ lực, kiên trì. Ngày trước, ông là một đứa trẻ rất ương ngạnh, học kém nhưng bằng sự nỗ lực của bản thân, ông đã từng bước tiến tới con đường thành công không chỉ trong học tập mà còn trong cuộc sống, hiện giờ ông là một trong những triệu phú trẻ của đất nước Singapore. Các bạn thấy đấy, để làm nên một sự nghiệp lớn, để đạt thành công trong mọi việc ta phải có sự kiên trì, quyết tâm, một ý chí bền vững thì ta mới đạt được thành công. Còn nếu không có sự kiên trì, mau nhụt chí thì ta sẽ chỉ mãi là một kẻ thất bại.

Trong biển cả thơ văn, ta vẫn thường bắt gặp một số hình ảnh, câu tục ngữ, ca dao tuy ngắn gọn, đơn giản nhưng hàm chứa một ý nghĩa rất lớn như “có công mài sắt có ngày nên kim”. Câu tục ngữ này cũng mang ý nghĩa rằng nhờ có đức tính kiên trì mà mọi việc đều thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng gửi gắm đến chúng ta điều này qua một bài thơ:

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.*

Ta thấy chỉ cần có ý chí cứng rắn, sự quyết tâm, tinh thần thép thì chuyện gì ta cũng có thể làm được. Những câu tục ngữ, bài thơ trên như lời động viên, thúc giục chúng ta cần phải nỗ lực hơn nữa khi ta làm bất cứ công việc gì.

Tuy vậy, ngày nay ta vẫn còn bắt gặp một vài người còn hay nản chí, không vững lòng trước những khó khăn, thất bại. Họ dễ bị nghiêng ngả bởi những thất bại trong công việc từ đó mà họ buông xuôi, kéo theo suốt một cuộc đời họ mãi chỉ là người thất bại. Có nhiều câu cũng

khuyến ta không nên nhụt chí như: “Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo”, hay câu nói của Nguyễn Bá Học: “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông”, cũng có câu “Ai ơi giữ chí cho bền / Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai”. Câu nói của M.Pha-ra-đây cũng rất thuyết phục: “Tôi tin rằng mọi mơ ước đều có thể đạt được bằng sự kiên nhẫn”. Cho nên tôi có lời khuyên, bạn hãy cố gắng nhiều hơn dù cho khó khăn, thất bại nó như thế nào đi chăng nữa, nếu có nghị lực, kiên trì vượt qua thì bạn sẽ thành công.

Ở những dẫn chứng trên cho ta thấy quả rõ một điều rằng, đức tính kiên trì, nhẫn nại là một trong những đức tính tốt đẹp mà chúng ta cần phải có. Thế hệ trẻ chúng ta hôm nay luôn tự hứa sẽ luôn phấn đấu, nỗ lực, bền chí trong tất cả mọi việc để có thể đạt được thành công như lời dạy của ông cha ta ngày trước đã truyền đạt.

Bài làm 2

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, tục ngữ, ca dao thường được ví như cuốn “bách khoa” chứa đựng trong đó là vô vàn tri thức về đời sống mà nhân dân đã đúc kết qua cả ngàn năm. Trong đó có những đức tính tốt đặc biệt như ý chí quyết tâm, kiên trì, nhẫn nại đã giúp cho nhiều người từ thất bại đã thành công rực rỡ. Nhưng cũng có người vì nản lòng, ý chí kiên trì không được bền bỉ nên dù chỉ là một lần thất bại thì họ cũng không muốn tiếp tục làm nữa và họ mãi mãi là kẻ thất bại. Có một câu tục ngữ mang ý nghĩa khuyên ta phải luôn kiên trì, nhẫn nại trong mọi việc đó là câu “thất bại là mẹ thành công”. Vậy câu tục ngữ này được hiểu một cách đúng đắn ra sao?

Quả đúng như vậy, câu tục ngữ là một lời khuyên đúng đắn về lòng quyết tâm, kiên trì dành cho tất cả mọi người nhưng trước hết ta cần phải hiểu rõ nghĩa của nó. “Thất bại” là không hoàn thành tốt một dự định mà mình đã đặt ra. “Thành công” là hoàn thành tốt những việc mà mình đã dự định. Nghĩa của cả câu nêu lên một lời khuyên, nếu chúng ta thất bại nhưng có lòng kiên trì, nhẫn nại thì có ngày chúng ta sẽ thành công rực rỡ.

Trong thời đại lịch sử xa xưa, Trần Minh - một chàng trai luôn mặc khổ nghèo khổ, nhưng nhờ tinh thần vượt lên chính mình, dẹp qua mọi mặc cảm, vất vả, khó khăn mà anh đã học thành tài và được mọi người quý mến. Bên cạnh đó còn có Châu Trí quét lá đa, cặm cùi mỗi ngày đốt lá lấy ánh sáng để học. Sau một thời gian khổ luyện thì cậu đã đỗ đầu kì thi Hương và khi trở về làng cậu cũng nhận được

những vinh quang rực rỡ. Đặc biệt hơn, Trạng Nguyên trẻ tuổi nhất của nước ta vào thời xưa - Nguyễn Hiền, đậu Trạng Nguyên lúc 12 tuổi đã gây kinh ngạc cho bao người. Tuy lúc ngày thường cậu đi chăn trâu, làm lụng vất vả nhưng cậu đã phấn đấu, vươn lên trong việc tự học bằng cách học lóm thầy đồ khi dạy cho con cái của phú ông. Vì sự cần cù, cố gắng mà cậu đã thành danh.

Trong thời đại ngày nay, chúng ta không thể không kể đến những tấm gương nghị lực vươn lên trong nghiên cứu khoa học, giúp ích cho nhân loại có thể kể đến là Lui Pa-xơ - một nhà nghiên cứu khoa học đã cặm cụi trong phòng thí nghiệm. Nhờ vào sự kiên trì, quyết tâm theo đuổi đến cùng ông cũng đã tìm ra nguyên nhân của bệnh dại và phát minh ra vắc-xin phòng ngừa. Nhờ vào sự kiên trì đó mà giờ đây nhân loại đã thoát khỏi một căn bệnh nguy hiểm, có ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của xã hội. Ở xóm tôi có một bạn nữ học rất giỏi nhưng do chữ viết rất xấu, đọc không được nên kết quả học tập của cô đã bị kéo xuống rất nhiều: Mỗi kì thi học kì đến là một lần bạn rất buồn vì thường hay bị điểm kém do chữ đọc không được. Nhưng sau một khoảng thời gian gần nỗ lực, rèn luyện chữ viết lại thì giờ đây bạn đã có một kết quả rất tốt trong học tập mà bao người đều mơ ước.

Như chúng ta thấy đó, Trần Minh khổ chuối, hay C' âu Trí quét lá đa, Lu-i Paxtơ... họ đều xứng đáng được hưởng những thành quả tuyệt vời do mình tạo ra. Tất cả là nhờ vào ý chí kiên định, bền lòng. Đâu đó trong văn thơ, ta cũng thường hay bắt gặp những câu tục ngữ, ca dao cũng đúc kết những ý nghĩa như câu tục ngữ trên, có thể kể đến là câu "Có công mài sắt có ngày nên kim", "Kiến tha lâu cũng đầy tổ", "Nước chảy đá mòn"... đây đều là những câu tục ngữ thể hiện sự bền bỉ, gan thép trong tinh thần để ta vươn lên và thành công trong cuộc sống.

Mặt khác, ta cũng thường bắt gặp những người mặc dù chỉ thất bại đôi ba lần nhưng họ đã nản chí và bỏ bê công việc đang làm dở dang. Những con người ấy chẳng phải đã quá buông xuôi với mọi việc, tự làm nhụt chí bản thân mình hay sao? Nếu họ cứ như thế mãi thì họ sẽ chẳng bao giờ thành công cả.

Qua những dẫn chứng trên, ta nhận thấy rằng ý chí quyết tâm, lòng gan thép, bền bỉ sẽ là hành trang giúp chúng ta thành công nếu ta có sự thất bại. Riêng bản thân tôi hiểu rằng nếu ta có thất bại, ta hãy nỗ lực, phấn đấu vươn lên thì sẽ có ngày ta thành công. Bạn có nghĩ như tôi không?

BÀI SỐ 106: Chứng minh rằng nhân dân Việt Nam ta từ xưa đến nay luôn sống theo đạo lí: “Lá lành đùm lá rách”.

Hướng dẫn

- Xác định thể loại làm bài: *Văn chứng minh.*
- Đối tượng cần chứng minh: Câu tục ngữ “Lá lành đùm lá rách”.
- Chủ đề: *tình yêu thương, đùm bọc.*
- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trọng tâm trong đề bài:
 - + *Lá lành* là gì?
 - Chiếc lá còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng hoặc bị tác động.
 - + *Lá rách* là gì?
 - Chiếc lá đã bị phai mòn, rách nát, không còn nguyên vẹn.
- Nghĩa của cả câu (lời khuyên, nhắc nhở): ám chỉ đến sự thương yêu, đùm bọc, tương trợ lẫn nhau giữa người giàu và người nghèo, giữa kẻ may mắn và kẻ gặp bất hạnh để thăm đùm nghĩa đồng bào, tình huyết thống với nhau.

Dàn bài

I. Mở bài

- Dẫn dắt: “Trong vô vàn những đức tính tốt đẹp và quý báu của con người Việt Nam thì tình yêu thương là một trong những tình cảm tuyệt vời và hết sức quan trọng đối với con người”.
- Nêu nội dung tục ngữ.
- Trích dẫn câu tục ngữ.
- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?)

II. Thân bài

- Từ ngữ liên kết: *Thật vậy, Quả đúng như vậy.*
- Lời dẫn.
- 1. *Giải thích từ ngữ trọng tâm trong câu tục ngữ* (Nghĩa đen ⇒ Nghĩa bóng).
 - + *Lá lành* là gì?
 - Chiếc lá còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng hoặc bị tác động.
 - + *Lá rách* là gì?
 - Chiếc lá đã bị phai mòn, rách nát, không còn nguyên vẹn.
 - Nghĩa của cả câu (lời khuyên, nhắc nhở): ám chỉ đến sự thương yêu, đùm bọc, tương trợ lẫn nhau giữa người giàu và người nghèo, giữa kẻ may mắn và kẻ gặp bất hạnh để thăm đùm nghĩa đồng bào, tình huyết thống với nhau.

2. Đưa ra các nguồn dẫn chứng

a. Trong thời đại lịch sử xa xưa

Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhân dân ta đã nhờ vào tinh thần đoàn kết và yêu thương, giúp đỡ cho nhau từng hạt gạo, miếng xôi để vượt qua cơn khốn khó.

b. Trong thời đại hiện nay

Nhiều chương trình truyền hình giúp đỡ người nghèo ngày càng nhiều như: “Tiếp sức đến trường”, “Ngôi nhà mơ ước”, “Vượt lên chính mình”, “Lục lạc vàng”... Đó chính là những chương trình rất có ý nghĩa nhằm giúp cho những người còn nghèo khó trong hoàn cảnh biết vươn lên trong cuộc sống.

c. Trong thơ văn

- Thương người như thể thương thân.

- Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

3. Mở rộng

Trong cuộc sống hiện tại vẫn còn nhiều kẻ thờ ơ, ghẻ lạnh với những người xung quanh mình. Đó là những con người cần phải phê phán, rất đáng chê trách.

III. Kết bài

- Từ ngữ liên kết: Qua những điều vừa phân tích ở trên,

- Khẳng định lại ý nghĩa của ý kiến: Nhấn mạnh tình yêu thương, đùm bọc, che chở lẫn nhau là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, chúng ta cần phải biết trân trọng và giữ gìn.

- Ứng dụng học tập cho bản thân: Luôn mở rộng tấm lòng để có thể yêu thương người khác, giúp đỡ mọi người xung quanh nhiều hơn nữa.

Bài làm 1

Người Việt Nam ta có thể tự hào về kho tàng văn học lâu đời, đồ sộ, mang những giá trị lớn lao trong cuộc sống. Trong kho tàng ấy, có khi là những trang thơ văn hào hùng mang ý chí giành độc lập, lúc lại là những câu chuyện xúc động mang tính nhân văn sâu sắc, thiết tha... Đặc biệt hơn, trong kho tàng thơ văn còn có những câu tục ngữ hay, tuy ngắn gọn, ổn định nhưng bên trong chứa đựng biết bao là bài học bổ ích, những kinh nghiệm sống quý báu. Chúng ta có thể nhắc đến câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách”. Đó cũng là một đạo lý tốt đẹp mà ông cha ta muốn gửi gắm đến thế hệ con cháu về sau nhằm khuyên nhủ con người trong cuộc sống phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Vậy, chúng ta phải hiểu câu tục ngữ trên một cách đúng đắn ra sao?

Quả đúng như vậy, để có thể dễ dàng truyền đạt một cách dễ hiểu cho con cháu những phẩm chất đạo đức, ông cha ta thường hay sử dụng những từ ngữ giản dị nhưng giàu ý nghĩa. “Lá lành” là chiếc lá còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng hoặc bị tác động. “Lá rách” là hình ảnh chiếc lá đã bị phai mòn, rách nát, không còn nguyên vẹn. “Đùm” là từ chỉ sự che chở, bảo bọc cho nhau. Xét về mặt nghĩa đen: lá lành phải biết che chở, đùm bọc cho chiếc lá không nguyên vẹn. Còn khi xét về mặt nghĩa bóng thì nghĩa của câu là chúng ta phải biết yêu thương lẫn nhau, che chở, giúp đỡ cho nhau nhiều hơn. Đặc biệt là những người kém may mắn hơn chúng ta.

Có thể nói, sự yêu thương, đùm bọc, che chở lẫn nhau là một đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta khuyên nhủ chúng ta phải biết san sẻ cho nhau những điều tốt lành để những người còn khó khăn có thêm niềm tin yêu vào cuộc sống. Trong thời đại lịch sử xa xưa, nhân dân ta đã bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột, chịu sự hành hạ về thể xác của bọn chúng. Nhưng không vì thế mà chúng ta chịu khuất phục. Nhân dân ta nhiều lần khởi nghĩa giành lại lãnh thổ của tổ tiên. Nhờ sự đoàn kết, chung lòng cứu nước, cuối cùng dân tộc ta cũng đã đánh đuổi được bọn giặc ngoại xâm. Tóm lại, nhờ có tinh thần đoàn kết của nhân dân mà bọn giặc dữ phải khuất phục dân tộc ta.

Trong xã hội ngày nay, nhà nước và xã hội có thực hiện nhiều chương trình từ thiện, mang tính cộng đồng như *Ngôi nhà mơ ước*, *Vượt lên chính mình*, *Lục lạc vàng*,... Đó là những chương trình được thực hiện nhằm giúp đỡ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn vượt lên trong cuộc sống. Các chương trình được thực hiện thể hiện được sự quan tâm của cộng đồng đến những mảnh đời bất hạnh, đồng thời thể hiện sự đoàn kết, tương trợ của dân tộc Việt Nam ta. Và nhờ có các chương trình như vậy mà nhiều gia đình đã dần thoát khỏi cảnh nghèo, cải thiện được cuộc sống của mình. Tóm lại, nhờ có những tấm lòng hảo tâm như vậy mà họ đã có được cuộc sống ấm no hơn trước.

Trong văn học cũng tồn tại một vài câu tục ngữ, ca dao thể hiện tinh thần tương thân tương ái lẫn nhau giữa người với người như câu “Thương người như thể thương thân”, “Nhiều điều phũ lấy giá gương / Người trong một nước phải thương nhau cùng”... Những câu tục ngữ, ca dao trên đã thể hiện rất rõ tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa con người và con người, thấm nhuần tư tưởng nhân văn.

Trong cuộc sống đầy bon chen như bây giờ, chúng ta không hiếm gặp những con người “lòng lang dạ thú” đối xử tàn ác với đồng loại của

mình mà bỏ quên sự yêu thương giúp đỡ, che chở lẫn nhau. Những kẻ này rất đáng bị phê phán và trừng trị.

Qua các dẫn chứng trên cho ta thấy, sự yêu thương và đoàn kết là vô cùng quan trọng. Nhờ có sự yêu thương và đoàn kết giữa con người với nhau mà chúng ta có thể vượt qua mọi khó khăn trước mắt. Từ câu tục ngữ trên, tôi rút ra được một bài học cho bản thân là luôn yêu thương mọi người xung quanh mình. Và tôi hứa sẽ giúp đỡ những bạn kém may mắn hơn mình để bạn ấy có thể vươn lên trong cuộc sống.

Bài làm 2

Nước Việt Nam ta từ xưa đến nay luôn tuân thủ và sống theo đạo lí yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Đó là một phẩm chất đạo đức tốt đẹp mà nhân dân ta đã truyền tụng từ đời này sang đời khác. Đạo đức tốt đẹp ấy như một vết hằn in sâu trong tim của mỗi con người Việt Nam. Thuở nhỏ, chúng ta đã được thầy cô, cha mẹ, anh chị,... dạy cho chúng ta những điều hay lẽ phải ấy và câu tục ngữ tiêu biểu cho chủ đề yêu thương, đùm bọc là câu “Lá lành đùm lá rách”. Vậy chúng ta phải hiểu câu tục ngữ này ra sao?

Quả đúng như vậy, câu tục ngữ trên đã thể hiện được một phẩm chất tốt đẹp của dân tộc ta đó là sự yêu thương, che chở cho nhau, đặc biệt là những người gặp khó khăn, hoạn nạn. Để truyền đạt cho thế hệ sau này những ý nghĩa, khái niệm trừu tượng, ông cha ta đã sử dụng những từ ngữ giàu ý nghĩa để chúng ta dễ hiểu hơn. “Lá lành” là chiếc lá còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng hoặc bị tác động. “Lá rách” là hình ảnh chiếc lá đã bị phai mòn, rách nát, không còn nguyên vẹn. “Đùm” là từ chỉ sự che chở, bảo bọc cho nhau. Xét về mặt nghĩa đen: lá lành phải biết che chở, đùm bọc cho chiếc lá không nguyên vẹn. Còn khi xét về mặt nghĩa bóng thì nghĩa của câu là chúng ta phải biết yêu thương lẫn nhau, che chở, giúp đỡ cho nhau nhiều hơn. Đặc biệt là những người kém may mắn hơn chúng ta.

Câu tục ngữ này đã thể hiện được phẩm chất đạo đức tốt đẹp của ông cha ta được truyền tụng từ ngàn xưa đến tận bây giờ. Nhờ đó mà Tổ quốc chúng ta có thêm những con người nhân ái, quan tâm, biết giúp đỡ và yêu thương người khác.

Trong thời đại lịch sử xa xưa cũng đã tồn tại tấm lòng bảo vệ, che chở cho người khác, cụ thể là khi chiến tranh xảy ra, đối mặt với quân giặc ngoại xâm hung hăng, độc ác như thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, nhưng chúng vẫn phải chịu khuất phục chúng ta đó là vì dân tộc ta luôn biết yêu thương, che chở và đoàn kết với nhau đã tạo nên một sức

mạnh tinh thần dân tộc cực kì to lớn. Như chúng ta đã thấy, dù cho ở bất kì thời điểm nào, thế hệ nào dân tộc ta vẫn luôn một lòng hướng về sự đoàn kết, yêu thương lẫn nhau.

Trong thời đại ngày nay, đa số chúng ta đều biết quan tâm, bảo vệ lẫn nhau trong đời sống, biết bảo vệ lẫn nhau trước quân gian ác, hiểm độc,... và bên vực người khác khi họ bị đổ oan, lên tiếng bảo vệ quyền lợi của chung mọi người nhưng bên cạnh đó cũng có những người chỉ biết ích kỉ vì quyền lợi cá nhân của mình, thấy cái oan sai mà bỏ qua không một chút quan tâm, lo lắng và thông cảm. Họ rất vô tâm trước cái khổ, cái đau của những người xung quanh cần sự giúp đỡ. Tóm lại, xã hội này, đa phần là những người biết quan tâm, che chở cho người khác, thiểu số còn lại chỉ là những con người ích kỉ, vô cảm, không một chút bận tâm đến mọi người xung quanh mình.

Trong thơ văn vẫn còn tồn tại dấu đó những trang văn có từ lâu đời của dân tộc ta thể hiện được tình yêu thương, tinh thần tương thân tương ái như:

- *Nhiều điều phủ lấy giá gương*

Người trong một nước phải thương nhau cùng

- *Bầu ơi thương lấy bí cùng*

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Hay câu tục ngữ "Thương người như thể thương thân" cũng đã phần nào thể hiện được truyền thống đạo lí tốt đẹp ấy.

Qua các dẫn chứng trên, tôi đã biết được phẩm chất, đạo lí sống tốt đẹp của cha ông ta. Tôi đã rút ra được một bài học đó là phải biết yêu thương những người xung quanh mình bằng tất cả tấm lòng.

BÀI SỐ 107: Giải thích một số câu tục ngữ về việc học:

- **Ăn vóc, học hay**

- **Có học mới hay, có cày mới biết**

- **Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học**

- **Không cày không có thóc, không học không biết chữ**

- **Đi một ngày đàng, học một sàng khôn**

- **Học ăn, học nói, học gói, học mở**

- **Không thấy đổ mảy làm nên**

- **Học thầy không tày học bạn**

Bài làm

Nhân dân ta giàu tình nhân ái, cần cù sáng tạo trong lao động, đặc biệt rất hiếu học. Để giáo dục con cháu trong gia đình phát huy

tinh thần hiếu học, biết chăm chỉ học hành, ông bà cha mẹ thường lấy tục ngữ làm bài học sâu sắc, thấm thía. Phương pháp học tập rất phong phú, đa dạng, mục đích học tập vừa thiết thực vừa sâu xa, nên tục ngữ nói về việc học cũng nhiều về. Mỗi câu tục ngữ nói về việc học là một bài học bổ ích đối với mọi người, nhất là tuổi thơ thời cấp sách. Những câu tục ngữ thường ngắn gọn, kết cấu chặt chẽ, hoặc có vần, hoặc có đối, cách so sánh cụ thể, cách liên tưởng hợp lí và thấm thía, nên rất dễ nhớ, dễ thuộc.

1. Câu tục ngữ: “*Ăn vóc // học hay*” chỉ có 4 chữ, chia thành 2 vế đối nhau; chữ “*vóc*” vần với chữ “*học*”. “*Vóc*” nghĩa là sức vóc, tầm vóc. Người cao lớn, nở nang, là người có tầm vóc. Người khỏe mạnh, cường tráng là người có sức vóc. “*Hay*” nghĩa là hiểu biết; biết đọc, biết viết, biết điều hay lẽ phải, có văn hóa, có kĩ thuật, biết ngoại ngữ. Câu tục ngữ thật giản dị, dễ hiểu: có ăn mới khỏe, mới lớn, mới có sức vóc mà lao động, mà làm ăn; có học mới hiểu biết, mới nên người. Không ăn, không có mà ăn thì chết đói, cũng như không học thì dốt nát, ngu dốt.

2. Câu tục ngữ thứ hai có 8 chữ chia thành 2 vế đối nhau, chữ “*hay*” vần với chữ “*cày*”: “*Có học mới hay // có cày mới biết*”. Vế 1 nói về học chữ, học văn hóa; vế 2 nói về học trong lao động, học cày, học làm ruộng. Nghề nông là nghề chính rất lâu đời của nhân dân ta. Câu tục ngữ này còn nêu lên bài học: học đi đôi với hành, học văn hóa kết hợp với học trong lao động sản xuất.

3. Câu tục ngữ: “*Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học*”. Cần nên nhớ, trong tiếng Việt có các từ ngữ hay đi liền nhau như: học tập, học hành, học hỏi, ăn học,... Học là học bài, học trong sách, học thuộc lòng, học ở trường, học nhà, học trong cuộc sống. Hỏi là đặt những câu, nêu lên những vấn đề chưa hiểu, còn thắc mắc để cho người khác trả lời, giảng giải giúp ta sáng tỏ, hiểu biết. Có lúc ta tự hỏi mình, tự mình suy nghĩ và giải đáp. Học mà biết hỏi thì mới hiểu sâu, hiểu rộng. Có biết hỏi thì mới thật sự biết học. Vế 1 “*muốn giỏi phải học*” nhấn mạnh kết quả học tập. Chữ “*giỏi*” ở đây có nghĩa là giỏi giang, tài giỏi, có kiến thức sâu rộng, có tay nghề, có kĩ thuật cao. Trong thời đại mới, thời đại của tin học, của công nghệ phát triển, câu tục ngữ “*Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học*” càng nhiều ý nghĩa và thiết thực. Chữ “*phải*” điệp lại 2 lần để nhấn mạnh nhiệm vụ, nghĩa vụ của việc học rất quan trọng.

4. Câu thứ tư, nhân dân ta dùng cách nói phủ định để khẳng định một bài học, một chân lí vừa giản dị vừa rõ ràng về làm ăn và

học hành: “*Không cày không có thóc, không học không biết chữ*”. Muốn no ấm thì phải cần cù lao động (cày); lười biếng sẽ đói khổ (không có thóc), cũng như không được học, không chịu học thì sẽ không hiểu biết. Mà không có kiến thức thì sẽ nghèo khổ, không có chỗ đứng trong xã hội văn minh.

5. Câu tục ngữ: “*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*” là cách nói ước lệ và cụ thể của dân gian. “*Đàng*” là đường; “*đàng*” bắt vần với “*sàng*” cho dễ nhớ. “*Đi một ngày đàng*” nghĩa là đi đây đi đó, thấy được nhiều cảnh, nhiều người, gặp được, quan sát được bao điều hay điều dở trong cuộc sống: “*Đi một ngày đàng*” là cách nói ước lệ về sự thâm nhập cuộc sống, học trong thực tế xã hội. Có nhà thơ đã viết:

*Hạt gạo phải một nắng hai sương
xay, giã, giần, sàng.*

Thóc phải xay, giã rồi phải giần, sàng mới có hạt gạo. Cối xay, cối giã gạo, cái giần, sàng là những dụng cụ của nhà nông. “*Học một sàng khôn*” là cách nói thậm xưng, cụ thể học được nhiều điều hay, điều tốt đẹp trong cuộc sống. Câu tục ngữ khuyên mọi người, ngoài việc học trong sách, học ở trường, còn phải biết học trong thực tế ngoài xã hội. Dân gian còn có câu tục ngữ nhấn nhủ, khích lệ:

*Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn!*

6. Phải biết sống có ý tứ. Phải sống khôn ngoan. Phải biết ứng xử một cách văn minh, lịch sự, sống có nhân cách văn hóa. Muốn thế thì phải “*học*”: “*Học ăn, học nói, học gói, học mở*”. Có nhiều điều phải “*học*”, nhưng điều trước hết là học cách ăn nói trong giao tiếp, ứng xử, phải biết “*liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau*”. “*Học ăn, học nói, học gói, học mở*” để tránh thô lỗ, tục tằn trong ứng xử.

Vì thế mới có câu ví, câu ca:

*Đất tốt trồng cây rườm rà
Những người thanh lịch nói ra dịu dàng.*

*Đất xấu trồng cây khảng khiêu,
Những người thô tục nói điều phàm phu.*

Chúng ta, cả người lớn và trẻ em phải *học ăn, học nói, học gói, học mở* để nói lời hay ý đẹp, để giữ gìn và phát triển sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt.

7. Các câu tục ngữ trên đều nói rõ: Học để làm gì? Học cái gì? Học như thế nào? Hai câu tục ngữ sau đây nói rõ là học ai? Đó là học thầy và học bạn:

không thấy đổ mầy làm nên

Học thấy không tày học bạn.

Nhờ học thầy, thầy giỏi thì trò mới làm nên, mới thành đạt, mới trở thành người công dân tốt; người lao động tốt, nhà khoa học, nhà quản lí tài ba. Hình ảnh người thầy sống mãi trong tâm hồn tuổi trẻ của mọi thời đại; mọi chế độ xã hội. Càng học lên cao thì vai trò người thầy càng quan trọng. Biết học thầy lại còn cần biết học bạn. "Học bạn" là một cách học thiết thực làm cho ta tiến mau, có ý thức vươn lên trong học hành. Biết học thầy và biết "học bạn" thì chóng giỏi. "Không tày" nghĩa "không bằng". Câu tục ngữ: "Học thầy không tày học bạn" chỉ là một cách nói, cách so sánh để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc "học bạn". Chủ thật ra, việc "học bạn" không thể thay thế việc "học thầy". Bởi lẽ, cứ có thầy giỏi, nhà giáo dục giỏi mới có thể dạy dỗ, đào tạo được học sinh giỏi. Biển học rộng bao la, ta càng thấy vai trò to lớn của người thầy trong nền giáo dục.

Các thầy đồ ngày xưa dạy các Nho sinh: "Bất học diện tường" (không học như úp mặt vào tường), hoặc:

Nhân bất học bất tri lí

Au bất học lậu hà vi?

nghĩa là: Kẻ vô học thì chẳng biết gì; lúc trẻ không học thì khi về già sẽ chẳng làm được gì? Lại có câu cách ngôn: "Sư học là cái chìa khóa mở mọi kho báu trên đời". Có nhà triết học vĩ đại nhắc nhở: "Học! Học nữa! Học mãi!"

Thiên niên kỉ mới đã bắt đầu. Việt Nam đang trên đà phát triển công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ học tập vô cùng quan trọng đối với mọi công dân, nhất là thế hệ trẻ Việt Nam. Vì thế, nhắc lại, ôn lại một số câu tục ngữ nói về việc học, ta càng thêm thấm thía và thú vị.

BÀI SỐ 108: Nhân dân ta thường khuyên nhau:

Nhiều điều phải lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Lời khuyên trên có ý nghĩa gì? Từ đó, em hãy nêu lên cảm nghĩ của mình.

Bài làm 1

Dân tộc ta, vốn có truyền thống đoàn kết, yêu thương đùm bọc nhau. Truyền thống cao cả, tốt đẹp đó luôn được nhắc nhở trong nhân

dân. Đặc biệt, nhân dân còn dùng hình ảnh ví von để khuyên nhủ nhau trong câu ca dao:

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Với chúng em hôm nay, câu ca dao vẫn còn là một bài học xứng đáng để chúng em tìm hiểu và nghĩ suy. Nhiều điều là một thứ hàng tơ màu đỏ, giá gương là vật dụng bằng gỗ được chạm khắc cầu kì vừa đỡ lấy tấm gương soi, vừa là vật trang hoàng trong nhà. Hai vật ấy nếu để riêng rẽ không có gì là đặc sắc cả. Nhưng khi đem mảnh nhiều điều phủ lên giá gương, chúng sẽ tạo nên cảnh tượng vừa rực rỡ, vừa uy nghiêm. Nhiều điều giữ cho gương khỏi bụi và được trong sáng thêm, gương phản chiếu ánh sáng, lồng trong tấm nhiều điều ánh lên sắc màu rực rỡ. Do đâu mà chiếc giá gương trở nên lộng lẫy và tấm nhiều điều bỗng toát lên vẻ đẹp ưa nhìn? Chính vì đứng cạnh nhau, “phủ lấy”, bao bọc lấy, che chở lấy làm cả hai hình ảnh trên trở nên có giá trị, có ý nghĩa bảo vệ, yêu thương.

Từ hai hình ảnh ví von đó, nhân dân ta muốn nêu bật lên một lời khuyên nhủ thấm đượm nghĩa tình: “Người trong một nước phải thương nhau cùng”, thì ra cái cốt lõi của vấn đề là ở câu này. Chân lí của con người bình dân được phát biểu một cách giản dị như thế đó. Lời khuyên nhủ nhau đã trở thành hơi thở của một dân tộc, gìn giữ cho nhau và truyền lại cho nhau đời này sang đời khác. Về mặt tình cảm, những người cùng chung một nước có cùng chung nguồn gốc lịch sử, đã cùng trải qua những giờ phút vinh quang cũng như những tháng ngày đen tối. Bên cạnh đó, họ còn có chung nguồn gốc tổ tiên, nói cùng một thứ tiếng mẹ đẻ, sinh hoạt cùng một phong tục, tập quán. Họ không khác gì anh em một nhà, cùng chung sống trong bầu không khí ấm cúng của gia đình. Về mặt lí trí người dân trong cùng một nước có nghĩa vụ tương trợ, giúp đỡ nhau, phải đoàn kết, gắn bó nhau để bảo vệ quyền lợi của nhau không để cho kẻ ngoại bang chiếm đoạt. Xuất phát từ lí tưởng yêu nước thương dân, vì danh dự của dân tộc, của Tổ quốc, người dân trong một nước sẵn sàng đem xương máu mình để bảo vệ tự do, độc lập. Một người dân trong nước làm được điều hay, việc lạ, cả nước lấy làm vinh dự chung. Một người dân làm điều xấu, cả nước lấy làm hổ thẹn, buồn rầu. Trải qua bốn ngàn năm lịch sử, dân tộc ta đã chứng tỏ được tình yêu thương, đùm bọc của nhân dân trong nước, là cơ sở lòng yêu nước thương nòi. Giữ nước là một công việc lớn lao,

không chỉ một người hay một nhóm người nào có thể làm nổi. Nếu có giặc ngoại xâm, ai cũng chỉ khư khư lo giữ của cải riêng mình, chỉ chống giặc khi chính mình bị xâm phạm thì chẳng mấy chốc giặc sẽ lần lượt tiêu diệt hết người này đến người khác. Nhưng nếu lúc ấy tất cả mọi người đều đồng lòng, hợp sức lại chống kẻ thù, tất nhiên ta có thể chống đỡ được giặc. Dưới thời Trần, giặc Nguyên Mông hung hãn và thiện chiến mà ba lần xâm lược nước ta đều chuốc lấy thất bại thảm hại. Đó là nhờ lúc ấy, từ vua đến dân, từ tướng lĩnh đến quân sĩ đều gắn bó bên nhau, quyết tâm đánh giặc. Tinh thần đoàn kết chiến đấu đó được phát huy cao hơn từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhờ thế, nhân dân ta từ hai bàn tay trắng đã làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám vang dội, chiến dịch Điện Biên Phủ lừng lẫy và chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giữ vững nền độc lập thống nhất Tổ quốc như ngày nay.

Bài học yêu thương đùm bọc lẫn nhau giữa người trong một nước trong từng thời kì có những điểm khác nhau. Nếu trong đấu tranh dựng nước và giữ nước có sự đồng tâm hợp lực, trên dưới một lòng đánh đuổi ngoại bang, thì khi thiên tai, hoạn nạn, là tinh thần “Lá lành đùm lá rách”, “Chị ngã, em nâng”. Chính những lúc này tấm lòng yêu thương, đùm bọc, cứu mang lẫn nhau lại càng thấm thiết hơn bao giờ. Trong đời sống bình thường, thiết nghĩ sự quan tâm giúp đỡ nhau khi tối lửa, tắt đèn, sự qua lại lúc giỗ chạp, hiếu hỉ cũng cần thiết để nói lên nghĩa tình của người dân trong một nước. Tất cả đã trở thành nét đẹp văn hóa trong đời sống tinh thần của dân tộc ta.

Là người công dân nhỏ tuổi của một đất nước tự hào có bốn ngàn năm văn hiến, em vô cùng sung sướng được mang trong người dòng máu nhân ái chan hòa của dân tộc anh hùng. Kế thừa truyền thống cao đẹp của cha ông, đối với em lúc này là biết kính yêu ông bà, cha mẹ, hòa thuận với anh em, nhường cơm sẻ áo đối với người bất hạnh, trẻ mồ côi, tương thân tương ái với láng giềng... Em nghĩ đó cũng là nền tảng của tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau giữa người trong một nước. Câu ca dao đã có tự bao đời em không rõ, nhưng ý nghĩa của nó đã trở nên muôn đời vì bài học đã đúc kết bằng tâm huyết của nhân dân, mà em hằng ghi nhớ: phải luôn yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, nhất là trong khó khăn, hoạn nạn. Trong thời đại ngày nay, truyền thống thương yêu, đùm bọc nhau càng cần được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết ở mỗi người dân, mỗi đoàn thể, mỗi địa phương trong cả nước ta.

Bài làm 2

Là người Việt Nam, mấy ai không tự hào mình là con Rồng cháu Tiên, là con cháu của cha ông vốn cùng sinh ra từ một bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ. Dù ở đâu, dù sinh ra trong hoàn cảnh nào, người Việt Nam vẫn tự hào là “con một cha, nhà một nóc”. Vì vậy, đã là con một nhà, người trong một nước phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Truyền thống cao cả và tốt đẹp ấy được biểu hiện trong câu ca dao:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Người xưa đã biết cách phô diễn tình cảm một cách tài tình. Nhiều điều là một thứ lụa đẹp óng ánh sắc đỏ. Giá gương là một chiếc giá, thường được làm bằng gỗ quý, cũng có thể là chiếc giá được chạm khắc cầu kì, công phu. Giá gương chỉ đẹp, chỉ bền, chỉ trang trọng khi được phủ lên tấm lụa điều. Mượn cách phô diễn ấy, người xưa muốn diễn tả một tình cảm đẹp đẽ, cao cả, đó là tấm lòng sẵn sàng che chở, đùm bọc nhau, thương yêu nhau của người dân trong cùng một nước. Lời khuyên đó hoàn toàn đúng đắn, có tình có lí mà đậm thấm và sâu sắc.

Một cây sao có thể thành rừng, sao có thể chống đỡ được mưa giông bão tố. Nhiều cây “chùm lại” sẽ là một rừng cây bão gió chẳng thể chuyển lay, chẳng thể đánh gục. Người dân sống trong một làng, một huyện, một tỉnh và trong cả nước đều là người cùng một cộng đồng, đều có quan hệ khăng khít về vật chất, về tình cảm. Mỗi người dân trong cộng đồng phải thường xuyên đùm bọc lẫn nhau, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hằng ngày, nhất là khi khó khăn, hoạn nạn. Có đoàn kết, thương yêu nhau mới có thể gắn bó nhau để tạo nên một sức mạnh, mới thống nhất được ý chí và hành động để làm được những việc to lớn. Một giọt nước sao có thể tạo thành biển khơi. “Một ngôi sao chẳng sáng đêm. Một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng. Một người đâu phải nhân gian”. Vì thế, tinh thần đoàn kết, thương yêu, đùm bọc nhau là cần thiết, là cơ sở của lòng yêu nước thương nòi, là truyền thống tốt đẹp từ bao đời nay của dân tộc ta.

“Người trong một nước phải thương nhau cùng”. Tình thương yêu ấy phải trở thành điều tâm niệm của mọi người, phải được thể hiện bằng hành động cụ thể, phải được thực hiện trong bất cứ hoàn cảnh nào. Khi một địa phương gặp thiên tai, địch họa, mỗi người địa phương mình gặp hoạn nạn, bởi “thương người như thể thương thân”, bởi bầu bí “tuy rằng khác giống như chung một giàn”, đó là đạo lí từ ngàn xưa, nhân dân ta đã từng khuyên bảo nhau như thế. Cần phải góp sức

người, sức của giúp đỡ các địa phương gặp khó khăn. Dân ca Thái có một bài ca mộc mạc mà rất hay, rất thấm đượm nghĩa tình:

*Đầu mùa ta là cuối mùa bạn,
Thuyền bè đứt trôi xuôi, người dưới buộc lại,
Voi ngựa sống chạy ngược, người trên buộc lại
Lợn chó ăn chung, gà vịt ăn cùng.*

Trong những năm gần đây, tình cảm thương yêu, đùm bọc, lẫn nhau được thể hiện rất rõ ở các địa phương trong cả nước. Khi Sơn La, Lai Châu bị bão lụt, nhân dân cả nước đã tích cực hỗ trợ đồng bào các dân tộc ở hai tỉnh nhanh chóng ổn định đời sống. Khi đồng bằng sông Cửu Long bị lụt lớn, cả nước lại chi viện sức lực cho các tỉnh vùng lúa phục hồi nhanh hậu quả của thiên tai. Nhân dân ta dành dụm từng cân lúa, tấm áo, ngày lương, viên thuốc, quyển sách... để nhân dân các vùng bị lũ lụt vượt qua hiểm nghèo, mau chóng đưa các hoạt động trở lại bình thường. Ở đâu trong nước ta cũng có những hoạt động nhân đạo, giúp đỡ những người bị bất hạnh, tật nguyền, nghèo khó với tinh thần “chị ngã em nâng”, “lá lành đùm lá rách”. Tinh thần đoàn kết, thương yêu nhau là cơ sở của lòng yêu nước, yêu con người, giúp chúng ta có trách nhiệm đầy đủ trước vận mệnh của đất nước.

Ngược lại, thái độ lạnh nhạt, thờ ơ, bàng quan đối với những biến cố xảy ra ở các địa phương khác là biểu hiện của sự chia rẽ, không đoàn kết. Đó cũng chính là biểu hiện của tính cá nhân ích kỷ chỉ lo cho bản thân mình, là biểu hiện của tư tưởng cục bộ, bản vị hẹp hòi. Những ai có biểu hiện như thế, suy cho cùng, tình đồng bào, lòng nhân ái và lòng yêu nước của họ chỉ là những lời nói suông mà thôi.

Dân tộc ta là một dân tộc vốn giàu lòng nhân ái. Tình thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau đã trở thành nếp nghĩ, lẽ sống của con người và được thực hành từ hàng ngàn năm nay. Truyền thống đẹp đẽ và cao cả đó luôn được giữ vững và phát huy suốt chiều dài của lịch sử dân tộc, được biểu hiện rõ trong khó khăn, hoạn nạn. Ngày nay, truyền thống thương yêu, đùm bọc nhau cũng vẫn được phát huy mạnh mẽ ở mỗi người dân, mỗi đoàn thể, mỗi địa phương trong cả nước ta. Tuy nhiên, vấn đề đoàn kết yêu thương nhau không thể chỉ là một chiều, không phải là bao che, dung túng cho những biểu hiện tiêu cực, mà phải cần đấu tranh xây dựng. Đó cũng là cách hiểu, là sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo phương châm xử thế tốt đẹp từ ngàn đời nay của cha ông ta như ý nghĩa của câu ca dao đã nêu, như nội dung giàu chất nhân ái mà câu ca dao tỏa sáng từ muôn đời nay.

BÀI SỐ 109: Hãy giải thích câu ca dao sau đây:

*Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

Bài làm

Sống trong xã hội, con người luôn phải giao tiếp và ứng xử với nhau. Lời nói được coi như là công cụ của giao tiếp. Để hiểu nhau, gần nhau, để có sự đồng cảm và chia sẻ, để đảm bảo sự đoàn kết thân ái, đồng thời đạt được mục đích ứng xử trong giao tiếp, phải biết “lựa lời mà nói” để người nghe hiểu mình, tin mình, thậm chí nghe và làm theo mình. Cha ông ta xưa đã có một kinh nghiệm rất hay về nói năng:

*Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*

Lời khuyên trong câu ca dao trên thật đúng đắn. Chúng ta đều biết, con người là động vật cao cấp nhất, có bộ óc hoàn chỉnh nhất. Loài người ngày càng hoàn thiện, được tập hợp thành một xã hội có tổ chức, có văn hóa. Quan hệ giữa con người với nhau là quan hệ giữa anh em ruột thịt trong một họ tộc, một gia đình, là quan hệ xóm giềng làng nước, là quan hệ đồng chí, đồng bào... Sự giao lưu tình cảm đó là lời nói để biểu đạt lời nói trở thành công cụ để giao tiếp và ứng xử. Lời nói có ảnh hưởng rất nhiều trong giao tiếp, là biểu hiện của nhân cách con người. Vấn đề là lời nói được thể hiện như thế nào, tức là liệu lời mà nói, là chọn lời hay ý đẹp để người nghe vui lòng, dễ dàng hiểu và tiếp thu ý kiến của mình, hứng thú nghe mình nói, từ đó kính nể, tin tưởng và mong muốn được cùng mình nói chuyện. Lúc đó quan hệ giữa người và người trở nên tốt đẹp, văn minh, lịch sự. Mạnh Tử đã từng đề cao giá trị tốt đẹp của mối quan hệ giữa con người với con người, là chiếc cầu nối tạo nên sự cảm thông và sự tin cậy lẫn nhau, tạo ra sự liên kết để làm nên những việc lớn.

Những kẻ không biết “lựa lời mà nói” là người dùng những lời nói thô tục thiếu thiện chí trong giao tiếp. Lại có những người có những lời nói không hợp với đối tượng, chẳng hạn nói trống không với người trên, dùng những lời nói kể cả với bạn bè, quát nạt trẻ em... Những lời nói như thế, người nghe chẳng những khó tiếp thu, mà còn có phản ứng trở lại với người nói, coi thường người nói hoặc có thể còn khinh ghét những người ăn nói thô lỗ, không lịch sự và thiếu văn minh ấy. Và thế là chẳng những mục đích giao tiếp và ứng xử không đạt được, trái lại còn có thể gây ra mối quan hệ xấu nữa.

“Lời nói chẳng mất tiền mua”, lời nói vốn được thể hiện ra từ trong suy nghĩ, chọn lựa của con người trong giao tiếp. Tuy không phải tốn kém, không mất tiền mua, nhưng giá trị của lời nói lại là sự phản ánh trình độ văn hóa, là thước đo phẩm chất của mỗi con người, nên phải cố gắng chọn lựa những lời nói hay, lời nói đẹp mà nói. Tuy nhiên, không phải để vừa lòng nhau mà ta không thẳng thắn nói thật, nói những lời khuyên bảo bạn bè, phê phán những sai lầm khuyết điểm của bạn. Lời nói và thái độ như thế chỉ là sự né tránh để rồi là kẻ che giấu, đồng lõa với cái xấu mà thôi.

“Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” khác hẳn về bản chất với thái độ xuê xoa, chín bỏ làm mười, thủ tiêu dấu tranh, nể nang trong quan hệ bạn bè, đồng chí. Điều quan trọng là phải chân thành, thẳng thắn thì mới đảm bảo được sự cảm thông, mới đoàn kết thực sự và lâu bền. Lời nói ngay thường không dễ nghe, nhưng “giận rầu ra dạ thể thường, cười rầu mới thực khôn lường hiểm sâu”, chỉ cần lời nói chân thành từ trong sâu thẳm của cõi lòng, trước sau cũng vẫn được sự cảm thông và tiếp nhận. Xưa đã có những người nói lời ngay mà bị mất đầu như trường hợp Hàn Tín nói với Lưu Bang, Trần Bình Trọng nói với tướng giặc Nguyên... nhưng đầu chết tiếng thơm muôn thuở vẫn còn. Nay lời nói thật của Lý Tự Trọng, Nguyễn Văn Trỗi khiến kẻ thù khiếp sợ. Trong cuộc sống của chúng ta, lời nói thật không bao giờ sợ hiểu lầm. Tất nhiên, việc chọn lựa lời nói cho phù hợp với đối tượng vẫn là điều đáng quý.

BÀI SỐ 110: Hồ Chủ tịch có dạy: “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”. Em hiểu lời dạy trên như thế nào?

Bài làm

“Trăm hay không bằng tay quen”. Người lao động xưa đã từng quan niệm rằng lí thuyết hay không bằng thực hành giỏi. Điều đó cho thấy người xưa đã đề cao vai trò của thực hành. Trong khi đó có những kẻ học thức chỉ biết chữ nghĩa thánh hiền, theo lối học từ chương sáo mòn cũ kĩ. Ngày nay với đà phát triển của xã hội, quan niệm lí thuyết và thực hành được hiểu khác hơn. Học và hành lúc nào cũng đi đôi, không thể tách rời nhau. Điều đó cũng đã được Hồ Chủ tịch khẳng định.

“Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”.

Lời dạy của Bác có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc học của chúng ta ngày nay.

Vậy học và hành có quan hệ như thế nào? Trước hết ta cần hiểu: Học là tiếp thu kiến thức đã được tích lũy trong sách vở, là nắm vững lí luận đã được đúc kết trong các bộ môn khoa học, đồng thời tiếp nhận những kinh nghiệm của cha anh đi trước. Học là trau dồi kiến thức, mở mang trí tuệ, từng lúc cập nhật hoá sự hiểu biết của mình, không để tụt lùi, lạc hậu. Học là tìm hiểu, khám phá những tri thức của loài người nhằm chinh phục thiên nhiên, chinh phục vũ trụ. Học thuộc khía cạnh của lí thuyết, lí luận. Còn hành nghĩa là làm, là thực hành, là ứng dụng kiến thức, lí thuyết vào thực tiễn đời sống. Cho nên học và hành có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Học và hành là hai mặt của một quá trình thống nhất, nó không thể tách rời mà phải luôn gắn chặt với nhau làm một. Hiểu được mối quan hệ đó là do Bác đã rút ra được kinh nghiệm trong việc học tập và vận dụng lí luận cách mạng.

Ta cần hiểu rõ “hành” vừa là mục đích vừa còn là phương pháp học tập. Một khi đã nắm vững kiến thức, đã tiếp thu lí thuyết mà ta không vận dụng vào thực tiễn, thì học chẳng để làm gì cả. “Học mà không hành thì vô ích”. Học mà không hành được là do học không thấu đáo hoặc thiếu môi trường hoạt động. Trong cuộc sống không thiếu những kẻ lúc đi học không chuyên chú nên lúc ra đời không làm gì được, bị mọi người khinh chê. Ngược lại nếu hành mà không có lí luận chỉ đạo, lí thuyết soi sáng và kinh nghiệm đã được đúc kết dẫn dắt thì việc ứng dụng vào thực tiễn sẽ lúng túng hay gặp khó khăn trở ngại, thậm chí có khi sai lầm nữa. “Hành” mà như thế rõ ràng là “không trôi chảy”. Đã có không ít trường hợp vô tình trở thành người phá hoại chỉ vì người đó “hành” mà không “học”.

Xác định được tầm quan trọng của việc học cũng chưa đủ, ta cần phải hiểu học cái gì và học như thế nào? Học ở đây không chỉ bó hẹp trong phạm vi nhà trường, không phải chỉ có kiến thức do thầy cô truyền thụ. Còn có rất nhiều điều hay mới lạ trong cuộc sống mà ta cần phải học tập, sự học rất mênh mông bao la, không có giới hạn, cho nên ta phải học tập không ngừng. Ở lứa tuổi nào cũng phải học, học ở nhà trường, gia đình, xã hội, học thầy, học bạn, học ở mọi nơi mọi chốn, “đi một ngày đàng học một sàng khôn”.

Hơn thế là học sinh ta cần phải có ý thức đúng đắn trong việc học, phải có thái độ học tập nghiêm túc, không học qua loa chiếu lệ, vừa học vừa chơi. Vào lớp phải chú ý nghe thầy cô giảng bài, ghi chép

bài đầy đủ, về nhà phải vừa học bài cũ vừa nghiên cứu bài mới, làm bài tập đầy đủ, không học theo kiểu học vẹt, học lí thuyết suông mà phải luôn kết hợp lí thuyết với thực hành. Phải biết vận dụng sáng tạo những kiến thức thầy cô truyền thụ vào bài tập thực hành. Có như vậy hiệu quả học tập mới được nâng cao.

Ngày nay, lời dạy của Hồ Chủ tịch ngày càng được khẳng định và có nhiều ý nghĩa tác dụng trong thực tế. Học đi đôi với hành đã trở thành nguyên lí, phương châm giáo dục của Nhà nước đồng thời cũng là phương pháp học tập của mỗi chúng ta. Thấm thía lời dạy của Người, em càng có ý thức hơn trong việc học tập của mình. Em sẽ cố gắng thực hiện phương pháp “học” phải “hành” để việc học tập của em ngày một tiến bộ hơn.

BÀI SỐ 111: Viết một bài văn với chủ đề *Lợi ích của việc đọc sách.*

Bài làm 1

Sách là một phương tiện quý giá đối với nhân loại. Sách nối liền thế giới hiện tại với thế giới của quá khứ bởi nó là kho tàng tri thức mà nhân loại đã gom góp từ xưa đến nay. Bước vào thế giới của sách, ta như lạc đến một thế giới khác mà ở đó có thể học hỏi được rất nhiều điều. Bởi vậy em thấy đọc sách mang lại rất nhiều lợi ích.

Trước hết, đọc sách giúp em có thể khám phá được biết bao điều bí ẩn về thế giới, về vũ trụ của chúng ta. Trước đây em không hiểu vì sao con người ta có thể đứng vững trên mặt đất hay tại sao con người khi bay vào vũ trụ lại không thể đứng như trên mặt đất được. Và còn rất nhiều điều kì thú bất ngờ về thế giới đã được các cuốn sách giải thích rất đầy đủ, giúp cho em nhận biết thế giới rõ hơn. Chẳng hạn sau khi đọc xong cuốn sách *Vì sao?* em có thể hiểu được rất nhiều điều như con người có thể đứng vững trên trái đất là bởi lực hút của trái đất... Rồi cuốn sách đó còn giải thích được các hiện tượng thiên nhiên như mưa bão, sấm, sét... Ngoài những tri thức khoa học, sách còn mang đến cho chúng ta những tri thức về đời sống xã hội, đó là về đất nước con người của các nước trên thế giới. Qua sách, em có thể biết thêm về đất nước tươi đẹp Hà Lan hay nước Mĩ phồn hoa, thành phố Pa-ri của Pháp rất hoa lệ... Ở đó có những con người với những nét văn hoá, phong tục khác hẳn với chúng ta. Thế nhưng giữa sự khác nhau đó em còn nhận thấy dù ở đâu cũng có những con người nhân hậu, giàu lòng yêu thương nhân loại.

Bên cạnh đó sách còn giúp em quay trở về thế giới của ngày xưa, cách ngày nay một năm, hai năm, vài chục năm, thậm chí là vài thế kỉ. Và cũng nhờ đọc sách em có thể hiểu được xã hội, con người của thời xưa. Chẳng hạn khi đọc những câu chuyện cổ tích, em có thể biết được một xã hội với những phú ông, những tên nhà giàu, những dì ghẻ ác độc và cũng có những con người đáng thương như cô Tấm, người em út, đứa trẻ mồ côi... Qua sách lịch sử em có thể biết được cha ông ta đã vất vả gian lao chống giặc ngoại xâm như thế nào mới giành lại hạnh phúc, tự do cho con cháu ngày nay. Đó là thời An Dương Vương, thời Hai Bà Trưng, thời Ngô Quyền,... rồi biết bao trang sử ghi lại khí thế hào hùng của nhân dân ta trước nạn ngoại xâm và gần đây nhất là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của nhân dân ta. Biết bao anh hùng đã đổ xương máu, hi sinh tính mạng để đem đến cho chúng ta những ngày tháng yên bình, tự do như hôm nay. Những trang sách đó đã dạy em biết trân trọng những gì cha ông ta đã dựng xây, giữ gìn.

Ngày xưa khi còn nhỏ biển đối với em là một nơi huyền bí. Em từng tưởng tượng nước biển sâu bằng ngôi nhà em ở, nhưng đến khi lớn lên đọc sách em mới hiểu lòng biển rất sâu và ở dưới đó cũng là một thế giới đầy kì thú của muôn loài. Em còn biết rằng con người có thể đến được với biển sâu và hơn thế con người còn có thể chế ngự được cả thiên nhiên nhờ sự hiểu biết của mình về thế giới. Em được biết có nước còn có dự định xây cả thành phố dưới biển. Quả thật, sách đã mang đến cho em bao điều thú vị mà em sẽ không thể biết được nếu không được đọc sách.

Sách không chỉ đem đến cho con người sự hiểu biết về một thế giới về vũ trụ mà sách còn đem đến cho con người những tri thức về những điều gần gũi quanh ta. Đó là những bài học về đạo lí của một người con đối với cha mẹ, thầy cô, người thân, bạn bè... Đó là những lời khuyên giúp ta sống sao cho đẹp, cho tốt. Những câu chuyện hay về tình nhân ái của con người, giúp em hiểu hơn về tình yêu thương và hơn thế đó còn là những lời khuyên, lời gợi ý cho em khi cư xử với những người xung quanh.

Đối với mỗi người thì sách còn là một người thầy mẫu mực về môn tiếng Việt. Sách giúp chúng ta đọc tốt hơn, viết văn chính xác hơn, nói chuẩn hơn khi muốn diễn đạt một vấn đề gì đó.

Tuy nhiên để đọc sách đem lại hiệu quả tốt theo em đối với mỗi lứa tuổi thì việc lựa chọn loại sách phù hợp là rất cần thiết. Riêng đối với lứa tuổi thiếu niên như chúng em thì sách phù hợp là sách viết về

lứa tuổi của mình, đặc biệt là những loại sách kể về những tấm gương chăm chỉ học hành thành tài của thời xưa và thời nay. Vì qua đó em có thể liên hệ với bản thân mà có ý chí phấn đấu, đồng thời hiểu được rằng *cuộc sống là biển cả, ai không bơi sẽ chìm*. Từ đó ý thức được việc học hành, tu dưỡng đạo đức hơn.

Ngược lại, nếu đọc sách mà không có sự lựa chọn cho phù hợp sẽ ít có lợi cho người đọc và có thể còn đem lại tác dụng xấu. Do vậy, muốn đọc sách đem lại hiệu quả tốt thì người đọc phải biết lựa chọn loại sách phù hợp và đối với chúng em điều đó càng quan trọng hơn. Nếu lựa chọn đúng sách thì người đọc sẽ cảm thấy việc đọc sách giúp ta sống tốt hơn, hiểu biết hơn.

Bên cạnh việc chọn sách sao cho hợp lí thì theo em đọc sách đúng cũng là điều quan trọng. Điều này quyết định hiệu quả của việc đọc sách. Đọc sách sẽ đem lại hiệu quả nếu ta đọc có giờ giấc, những lúc rảnh rỗi, ngồi ở một nơi yên tĩnh và nhập tâm thật sự vào cuốn sách. Hiệu quả sẽ thu được là bao nếu ta đọc trong giờ ăn, giờ ngủ hoặc có bạn còn đọc cả trong giờ học?

Đọc sách còn là để ta nhìn nhận lại mình, tự trau dồi tri thức và điều chỉnh mình. Cho nên việc đọc sách còn là một khoa học, không phải đơn giản cứ thích là đọc mà quan trọng là phải biết suy nghĩ khi đọc, sao cho hợp lí và có hiệu quả cao.

Tóm lại, sách là kho tàng quý giá mà nhân loại đã ban tặng mỗi người, đó là một phát minh kì diệu nhất của nhân loại. Sách giúp con người trưởng thành và hiểu biết hơn.

Bài làm 2

Sách là một trong những phát minh vĩ đại của loài người. Cho dù cuộc sống có phát triển, có thay đổi đến đâu thì đọc sách vẫn như một phương pháp nghiên cứu, một thú vui không thể thiếu trong đời sống con người. Bởi lợi ích mà việc đọc sách đem lại vô cùng to lớn và có ảnh hưởng tới suốt cuộc đời một con người.

Trước tiên, những kiến thức kinh nghiệm quý báu chúng ta tiếp thu được chính từ việc đọc sách: *sách mở ra trước mắt chúng ta những chân trời mới*, mang đến cho ta điều hay, điều mới lạ. Bởi sách là sự đúc kết những tri thức, thành tựu, tinh hoa của nhân loại một cách tổng hợp. Nó là trí thức của biết bao người và đem lại nguồn hiểu biết vô tận cho người đọc ở nhiều lĩnh vực khác nhau: kinh tế học, chính trị học, xã hội học, y học, lịch sử, địa lí ... Khó có thể thống kê đầy đủ tất cả các lĩnh vực mà sách bao chứa. Kể cả thế giới thu nhỏ vào trang

sách trong tầm tay con người. Thú vị làm sao khi mà chỉ cần ngồi một chỗ, giở trang sách trước mặt là ta có thể chu du từ vùng đất gần gũi quen thuộc tới những nơi xa xôi hẻo lánh ít dấu chân người, từ rừng thẳm núi cao cho tới biển hồ sông suối. Chẳng cần phải đi đâu xa, chỉ cần đọc sách ta cũng có thể biết được tình hình và đời sống của con người trên toàn thế giới. Không những phá bỏ cách biệt về không gian, sách còn có sức mạnh xóa bỏ mọi ngăn cách của thời gian. Người đọc của hiện tại vẫn có thể thấu hiểu những gì đã xảy ra trong quá khứ và dự đoán cuộc sống ở tương lai. Nhờ đọc sách, mà cuộc đời của con người không còn bị bó hẹp bởi một khoảng thời gian và không gian nhất định nữa. Những kinh nghiệm đối nhân xử thế, kinh nghiệm trong học tập, lao động sản xuất... ta có được đều từ đọc sách mà ra. Việc giao lưu, trao đổi ngôn ngữ của tất cả các nước trên thế giới cũng khiến cho sách trở thành một công cụ, một phương tiện để các nước hòa nhập vào cộng đồng chung nhân loại. Những phong tục tập quán, nếp sống, nếp sinh hoạt, nếp nghĩ của mọi dân tộc trên thế giới đến được với người đọc chúng ta một phần thông qua sách. Ngày nay, trong nền kinh tế tri thức thì việc không ngừng tạo lập, trau dồi cho bản thân vốn sống gián tiếp qua sách vở vững vàng, phong phú là chìa khóa dẫn tới thành công.

Đọc sách không chỉ giúp ta tiếp thu kiến thức, kinh nghiệm mà nó còn có tác động rất sâu sắc tới đời sống tình cảm của con người. Sách bồi dưỡng tình cảm, làm cho đời sống tâm hồn chúng ta trở nên giàu có, đa dạng và phong phú. Đọc sách để biết xót thương cho những thân phận nghèo khổ trong xã hội, cảm thông với những kiếp người bất hạnh, khốn cùng. Sách chẳng phải chỉ toàn những công thức khô khan vô cảm mà còn là những câu chuyện cảm động về cuộc đời con người. Sách dạy ta thêm yêu đất nước quê hương, thêm yêu gia đình hàng xóm, cha mẹ ông bà. Chúng ta biết căm ghét cái xấu, lạc hậu, đồng tình với cái tốt, tiến bộ. Nhờ có sách mà tâm hồn ta được nuôi dưỡng, được vun đắp, không bị cằn cỗi, vô cảm. Ta biết rung động trước cái đẹp, thưởng thức cái đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, giúp ta sống nhân ái hơn, có tình người hơn. Con người hơn động vật khác ở chỗ có ý thức, có ngôn ngữ để diễn đạt ý thức, bày tỏ tình cảm của mình. Và chúng ta bày tỏ, lưu giữ tình cảm của mình vào những trang sách. Đọc sách, ta hiểu được tâm tư tình cảm của loài người từ xa xưa cho tới hiện tại, ở đất nước này hay đất nước khác. Nhờ đó, ta thêm tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, biết rằng với lòng yêu nước, căm

thù giặc sâu sắc, cha ông ta quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn từng tấc đất cha ông.

Bên cạnh đó, sách còn là người bạn thân thiết mang lại cho ta nguồn vui, nguồn an ủi. Vui ta đọc sách, buồn ta cũng có sách bầu bạn. Sau những giờ học tập và lao động mệt mỏi, đọc sách giúp ta thư giãn đầu óc, sáng khoái tinh thần, lấy lại sự cân bằng trong cuộc sống. Sách xua đi nỗi buồn, mang niềm vui tiếng cười tới. Sách là công cụ giải trí hữu hiệu làm tâm hồn tươi trẻ, thư thái.

Khó có thể nói hết được lợi ích của việc đọc sách. Bởi hiệu quả mà nó mang lại có thể nhận thấy ngay, cũng có khi tác động một cách lâu dài. Hơn nữa, việc đọc sách không phải công việc ngày một ngày hai mà là công việc của cả đời người, là thói quen đáng quý cần phát huy. Điều quan trọng ở chỗ, chúng ta cần phải có phương pháp đọc đúng đắn và đọc sách một cách có chọn lọc.

BÀI SỐ 112: Một nhà văn có nói: "Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người". Hãy giải thích nội dung của câu nói đó.

Hướng dẫn

Các bước làm bài như sau: [sachmienphi.com](https://downloaadsachmienphi.com)

• Bước 1: *Tìm hiểu đề và tìm ý*

+ *Tìm hiểu đề.*

- Yêu cầu về nội dung câu nói: "Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người"

- Yêu cầu về hình thức: văn nghị luận giải thích.

+ *Tìm ý.*

- Tìm nghĩa của câu nói qua việc giải thích các khái niệm.

- Liên hệ với thực tế cuộc sống.

• Bước 2: *Lập dàn bài*

+ *Mở bài*

- Giới thiệu câu nói.

- Khái quát về nội dung câu nói.

+ *Thân bài*

- Giải thích các từ ngữ trọng tâm của câu nói để làm rõ luận điểm cần giải thích:

- Sách là ngọn đèn sáng: ngọn đèn sáng rọi chiếu, soi đường, đưa con người ra khỏi chuỗi tối tăm.

- Sách là ngọn đèn sáng bất diệt: Ngọn đèn sáng không bao giờ tắt.

Sách là kho tàng chứa đựng những khám phá, hiểu biết và phản ánh đời sống vật chất, tinh thần đa dạng, phong phú của con người. Tất cả những gì đã xảy ra trong lịch sử phát triển của nhân loại mà con người cảm thấy cần lưu giữ, truyền đạt lại cho các thế hệ sau đều được ghi vào sách.

- Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người: Trong cuộc sống, sách cung cấp những kiến thức mới lạ và để giải trí sau những giờ phút học tập, làm việc căng thẳng. Nhờ có sách mà tầm hiểu biết của chúng ta ngày càng được mở rộng, nâng cao.

- Liên hệ trong thực tế.

+ *Kết bài.* Khẳng định ý nghĩa câu nói.

• Bước 3: *Viết bài hoàn chỉnh*

- Lập, chỉnh sửa dàn ý, tiến hành viết bài hoàn chỉnh.

• Bước 4: *Kiểm tra và sửa chữa văn bản*

- Cần chú ý sửa các lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp.

Bài làm

Đã từ lâu sách là món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Sách là kho tàng lưu giữ khối kiến thức khổng lồ của nhân loại được tích lũy qua mấy ngàn năm. Sách là chiếc chìa khóa vàng mở cửa tòa lâu đài chứa đựng vô vàn điều kì diệu. Nhận định về giá trị to lớn của sách, một nhà văn có nói: "*Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người*". Câu nói đó có ý nghĩa như một chân lí khẳng định vai trò quan trọng của sách, đồng thời là lời khuyên mọi người nên tạo cho mình thói quen đọc sách.

Sách là gì mà lại có ảnh hưởng sâu rộng đến cuộc sống của con người như vậy?

Có thể nói sách là một trong muôn ngàn điều kì diệu mà nhân loại đã sáng tạo ra. Từ hàng nghìn năm trước, khi chưa có chữ viết, chưa có giấy bút thì con người đã nghĩ đến cách lưu giữ kiến thức. Ở Trung Quốc, Ấn Độ, Hi Lạp, La Mã... những mẫu cổ tự, những hình vẽ có tính quy ước được khắc trên xương thú, mai rùa, trên vách đá hoặc những văn bản cổ được ghi chép trên thẻ tre, trên da dê thuộc... Đó là những hình thức đầu tiên của sách.

Sách là kho tàng chứa đựng những khám phá, hiểu biết và phản ánh đời sống vật chất, tinh thần đa dạng, phong phú của con người. Tất cả những gì đã xảy ra trong lịch sử phát triển của nhân loại mà con người cảm thấy cần lưu giữ, truyền đạt lại cho các thế hệ sau đều được ghi vào sách.

Trong cuộc sống, nếu như không có sách để cung cấp những kiến thức mới lạ và để giải trí sau những giờ phút học tập và làm việc căng thẳng thì chúng ta sẽ ra sao? Quả là nhờ có sách mà tầm hiểu biết của chúng ta ngày càng được mở rộng, nâng cao. Những cuốn sách nhỏ bé mang đến cho chúng ta bao điều lớn lao, mới mẻ và thú vị.

Đến với sách, chúng ta không chỉ biết được những việc xảy ra hằng ngày trên khắp thế giới mà còn biết được cả những sự kiện đã xảy ra từ thời xa xưa của lịch sử loài người. Sách còn là hướng dẫn viên tận tình, năng động, sẵn sàng đưa ta du lịch khắp nơi, đến với những danh lam thắng cảnh, những kì quan nổi tiếng.

Rõ ràng, tác dụng của sách là vô cùng to lớn. Ngày nay, người ta vẫn thích thú tìm hiểu những trang sách cổ đã có từ ngàn xưa, những hình vẽ bí hiểm trên vách hang động thời tiền sử, những mẫu tự lạ lùng trên các tấm da cừu, những chữ tượng hình trên các thẻ tre... Nhờ có sách làm cầu nối giao lưu mà các dân tộc trên thế giới xích lại gần nhau.

Truyện cổ tích giúp ta hình dung được cuộc sống, tinh thần, vật chất của người xưa. Sách lịch sử giúp ta hiểu được những giai đoạn lịch sử thăng trầm của một dân tộc, một đất nước. Sách khoa học kĩ thuật đúc kết kinh nghiệm sản xuất và ghi lại những thành tựu trong mọi lĩnh vực... Sách văn học nghệ thuật giúp ta hiểu biết về những niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ, những ước mơ và khát vọng ngàn đời của con người.

Sách còn giúp người đọc phát hiện và hiểu rõ mình hơn trong mối quan hệ với cộng đồng. Sách khơi dậy những điều tốt đẹp và mở rộng trước mắt ta một chân trời tươi sáng.

Sách còn dạy cho ta biết được bao điều hay lẽ phải trong cuộc đời, giúp ta ngày một hoàn thiện hơn về nhân phẩm, đạo đức. Sách không những giúp ta mở mang kiến thức, mở rộng tầm nhìn mà còn mang lại nguồn hạnh phúc, sự thanh thản cho tâm hồn. Sách vừa là người bạn thân thiết mang lại niềm tin yêu đến cho ta, vừa là người thầy uyên bác, tận tình luôn bên cạnh chúng ta.

Tất cả những điều trên là minh chứng cho "*Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người*".

Sách được viết ra không chỉ để cho người khác đọc mà còn thể hiện ý tưởng, gửi gắm tâm sự của người cầm bút. Khi sáng tác, tác giả đặt ra mục đích viết cho ai? Viết để làm gì? Viết như thế nào? Các tác giả có thể viết nhiều đề tài khác nhau trong cuộc sống, cũng có khi

cùng một đề tài nhưng cách nhìn nhận, giải quyết vấn đề của từng tác giả lại khác nhau.

Từ khi trở thành hàng hóa thông dụng và phổ biến trên thị trường thì một số ít người làm công việc xuất bản in sách với mục đích lớn nhất là để kiếm lợi nhuận tối đa. Chính vì họ chỉ nghĩ tới lợi ích trước mắt nên họ sẵn sàng xuất bản và truyền bá những cuốn sách mang nội dung xấu, không phù hợp với ý nghĩa cao đẹp vốn có của sách. Hiện nay, đang lưu hành rất nhiều loại sách có xuất xứ nguồn gốc ở khắp nơi trên thế giới và không phải bất cứ loại nào cũng là bạn hiền, bạn tốt của mọi người. Vì thế, khi tìm đọc, chúng ta cần phân biệt sách tốt và sách xấu.

Thế nào là sách tốt? Đó là những cuốn sách phản ánh đúng các quy luật tự nhiên và đời sống xã hội. Chúng giúp con người hiểu rõ giá trị của mình, từ đó có ý thức về nghĩa vụ của bản thân đối với cộng đồng. Nó tiếp thêm sinh lực, làm cho con người thêm tự tin, tự hào, có lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp, có quyết tâm phấn đấu trong học tập và làm việc để cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn. Sau khi đọc một quyển sách hay, tâm hồn ta trở nên phong phú và trong sáng hơn, biết sống nhân ái, biết vươn tới cái đẹp trong cuộc đời.

Còn thế nào là sách xấu? Đó là những cuốn sách có nội dung tiêu cực, đầu độc tâm hồn tuổi trẻ, biến thanh thiếu niên thành những kẻ xấu xa, ích kỉ. Hoặc là những cuốn sách xuyên tạc hiện thực đời sống đưa đến cho người đọc những kiến thức chưa đúng về thế giới xung quanh; đề cao dân tộc này mà hạ thấp dân tộc kia, gây thù hằn và ngờ vực giữa các dân tộc, đề cao bạo lực và chiến tranh, kích động những bản năng thấp hèn của con người. Những cuốn sách như thế không thể *thấp sáng trí tuệ* của con người mà ngược lại làm cho nhận thức lệch lạc, tình cảm khô cạn, nhân cách suy thoái.

Trong khi sách tốt là một thứ thuốc bổ dưỡng tinh thần cực kì công hiệu thì sách xấu lại là một thứ thuốc độc vô cùng nguy hại, cần phải bài trừ. Bởi vậy, chúng ta phải xác định cho mình một thái độ đúng đắn đối với việc đọc sách. Trước hết, ta phải biết quý trọng sách và coi đọc sách là một việc rất cần thiết phải làm thường xuyên. Sống mà không đọc sách, không ham mê sách là điều thiệt thòi rất lớn. Tuy vậy ta phải biết chọn sách phù hợp với trình độ và lứa tuổi của mình. Đọc xong cuốn sách phải suy ngẫm, đem những điều hay lẽ phải tiếp thu được từ sách vận dụng vào thực tế đời sống để công việc đạt kết quả cao hơn và cuộc sống tinh thần của mình phong phú thêm.

Đọc sách vừa là cách tự học, tự bồi dưỡng kiến thức, vừa là hình thức giải trí lành mạnh. Từ trước đến nay có không ít những cuốn sách không chỉ khai sáng cho một người, trăm người, triệu người..., mà cho cả nhân loại. Những trang sách của Brunô, Galilê về Trái đất và Thái dương hệ đã mở ra cho loài người một thời kì mới trên con đường chinh phục vũ trụ. Đọc tiểu thuyết Bandắc, ta hiểu ma lực ghê gớm của đồng tiền trong xã hội tư bản châu Âu thế kỉ trước. Đọc thơ Tago, thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, ta hiểu đời sống tinh thần phong phú của con người phương Đông. Đọc thơ Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát... ta hiểu xưa kia cha ông ta từng đau khổ và mơ ước những gì. Đọc thơ Hồ Chí Minh, ta hiểu cái dũng, cái trí, cái nhân của người chiến sĩ cách mạng đẹp đẽ biết nhường nào. Có thể kết luận rằng lợi ích của sách là vô cùng lớn lao. Đúng với nhận xét: "*Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người*".

Hàng ngàn năm qua, con người đã sáng tạo ra sách và ham mê đọc sách. Xưa kia, số người biết chữ rất hạn chế cho nên đọc sách chỉ là đặc quyền của một số ít người. Ngày nay, thú đọc sách là của tất cả mọi người. Trong thời đại khoa học phát triển mạnh mẽ, mặc dù có rất nhiều phương tiện học tập và giải trí hiện đại như ti vi, trò chơi điện tử, phim ảnh, băng đĩa các loại... nhưng không gì có thể thay thế được vai trò của sách. Sách vẫn tiếp tục phát huy khả năng kì diệu của nó. Ta thử hình dung một thế giới không có sách thì sẽ ra sao? Điều đương nhiên là không có sách, nền văn minh nhân loại sẽ dần dần tàn lụi.

BÀI SỐ 113: Bác Hồ đã khởi xướng Tết trồng cây:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Em hiểu ý nghĩa của hoạt động đó như thế nào? Phát biểu cảm nghĩ của em.

Bài làm

Mùa xuân, khi chim chóc bay về làm tổ; khi màu xanh, lộc biếc mướt mà trải dài trên đường phố, làng quê; khi hoa đào, hoa mai rực rỡ sắc hương trong nắng xuân, nhân dân ta lại vui vẻ tổ chức nhiều lễ hội truyền thống. Một trong những hoạt động đón xuân vui vẻ ấy là tết trồng cây. Trong những ngày ấy, mọi người đều nhớ lời Bác:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Đã từ lâu, con người sớm ý thức được sự gắn bó mật thiết giữa mình và thiên nhiên, trong đó cây xanh là yếu tố vô cùng quan trọng. Cây xanh góp phần điều tiết không khí trong lành để con người sống khỏe mạnh, cây xanh tỏa bóng mát cho con người mỗi khi trời nắng, cây xanh đem đến cho con người quả ngọt, bông sai, cây xanh gọi chim về làm tổ hót véo von mỗi buổi sớm... Trên thế giới, nhiều nước sớm ý thức được tầm quan trọng của việc trồng cây. Một trong những nước có phong trào trồng cây rộng khắp và sớm nhất là Ấn Độ.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng một xã hội mới, Bác Hồ đã đề xướng Tết trồng cây. Noi gương Bác và hưởng ứng lời kêu gọi của Bác, nhân dân ta đã hăng hái trồng cây vào dịp Tết. Tết trồng cây trở thành một thói quen, một phong trào không thể thiếu được trong dịp đầu xuân. Tết trồng cây trở thành ngày hội của nhân dân ta, là dịp tưởng nhớ đến Bác Hồ và làm theo lời của người.

Mỗi dịp tết trồng cây, con người thêm gắn bó với thiên nhiên, đất nước, làm đẹp thêm quang cảnh nơi chúng ta sống, bảo vệ môi trường lành mạnh nơi chúng ta ở, làm giàu thêm cho cuộc sống của chúng ta. Tết trồng cây cũng tạo cho con người gắn bó, gần nhau hơn vì một mục đích tốt đẹp, vì lợi ích chung của xã hội, của con người.

Trồng thêm cây xanh, chúng ta góp phần khôi phục những cánh rừng bị tàn phá, khai thác bừa bãi, chống xói mòn, tăng thêm màu mỡ cho đất, điều hòa mực nước của sông ngòi, hạn chế lũ lụt, ngăn gió biển, nước biển tràn vào phá hoại mùa màng. Trồng thêm cây xanh, chúng ta còn tạo ra một tiềm năng của cải vật chất lớn lao cho đời sống mỗi gia đình và xã hội. Hàng triệu cây chúng ta trồng mỗi năm, trong một thời gian sẽ cho một lượng gỗ lớn để xây dựng nhà cửa, đóng thuyền bè, vật dụng cần thiết cho cuộc sống, cho việc học tập của con em và còn cung cấp cho công nghiệp chế biến lâm sản, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu nữa. Đối với những thành phố công nghiệp, việc trồng cây xanh còn giữ được bầu không khí trong lành, ngăn chặn được những độc hại do khí độc ở nhà máy thải ra, do ô nhiễm của xe cộ đi lại.

Cuộc sống của con người sẽ vui hơn, đẹp hơn, chúng ta sẽ giữ gìn được sức khỏe tốt hơn trong mỗi ngày đến cơ quan, nhà máy, trường học dưới những hàng cây rợp bóng mát, trong tiếng ríu rít đưa tiễn của chim chóc reo ca và trong niềm vui quây quần bên mái ấm gia đình có hoa thơm, trái ngọt.

Em đang sống và học tập trong một thành phố lớn, thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu. Ngày ngày đi học giữa làn xe cộ tấp nập,

khỏi thải từ nhà máy và xe cộ làm không khí xú uế, đây là chưa kể đến lượng phế thải của rác, của những dòng sông đen ngòm nước thải. Khắp nơi trên thành phố, những khẩu hiệu “Hãy cứu lấy bầu trời thành phố” như thúc giục, nhắc nhở mọi người phải có trách nhiệm giữ gìn cho thành phố sạch đẹp, tạo cho thành phố có không khí trong lành. Việc trồng cây trên đường phố, công viên, trường học vào những dịp Tết trồng cây theo lời dạy của Bác lại càng có ý nghĩa. Làm theo lời Bác, chẳng những chúng ta phải học tập, lao động để xây dựng đất nước ngày một giàu hơn, to đẹp hơn, mà còn phải thể hiện những ước mong bình thường mà trước khi đi xa Bác dặn lại. Trồng cây không chỉ vì lợi ích mười năm mà còn vì lợi ích muôn đời cũng như “trồng người” vậy.

Tết trồng cây mà Bác Hồ đề xướng là một hoạt động mang nhiều ý nghĩa cho lợi ích đời sống và hạnh phúc lâu dài. Ngày hội trồng cây hàng năm vào dịp Tết đã trở thành một phong tục tốt đẹp không thể thiếu được trong đời sống của nhân dân ta. Chúng ta phải biến những hành động thành ý thức thường trực và phát triển với quy mô rộng lớn, làm cho đất nước ta “càng ngày càng xuân”, làm cho màu xanh cây lá mãi như là biểu tượng của một đời sống ấm no, hạnh phúc. Trồng cây, bảo vệ và giữ gìn, chăm sóc cây xanh vì thế là trách nhiệm thường xuyên của tất cả chúng ta, nhất là dịp tết trồng cây hàng năm.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI SỐ 114: Nhiều người cho rằng: “Tình yêu thương có vai trò quan trọng đối với con người, đặc biệt là khi thế giới ngày càng lắm thiên tai, dịch bệnh, hiểm họa”. Hãy bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề này và thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến đó.

Hướng dẫn

- Xác định thể loại làm bài: Văn chứng minh
- Đối tượng cần chứng minh: Ý kiến “*Tình yêu thương có vai trò quan trọng đối với con người, đặc biệt là khi thế giới ngày càng lắm thiên tai, dịch bệnh, hiểm họa*”.
- Chủ đề: *tình yêu thương*.
- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trọng tâm trong đề bài:
 - + *Tình yêu thương* là gì?
 - Đó là tình cảm quý báu, là sự quan tâm, lo lắng, yêu thương lẫn nhau giữa con người và con người.
 - + *Thiên tai* là gì?
 - Hiện tượng thiên nhiên tác hại lớn đến sản xuất và đời sống như bão, lụt, hạn hán, giá rét, động đất.

- + *Dịch bệnh* là gì?
- Sự lây nhiễm bệnh tật, là những căn bệnh truyền nhiễm dễ lây lan thành dịch.
- + *Hiểm họa* là gì?
- Tai họa lớn gây nguy hại sâu sắc đến đời sống con người.
- + *Nghĩa của ý kiến*: Đề cao tình yêu thương là đức tính tốt đối với con người.

Dàn bài

I. Mở bài

- Dẫn dắt: "Trong vô vàn những đức tính tốt đẹp và quý báu của con người Việt Nam thì tình yêu thương là một trong những tình cảm tuyệt vời và hết sức quan trọng đối với con người".

- Nêu nội dung ý kiến.
- Trích dẫn ý kiến.
- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?)

II. Thân bài

- Từ ngữ liên kết: *Thật vậy, Quả đúng như vậy.*
- Lời dẫn.

1. *Giải thích từ ngữ trong tâm trong ý kiến* (Nghĩa đen $\Rightarrow$ Nghĩa bóng).

- + *Tình yêu thương* là gì?
- Đó là tình cảm quý báu, là sự quan tâm, lo lắng, yêu thương lẫn nhau giữa con người và con người.
- + *Thiên tai* là gì?
- Hiện tượng thiên nhiên tác hại lớn đến sản xuất và đời sống như bão, lụt, hạn hán, giá rét, động đất.
- + *Dịch bệnh* là gì?
- Sự lây nhiễm bệnh tật, là những căn bệnh truyền nhiễm dễ lây lan thành dịch.
- + *Hiểm họa* là gì?
- Tai họa lớn gây nguy hại sâu sắc đến đời sống con người.
- * *Nghĩa của ý kiến*: Đề cao tình yêu thương là đức tính tốt đối với con người.

2. *Đưa ra các nguồn dẫn chứng*

a. *Trong thời đại lịch sử xa xưa*

- Lòng yêu thương dân tộc sâu sắc của Bác Hồ.
- Các vị vua, quan thanh liêm ngày xưa mở kho lương thực cứu giúp cho người dân nghèo bị thiên tai: lũ lụt, hạn hán,...

b. Trong thời đại hiện nay

- Quyền góp giúp đỡ cho đồng bào miền Trung bị lũ lụt tàn phá.
- Nhiều chương trình xã hội trên đài truyền hình giúp đỡ người nghèo bằng tất cả tình yêu thương, san sẻ như: “Tiếp sức đến trường”, “Ngôi nhà mơ ước”, “Vượt lên chính mình”,...

c. Trong thơ văn

- Thương người như thể thương thân.
- Lá lành đùm lá rách.
- Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

d. Mở rộng

- Chê trách những người ích kỷ, chỉ biết đến bản thân mình mà thờ ơ, vô cảm với những mảnh đời bất hạnh. Bỏ mặc sự sống chết của những người nghèo khổ cần được cứu mang, giúp đỡ. Những kẻ ích kỷ đó cần phải được chúng ta lên án một cách mạnh mẽ để răn đe.

III. Kết bài

- Từ ngữ liên kết: Qua những điều vừa phân tích ở trên,
- Khẳng định lại ý nghĩa của ý kiến: Nhấn mạnh tình yêu thương là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, chúng ta cần phải biết trân trọng và giữ gìn.
- Ứng dụng học tập cho bản thân: Luôn mở rộng tấm lòng yêu thương của mình đến với mọi người xung quanh và cả thế giới.

Bài làm

Trong cuộc sống này ai cũng có lúc gặp khó khăn và cần người khác giúp đỡ. Chính vì lòng hảo tâm ấy đã khẳng định cho ý kiến sau đây là đúng đắn: “Tình yêu thương có vai trò quan trọng đối với con người, đặc biệt là khi thế giới ngày càng lắm thiên tai, dịch bệnh, hiểm họa”. Vậy theo bạn, chúng ta nên hiểu ý kiến này như thế nào là đúng đắn?

Trong xã hội hiện nay, nếu thiếu mất tình yêu thương thì cuộc sống này sẽ trở nên tẻ nhạt và buồn chán. Tình yêu thương của chúng ta không chỉ có sự đùm bọc nhau, không chỉ có bạn bè thân thiết, có sự quan tâm của thầy cô đối với học trò mà đó là cả một tình yêu thương to lớn của một xã hội, đất nước biết giúp đỡ nhau vượt qua cơn hoạn nạn, khó khăn, của những lần bị thiên tai, hạn hán, lũ lụt hoành hành. Những điều đó đã làm cho bao mảnh đời vốn đã khốn khó nay càng vất vả hơn. Chính vì vậy mà con người luôn gắn kết với nhau chia sẻ cho nhau những mảnh tình thương quý báu và việc nâng cao ý thức cho nhau làm cho xã hội ngày càng phát triển hơn.

Có thể nói, thông qua sự giúp đỡ của mọi người thì trên thế giới mặc dù ở đâu có thiên tai, dịch bệnh thì cũng có những người tốt bụng dang đôi tay đến giúp đỡ người gặp khó khăn, hoạn nạn. Cũng vì như vậy mà tình yêu thương con người có vai trò hết sức quan trọng trong cuộc sống lắm khó khăn như hiện nay.

Trong thời đại lịch sử xa xưa, có thể nói dân tộc đã bị bọn giặc thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đã giết hại đồng bào ta một cách tàn nhẫn. Chính vì lòng yêu thương dân tộc sâu sắc, Bác Hồ - vị cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam đã đấu tranh, hi sinh cả cuộc đời để chiến đấu giải phóng Tổ quốc để ta có được nền độc lập, tự do, hạnh phúc như ngày hôm nay. Ngoài ra có thể nói đến sự quan trọng của các vị vua, quan thanh liêm, chính trực ngày xưa cũng mang tấm lòng bồ tát của mình giúp đỡ cho nhân dân thoát khỏi đói nghèo bằng cách xuất kho lương thực khi người dân bị thất mùa, đói kém, giúp dân đắp đê chống lũ mỗi khi lũ lụt tràn về, đe dọa biết bao tính mạng con người. Cuộc sống mọi người có được ấm no, hạnh phúc tất cả đều nhờ công ơn của những vị anh hùng, vua quan liêm khiết ngày xưa. Điều đó lại càng chứng minh cho ta thấy tình yêu thương giữa con người và con người là hết sức quan trọng, và nó đã được nhân dân ta gìn giữ và phát huy một cách sâu đậm.

Ở thời đại ngày nay, tình yêu thương con người ngày càng được nâng cao. Những người gặp khó khăn trong cuộc sống đã được các chương trình truyền hình giúp đỡ để vươn lên trong cuộc sống như "Tiếp sức đến trường", "Ngôi nhà mơ ước", "Vượt lên chính mình",... những ngôi nhà mới được dựng lên, những học bổng được trao cho các em học sinh, sinh viên nghèo hiếu học đã nói lên được tình yêu thương giữa con người với nhau đã ngày càng được nhân rộng. Thông qua những chương trình giàu ý nghĩa ấy, nhiều mạnh thường quân đã trích ra những số tiền ít ỏi của mình nhằm giúp cho những người khó khăn phần nào vượt qua được những khốn khó trong cuộc sống. Gần đây nhất có thể kể đến đó là cơn bão tàn khốc đã quét qua đất nước Philipin làm thiệt hại về người và của không biết bao nhiêu mà kể xiết. Hiểm họa, bệnh tật bỗng nhiên ập đến với người dân đất nước khiến cho họ dường như bị chao đảo, khó khăn càng chồng lên khó khăn. Trước tình hình ấy, mạnh thường quân khắp nơi trên thế giới đã chung tay đóng góp thể hiện tinh thần tương thân tương ái giúp cho đất nước Phi-líp-pin dần dần khôi phục, cải thiện đời sống người

dân sau cơn bão. Tất cả những điều đó đều là những nghĩa cử cao đẹp thể hiện tình thương giữa con người và con người với nhau.

Không chỉ ở thời đại xa xưa, hay thực tế hiện nay mới thể hiện được tình yêu thương mà ngay cả trong các câu thơ văn cũng hiển hiện rõ điều đó ví như câu “Thương người như thể thương thân”, hay “Lá lành đùm lá rách”, “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”,... Có thể nói rằng cho dù có như thế nào đi chăng nữa thì đã là con người với nhau thì sẽ luôn giúp đỡ lẫn nhau những lúc hoạn nạn, khó khăn.

Ngoài những khía cạnh tốt đẹp trên, ta còn hay bắt gặp những kẻ ích kỉ, chỉ biết thờ ơ, vô cảm với cuộc sống khó khăn của người khác. Họ chỉ biết lo cho bản thân mình mà không hề đoái hoài đến những người khác. Đó là những con người rất đáng chê trách và phê phán trong xã hội. Chúng ta phải cho họ thấy rằng nếu sống mà không biết giúp đỡ người khác thì khi gặp khó khăn, hoạn nạn sẽ không ai giúp đỡ mình.

Có lẽ bạn và tôi cũng thấy rất rõ sự thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau là rất quan trọng. Qua đó, tôi đã rút ra bài học cho mình rằng chúng ta phải luôn giúp đỡ nhau thì cuộc sống mới trở nên tốt đẹp và khi mình gặp khó khăn sẽ được giúp đỡ. Vậy bạn có muốn cùng tôi giúp đỡ mọi người xung quanh để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn không?

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI SỐ 115: Nhân dân ta có câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

Hướng dẫn

- Xác định thể loại làm bài: *Văn chứng minh*
- Đối tượng cần chứng minh: câu tục ngữ “*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*”.
- Chủ đề: *học tập*.
- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trọng tâm trong đề bài:
 - + *Đàng* là gì?
 - Là đường $\Rightarrow$ Hiểu rộng ra là khắp nơi.
 - + *Khôn* là gì?
 - Có khả năng suy xét để xử sự một cách có lợi nhất tránh được những việc làm và thái độ không nên có.

* *Nghĩa cả câu*: Con người phải đi đây đi đó để mở rộng tầm hiểu biết của mình.

Dàn bài

I. Mở bài

- Dẫn dắt: “Trong kho tàng ca dao, tục ngữ của ông cha ta...”.
- Nêu nội dung câu tục ngữ.
- Trích dẫn câu tục ngữ.
- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?)

II. Thân bài

- Từ ngữ liên kết: *Thật vậy, Quả đúng như vậy.*
- Lời dẫn.

1. *Giải thích từ ngữ trọng tâm trong câu tục ngữ* (Nghĩa đen ⇒ Nghĩa bóng).

+ *Đàng là gì?*

- Là đường ⇒ Hiểu rộng ra là khắp nơi.

+ *Khôn là gì?*

- Có khả năng suy xét để xử sự một cách có lợi nhất-tránh được những việc làm và thái độ không nên có.

* *Nghĩa cả câu:* Con người phải đi đây đi đó để mở rộng tầm hiểu biết của mình.

* Có đi ra ngoài ta mới thấy được tận mắt, nghe được tận tai nhiều điều hay chuyện lạ, nhờ đó mà khôn ngoan hơn. Nếu cứ ngồi ở xó nhà thì có hiểu biết được gì? Càng đi xa, ta càng hiểu rộng, biết nhiều hơn.

2. *Đưa ra các nguồn dẫn chứng*

a. *Trong thời đại lịch sử xa xưa*

Có đi đây đi đó ta mới có thể mở mang thêm nhiều kiến thức bổ ích của nhân loại. Nếu chỉ quanh quẩn trong nhà, trong trường, lớp thì ta đang tự cô lập, gò bó sự sáng tạo, sự tiếp thu những kiến thức mới mẻ ngoài xã hội của bản thân dễ dẫn đến sự lạc hậu. Ví như: Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, bốn ba khắp năm châu bốn biển để tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Trong quá trình ấy, Bác đã học được rất nhiều bài học hay, bổ ích đặc biệt là vốn ngoại ngữ hàng chục thứ tiếng nước ngoài mà Bác đã học được. Bác mãi là tấm gương sáng cho việc mở mang kiến thức ra bên ngoài.

b. *Trong thời đại hiện nay*

Nhà trường thường hay tổ chức nhiều chuyến tham quan, học tập những bảo tàng chứng tích chiến tranh, bảo tàng lịch sử nhằm giúp ta mở mang thêm tầm hiểu biết lịch sử nước nhà..

- Bản thân chúng ta phải tự tin, năng động, sáng tạo trong học tập. Đặc biệt là tham gia tổ chức Đoàn Đội để tích lũy vốn kiến thức, kĩ năng sống mà những kĩ năng này rất quan trọng đối với học sinh.

c. Trong thơ văn

- Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. (Hồ Chí Minh)
- Đi cho biết đó biết đây.
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.
- Đi một buổi chợ học được mớ khôn.

3. Mở rộng

Chê trách những người suốt một đời người chỉ biết gói gọn kiến thức của mình ở trường lớp, ở nhà mà không biết rằng kiến thức bên ngoài là vô bờ bến, nếu một ngày ta không tiếp thu thì sẽ trở thành một con người lạc hậu, đi sau thời thế.

III. Kết bài

- Từ ngữ liên kết: *Qua những điều vừa phân tích ở trên,*
- Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ: Lời khuyên của ông cha ta đối với thế hệ sau là phải biết mở mang tầm hiểu biết của mình ra bên ngoài xã hội, thế giới.
- Ứng dụng học tập cho bản thân: Luôn đọc thêm sách báo, tiếp nhận thêm nhiều thông tin từ các phương tiện truyền thông để nâng cao tầm hiểu biết của mình.

Bài làm 1

Trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam, những thế hệ đi trước đã để lại cho chúng ta những bài học bằng xương máu, về kinh nghiệm hay về cách đối nhân xử thế trong xã hội. Câu tục ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” là một ví dụ mang ý nghĩa như trên. Nó còn khuyên ta phải biết tìm hiểu thế giới bên ngoài để tiếp thu những kiến thức hay, bổ ích bên ngoài xã hội. Có như vậy, ta mới biết được một điều những kiến thức mình biết chỉ như một giọt nước còn những điều mình chưa biết như một biển cả mênh mông. Vậy ta cần phải hiểu câu tục ngữ trên như thế nào?

Quả đúng như vậy, những bài học về phẩm chất, đạo đức mà ông cha ta đã đúc kết đã gói gọn trong những từ ngữ đơn giản mà dễ hiểu. Câu tục ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” có hai vế cân bằng. “Học” ở đây chính là sự tiếp thu một kiến thức mới. “Sàng khôn” chính là những kiến thức mới, bổ ích trong quá trình tiếp thu ấy. Câu tục ngữ muốn khuyên nhủ chúng ta rằng ta phải tiếp xúc với thế giới bên ngoài thì chắc chắn ta sẽ biết thêm được rất nhiều kiến thức mà ta chưa biết để rồi từ đó nâng cao trình độ học vấn của mình.

Trong thời đại lịch sử xa xưa, để có thể tìm hiểu thêm về thế giới bên ngoài ông cha ta đã đi đến các nước bạn để tìm hiểu về phong tục,

tập quán và kinh nghiệm của họ để đem về cho đất nước. Hay trong thời kì Phục Hưng ở châu Âu, Côlômbô đã tự mình tìm đường ra biển cả để khám phá ra Châu Mỹ. Tất cả những điều đó đã chứng tỏ, nếu ta không chịu khó tìm tòi, học hỏi, mở rộng tầm hiểu biết của mình ra bên ngoài thì vốn kiến thức của ta cũng chỉ là một giọt nước nhỏ bé giữa một đại dương rộng lớn, mênh mông.

Trong thời đại ngày nay, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để học sinh được mở rộng kiến thức như tổ chức đi tham quan các khu du lịch sinh thái, hoặc những bảo tàng như: bảo tàng chứng tích chiến tranh, bảo tàng lịch sử Việt Nam,... nhằm giúp học sinh hiểu rõ hơn nguồn cội lịch sử nước nhà.

Trong thơ văn ta cũng thường hay bắt gặp những câu như lời nói của Lênin “học, học nữa, học mãi” mong muốn khuyên ta một điều đó là học phải là một công việc suốt đời để nâng cao trình độ kiến thức của mình, không phải học một hai ngày thì ta đã tiếp thu hết được kiến thức của nhân loại.

Mặt khác, có rất nhiều bạn cho rằng “đi một ngày đàng” chưa chắc đã học được “sàng khôn” nào. Học là trách nhiệm, là bổn phận của mỗi người, ta phải tự học là chính để từ đó ta mới có được “sàng khôn” chứ không phải học những thói hư tật xấu để rồi bắt chước làm theo như vậy là không tốt. Bên cạnh đó cũng còn nhiều người ỷ lại vào người khác mà chưa biết tự mình vươn lên trong học tập, hay đi tìm những kiến thức mới. Đây là những người rất đáng chê trách, ta không nên học theo.

Từ các dẫn chứng trên cho ta thấy câu tục ngữ “đi một ngày đàng, học một sàng khôn” khuyên ta khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài thì phải học hỏi những điều hay lẽ phải để có thể nâng cao được trình độ kiến thức hiểu biết của mình. Từ đó, ta có thể rút ra được bài học cho mình là phải luôn luôn học tập, đi nhiều nơi để học thêm được nhiều điều mai sau là người có ích cho xã hội.

Bài làm 2

Trong cuộc sống của chúng ta, học tập là một điều rất quan trọng. Ngoài học tập ở trường, trong các quyển sách giáo khoa thì chúng ta còn phải học tập những điều thú vị trong đời sống. Cũng như câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” cũng đã nói lên được hàm ý trên. Ý nghĩa câu tục ngữ này là nếu ta đi tìm tòi, học tập những điều hay bên ngoài xã hội và trên thế giới thì ta sẽ có những

bài học, kinh nghiệm sâu sắc cho mình. Vậy ta phải hiểu câu tục ngữ trên một cách đúng đắn hơn ra sao?

Quả đúng như vậy, để truyền đạt cho con cháu đời sau những bài học đạo đức, những phẩm chất tốt đẹp, ông cha ta thường dùng những từ ngữ, hình ảnh đơn giản, giàu ý nghĩa trong cuộc sống. Xét về mặt nghĩa đen, “học” có nghĩa là học tập, học hỏi, là tiếp thu thêm kiến thức; “sàng khôn” mang tính chất là nói về kiến thức, sự hiểu biết. Vậy nghĩa đen của câu tục ngữ này là ta chỉ cần đi ra ngoài xã hội để học tập thì chắc chắn ta sẽ có được thêm kiến thức vô giá. Nếu bàn về nghĩa bóng thì câu tục ngữ này có ý nghĩa là học tập bên ngoài sách vở, học trong xã hội thì ta sẽ có thêm nhiều kinh nghiệm, bài học sâu sắc hơn. Tóm gọn lại, câu tục ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” muốn khuyên ta một đạo lý “bên ngoài xã hội là một thế giới đầy những điều thú vị, chỉ cần ta đi tìm tòi, học tập thì ta sẽ có vô vàn kinh nghiệm, vốn kiến thức về sau.

Trong lịch sử xa xưa, có những người đã rất cố gắng học tập và họ đã thành công trong tương lai. Không chỉ dừng lại tại đó mà họ còn đi tìm tòi, học hỏi những điều mới lạ bên ngoài xã hội, thậm chí học tập những cái hay của các nước bạn để mang lại sự phồn vinh cho đất nước Việt Nam ta như Nguyễn Khuyến, Lương Thế Vinh, Chu Văn An, Hồ Chí Minh,...

Hay trong thời đại hiện nay cũng vậy, việc học tập luôn được đề cao. Các bạn học sinh luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, tham gia các chương trình hoạt động thể thao, du học nước ngoài để tiếp thu thêm nhiều kiến thức của nhân loại. Các anh chị sinh viên, các nhà khoa học luôn tìm tòi và mong muốn tăng lên sự tiến bộ cho đất nước Việt Nam. Chính vì có tinh thần học tập tuyệt vời mà nước ta đã có rất nhiều nhân tài xuất hiện như Ngô Bảo Châu đã thành công trong sự nghiệp toán học và được nhiều người biết đến hay chị Trần Bình Gấm đỗ cả ba trường đại học, hình ảnh của một cô bé bán khoai khi nào nay đã phát phơ trong tà áo trắng của một nữ bác sĩ tương lai. Nhờ có sự học tập, học hỏi mà họ đã đạt được những thành tựu như thế.

Ngay cả trong thơ văn cũng thế, có những câu tục ngữ, ca dao chứa đựng những bài học sâu sắc về việc mở mang kiến thức, trong đó có câu “đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học”, hay câu nói của Lênin “học, học nữa, học mãi”... đều nói lên tinh thần học tập một cách vững chắc.

Nhưng cũng có những người cho rằng: “Đi một ngày đàng nhưng có khi chẳng có sàng khôn nào”. Vậy ý kiến trên đúng hay sai? Nó có thể đúng hoặc sai vì nếu bạn chịu khó tìm tòi thì chắc chắn sẽ có được kiến thức, nhưng nếu không có quyết tâm tìm tòi, chỉ biết ỷ lại vào người khác thì cũng sẽ chẳng có một vốn kiến thức nào dành cho bạn cả. Vì vậy phải cố gắng tìm tòi học tập thì mới có kiến thức vững chắc được.

Qua những dẫn chứng trên đã chứng minh cho chúng ta thấy “Việc học tập rất quan trọng nhưng không phải chỉ gói gọn trong môi trường trường, lớp mà ta cần phải học tập thêm những điều thú vị cần học hỏi, biết những điều mà ta chưa biết”. Rút ra bài học cho bản thân, ta nên học hỏi kiến thức bên ngoài xã hội vì nó sẽ mang đến cho ta những ích lợi và kinh nghiệm trong tương lai.

BÀI SỐ 116: Thiên nhiên là người bạn tốt của con người. Con người cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên. Em hãy chứng minh.

Bài làm

Bác Hồ là người rất yêu thiên nhiên. Người từng viết:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

Đọc những lời hay, ý đẹp trong hai câu thơ trên của Bác, chúng ta hiểu rằng từ xưa đến nay con người đã gần gũi, gắn bó với thiên nhiên như thế nào. Chúng ta cũng hiểu thiên nhiên là tất cả những gì có xung quanh ta, là người bạn tốt của con người.

Thiên nhiên là tất cả những gì ở xung quanh ta. Thiên nhiên là trời, đất, mây, núi, trăng, hoa, sông, biển, không khí, chim muông... Thiên nhiên không do con người làm ra nhưng cần thiết cho con người biết bao. Con người luôn yêu quý, gắn bó với thiên nhiên.

Trước hết, chúng ta thấy thiên nhiên là nguồn sống vô tận của con người. Thiên nhiên là rừng cho ta vàng, là biển cho ta bạc, là bầu trời - một mái nhà lớn cho ta sống, là không khí cho ta thở, là mặt đất bao la cho ta cấy trồng, là cây xanh cho ta bóng mát. Hàng ngày ta sống cùng thiên nhiên, sống trong lòng thiên nhiên. Nguồn sống vô tận, vô tận ấy cho ta sự sống, sức khỏe, niềm vui. Như người mẹ cho ta dòng sữa ngọt ngào, như người bạn cho ta sự an ủi, thiên nhiên hào phóng và gần gũi biết bao.

Từ thiên nhiên, biết bao vấn đề đặt ra cho con người khám phá, nghiên cứu và phát minh. Từ thiên nhiên, biết bao đề tài cho con người

sáng tạo nghệ thuật, tạo nên những giá trị tinh thần to lớn. Trong ba yếu tố cần nhất để con người sống, làm việc, sáng tạo, thì đã có tới hai là do thiên nhiên đem đến: thiên thời và địa lợi. Một bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, một vần thơ ca ngợi thiên nhiên gần gũi, một, công trình kiến trúc nguy nga, đồ sộ..., có cái gì là không lấy từ đề tài thiên nhiên, không phản ánh sự gắn bó của con người với thiên nhiên.

Một tia chớp và tiếng nổ dữ dội trong cơn mưa giúp cho các nhà khoa học nghiên cứu ra hệ thống thu lôi. Một cơn lũ đầu nguồn cuốn trôi cây cối gợi ra cách hạn chế thác lũ bằng trồng cây gây rừng, ngăn dòng chảy tạo nên điện sáng. Một thân cây khẳng khiu, trụi lá giữa sự che khuất của tán lá cây to gợi ra phát minh về quang hợp trong kĩ thuật trồng cây...

Một ánh trăng lung linh mặt nước, một mặt trời đỏ ối trên đỉnh núi cao một nhành mai nở hoa bên suối, một dòng sông uốn khúc chảy quanh đồng lúa, một tiếng chim hót giữa bình minh, một giọt sương đọng trên lá cây, một áng mây lững lờ trôi giữa không trung... đã tạo nên những vần thơ, lời hát, nét vẽ sống động tác động vào tâm hồn con người.

Bà Huyện Thanh Quan khi đi qua đèo Ngang đã sáng tác nên những vần thơ nổi tiếng, mượn cảnh nói lên nỗi u hoài của mình với nhà, với nước:

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá lá chen hoa*

.....
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Thiên nhiên thật đáng quý và là bạn tốt của con người. Thiên nhiên đặt ra cho con người một vấn đề lớn lao: không chỉ sử dụng thiên nhiên, cải biến thiên nhiên phục vụ cho cuộc sống, mà còn phải yêu quý và bảo vệ thiên nhiên nữa. Việc trồng cây gây rừng, việc ngăn cấm khai thác rừng bừa bãi, việc bảo vệ gìn giữ cây cối, chim muông, thú quý, việc ngăn chặn khoan mạch nước ngầm tự do... đã chứng tỏ con người luôn luôn yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.

Thành phố chúng ta đang phát triển về nhà ở, dân cư, nhà máy, phương tiện giao thông..., đã làm ô nhiễm không ít không khí trong lành, ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người. "Hãy cứu lấy bầu trời thành phố" cũng chính là nhiệm vụ, là tấm lòng, là khả năng của con người chúng ta giữ gìn yêu quý, làm đẹp thêm thiên nhiên, làm giàu thêm thiên nhiên, làm giàu đẹp thêm cuộc sống của chúng ta.

BÀI SỐ 117: Hãy chứng minh rằng, bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.

Dàn bài

I. Mở bài

- Nêu khái quát vai trò của rừng đối với cuộc sống của chúng ta.
- Khẳng định: bảo vệ rừng chính là bảo vệ cuộc sống.

II. Thân bài

- Chứng minh bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta:

1. Nêu những ích lợi của rừng:

- + Trong chiến tranh:

- Chỗ trú ẩn an toàn, bảo vệ cho quân ta.
- Cung cấp thức ăn, thuốc chữa bệnh cho bộ đội.

- + Trong cuộc sống thường ngày:

- Cung cấp không khí.
- Ngăn lũ lụt, lở đất.
- Cung cấp sản vật, hoa cỏ, gỗ,...
- Tạo lớp mùn cho đất.
- Nơi nghỉ ngơi, thư giãn, nghiên cứu khoa học.

2. Vì thế, bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta, bởi:

- Nghĩa là chúng ta đang bảo vệ sự trong lành của sự sống.
- Nghĩa là chúng ta đang bảo vệ mình khỏi những thiên tai.
- Nghĩa là chúng ta đang gìn giữ cho những ích lợi lâu dài của cả cộng đồng.

III. Kết bài

- Nêu trách nhiệm của bản thân và gửi thông điệp bảo vệ rừng đến mọi người.

Bài làm

Trên suốt dải đất hình chữ S của Tổ quốc thân yêu, đâu đâu cũng có rừng. Những cánh rừng đại ngàn Tây Bắc, Việt Bắc, Trường Sơn, miền Đông Nam Bộ... Những khu rừng nguyên sinh Cúc Phương, Cát Tiên, Bạch Mã, Cẩn Giời, U Minh... là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô giá tồn tại tự bao đời. Tục ngữ có câu: *Rừng vàng, biển bạc*. Quả là rừng đã đem lại cho con người những lợi ích lớn lao. Con người không thể sống thiếu rừng, cho nên bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính chúng ta.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt, rừng gắn bó thân thiết với con người: *Núi giăng thành lũy thép dày / Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù* (Tố Hữu). Núi rừng Việt Bắc đã trở thành

thủ đô của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp. Núi rừng Trường Sơn với đường mòn Hồ Chí Minh đã trở thành huyền thoại của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đau thương và oanh liệt... Hãy thử hình dung những năm tháng ấy nếu không có rừng ta lấy gì để chở che, lấy đâu thức ăn, thuốc chữa bệnh cho bộ đội. Và trong thắng lợi lấy lòng của hai cuộc kháng chiến, rừng như một chiến sĩ trong đội quân anh dũng trên tuyến đầu.

Trong cuộc sống đời thường, rừng cung cấp cho chúng ta bao tài nguyên vô giá cùng với những lợi ích to lớn không sao kể hết. Vành đai rừng phòng hộ đầu nguồn là những rào chắn hữu hiệu ngăn chặn nạn xói mòn, lở đất để bảo vệ tài sản và tính mạng của con người. Rừng là bộ máy thiên nhiên khổng lồ điều hòa khí hậu, cung cấp nguồn oxy, duy trì sự sống trên mặt đất. Rừng còn là kho tàng phong phú, đa dạng về thế giới muôn loài. Cảnh quan đẹp đẽ của rừng đem lại cho con người những phút giây thư giãn tuyệt vời sau những ngày làm việc, học tập mệt nhọc và căng thẳng, cho người ta nguồn dược liệu quý để chữa bệnh, giữ gìn sức khỏe. Rừng cho ta vô số loài thú quý hiếm như: hổ, báo, hươu, nai...

Rừng bị tàn phá sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày. Diện tích rừng của nước ta càng ngày càng bị thu hẹp một cách đáng lo ngại một phần bởi nạn "lâm tặc" phá rừng lấy gỗ quý, làm giàu bất chính, một phần bởi sự kém hiểu biết của người dân địa phương phá rừng lấy đất trồng trọt. Cung cách làm ăn thô sơ, lạc hậu như đốt nương làm rẫy, đốt ong lấy mật... chỉ sơ ý một chút là gây ra tổn hại khôn lường. Hàng ngàn hecta rừng nguyên sinh bị cháy rụi, hàng ngàn loài động vật bị tiêu diệt, sự cân bằng sinh thái bị phá vỡ... biết mấy trăm năm nữa mới khôi phục lại được những khu rừng như thế?

Cho nên bảo vệ rừng là bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống của chính con người. Mỗi chúng ta phải có ý thức tự giác trong việc giữ gìn và phát triển rừng để quê hương, đất nước mãi mãi xanh một màu xanh đầy sức sống.

BÀI SỐ 118: Hãy chứng minh rằng đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống.

Hướng dẫn

- Xác định thể loại làm bài: Văn chứng minh.
- Đối tượng cần chứng minh: Ý kiến "Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống".

- Chủ đề: *bảo vệ môi trường sống.*

- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trọng tâm trong đề bài:

+ *Môi trường là gì?*

- Toàn bộ nói chung những điều kiện tự nhiên, xã hội trong đó con người hay một sinh vật tồn tại, phát triển, trong quan hệ với con người với sinh vật ấy.

Lưu ý: Môi trường ở đây cần hiểu rộng ra và cụ thể bao gồm yếu tố kết hợp lại: Đất, nước, không khí, rừng xanh.

+ *Ý thức nghĩa là gì?*

- Sự nhận thức đúng đắn, biểu hiện bằng thái độ hành động cần phải có.

+ *Tổn hại là gì?*

- Làm mất mát, hư hại lớn.

* Nghĩa cả câu (lời nhắc nhở cũng là bài học kinh nghiệm mà ta cần rút ra): Phải bảo vệ môi trường sống được trong sạch, “khỏe mạnh”. Vì khi bảo vệ và gìn giữ nó cũng giống như đang chăm sóc sức khỏe bản thân chúng ta và tất cả mọi người.

- Các em cần đưa ra những giá trị, ý nghĩa của môi trường đối với đời sống con người, những tác hại ảnh hưởng đến cuộc sống nếu môi trường sống bị tàn phá, các biện pháp thực hiện bảo vệ, giữ gìn.

- Đề bài không phải là tác phẩm dân gian (ca dao, tục ngữ,...) cho nên lời dẫn dắt cần phải có sự thay đổi cho phù hợp. Đối với những dạng đề này, muốn viết lời dẫn hay ta nên làm theo hai thao tác sau đây:

+ Tóm gọn nội dung đề bài.

+ Lấy nội dung vừa tóm gọn để viết lời dẫn.

Dàn bài

I. Mở bài

- Dẫn dắt (xem phần lưu ý trên).

- Nêu nội dung đề bài.

- Trích dẫn đề bài.

- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?)

(Cần nhấn mạnh tính quan trọng của môi trường đối với cuộc sống của con người)

II. Thân bài

- Từ ngữ liên kết: *Thật vậy, Quả đúng như vậy.*

1. *Giải thích từ ngữ trọng tâm trong đề bài*

+ *Môi trường là gì?*

- Toàn bộ nói chung những điều kiện tự nhiên, xã hội trong đó con người hay một sinh vật tồn tại, phát triển, trong quan hệ với con người với sinh vật ấy.

Lưu ý: Môi trường ở đây cần hiểu rộng ra và cụ thể bao gồm những yếu tố kết hợp lại: Đất nước, không khí, rừng xanh.

+ Ý thức nghĩa là gì?

- Sự nhận thức đúng đắn, biểu hiện bằng thái độ hành động cần phải có.

+ Tồn hại là gì?

- Làm mất mát, hư hại lớn.

* Nghĩa cả câu (lời nhắc nhở cũng là bài học kinh nghiệm mà ta cần rút ra): Phải bảo vệ môi trường sống được trong sạch, “khỏe mạnh”. Vì khi bảo vệ và gìn giữ nó cũng giống như đang chăm sóc sức khỏe bản thân chúng ta và tất cả mọi người.

2. Đưa ra các nguồn dẫn chứng

a. Mặt tích cực

Môi trường bao gồm những điều gì?

- Nguồn nước sạch.

- Bầu không khí trong lành

- Đất đai màu mỡ, tươi tốt để trồng trọt.

- Rừng và biển cung cấp nhiều sản vật quý có giá trị kinh tế cao.

* Lợi ích: Duy trì và tăng cường sức khỏe, nâng cao đời sống của con người.

b. Mặt tiêu cực

- Con người tàn phá rừng xanh (đốt rừng, chặt phá cây xanh bừa bãi,...) xây dựng những khu công nghiệp bằng cách san bằng những thảm cây xanh.

* Gây ô nhiễm bầu trời, không khí.

- Bên cạnh đó con người còn giết hại các loài động vật tự nhiên khiến cho các loài vật quý hiếm dần dần bị tuyệt chủng.

- Xả chất thải công nghiệp ra sông, suối, kênh rạch...

* Gây ô nhiễm nặng, khó cải thiện, đời sống sinh vật biển bị ảnh hưởng nặng nề đồng thời nó cũng ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe của con người.

- Nhiều người không có ý thức, vô tư xả rác ở những nơi không đúng quy định, cũng phần nào gây ô nhiễm môi trường.

* Phê phán, lên án những kẻ không có ý thức bảo vệ môi trường sống xung quanh mình.

III. Kết bài

- Từ ngữ liên kết: *Qua những điều vừa phân tích trên cho ta thấy,*
- Khẳng định lại ý nghĩa của đề bài: Bảo vệ môi trường sống là công việc quan trọng và hết sức cấp thiết bởi nó ảnh hưởng rất nhiều đến con người về sức khỏe và đời sống.
- Liên hệ bản thân: Tuyên truyền cho mọi người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Bản thân không xả rác, trồng và chăm sóc cây xanh...

Bài làm 1

Trong đời sống của chúng ta đặc biệt là bảo vệ môi trường sống xung quanh mình, có những kẻ không có ý thức và người có ý thức. Người có ý thức là người luôn biết bảo vệ và gìn giữ môi trường. Ngược lại, người không có ý thức là những người luôn muốn phá hoại, khai thác một cách bừa bãi nguồn tài nguyên môi trường... Bởi vậy đã có một ý kiến cho rằng: “Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống”. Vậy ý kiến ấy có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

Quả đúng như vậy, cuộc sống của chúng ta có vô vàn những điều mà ta chưa hiểu hết được ý nghĩa của nó. Trong ý kiến trên, “tổn hại” và ý thức bảo vệ môi trường” có ý nghĩa như thế nào? Tổn hại là tổn thất, mất mát lớn một điều gì đó về vật chất hoặc tinh thần. Môi trường là do thiên nhiên ban tặng hoặc con người tự tay xây dựng nên có tác động rất lớn trong sự tồn tại, phát triển của con người. Ý thức là việc làm, hành động, là nhận thức đúng đắn về những gì mình đang làm. Nghĩa của ý kiến “Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống” đó là đời sống của chúng ta sẽ bị mất mát, hao mòn lớn nếu như con người không biết bảo vệ, chăm sóc môi trường sống xung quanh mình. Bài học ở đây là ta phải biết bảo vệ, gìn giữ môi trường sống thật “khỏe mạnh”, trong sạch, không được làm tổn hại bất kì điều gì đến môi trường.

Trong xã hội hiện đại bây giờ, có vô vàn những kế hoạch không hợp pháp liên quan đến môi trường. Những kẻ thuê mướn chặt cây, phá rừng để làm những khu vui chơi, giải trí, khu công nghiệp đã làm cho hàng vạn cây xanh phải ngã xuống, đất đai bị tổn hại, môi trường bị ô nhiễm nặng, quan trọng hơn nữa đó là khi rừng đã mất thì những cơn thịnh nộ của lũ dữ sẽ không ai có thể ngăn chặn được. Khi đó những con người chặt phá rừng ấy dường như là những kẻ có tội. Chúng chỉ biết lợi ích cá nhân của chúng mà không nghĩ đến hậu quả sau này. Mặt khác, ta thấy cây xanh mang đến cho chúng ta bầu không khí trong lành, sức

khỏe con người từ đó mà được nâng cao hơn, nay cây xanh không còn nữa thì liệu con người có còn tồn tại được nữa hay không nếu như thiếu nguồn ô-xy do cây xanh quang hợp mà có cho chúng ta hưởng. Hay những kẻ thợ săn chuyên săn lùng những con thú quý hiếm về bán cho những đại gia để làm kiếng, hoặc những con vật tội nghiệp ấy nằm trên bàn nhậu đã khiến cho sự sống của các loài vật ấy bị đe dọa, dần dần đưa những con vật ấy vào đường tuyệt chủng, gây ảnh hưởng đến môi trường sống của con người rất nghiêm trọng.

Ngoài ra, chúng ta vẫn còn thấy rất nhiều người có lòng yêu quý thiên nhiên và muốn bảo vệ, cải tạo môi trường xanh, sạch, đẹp. Có thể kể đến trong lịch sử, Bác Hồ vĩ đại của chúng ta đã từng đưa ra phong trào trồng cây gây rừng:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Hay trong xã hội hiện nay cũng xuất hiện rất nhiều phong trào tuyên truyền con người không nên chặt phá rừng xanh, giết thú rừng bừa bãi, cải tạo những dòng sông bị ô nhiễm nặng do rác người dân xả xuống,... Những hành động ấy tuy nhỏ nhoi nhưng cũng đã đóng góp rất nhiều trong việc bảo vệ môi trường. Có gìn giữ và bảo vệ môi trường sống thì cuộc sống của chúng ta mới được tốt đẹp hơn.

Qua những dẫn chứng trên cho ta thấy một điều, bảo vệ và gìn giữ môi trường sống ngày càng trong sạch, đẹp đẽ hơn là một công việc rất quan trọng và phải làm ngay. Nếu ta khai thác bừa bãi, chặt phá cây xanh, xả rác vô tư thì không sớm thì muộn con người cũng sẽ đi vào con đường tự hủy diệt bản thân mình. Chúng ta hãy bắt tay cùng nhau để bảo vệ môi trường thật xanh, sạch, đẹp như để bảo vệ cuộc sống của chúng ta các bạn nhé!

Bài làm 2

Môi trường là một yếu tố cực kì quan trọng tác động trực tiếp tới cuộc sống của con người. Từ bao đời nay, mối quan hệ giữa môi trường với con người là vô cùng khăng khít, hữu cơ, không thể tách rời. Tuy nhiên, ngày nay con người trên khắp hành tinh này lại đang đứng trước một thảm họa vô cùng to lớn: Đó là tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nặng nề, đe dọa trực tiếp tới cuộc sống của con người. Tình trạng ấy thể hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trước hết ta phải nói tới sự ô nhiễm của môi trường đất. Ngay từ thuở khai thiên lập địa, loài người đã tạo dựng cuộc sống của mình bắt đầu từ việc khai phá đất đai để trồng trọt. Đời này qua đời khác, đất

đai màu mỡ đã cung cấp nguồn lương thực chính cho con người. Nhưng tài nguyên đất không phải là vô tận mà đang trong tình trạng ngày một cạn kiệt. Việc khai thác tài nguyên đất của con người trong thời gian gần đây đã được tiến hành một cách ô ạt, vô tổ chức, không tuân thủ quy luật tự nhiên. Con người không chỉ tác động vào đất bằng sức lao động như cày, bừa, cuốc, xới để làm ra những sản phẩm nông nghiệp đơn thuần với lúa gạo ngô khoai. Con người cũng không chỉ dừng lại thoả mãn với những khoáng sản có trong lòng đất. Sự phát triển của khoa học kĩ thuật tiên tiến, hiện đại đã giúp cho con người có sức mạnh để khai thác triệt để tài nguyên đất. Các loại giống được trồng với năng suất cao. Rồi thâm canh tăng vụ. Việc chăm bón đất đai chủ yếu phụ thuộc vào các loại phân vi sinh, chưa kể tới việc con người đã tác động tới đất bằng nhiều loại thuốc kích thích tăng trưởng hay thuốc trừ sâu. Kể cả các chất độc hoá học - “sản phẩm” của các cuộc chiến tranh tàn khốc. Rừng đầu nguồn bị khai thác bừa bãi, gây ra biết bao nhiêu trận lũ lụt lớn. Hậu quả là đất đai bị phá hoại nặng nề, chất màu mỡ cạn kiệt, tình trạng xói mòn, sạt lở ngày một nghiêm trọng, đe doạ trực tiếp tới cuộc sống hằng ngày của con người.

Bên cạnh đó, ta phải kể tới tình trạng ô nhiễm môi trường nước. Tốc độ phát triển của nền kinh tế công nghiệp như hiện nay đã kéo theo sự ra đời của hàng loạt những khu công nghiệp, những nhà máy, công xưởng. Từng ngày, từng giờ, từ các khu công nghiệp này đã thải ra rất nhiều những hợp chất ở thể rắn, thể lỏng. Nhiều bãi rác khổng lồ không kịp xử lí, cộng với ý thức vệ sinh công cộng của con người còn kém khiến cho rác thải ngập lòng ao, lòng sông. Lượng nước thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt thì quá khổng lồ. Theo thống kê của các nhà khoa học thì lượng nước thải trên thế giới vào cuối thế kỉ XX là khoảng 1000km^3 trong một năm. Và để xử lí khối lượng nước bẩn này thì phải cần một lượng nước sạch gấp 20 lần. Như vậy là con người đã phí phạm một nguồn nước ngọt lớn dự trữ trong thiên nhiên (ao, hồ, sông, suối,...). Hậu quả là nguồn nước sinh hoạt của con người ngày càng trở nên eo hẹp. Nước ngọt ở nhiều vùng thiếu trầm trọng. Đó là chưa kể tới việc dùng nguồn nước đã bị nhiễm bẩn có thể gây ra rất nhiều bệnh tật cho con người. Thực tế cho thấy nhiều nơi, do sự phát triển công nghiệp cũng như việc đi vào hoạt động của các làng nghề đã ảnh hưởng trực tiếp tới sức khoẻ cộng đồng.

Ô nhiễm môi trường không khí cũng là một tình trạng đáng báo động trên toàn cầu. Như trên đã nói, sự phát triển của công nghiệp cũng như trào lưu hoá học hoá nông nghiệp đã có những tác động rất xấu tới nguồn không khí quanh ta. Bầu khí quyển ngày càng bị các hợp chất của các-bon làm ô nhiễm. Nhiều nơi xảy ra các trận mưa bụi các-bon-níc. Nhiệt độ khí quyển ngày càng tăng (tăng khoảng 3 - 4°C) khiến cho khí hậu toàn cầu thay đổi thất thường. Tại các khu đô thị, lượng xe ô tô, xe máy khổng lồ đã thải vào không khí bao nhiêu khối độc hại. Thời gian gần đây, con người đang phải chứng kiến hậu quả của việc tăng ô-dôn bao bọc trái đất bị chọc thủng. Sức khoẻ cộng đồng bị đe dọa nghiêm trọng. Nhiều loại bệnh nguy hiểm đang gây ra bao cái chết thương tâm.

Ngoài ra, ta còn phải kể tới tình trạng mất cân bằng sinh thái do việc khai thác, săn bắt các sản vật của rừng. Gỗ bị chặt một cách vô tội vạ, tạo ra bao cánh rừng hoang, bao quả đồi trọc. Các loại động vật quý hiếm bị tiêu diệt khiến cho nhiều loài đã và đang đi đến tuyệt chủng như tê giác, cá voi, hải cẩu....

Tóm lại, trong thời gian gần đây, con người đang phải trực tiếp chịu sự trừng phạt của thiên nhiên do tình trạng ô nhiễm môi trường sống. Mối quan hệ vốn khăng khít, hữu cơ giữa con người với thiên nhiên đã trở nên tồi tệ tới mức cần báo động. Và nhiệm vụ của tất cả các quốc gia, tất cả mọi người trên hành tinh này là phải tìm mọi cách chặn đứng và đẩy lùi tình trạng ô nhiễm môi trường, sao cho “ngôi nhà chung” của chúng ta được an toàn, xanh, sạch, đẹp.

BÀI SỐ 119: Bạn em chỉ ham thích trò chơi điện tử, truyền hình, ca nhạc... mà tỏ ra thờ ơ, không quan tâm đến thiên nhiên. Em hãy chứng minh cho bạn thấy rằng thiên nhiên chính là nơi đem lại cho ta sức khoẻ, sự hiểu biết và niềm vui vô tận và vì thế chúng ta cần gắn gũi với thiên nhiên, yêu mến thiên nhiên.

Hướng dẫn

- Xác định thể loại làm bài: *Văn chứng minh*.
- Đối tượng cần chứng minh: Ý kiến “*Thiên nhiên chính là nơi đem lại cho ta sức khoẻ, sự hiểu biết và niềm vui vô tận và vì thế, chúng ta cần gắn gũi với thiên nhiên, yêu mến thiên nhiên*”.
- Chủ đề: *Thiên nhiên*.
- Giải thích những từ ngữ, hình ảnh trọng tâm trong đề bài:

+ *Thiên nhiên* là gì?

- Là tổng thể nói chung những gì tồn tại xung quanh con người mà không phải do con người tạo ra.

+ *Sức khỏe* là gì?

- Đó là trạng thái không có bệnh tật, cảm thấy thoải mái về thể chất, thư thái về tinh thần.

+ *Hiểu biết* là gì?

- Là biết rõ, hiểu thấu. Ở đây hiểu là kiến thức, trí tuệ.

* *Nghĩa cả câu*: Thiên nhiên là nơi mang đến cho ta rất nhiều lợi ích quý báu đó là sức khỏe, sự hiểu biết và niềm vui vô tận.

- Đối với dạng đề này, ta cần nêu ra được vai trò, giá trị, ý nghĩa của thiên nhiên đối với đời sống con người, những tác hại đã ảnh hưởng đến cuộc sống con người nếu thiên nhiên bị ảnh hưởng, các biện pháp để bảo vệ thiên nhiên.

Lưu ý: Đề bài không phải là ca dao, tục ngữ,... nên phần dẫn dắt cần phải có sự thay đổi cho phù hợp.

Dàn bài

I. Mở bài

- Dẫn dắt: (Nêu ra vai trò, ý nghĩa của thiên nhiên đối với đời sống con người như thế nào?).

- Nêu nội dung đề bài.

- Trích dẫn ý kiến.

- Chuyển ý bằng cách đặt câu hỏi để tạo sự liên kết (ra sao? như thế nào?).

II. Thân bài

- Từ ngữ liên kết: *Thật vậy, Quả đúng như vậy.*

- Lời dẫn.

1. Giải thích từ ngữ trọng tâm trong câu tục ngữ

+ *Thiên nhiên* là gì?

- Là tổng thể nói chung những gì tồn tại xung quanh con người mà không phải do con người tạo ra.

+ *Sức khỏe* là gì?

- Đó là trạng thái không có bệnh tật, cảm thấy thoải mái về thể chất, thư thái về tinh thần.

+ *Hiểu biết* là gì?

- Là biết rõ, hiểu thấu. Ở đây hiểu là kiến thức, trí tuệ.

* *Nghĩa cả câu*: Thiên nhiên là nơi mang đến cho ta rất nhiều lợi ích quý báu đó là sức khỏe, sự hiểu biết và niềm vui vô tận.

2. *Đưa ra các lợi ích, vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người*

a. *Về sức khỏe*

- Thiên nhiên là môi trường sống tuyệt vời có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe và trí tuệ của chúng ta.

- Thiên nhiên đem lại cho ta biết bao cảm xúc lành mạnh, trong sáng trong tâm hồn.

b. *Về hiểu biết*

- Mang đến cho ta nguồn tài nguyên thiên nhiên quý báu: khoáng sản, mỏ dầu, khí đốt, các kim loại quý có giá trị như: vàng, đồng...

- Cung cấp cho con người những lâm sản quý, dược phẩm có giá trị về y học.

- Những kiến thức về tất cả những gì liên quan đến thiên nhiên: các hiện tượng tự nhiên, về các loài thực vật, động vật,... những kiến thức này chúng ta có thể áp dụng vào đời sống của mình.

c. *Về niềm vui vô tận*

- Sau những giờ học, kiểm tra, kì thi đầy căng thẳng, chúng ta thường được nhà trường tổ chức tham quan các khu du lịch sinh thái, được hòa mình cùng với thiên nhiên đất trời, tìm được nhiều niềm vui cùng với bạn bè khi khám phá thiên nhiên.

3. *Bảo vệ thiên nhiên*

- Với những lợi ích trên, ta phải ra sức bảo vệ và gìn giữ để thiên nhiên luôn trong sạch, đẹp đẽ.

- Trồng thêm cây xanh ở bất cứ mọi nơi.

- Không xả rác xuống các sông ngòi, kênh rạch sẽ gây ô nhiễm, hoặc không xả khói độc hại lên bầu trời sẽ gây ô nhiễm bầu không khí trong lành của chúng ta dễ dẫn đến mưa axit, có ảnh hưởng không tốt đến đời sống của con người.

4. *Mở rộng*

Phê phán những kẻ gây ô nhiễm môi trường, phá hoại cây xanh, gây ô nhiễm nguồn nước sạch, bầu trời, không khí... khiến cho thiên nhiên của chúng ta ngày càng "bệnh nặng" hơn.

III. *Kết bài*

- Từ ngữ liên kết: *Qua những điều vừa phân tích trên cho ta thấy,*

- Khẳng định lại ý nghĩa của ý kiến: Thiên nhiên đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống con người.

- Liên hệ bản thân: Tuyên truyền trong bạn bè, mọi người xung quanh tích cực bảo vệ thiên nhiên được tốt đẹp.

Bài làm 1

Thiên nhiên, cảnh vật xung quanh ta đem đến cho con người rất nhiều lợi ích. Thiên nhiên chính là người bạn tốt của con người nhưng lại có một số bạn chỉ lo ham thích trò chơi điện tử, truyền hình, ca nhạc... mà tỏ ra thờ ơ, không quan tâm đến thiên nhiên. Các bạn ấy cần biết thiên nhiên là nơi đem lại cho ta sức khỏe, sự hiểu biết và niềm vui vô tận. Và cũng vì vậy, chúng ta lại càng cần phải gần gũi với thiên nhiên, yêu mến thiên nhiên. Vậy thiên nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của chúng ta?

Thật vậy, thiên nhiên đích thực là một người bạn tốt của con người. Thiên nhiên là toàn bộ những gì có trong thế giới tự nhiên bao gồm ánh sáng, không khí, đất đai, rừng núi, sông biển,... Thiên nhiên là môi trường sống và là sự phát triển của con người. Thiên nhiên bao quanh ta trong cuộc sống hàng ngày. Mặt trời ban ngày cho ta ánh sáng để học tập, lao động. Ánh trăng ban đêm cho ta cảnh đẹp để vui chơi, nô đùa. Hoa cho ta sắc màu để ngắm nhìn và thư giãn. Biển cả là nơi cho ta nghỉ ngơi sau những ngày học tập căng thẳng. Rừng núi, hang động tạo nên cảnh sắc tuyệt vời cho ta được tham quan và cung cấp cho ta nhiều kiến thức. Từ bao đời nay, thiên nhiên luôn là một người bạn gần gũi và chia sẻ, ban tặng cho ta nhiều thứ tốt đẹp để ta hưởng thụ. Thiên nhiên đẹp để mang lại cho ta bao cảm xúc lành mạnh, trong sáng cho tâm hồn. Thiên nhiên còn đem đến cho con người những điều vô giá. Còn gì thích cho bằng khi được đón ánh bình minh trên biển hay từ đỉnh núi cao thưởng thức vẻ đẹp của bầu trời và mặt đất.

Tài nguyên thiên nhiên là những thứ không thể đem từ nước này sang nước khác. Đây là dạng hàng hoá đặc biệt mà thiên nhiên đã ban tặng bao gồm những khoáng sản như than, dầu mỏ, khí đốt và còn có các kim loại quý như vàng, kim cương, hay như những lâm sản quý hiếm có giá trị kinh tế, những loại gỗ quý có giá trị y học, hay đó là những loài động vật hoang dã giúp cho thế giới tự nhiên càng thêm sinh động hơn. Biển cả mênh mông, hiền hoà cung cấp cho ta biết bao là thủy sản và là nơi mà con người tìm đến để tìm chốn bình yên trong lòng mình... Đó là những sản vật quý hiếm, có giá trị mà thiên nhiên đem đến cho loài người.

Chúng ta cần phải bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống xung quanh ta. Nếu thiên nhiên bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, thậm chí gây nguy hại đến cả tính mạng. Không khí ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh tim mạch, ung thư, các bệnh về hô hấp,... ô

niêm nước gây ra nhiều cái chết thương tâm chủ yếu là thức ăn và nguồn nước sinh hoạt chưa được xử lý hoặc bị ô nhiễm đe dọa cuộc sống của loài người.

Thiên nhiên bị khai thác tự do, một phần sẽ gây lãng phí và dần dần làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Một phần sẽ gây hậu quả xấu đối với môi trường. Phần khác là gây nên những hậu quả đáng tiếc cho loài người. Do vậy, các bạn không chỉ nên ham thích trò chơi điện tử, truyền hình, ca nhạc,... mà thờ ơ với thiên nhiên. Như thế là thờ ơ với mạng sống của chính bản thân mình về những người xung quanh. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ mạng sống của chính chúng ta. Vậy phải làm gì để bảo vệ cho thiên nhiên được trong sạch? Câu trả lời rất đơn giản, từ những việc đơn giản như "mắt thấy rác tay nhặt ngay", chăm sóc cây xanh trong trường học, tuyên truyền cho mọi người ý thức tốt hơn trong việc bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống...

Chúng ta cần phải bảo vệ thiên nhiên. Vì thiên nhiên là người bạn rất tốt của con người. Chúng ta không nên thờ ơ với thiên nhiên mà phải thật sự quan tâm đến nó bởi khi ta quan tâm đến nó nghĩa là đang quan tâm đến cuộc sống tốt đẹp của bản thân mình và giúp cho đất nước ngày càng giàu đẹp hơn.

Download **Bài làm 2** Trên Sách Online

Thế giới bên ngoài vô cùng rộng lớn, thú vị mang lại cho ta nhiều niềm cảm hứng trong cuộc sống. Thiên nhiên rất quan trọng đối với cuộc sống của chúng ta. Vì vậy, ta phải biết bảo vệ và gìn giữ nó như bảo vệ chính bản thân mình. Nhưng có nhiều bạn lại chỉ thích chơi trò chơi điện tử, truyền hình, ca nhạc,... mà cho rằng thiên nhiên, thế giới bên ngoài vô cùng nhàm chán, tẻ nhạt không hề quan tâm và thờ ơ. Vậy suy nghĩ của bạn đó đúng hay sai, và thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống chúng ta?

Quả đúng như vậy, thiên nhiên vô cùng quý giá và đáng trân trọng, thiên nhiên mang đến cho con người rất nhiều lợi ích, vì thế thiên nhiên luôn là người bạn đồng hành của con người. Nếu một ngày thiên nhiên không có mặt trời thì chuyện gì sẽ xảy ra? Trái đất của chúng ta sẽ mãi mãi chìm trong bóng tối và không có sự sống. Hay một ngày nào đó trên chính trái đất ta đang sinh sống bỗng không còn nước để uống thì cuộc sống con người sẽ ra sao? Nhân loại sẽ chết dần chết mòn vì sự hạn hán, thiên tai khắc nghiệt,... Thiên nhiên là

môi trường sống và cũng là sự phát triển của con người. Nguồn lợi của thiên nhiên mang lại rất đa dạng về mọi mặt. Đến đây tôi hiểu rằng, suy nghĩ của bạn chưa được hiểu một cách đúng đắn vì bạn thực sự không biết rằng thế giới thiên nhiên thú vị như thế nào. Bạn không bao giờ tìm hiểu và khai phá nó bởi lẽ bạn cho nó là nhàm chán, vô vị nhưng sự thật là ngược lại với suy nghĩ của bạn. Suy nghĩ của bạn theo hướng tiêu cực, bạn chỉ quan tâm và coi trọng thế giới bên trong của chính bản thân mình. Tại sao bạn không thử tự mình rời xa thế giới tồn tại bên trong bạn mà bước ra thế giới bên ngoài để biết được sự kì diệu của nó. Thiên nhiên vô cùng đẹp đẽ và tuyệt vời, mang lại cho con người những cảm xúc lành mạnh, trong sáng trong tâm hồn. Không những vậy, thiên nhiên còn cho ta khung cảnh thơ mộng, thú vị và làm ta có cảm giác thư thái, quên đi hết sự lo toan, mệt nhọc và bộn bề của cuộc sống. Trong tự nhiên, thiên nhiên tạo điều kiện cho con người tồn tại và phát triển. Thiên nhiên chính là rừng vàng cung cấp cho ta đủ loại lâm sản hoặc nhiều dược liệu quý để làm thuốc, cây rừng còn giúp ta trong việc ngăn lũ, chắn gió, cát để bảo vệ mùa màng. Thiên nhiên còn là biển bạc cung cấp cho con người biết bao hải sản quý có giá trị kinh tế cao. Thiên nhiên còn là đất đai, là nước và là không khí. Đất đai cho con người trồng trọt, canh tác. Có đất chúng ta có thể trồng được các loại nông sản để xuất khẩu đem lại lợi ích quốc gia... từ đó con người có thực phẩm, lương thực để duy trì sự sống. Thiên nhiên còn đem đến cho con người những món ăn tinh thần vô giá. Còn gì thích hơn khi được đón bình minh trên biển.

Để bảo vệ thiên nhiên chúng ta cần phải bảo vệ thiên nhiên bằng cách khai thác các nguồn lợi thiên nhiên một cách hợp lí mà mang lại hiệu quả tốt nếu không thì thiên nhiên sẽ bị huỷ hoại, môi trường sống sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng đối với ta nói riêng và xã hội loài người nói chung. Chúng ta phải chăm sóc bảo vệ môi trường sống, trồng nhiều cây xanh để có không khí trong lành để loại bỏ đi những khí không tốt. Ngoài ra việc giữ gìn thiên nhiên trong sạch bằng cách không xả rác, trồng thêm nhiều cây xanh còn giúp cho tình trạng ô nhiễm được giảm đáng kể.

Thiên nhiên thật cao cả và quý giá. Nó mang lại cuộc sống nhiều điều thú vị và cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Bạn và tôi cũng muốn thấy vậy đúng không? Vậy hãy luôn bảo vệ và giữ gìn thiên nhiên để nó càng tuyệt đẹp hơn bạn nhé!

PHẦN 3.**VĂN TỰ SỰ****BÀI SỐ 120: Kể về một giờ học toán.****Bài làm**

Dân Toán lớp tôi quả thật là đặc biệt với những anh chàng một sách mà nghịch như quỷ sứ. Môn học ưa thích nhất: Toán. Môn học đáng sợ nhất: Toán. Tiết học sôi nổi nhất: Toán. Và tiết học căng thẳng nhất cũng: Toán. Có lẽ do vậy mà giờ Toán nào lớp tôi cũng nghiêm túc, vui vẻ, hào hứng, sôi nổi... và cực kì căng thẳng dưới ánh mắt theo dõi của cô giáo chủ nhiệm. Tuy nhiên, tiết học vẫn luôn đạt được thành công như mong muốn, và giờ Toán hôm thứ hai tuần trước cũng là một ví dụ.

Hôm đó lớp tôi có hai tiết Toán của cô giáo chủ nhiệm những tiết đầu đã bị cái lễ “Đại hội Chi đội” chiếm hết veo. Hầu hết chẳng ai muốn điều này, đại hội diễn ra không tốt đẹp lắm và thời gian còn lại của lớp cô giáo quả trách gay gắt. Còn tiết thứ hai, cũng là tiết học cuối cùng trong ngày. Sau giờ Địa trôi qua một cách chậm chạp, cả lớp dường như chỉ mong có được một cái gối mà vò đầu vào đánh một giấc. Quản ca đứng dậy ra lệnh uể oải nghe như lời van xin “Cả lớp hát chuyển tiết”. Cả lớp ê a: “Lớp chúng mình rất rất vui...”. Giọng hát vang lên với “nhịp điệu sâu lắng như lời ru của mẹ” cứ nhỏ dần, nhỏ dần. Thế rồi tiếng ca cũng tắt lịm, “sếp Linh” hớt hơ hớt hải chạy vào lớp, nói không ra hơi: “Mình vừa nghe cô nói, hôm nay sẽ kiểm tra mười lăm phút Toán”. Tin giật gân làm cả lớp “hóa đá”. Mười giây sau, cả lớp đều chăm chú “nghiên nát” quyển sách giáo khoa. Thế rồi “Tùng! Tùng! Tùng!” ba tiếng trống báo hiệu vào giờ học vang lên như ba phát súng bắn vào tim chúng tôi. Cô giáo chủ nhiệm bước vào lớp, ôn tồn nói: “Các em chúng ta vào giờ học!”

Cả lớp ngồi im thín thít, năm mươi sáu cặp mắt chăm chú dõi theo từng hành động của cô. Hình như cô cũng biết tin tức đã ngay lập tức được lan truyền, cô nhìn nét mặt lo âu, tức cười của đám học trò cứng. Tôi cảm thấy như trong đôi mắt cô xuất hiện một điều gì đó gần như là sự khoái chí, thích thú. Và cô tuyên bố cái điều mà chúng tôi đang không mong chờ một chút nào: “Trước khi vào bài, chúng ta sẽ làm kiểm tra mười lăm phút, các em lấy giấy ra chuẩn bị”. Đến cô cũng nhận thấy giấy kiểm tra đã được chuẩn bị chu đáo trên bàn từ trước, và tất cả những lời nói của cô chỉ đem lại một kết quả: Mặt đưa

nào cũng đều xanh xao, lo lắng như thể cô vừa thông báo lớp ta có người bị SARS. Một cách vô cùng thích thú, cô mỉm cười rồi chiếu đề bài ở phim trong lên. Cả lớp rơi vào một trạng thái yên ắng lạ thường nhưng chỉ là trong vùn vụt mười lăm giây, đã bắt đầu xuất hiện nhiều cánh tay giơ lên hỏi đề bài ở phía cuối lớp do độ phóng to của máy chiếu không được lớn lắm. Năm phút... Mười phút... Mười lăm phút trôi qua nhanh như tên bắn. Cô phá sự yên ắng, gấp gáp trong lớp bằng một câu hỏi khùng khiếp: “Cả lớp, chúng ta thu bài nhé?”. Cả lớp chỉ kêu oai oái, rồi tìm ra đủ lí do để kéo dài thời gian, chẳng ai là ngoan ngoãn nộp bài cả. Quyết định trong vòng hai giây, cô giơ tay ra hiệu cho lớp trật tự rồi nói: “Thôi được, năm phút thôi nhé!”. Cả lớp reo vang và cũng kết thúc năm giây ngắn ngủi, trong lớp chỉ còn lại tiếng bút đưa nhanh trên trang giấy. Xong bài, tôi kiểm tra lại kết quả bằng máy tính cho chắc chắn. Hết thời gian, cô gõ thước xuống bàn một lần nữa, các bạn tổ trưởng đứng dậy thu bài. Làm bài đúng và hoàn chỉnh, tôi và nhiều bạn thở phào, vui vẻ trao đổi đáp số. Nhưng cũng có một số bạn mặt ỉu xiu, thần thờ như thể: “Ước gì đây chỉ là giấc mơ, một giấc mơ thôi”. Chúng tôi lấy sách vở ra và học bài mới.

Hôm đó, chúng tôi học bài “Lũy thừa của một số hữu tỉ”. Có lẽ vì sự lo lắng đã thổi bay cơn buồn ngủ mà giờ học lại trở nên vui vẻ, sôi nổi như trước. Đối với lớp tôi lý thuyết được tiếp thu nhanh hơn và kĩ hơn các lớp thường, nhất là trong ngày hôm nay. Ai cũng chăm chú lắng nghe, cẩn thận ghi chép và giơ tay phát biểu rào rào. Dường như lời giảng kĩ càng, chu đáo thường ngày của cô đi vào trí nhớ chúng tôi dễ dàng hơn trước. Cô kết thúc phần lý thuyết bằng một ví dụ đơn giản trong sách giáo khoa, nên bạn nào cũng muốn tranh nhau xin giải. Cô giáo có vẻ hài lòng, cô đảo mắt nhìn quanh “giữa rừng cờ tay vẫy xin gọi” để tìm những bạn không chăm chú, rồi mời một bạn học kém lên trả lời. Mỗi khi quay lên bảng viết bài, cô không chỉ viết mà còn vận động thính giác đến mức tối đa, cô có thể gọi đúng tên đứa học trò nào đang mấp máy nói chuyện, chính xác đến nỗi chúng tôi tưởng tượng cô còn có một cặp mắt đằng sau lưng. Sau khi cô chép đề bài phần luyện tập lên bảng, tất cả cùng say sưa suy nghĩ, trao đổi ý kiến với bạn bên cạnh tìm cách giải. Trong lúc ấy, cô giở tập bài kiểm tra ra xem. Thỉnh thoảng cô lại mỉm cười hay nheo mắt lại, tôi đoán chắc chắn một tên ngố nào đó đã sáng tác ra những định luật Toán học cực kì mới lạ. Dời mắt khỏi tập bài, cô ngược lên nhìn một số bạn rồi lắc đầu, tuy không rõ lắm nhưng tôi cũng hình dung ra cảm giác kinh

khủng của các bạn ấy. Khi cả lớp đã làm xong bài, gọi một số bạn lên chữa bài. Quả thật, lúc đầu tôi cảm thấy bài tập nào cũng rắc rối, học búa, nghĩ mãi mới tìm ra đáp số, vậy mà chỉ sau mấy câu lí luận cơ bản, dễ hiểu, cô đã giúp chúng tôi giải quyết hết những thắc mắc trong bài. Có lẽ cô đã nói đúng: “Trong một bài toán có bao nhiêu cách giải, tìm được một hướng giải độc đáo, bất ngờ là một niềm hạnh phúc không có gì thay thế được”.

Thời gian cứ trôi, biết bao tiết học như thế đã đi qua, cô và chúng tôi gắn bó với nhau trong tình yêu thương, trong mơ ước về tương lai.

BÀI SỐ 121: Kể về người cha.

Bài làm

Tôi thích sự cứng rắn. Trong đầu tôi luôn là câu động viên: “Điều gì người làm được ta cũng làm được”. Vì thế tôi thường tự đặt mình vào những thử thách.

Thời gian trôi qua, tôi học năm thứ ba đại học còn ba tôi đã 70 tuổi. Chân ba rất yếu phải chống gậy. Ba tôi rất sợ té. Mỗi khi đỡ người đi vệ sinh người thường la hoảng như thể sắp té đến nơi, dẫu cho tôi cầm tay người rất chặt. Tôi cảm thấy rất bức mình về điều này! Tôi cho rằng ba “nhõng nhẽo” với tôi vì những lúc tôi vắng nhà ba vẫn tự mình làm được. Hơn thế, trước đây khi còn trẻ, ba tôi vốn rất xốc vác, mạnh mẽ chứ nào yếu đuối, nhút nhát như vậy.

Một lần ba nhờ tôi đưa đi vệ sinh, tôi đã không nắm tay như thường lệ: “Ba cứ tự mình đi đi. Con sẽ theo sau đỡ nếu có chuyện gì xảy ra. Con biết ba vẫn còn đi một mình được, nếu con cứ để ba tựa vào hoài như vậy sẽ khiến các cơ của ba càng trở nên yếu đuối! Như vậy thành ra con làm hại ba sao! Nghe vậy ba tôi im lặng một lúc rồi đáp: “Ừ, ba sẽ cố. Con cũng đúng”. Rồi ông lẩm lũi chống gậy đi. Tôi đi sau lưng và nghĩ thầm: “Phải thế chứ. Ba phải cứng rắn lên mới được!”.

Những ngày sau đó người luôn tự mình đi lại (với tôi đi sau lưng). Cho đến một hôm, ba kêu tôi lấy quyển nhật kí của người và lật trang cuối, ở đó viết: “Hôm nay, khi nghe Nhóc nói rằng từ nay sẽ để ba tự đi, Nhóc chỉ đi sau để đỡ, ba rất giận! Nhóc có biết rằng khi về già người ta luôn sợ đủ thứ? Sợ té, sợ cô đơn, bỏ rơi... Còn ba, ba sợ nhất sẽ trở thành gánh nặng cho gia đình nếu chẳng may mình ngã té. Tuy thế, ba biết Nhóc là người cứng rắn, Nhóc không phải muốn bỏ rơi ba, chỉ là muốn truyền cho ba sự cứng rắn... Ba vẫn yêu Nhóc. Nhưng sau này Nhóc đừng cứng rắn với mẹ như thế? Phụ nữ luôn cần được che chở”.

- Con nhớ nhé, hứa với ba nhé!
 - Vâng... - tôi òa khóc. - Ba, sao ba không...
 - Đừng. Đàn ông phải cứng rắn chứ - ba mỉm cười rồi "thiếp đi"...
- Cứng rắn? Định nghĩa thế nào đây, như ba tôi hay tôi?

BÀI SỐ 122: Kể về quê ngoại của em.

Bài làm

Được về quê ngoại vào dịp hè là niềm vui lớn nhất của chị em tôi thuở nhỏ. Nhà ngoại cách Cần Thơ khoảng 3 giờ đi đò lớn. Tôi hay bị say sóng nhưng chỉ cần thấy đầu vòm thấp thoáng từ xa là khỏe lại ngay, chỉ chờ đò cập bến là nhảy phóc lên bờ, đi bộ chừng cây số là đến. Nhà ngoại lợp lá mát rượi, lu nước mưa đầy ấp quanh năm, ngoại thả thêm vào mấy trái bí đao, nước trong veo, uống vào một ngụm mát cả ruột gan. Ông ngoại mất sớm, ngoại chỉ có ba người con: hai con gái - dì Hai và má tôi có gia đình riêng, cậu út lại học nghề ngoài thị xã nên dì Hai cho chị Sáu - con của dì, về ở với ngoại.

Đã về quê thì phải ra thăm đồng, đi bộ hay đi bằng xuồng đều được. Thường thì ngoại cho chúng tôi ngồi đằng trước, chiếc xuồng rẽ đám lục bình lững lờ trôi theo dòng nước. Dọc bờ rạch bên này ngoại trồng nhiều cây ăn trái. Dọc bờ rạch bên kia, phía liền với ruộng ngoại gieo đủ thứ loại rau củ. Lần đầu tiên nhìn thấy những trái dưa leo, khổ qua bé tí xinh xinh chen chúc với những cánh hoa vàng tươi lóng lánh những hạt sương mai còn đọng lại, chị em tôi đã reo lên thích thú. Lại còn giàn mồng tơi vừa hái lá nấu canh, vừa hái quả chín để làm mực... nghịch. Qua khỏi những hàng cây um tùm hai bên, rợp bóng che mát rượi là đồng lúa mênh mông, xanh rì.

Cạnh nhà ngoại là một cái ao không sâu lắm, là nơi để ngoại cất chiếc ghe tam bản và chiếc xuồng ba lá của ngoại. Ở vùng sông nước như quê ngoại, ghe xuồng được xem như một phương tiện để đi lại, tựa như chiếc xe máy, xe đạp trong gia đình ngoài thị xã. Đi đám tiệc, đi chợ, đi mua bán đều bằng ghe, thậm chí qua bờ sông bên kia xem tivi cũng bằng ghe. Hôm nào có tuồng nào hay là người ta í ới thông báo cho nhau để tối đó cùng qua sông coi, ghe đậu đầy bến.

Hầu như hè nào về chị em tôi cũng được tham gia bắt cá ở cái ao đó. Chị Sáu chặn ngõ thoát nước ra sông và ngõ vào ruộng rồi mấy chị em hì hục tát. Ao không sâu nên không mất bao nhiêu thời gian là đã có thể chặn bắt cá. Nhiều hôm bắt được con cá lóc to, thế là được ăn món cháo cá lóc nấu nước dừa béo ngậy, thơm lừng. Còn mớ cá tép

nhỏ hơn ngoại kho trong nỗi đất để ăn dần. Có hôm được nhiều, ngoại đem sang nhà hàng xóm vừa bán vừa cho. Cái ao đó cũng là nơi chị em tôi tập bơi, phao là thân cây chuối hột to một vòng tay ôm không hết mà chị Sáu chắt sau vườn.

Quê ngoại hồi ấy làm gì có điện. Dù thích về ngoại là thế nhưng đêm vẫn là lúc tôi sợ nhất. Ngoại không cho chúng tôi ra khỏi nhà vào ban đêm vì chúng tôi không quen đường, vả lại có cho tôi cũng không dám. Ăn cơm sớm, trời chạng vạng tối là chị em tôi chỉ ngồi quanh chiếc đèn trướng vịt đọc sách cho ngoại nghe. Xung quanh, nhà nào cũng chỉ có bóng đèn dầu leo lét, muỗi bay vo vo tiếng ếch nhái, ễnh ương kêu oàm oạp suốt đêm. Được một lát thôi, chị em đã chui vào mùng, mỗi đứa một bên rúc vào vách ngoại nghe ngoại kể chuyện đời xưa, rồi giấc ngủ đến tự lúc nào không rõ. Khi chúng tôi thức giấc, ngoại đã ra đồng.

Nhiều mùa hè hạnh phúc đã trôi qua như thế, chúng tôi lớn lên, ngoại cũng yếu dần, nhưng vẫn không chịu ra thị xã sống với má tôi. Ngoại bảo ngoại đã quen với cuộc sống trên mảnh ruộng bao năm gần bó. Cho đến khi má rước được ngoại ra, thì tôi đã không thể tận tay chăm sóc ngoại được vì phải lên Sài Gòn học đại học. Những mùa hè lại phải làm thêm để có tiền ăn học, nên tôi chỉ có ít ngày được ở bên ngoại. Mắt ngoại kém lắm nhưng ngoại luôn nhận ra chúng tôi. Lần nào tôi về thăm, trước khi đi, ngoại cũng nắm tay tôi dặn dò đủ điều rồi ngoại khóc.

Theo nguyện vọng trước khi mất của ngoại, gia đình đặt phần mộ của ngoại cạnh phần mộ của ông ngoại trong khu vườn của em ruột ngoại. Cậu tôi sau khi học thành nghề trở về quê lập gia đình nhưng không ở trên đất của ngoại, ruộng đất bán lần bán hồi cũng hết. Chị em tôi không còn dịp để về quê ngoại nữa, nhưng những ngày tháng tuổi thơ hạnh phúc ở quê ngoại vẫn còn mãi trong tâm trí tôi, như một bức tranh sống động, không nhòa với thời gian.

BÀI SỐ 123: Kể lại bằng văn xuôi câu chuyện *Con cáo và tổ ong* trong bài thơ của Bác Hồ.

Bài làm

Suốt ba tháng mùa đông lạnh lẽo, cây cối đã trụi cành, chim chóc đã lặng thinh ca hát. Mùa xuân như một cây dừa thần của bà Tiên đã gõ vào thiên nhiên khiến chúng tràn sức sống và tung bừng náo nhiệt hẳn lên.

Sau mấy ngày bệnh tật, nằm trong hang tám tối và vắng lặng, Cáo già tập tễnh đi kiếm ăn.

Mắt Cáo sáng lên khi thấy bên bờ suối, giữa bãi cỏ non mượt một chú Thỏ vừa ăn vừa nhón nhợ ngắm trời xanh vừa ca hát một mình. Cáo rón rén đến gần Thỏ. Dùng hết sức bật của một con Cáo già chụp Thỏ, nhưng hụt rồi... Cả hai đuổi nhau, Thỏ hoảng hốt chạy liên một mạch không dám quay đầu lại.

Cáo nằm trên bãi cỏ thỏ dốc như sắp chết. Nó bứt vài cọng cỏ non đưa vào miệng. “Kì quái thật, không hiểu sao mà tụi Thỏ có thể ăn...”. Cáo vừa nói thành tiếng vừa nhổ nước bọt xanh lè...

Nhưng... có tiếng gì ù ù như xay lúa? Trời mưa ư? Cáo thoáng nghĩ, không, thơm quá! Chao ôi thơm, thơm đến cồn cào cả ruột gan, thơm đến mức mà mũi dài của Cáo cứ nghe lên. Và linh cảm đánh hơi kì diệu nhà Cáo không lừa nó. Tít tận trên cao, ở trong vòm cây cổ thụ, một tổ ong to bằng cái nồi đồng lớn, lủng lẳng đưa khe khẽ trong gió xuân. Mùi mật ong cứ ngào ngạt thơm phức trong nắng vàng cứng như sáp, sánh như mật...

Cáo nhìn quanh, cả khu rừng đầy hoa. Lốp đất như một tấm chăn kẻ ô vuông xinh xinh bởi đủ thứ hoa rơi đầy trên đất. Những dây leo xung quanh cũng duyên dáng với những chấm đỏ xanh, chót vót trên cao những cành lá trĩu nặng hoa. Tiếng vò ve trong những tàn hoa man mát hương ấy.

Cáo tỉnh táo hẳn lại. Hẳn quyết tâm phải ăn ngay tổ ong này cho đỡ cơn thèm khát. Nhưng nó lưỡng lự: “Các loài vật trong rừng này thường nói: “Khôn như Cáo”. Vậy mà mình lại hồ đồ. Miếng ăn đã ở trong tầm tay, không khéo lại tuột mất nữa... Ôi mình sẽ được một bữa thỏa thuê, ngày nay phải chấm dứt những bữa dục, bữa cái đã qua...”. Cáo liếm mép. Nó chui vào một hốc cây và nằm đợi buổi trưa, khi ong mất cảnh giác thì sẽ hành động.

Mặt trời đã đứng ngọ, nóng hầm hập làm cả khu rừng này như say ngủ. Những chuyển bay của ong cũng thưa thớt dần. Chắc có lẽ ong đang kéo quân đi xa đến những bông hoa cách đây ngàn dặm.

Cáo nhẹ nhàng níu một dây leo và từ từ, vừa bò vừa vểnh tai nghe ngóng. Gần tới tổ ong, nó bò chậm lại và thận trọng hơn.

Từ lúc Cáo rượt Thỏ, mấy con Ong trinh sát đã nhìn thấy Cáo. Chúng về báo với Ong Chúa. Và từ lúc ấy mọi nhất cử nhất động của Cáo không thể qua vòng kiểm soát của bầy Ong, Ong Chúa đã tổng

báo động, khẩn cấp gọi các con Ong về. Bầy Ong đã chia từng tổ nhỏ bí mật từ các tàn lá xanh bay về chuẩn bị. Ong Chúa phát lệnh cho các cánh quân phục sẵn, chờ mệnh lệnh.

Cáo lại nhích lên, nhích lên...

Nhưng bất ngờ, cùng một lúc, bầy Ong túa ra đen đặc, tiếng của chúng phùng phùng như một rừng lửa cháy. Không kịp trở tay, hàng nghìn, hàng nghìn mũi kim buốt nhói cứ nhè vào mắt, vào mũi, vào tay, vào nơi hiểm yếu nhất của Cáo mà đốt. Bộ lông già rụng hết không đủ sức để chắn che bầy Ong bám đầy mình đầy thân Cáo mà đốt... Đội quân Ong cứ tăng dần lên, Cáo chỉ tấp được vài chú Ong nhưng lưỡi bị sưng lên bởi những mũi chích... Cáo buông tay rơi bịch xuống mặt đất, gặp phải rễ cây, người Cáo văng tiếp ra va vào một hòn đá. Máu chảy lênh láng, Cáo vẫn đủ hiểu là phải chạy thoát thân. Nó chạy cuống cuồng và không hiểu sao nó bị nhấc bổng lên và bay như một mũi tên rơi ùm xuống nước. Thì ra Cáo đã húc vào bác Gấu đang đi chơi, bị bác ném ra xa...

Cáo ngoi ngóp bò lên được bờ, cái đuôi vẫn còn buông thõng xuống mặt nước ướt sũng, mình đau ê ẩm, nằm hấp hối...

BÀI SỐ 124: Hãy kể câu chuyện về một người thân trong gia đình em.

Bài làm

Thuở nhỏ, ai chẳng có ít nhất một lần được bà bế ẵm, nâng niu. Riêng tôi, mới hai tuổi bố mẹ đã gửi tôi về ở với bà nội. Tôi sống với bà hơn mười năm. Hơn mười năm, bà lo cho tôi ăn học, săn sóc tôi từng li từng tí. Vậy mà, thần chết đã cướp mất người bà yêu quý của tôi, không cho bà nghe thấy - dù chỉ một tiếng - lời thét gọi của đứa cháu gái: "Bà ơi! Bà! Bà đừng bỏ con! Bà ơi...".

Lúc nhỏ, tôi là đứa hay ốm, vì vậy mà bà rất thương tôi. Mỗi lần tôi ốm, dù nhà nghèo, bà vẫn chữa cho tôi khỏi mới thôi. Lớn lên, bà lo cho tôi về ăn mặc, học hành. Có lúc hết tiền mua sách cho tôi, bà chạy sang nhà hàng xóm, năn nỉ mượn sách cho tôi học. Những lúc ấy, tôi chỉ ước có phép lạ nào đến giúp bà cháu tôi vượt khỏi những khó khăn... Có một lần, tôi bị ốm, nhiệt độ lên tới ba mươi chín độ. Bà lo cho tôi lắm, vội vã gọi xe xích lô đưa tôi vào viện. Lúc ấy tôi rất tỉnh táo, nhìn bà vội vã, tôi càng thấy thương bà hơn. Đêm hôm ấy, tôi nằm tại viện. Bà bỏ ăn uống vào với tôi. Bà rất gầy, tôi tỏ ý bảo bà

về, bà gạt đi và ở lại với tôi. Nửa đêm tôi thức, nhìn lên thấy bà ngủ gục nơi đầu giường. Thấy tôi thức, bà vội hỏi xem tôi có cần gì không. Tôi thương bà quá, nắm lấy tay bà mà khóc. Bà an ủi: "Con đừng khóc nữa mà bà buồn. Con cố gắng khỏi bệnh, bà sẽ vui lắm!". Bà an ủi tôi, tôi càng thương bà, càng khóc to. Bà cũng nắm lấy tay tôi mà khóc. Sau trận ốm ấy, bố tôi về bàn với bà và sẽ đón bà và tôi lên thành phố. Mới đầu, bà không đồng ý. Nhưng khi nghe bố nói tôi cần sự chăm sóc của bà, bà lại ứa nước mắt, gạt đầu. Ở thành phố, cái gì cũng mới lạ đối với bà. Tôi thích nghi ngay với bầu không khí - theo bà là quá ồn ào. Mấy lần bà đòi về, nhưng tôi níu giữ, bà lại thôi. Bà bị huyết áp cao từ lâu. Một lần, nghe nói huyết áp cao dễ chết, tôi hỏi bà, bà gạt đầu: "Ừ, dễ chết". Lúc ấy tôi sợ quá, ôm chầm lấy bà hét toáng: "Bà không được... cháu không cho". Bà cười: "Cha bố mày...". Lên thành phố được hai tháng, bệnh của bà mới phát triển. Hôm đó, bố tôi dậy sớm. Ông ra phòng khách bỗng thấy bà đã ngất xỉu từ lúc nào. Thế là cả nhà náo loạn cả lên. Chú Long và bố tôi vội đưa bà vào viện. Tôi ở nhà, lo lắng, hết đi ra lại đi vào. Trưa hôm đó, tôi được vào thăm bà. Bà nằm trong phòng cấp cứu, thở oxy, mắt nhắm nghiền. Tôi nhìn bà, nhớ lại những ngày tôi ở gần bà mà không hay nước mắt đã chảy từ bao giờ... Rồi điều gì đến phải đến. Tối hôm ấy, bố tôi bảo tôi vào ngay viện. Bà muốn gặp tôi. Linh cảm thấy có điều gì chẳng lành, tôi vội cùng bố vào viện. Vào đến nơi, bà đang nằm trên giường, sắc mặt bạc lấm. Tôi vội chạy ngay vào, quỳ xuống giường bà, nức nở: "Bà... à... à... ời! Con đã đến... đây!". Bà cố mở mắt nhìn tôi. Tôi nắm tay bà. Ôi! Đôi bàn tay đã tần tảo nuôi tôi bao năm. Bà chợt đưa tay ra xoa đầu tôi. Giọng bà đứt quãng: "Con!... Bà... r...ất... mừng. Con hãy... c...ố lên... thành... một... c...on... người". Rồi bà từ từ nhắm mắt. Tôi hoảng hốt. Tôi biết bà không thể sống. Nhưng sao việc ấy đến nhanh quá. Tôi cầm tay bà, nhưng đôi tay đã giá lạnh. Tôi khóc nức nở: "Bà ơi! Bà! Bà đừng có bỏ con. Bà ơi!". Nhưng bà đâu còn nghe được nữa. Tôi khóc nhiều lắm. Hình như tôi đã quỳ bên bà, sau đó tôi không còn biết gì nữa.

Đám ma bà tôi đã xong. Cuộc sống gia đình trở lại bình thường. Riêng tôi, tôi không thể quên bà. Bà dành hết tình cảm cho tôi, mong tôi khôn lớn. Giờ đây, trước vong linh bà, tôi mới hiểu hết tình thương bao la của bà. Bà ơi! Con sẽ cố gắng làm theo lời bà dạy để khỏi phụ công bà chăm sóc mười năm.

BÀI SỐ 125: Em hãy kể lại một câu chuyện xảy ra gần đây với em.**Bài làm**

Tôi vẫn ngồi trên ghế băng trong sân bay mà lòng thì trĩu nặng. Đáng nhẽ lúc này tôi phải rất vui, vậy mà tôi lại thấy buồn. Xung quanh tôi toàn là những người thân cả, chú tôi, em Bí con chú và cả cô tôi nữa, chúng tôi đang ngồi chờ chiếc Boeng 767 chở ba tôi từ Pháp trở về sắp hạ cánh. Không còn lâu nữa tôi sẽ gặp ba tôi. Chiếc máy bay đã hạ cánh an toàn trên đường băng. Lúc này lòng tôi càng trở nên bối rối, biết nói sao với ba bây giờ? Bóng ba tôi thấp thoáng ở đằng xa. Niềm vui đã xua tan sự bối rối ban đầu. Tôi bèn chạy ù về phía ba, ôm chầm lấy ba. Tôi rối rít bên ba. Chúng tôi cùng bước lên ô tô.

Trên đường về, ba hỏi thăm tôi rất nhiều chuyện: nào là sức khỏe của tôi, của mẹ và của bà tôi, nhất là về mẹ tôi: ba hỏi đi hỏi lại rằng mẹ đã đẻ em chưa? (chả là mẹ tôi đang mang bầu sắp đến ngày sinh em tôi). Tôi cũng ậm ừ trả lời ba. May mà có cô chú trả lời hộ nên ba không nhận thấy rằng trong đầu tôi đang có một cuộc đấu tranh ác liệt. Về đến cổng nhà, mấy bà bán nước đã thông báo cho tôi biết là mẹ tôi đã vào viện từ hồi chiều. Chúng tôi cuống quýt chạy vào nhà. Quãng đường từ cổng vào nhà chỉ có vài chục mét vậy mà tôi cảm thấy dài như năm mươi kilômét từ sân bay về đây. Vào đến nhà, bà tôi thông báo ngay rằng mẹ tôi đã đẻ em bé rồi. Tôi vẫn còn nhớ như in câu nói của bà: “À, Lợi về rồi à? Mẹ nó đẻ rồi! Con gái, ba cân”. Chỉ cần nghe nói thế ba tôi và tôi đều nhảy cẫng lên vui sướng. Ba tôi chẳng cần nghỉ ngơi, đeo ngay tôi phóng vào bệnh viện. Ba tôi rối rít chạy đi hỏi thăm khắp bệnh viện. Cuối cùng cũng ra phòng mẹ tôi nằm. Mẹ tôi đang nằm trên giường, thấy ba, mẹ vội vàng ngồi dậy. Ba tặng hoa cho mẹ rồi ôm hôn mẹ. Tôi vội vàng hỏi mẹ chỗ nằm của em. Mẹ chỉ cho tôi. Tôi chạy đến phòng của trẻ sơ sinh. Tôi còn nhớ như in lúc cô y tá trao em bé cho tôi. Khuôn mặt em già khú, đỏ au, mắt nhắm nghiền... Em chào tôi bằng tràng khóc lanh lảnh. Mọi người trong nhà chạy ồ đến. Ba tôi run run tay khi bế em. Ba ngắm nhìn em rất lâu không chớp mắt.

Tôi ra ngồi một xó rất lâu suy nghĩ. Tôi cảm thấy có lỗi với ba, có lỗi với mẹ và với cả đứa em mới ra đời của mình. Với những điểm tổng kết các môn chính ở mức trung bình, bảng Kết quả học tập tôi cầm trong tay này giờ bỗng như nóng ran lên. Trong lòng tôi dâng trào một quyết tâm mạnh mẽ, vừa lúc đó, xung quanh tôi nở rộ những tràng cười vui vẻ.

BÀI SỐ 126: Hãy kể lại câu chuyện theo kiểu cổ tích mà em đã đọc.

Bài làm

Ngày xưa, có một anh nông dân nghèo khổ, khổ đến nỗi người ta lấy tên Khổ đặt cho anh. Anh Khổ đi làm cho một lão địa chủ giàu có. Lão có một cô con gái vô cùng xinh đẹp. Hôm anh Khổ đến xin việc làm, lão chăm chú nhìn anh rồi gật đầu đồng ý. Anh Khổ làm rất chăm chỉ và khỏe mạnh đến nỗi lão địa chủ không muốn cho anh đi đâu. Lão hứa, giọng ngọt ngào:

- Này cậu bé, cứ ở lại đây làm việc rồi lão sẽ gả con gái cho. Anh tên Khổ rồi đời này sẽ hết khổ.

Anh Khổ mừng lắm, ra sức làm việc. Ở làng bên có lão quan giàu có. Hắn có một đứa con trai, bèn mang lễ cưới sang dạm hỏi. Lão địa chủ mừng lắm, đồng ý ngay. Anh Khổ thấy có sự khác lạ, bèn đến hỏi lão địa chủ:

- Có sự việc gì xảy ra vậy?

Lão địa chủ nghe vậy, nẩy ngay một kế, bèn bảo anh Khổ:

- Thế con không biết ư? Ta làm đám cưới cho con đấy. Ta thấy nhà con rất nghèo, ta sẽ không lấy lễ của con đâu. Nhưng con phải mang cái gì đó gọi là "kì lạ" về đây.

Anh Khổ thật thà hỏi:

- Thế cái "kì lạ" là cái gì?

Lão địa chủ cười ha hả rồi phán:

- Cái "kì lạ" là cái có phép lạ.

Anh Khổ nghe thấy thế, vội mang cơm nắm đi tìm cái vật đó ngay. Vừa đi, anh vừa nghĩ tới đám cưới của mình với con gái lão địa chủ. Anh lăm lăm một mình: "Đời ta như vậy là sướng, đời ta như vậy là sướng". Đi sâu vào rừng, bỗng anh thấy một ánh hào quang loé lên, ông Bụt hiện lên, trông hiền lành phúc hậu. Anh Khổ vội quì xuống nói:

- Lạy Bụt ạ, cháu trông Bụt quen quá ạ?

Bụt cười bảo:

- Cháu thấy ta quen là đúng vì cháu đã được nghe kể nhiều về ta rồi. Ta là người đã bày cách cho Khoai lấy được *Cây tre trăm đốt* đây mà.

Anh Khổ mừng quá reo lên:

- A! Chính Bụt đã cho ông cháu *Cây tre trăm đốt* ư? Cháu nhờ Bụt giúp cháu được không?

- Được! Được! Cháu cần gì hãy nói đi.

Anh Khổ kể lại mọi việc rồi nói:

- Bụt có thể giúp cháu tìm cái vật “kì lạ” được không?

Bụt cười hiền lành, lấy từ ống tay áo ra một cái que nhỏ và bảo:

- Cháu chỉ việc cho đầu vàng này quay lên trời và hô dài ra, nó sẽ dài mãi. Còn nếu cháu muốn cắm đầu vàng xuống đất, kẻ nào cháu muốn trừng phạt sẽ lộn ngược. Nhưng cháu nhớ, đừng có làm việc ác đấy nhé!

Anh Khổ cảm ơn Bụt, nhờ Bụt dạy làm cho cái que ngắn lại rồi rảo bước ra về. Trong khi đó, ở nhà lão địa chủ đang đám cưới tưng bừng. Anh Khổ vào đến sân, thấy hai họ ăn uống, cười nói vui vẻ thì tức lắm. Anh Khổ gọi tên địa chủ:

- Ra xem, tôi mang cái vật “kì lạ” về đây này.

Lão địa chủ chạy ra. Hắn vốn là cháu lão địa chủ ngày xưa bị dính vào cây tre.

Thấy anh Khổ rút ở trong người ra cái que nhỏ thì lão ta hoảng sợ bỏ chạy. Nhưng không kịp rồi, anh Khổ đã cắm cái đầu que có màu vàng xuống đất khiến lão ta lộn ngược người. Tiếp đến là lão quan lang và con trai lão. Cả hai họ nhốn nháo, cố dùn đẩy nhau. Trong lúc ấy, cô con gái xinh đẹp chạy ra, vừa khóc vừa gọi cha. Anh Khổ thấy tình cảnh đó không thể để quan lang và lão địa chủ như thế, liền nhớ lời dặn: “Không được làm việc ác” nên anh Khổ quay đầu que lại, lão quan lang được giải thoát, đã lớn tiếng mắng anh. Chỉ vì vô ý, anh đã chống cái que xuống đất, đầu màu vàng quay lên trời mà mắng quan lang: “Ông là đồ vô ơn. Nếu tôi có thể, tôi sẽ kéo dài cái lưỡi ông ra”. Vừa nói đến chữ dài, cái que bỗng cao vùn vụt, vì vẫn nắm đầu que trong tay, anh Khổ bị mang tít lên tận mặt trăng. Ở trên đó, nhìn thấy cảnh làng xóm tưng bừng, rộn rã, anh lại buồn cho cảnh cô đơn của mình. Anh khe khẽ nói: “Đúng thật, khổ vẫn hoàn khổ, khổ ới là khổ”.

BÀI SỐ 127: Kể chuyện về một danh nhân mà em ngưỡng mộ.

Bài làm

Chẳng phải liu diu cũng giống nhà...

Nhắc đến bài thơ *Rắn đầu biếng học* chắc hẳn ai cũng nhớ ngay đến Lê Quý Đôn - nhà bác học tài danh nổi tiếng thông minh, lém lỉnh từ nhỏ. Không chỉ vậy, Lê Quý Đôn còn có trí nhớ rất phi thường.

Thuở hàn vi, có lần Lê Quý Đôn không mang đủ tiền trả cho nhà hàng mà ông ăn nghỉ trên đường đi. Ông phải ghi vào sổ nợ của người

ta. Nhân vì tò mò, Lê Quý Đôn liếc qua họ tên và những khoản nợ của những khách ăn chịu chưa trả tiền.

Ít lâu sau, có việc đi qua đường ấy, Lê Quý Đôn ghé lại nhà hàng cũ để nghỉ chân và trả tiền thì thấy quán hàng cũ đã cháy trụi. Bấy giờ chủ quán đang ngồi trong túp lều mới dựng tạm bên cạnh, trông thấy Lê Quý Đôn liền meo máo nói. “Cậu ơi! Nhà của cháy sạch rồi. Cả quyển sổ nợ cậu xem mấy hôm trước cũng không còn nữa, bây giờ tôi biết căn cứ vào đâu mà đòi nợ?”. Lê Quý Đôn mỉm cười bảo chủ quán lấy giấy bút ra. Trước đôi mắt kinh ngạc của vị chủ quán, ông ghi lại đầy đủ, không sót một ai, tên họ của những người ăn chịu cùng các khoản tiền nợ. Nhờ thế, chủ quán cứ theo danh sách mà thu đủ số tiền nợ.

Không lâu sau đó, Lê Quý Đôn đỗ Bảng nhãn. Ông cùng một số tân khoa khác được một người tên là Lê Hữu Kiều mời về chơi nhà mình. Đầu làng có một cái cầu đá đẹp nổi tiếng, cạnh cầu có tấm bia khắc bài thơ thất ngôn bát cú. Đi qua cầu, ai cũng có ý đi chậm chậm để kịp nhìn bài thơ trên bia đá. Chủ nhà thấy vậy chỉ mỉm cười. Đến khi vào nhà, trong bữa tiệc vui vẻ, Lê Hữu Kiều nói về chiếc cầu đá và hỏi các chàng tân khoa xem có ai nhớ được bài thơ trên tấm bia không. Cũng có vài người nhớ được nhưng cũng chỉ nhớ lồm bồm được một hai câu đầu và câu kết. Riêng chàng Bảng nhãn Lê Quý Đôn thì đọc lại đầy đủ cả bài thơ không sót một chữ nào. Cả bàn tiệc từ chủ đến khách ai cũng phải thán phục cái trí nhớ hết sức kì diệu của Lê Quý Đôn.

Sau đó, vị chủ nhà hóm hỉnh đã quyết định gả con gái cho chàng Bảng nhãn họ Lê. Bấy giờ mọi người mới vỡ lẽ, thì ra đây không phải là trò đánh đố chữ thông thường, mà chính là một cách thử tài để kén rể của ông. Có lần được hỏi về trí nhớ siêu phàm của mình, Lê Quý Đôn đã mang ra rất nhiều những chiếc túi mà ông gọi là “túi gấm”. Trong túi gấm chứa những tờ giấy ông ghi chép về mọi điều xung quanh. Mỗi túi là một vấn đề, một đối tượng... Trong quá trình sàng lọc thông tin để ghi chép lại, ông đã nhớ được mọi điều. Khi quên hay cần đến thông tin chính xác, ông lại giở túi gấm ra. Việc ghi chép, phân loại túi gấm đã giúp Lê Quý Đôn rèn luyện cách ghi nhớ rất nhanh sự việc.

Như thế, trí nhớ kì diệu của Lê Quý Đôn không phải tự nhiên mà có. Phần lớn là nhờ ông thường xuyên trau dồi rèn luyện. Vậy mới biết, thiên tài đến chín mươi chín phần trăm là do khổ công mà thành.

BÀI SỐ 128: Kể lại một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã được nghe.

Bài làm

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ phải trải nhiều khó khăn, gian khổ; trong đó có cả sự truy lùng, do thám, kiểm soát ngặt nghèo của kẻ thù. Nhưng nhờ có sự đùm bọc, yêu thương; kính trọng của đồng bào và đặc biệt là sự tài tình trong phán đoán tình hình, phản ứng nhanh nhạy trước mọi hoàn cảnh của mình mà Người thường thoát nạn.

Chuyện kể rằng, vào năm 1942, một lần trên đường Bác Hồ về Pác Bó, đường đi có nhiều trạm gác của địch kiểm soát gắt gao. Làm thế nào để đưa Bác về Pác Bó một cách an toàn? Khi người dẫn đường - ông Pù Sấn, rất lo lắng, chưa biết làm sao thì Bác bày cách “đóng kịch” nhằm qua mắt kẻ địch. Bác đóng giả làm thầy mo, Pù Sấn đóng vai người đi đón thầy mo về cúng cho mẹ vợ mình đang ốm. Bác cháu hóa trang rất khéo từ quần áo, dầu tóc đến những vật dụng mang theo.

Sau một quãng đường dài không gặp trở ngại gì, Pù Sấn vô cùng sung sướng tưởng như quên mất vai đóng. Thấy vậy, Bác nhẹ nhàng nhắc: “Chú đang làm việc đón thầy mo đấy nhé!”.

Đến trạm gác, một tên lính ra hỏi:

- Đi đâu?

Pù Sấn đáp:

- Đi đón thầy mo về cúng cho mẹ vợ tôi ốm mà.

Tên Lí nh quát:

- Thật không?

- Thật mà!

Bọn lính lục soát đồ đạc mang theo thấy có mấy tập sách cúng, mấy xấp bùa,... Đúng là đồ lễ của thầy mo. Đang chuẩn bị được đi thì bất ngờ một tên khác lại hỏi:

- Về đâu?

- Còn về đâu, về nhà mẹ vợ tôi mà.

Tên lính đó nói: “Vợ tôi cũng đang ốm, phải nhờ ông về cúng thôi”.

Lúc này từ chối thì khó, mà ghé vào thì chậm hết công việc, lại rất dễ bị lộ.

Pù Sấn nhanh trí nói:

- Hầy à! Ông này nghễnh ngãng lắm, không biết chữa nhiều bệnh đâu, chỉ biết chữa bệnh phong thấp thôi.

Nhưng tên lính dũng vẫn cương quyết bắt đi về nhà hăn. Bác quay lại giả bộ ngu ngơ hỏi: “Hả?”. Pù Sấn tiếp:

- Đấy! Có hiểu gì đâu! Mẹ tôi kêu mãi thì đành phải đón thôi. Đón về tốn gà tốn rượu lắm, lại chả được việc gì.

Dáng điệu ông cụ khù khờ, lơ ngơ khiến đám lính trong đồn lắc đầu, chúng cũng nói thêm: “Ông này không ăn thua đâu!”.

Cuối cùng tên lính mới cho đi. Thế là thoát.

Chuyện này được kể lại, ai cũng khâm phục Bác: Người lấy nhựa sung cơm nguội làm cho bộ răng trắng trở thành răng xỉn của ông lão địa phương; lại giả điếc giả ngớ ngẩn rất tài nên đánh lừa được bọn lính gác. Bác đã dự kiến đúng tình huống sẽ xảy ra và có kế hoạch đối phó hiệu quả.

Câu chuyện càng khiến chúng em yêu quý và khâm phục Bác Hồ hơn. Để làm những việc lớn cho nước nhà, Bác không chỉ có một trái tim chan chứa yêu thương mà còn có một trí tuệ thật phi thường.

BÀI SỐ 129: Một hôm nào đó, em thôi mặc chiếc áo cũ của mình để tới trường. Em hãy kể lại một vài kỉ niệm của em về tấm áo ấy.

(Yêu cầu học sinh viết phần mở bài)

~~*Đoạn văn mở bài*~~

Hôm nay là một ngày vui và cũng là một ngày buồn của em. Em vui vì được mặc chiếc áo len mới. Còn em buồn vì không được mặc chiếc áo len cũ kĩ ấy, chiếc áo đã để lại trong tâm trí em nhiều kỉ niệm êm đềm.

BÀI SỐ 130: Một hôm nào đó, em thôi mặc chiếc áo cũ của mình để tới trường. Em hãy kể lại một vài kỉ niệm của em về tấm áo ấy.

(Yêu cầu học sinh viết phần thân bài)

Đoạn văn của phần thân bài

Vào mùa đông năm trước, tiết trời lạnh lẽo. Gia đình em có ba chị em, má ba em làm công nhân, nhà nghèo, nên không có tiền mua áo cho ba chị em mặc để đi học. Thấy em, bé Na và cu Di thiếu áo, rét run cầm cập, má thương ba chị em lắm. Tối hôm đó trời lạnh ngắt, các em đã ngủ cả. Riêng em trần trọc không ngủ được. Bỗng em nghe tiếng ba má đang bàn chuyện gì. Em lắng tai nghe.

Má nói:

- Thương ba chị em con bé. Đã vào mùa đông mà ba chị em nó không có áo len để đi học. Nhìn chúng nó rét run, tôi thương chúng nó quá. Nhà mình nghèo, không có tiền để mua áo cho ba đứa.

- Tôi cũng thế. Thật khổ tâm. Mấy đứa bạn nó đều có áo len ấm áp để đi học, thế mà con bé nhà mình thì lại không. Tôi và bà làm công nhân, tiền lương có ít, không đủ để mua áo. Hay là bà qua nhà bà Hai, nói cho bà vay một số tiền để mua áo cho nó.

- Không được, nếu mượn tiền rồi nợ lâu, bà ấy qua đòi, mình không có tiền trả, lại xích mích với nhau.

- À tôi nhớ ra rồi! Nhà có biết không? Hôm chủ nhật vừa rồi tôi vừa lĩnh được một xấp vải, nhà hãy lấy xấp vải đó bán đi kiếm tiền mua len đan áo cho tụi nó.

- À đúng rồi! - Má nói giọng vui như reo.

Sáng hôm sau đi học về, em dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm xong, chờ ba má đi làm về ăn. Má vừa bước vào nhà, em đã thấy trên tay má cầm những búp len màu xanh da trời. Nhìn nét mặt má, em biết má rất vui. Từ hôm đó tối nào cũng vậy, bên ngọn đèn lờ mờ, má ngồi. Em như thấy má gầy bớt đi, nét mặt xanh xao. Có lẽ má thức khuya dậy sớm mới hại sức khỏe. Má vừa đan xong hai chiếc áo thì hết len. Má gọi ba chị em lại. Bé Na và cu Di vừa mặc xong áo liền chạy đi khoe. Má bảo với em:

- Má không đủ tiền mua nhiều len để đan áo cho con. Nhìn thấy con không có áo đi học, má rất thương. Nhưng nhà mình nghèo. Má có chiếc áo này của bà ngoại con cho má. Nó đã cũ, lại hơi dài. Con mặc tạm vậy. Khi nào có tiền, má sẽ mua chiếc áo khác cho.

Em rất xúc động trước tấm lòng của má. Thế là từ hôm đó, em mặc chiếc áo len cũ kỹ để đi học. Chiếc áo này tuy không ấm lắm nhưng em như thấy có vòng tay ấm áp của bà, của má ôm em suốt mùa đông.

Thế rồi mùa đông trôi qua mùa xuân lại trở về. Một hôm má đi làm về. Em thấy trên tay má cầm một chiếc áo len. Má nói:

- Giữ lời hứa, vừa lãnh lương Má đã mua cho con một chiếc áo mới.

Em vui sướng biết bao khi được mặc chiếc áo mới, nhưng em lại buồn vì phải chia tay với tấm áo cũ.

BÀI SỐ 131: Một hôm nào đó, em thôi mặc chiếc áo cũ của mình để tới trường. Em hãy kể lại một vài kỉ niệm của em về tấm áo ấy.

(Yêu cầu học sinh viết đoạn văn của phần kết bài)

Đoạn văn kết bài

Nhìn lên cành cây, những chú chim hót sao vui thế. Lòng em nao nao nhớ những kỉ niệm êm đềm về những chiếc áo len. Rồi em như thấy hình ảnh má khi ngồi đan áo, lúc ba má bàn bạc bán xấp vải để lấy tiền mua len. Ôi tình mẹ tình cha sao bao la bát ngát thế!

BÀI SỐ 132: Tôi thấy mình đã khôn lớn. (Viết đoạn văn mở bài)

Đoạn văn mở bài

Trong cuộc sống, bất cứ ai trưởng thành cũng đều trải qua tuổi ấu thơ, tôi cũng không là ngoại lệ. Ngày ấy tôi thật hạnh phúc, may mắn khi được sống trong một gia đình ấm êm, được cha mẹ yêu thương, hạnh phúc tràn đầy. Và bây giờ, cho đến năm nay, năm tôi mười hai tuổi, tôi đã có thể làm được nhiều việc. Tôi thấy mình đã khôn lớn.

BÀI SỐ 133: Tôi thấy mình đã khôn lớn. (Viết đoạn văn thân bài)

Đoạn văn của phần thân bài

Mọi năm, mỗi khi đi học, tôi thường được ba mẹ chở đến trường. Thế nhưng năm nay tôi đã tự đạp xe đến trường. Ngày ngày, tôi cùng “anh chàng” Mác-tin do ba tặng nhân dịp sinh nhật tôi tròn mười hai tuổi rong ruổi trên đường. Tôi thích cái cảm giác một mình trên chiếc xe đạp đợi chờ một cơn gió nhẹ thoáng qua. Tôi cũng thích mỗi khi trời đổ mưa, được đạp xe dưới những giọt nước trời và được chúng đùa trên má. Mỗi lần như thế, tôi thấy đôi chân mình săn chắc hơn. Trước đây được ba chở đi học, xe lao nhanh về phía trước, tôi không có được giây phút ngắm nhìn cảnh vật. Nơi tôi ở là một thành phố công nghiệp, nhịp sống rất nhộn nhịp mỗi khi học sinh tan học, hoặc công nhân tan ca. Lúc đó, trên con đường chính dẫn vào thành phố, dòng xe cộ nườm nượp, ngược xuôi. Thời gian theo ngày tháng trôi qua, tôi thấy mình như hòa vào nhịp sống của thành phố.

Tôi cũng thấy mình đã lớn hơn trong suy nghĩ và hành động. Mỗi buổi sáng, tôi không còn phải để mẹ đánh thức dậy mà đã tự tay xếp mùng mền gọn gàng và phụ mẹ bữa ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, tôi tự biết rửa chén bát của mình. Ngày trước, khi chuẩn bị đến lớp, tôi thường xuyên quên đồ dùng học tập vì sau khi học xong tôi lên giường ngủ ngay. Còn bây giờ, sau khi học xong, tôi cẩn thận xem thời

khóa biểu và soạn sách vở cho ngày mai. Đầu năm học này, tôi chẳng còn bị ba mẹ nhắc nhở. Nhiều lần bạn bè trong lớp rủ tôi đi chơi, tôi kiên quyết từ chối, vì tôi sợ phải bỏ học. Hơn nữa, tôi sợ làm ba mẹ buồn, sợ thầy cô khiển trách.

Tôi đã biết cách chiến thắng bản thân. Tôi tự nhận thấy mình có nhiều thay đổi, từ việc sắp xếp giờ học; không vội vã, lơ là mà cẩn thận, có trách nhiệm với mọi việc làm của mình. Trong sinh hoạt hằng ngày, tôi ngại làm phiền ba mẹ, anh chị. Từng ngày trôi qua, tôi biết quan tâm đến người thân nhiều hơn. Tôi biết dạy em học, biết đọc báo cho ông bà nghe và chia sẻ với mọi người mỗi khi ai có niềm vui và nỗi buồn.

BÀI SỐ 134: Tôi thấy mình đã khôn lớn. (Viết đoạn văn kết bài)

Đoạn văn kết bài

Theo dòng thời gian, tôi thấy mình khôn lớn hơn. Tôi thấy tự tin vào bản thân và gia đình. Tôi nghĩ về tương lai, về nghề nghiệp một cách nghiêm túc hơn. Tôi ước mong giúp ích cho gia đình, xã hội và hơn hết là được cống hiến cho đất nước.

BÀI SỐ 135: Kể lại một chuyến em về thăm quê nội hoặc quê ngoại.

Bài làm

Em không thể nào quên được chuyến đi, vào mùa hè năm ngoái, theo ba mẹ về thăm quê nội.

Hôm ấy, vào lúc tám giờ sáng, cả nhà đã lên xuồng để về quê nội. Trên đường đi, em nhìn được bao quát toàn cảnh. Những con mương nhỏ chằng chịt ngang dọc. Hai bên bờ cây trái xum xuê, trĩu quả. Sau khoảng nửa giờ là đến nhà nội em. Ông bà nội đã được báo trước nên kêu chú Chín đứng trước bờ sông chờ sẵn. Chú Chín nhẹ nhàng dẹp đám cỏ hai bên, kéo xuồng lại và buộc xuồng vào cọc cho ba mẹ và em bước lên. Ông bà nội từ trong nhà bước ra và âu yếm dẫn em và ba mẹ vào trong nhà. Khi tất cả ngồi xuống, bà hỏi dồn dập:

- Các con đi đường có mệt không? Sáng có ăn gì chưa? Cháu ở nhà có ngoan không? Cả nhà vẫn khỏe chứ?

Em nói:

- Tất cả mọi người đều khỏe, không mệt và cả nhà cháu đều ăn sáng cả rồi ạ.

Chú Chín sau khi đã đem đồ vào nhà rồi dẫn em ra sau nhà để cất đồ đạc và rửa mặt. Sau khi rửa mặt, chú Chín dẫn em đi xem vườn

cây do ông nội trồng. Sau ba năm em không về quê nội, mọi thứ đều khác hẳn. Trước mắt em là một thiên nhiên tuyệt đẹp với muôn vàn màu sắc mát mẻ, ngọt ngào. Bao nhiêu là trái chôm chôm chín ẩn mình trong những tán lá cây xanh rì. Những trái chôm chôm đỏ tươi trĩu cành. Nhìn từ xa, những trái chôm chôm kết thành từng chùm và những cái gai mềm mại chuyển sang màu đen cứ tỏa ra như một bông pháo chưa kịp nổ hết mình. Cành cao, cành thấp oằn những trái. Chú Chín hái vài chùm chôm chôm chín để mời cả nhà ăn. Sau khi thăm vườn xong, em và chú Chín trở về nhà. Vừa bước vào nhà, em đã ngửi được mùi thức ăn thơm phức từ trong bếp tỏa ra đến tận nhà trước, em liền bước vào rửa tay, thay đồ và vào bếp bưng tiếp thức ăn giùm bà nội. Vừa bưng lên, tất cả mọi người đều đã dọn chén đĩa đầy đủ cả, chỉ đợi thức ăn lên nữa là tất cả mọi người có thể ngồi vào ăn một bữa trưa của miền quê. Em ngồi xuống ăn cơm và thưởng thức từng món ăn của bà nội nấu mà em rất thích. Nội nấu rất vừa miệng em, nên hôm ấy em đã ăn đến no căng cả bụng. Ăn xong, em giúp mẹ dọn chén bát xuống bếp và bưng đĩa trái cây mới hái với chú Chín mời cả nhà cùng ăn tráng miệng. Vừa ăn, ba mẹ em vừa kể chuyện làm ăn cho ông nội nghe. Nói chuyện xong, ông nội bảo em lên giường ngủ trưa kẻo mắt ngủ không tốt cho sức khỏe. Em nghe lời ông nội nên đã lên giường ngủ. Tuy trời nắng rất oi bức nhưng trong phòng của chú Chín vẫn rất mát mẻ làm em ngủ lúc nào không hay biết. Vào khoảng một giờ chiều em thức dậy. Sau khi rửa mặt xong, em phụ bà nội quét dọn lại bàn thờ và nhà cửa. Quét dọn xong, em ra sau vườn để xem ông nội, ba và chú Chín cuốc đất để trồng cây. Tuy tuổi của ông đã cao nhưng ông vẫn còn rất khỏe, ông còn cuốc đất nhanh hơn ba em nữa. Sau một lúc xem ông cuốc đất, em vào nhà bếp để giúp bà nội và mẹ những chuyện lật vớt. Một lúc sau, khi cơm và thức ăn đã dọn lên bàn, em mời mọi người vào ăn cơm. Ăn cơm xong em phụ mẹ rửa chén và lau bàn. Sau đó, em lên nhà trước để kể về tình hình học tập của mình. Một tuần trôi qua, cũng đã đến lúc em phải trở về nhà để chuẩn bị cho năm học mới. Đến lúc về, em cũng rất tiếc vì ở đây có những ngày rất vui vẻ ở bên ông bà nội và chú Chín. Chú Chín đem đồ của em xuống xuống, xuống bắt đầu chạy, dần dần rời khỏi ngôi nhà ngói đỏ và vườn cây trái xum xuê.

Trên đường về, thấy em rất buồn nên mẹ đã động viên: nếu em học giỏi thì hè năm sau, mẹ sẽ cho em về quê thăm ông bà nội. Em tự nhủ với mình rằng sẽ học giỏi để năm nào cũng được về quê thăm nội.

MỤC LỤC

ĐỀ	NỘI DUNG	Tr
PHẦN 1. VĂN BIỂU CẢM		
PHẦN 1A. BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT - CON NGƯỜI		
1	Loài cây em yêu (hoa hồng bạch).	5
2	Loài cây em yêu (cây dẻ).	6
3	Loài cây em yêu (cây đa).	7
4	Loài cây em yêu (cây mận, cây bàng, hoa sen).	10
5	Loài cây em yêu (cây phượng).	11
6	Loài cây em yêu (cây sứ).	15
7	Loài cây em yêu (cây tre).	15
8	Cảm nghĩ của em về cảnh đẹp đất nước – Vịnh Hạ Long.	17
9	Cảm nghĩ của em về loài động vật: cá đồng.	18
10	Cảm nghĩ về cô giáo chủ nhiệm.	19
11	Cảm nghĩ về người thân (người chị).	21
12	Cảm nghĩ về người chị – người bạn.	24
13	Cảm nghĩ về cánh diều mơ ước của tuổi thơ.	25
14	Cảm nghĩ về người mẹ.	26
15	Cảm nghĩ về người cha.	31
16	Cảm nghĩ về mùa thu.	32
17	Cảm nghĩ về mùa đông Hà Nội.	34
18	Cảm xúc vui buồn tuổi thơ.	37
19	Cảm nghĩ về ngôi nhà thân yêu của em.	40
PHẦN 1B. BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC		
20	Cảm nghĩ của em về bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i> .	42
21	Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i> .	43
22	Suy nghĩ về bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i> .	45
23	Suy nghĩ về bài thơ <i>Phò giá về kinh</i> (Tụng giá hoàn kinh sư) của Trần Quang Khải.	46
24	Cảm nhận về bài thơ <i>Phò giá về kinh</i> (Tụng giá hoàn kinh sư) của Trần Quang Khải.	47
25	Vài suy nghĩ về bài thơ <i>Tụng giá hoàn kinh sư</i> của Trần Quang Khải.	48
26	Hiểu và nghĩ về bài thơ <i>Tụng giá hoàn kinh sư</i> của Trần Quang Khải.	51

27	Sau khi đọc bài thơ <i>Phò giá về kinh</i> của Trần Quang Khải, đã đọng lại trong em những suy nghĩ và cảm xúc gì?	53
28	Cảm nghĩ của em về những đặc sắc của bài thơ <i>Tụng giá hoàn kinh sư</i> (Trần Quang Khải).	54
29	Vài suy nghĩ của em về bài thơ <i>Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra</i> (Thiên Trường vãn vọng) - Trần Nhân Tông.	57
30	Vài suy nghĩ của em về nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra</i> (Thiên Trường vãn vọng) của Trần Nhân Tông.	58
31	Cảm nhận của em về bài thơ <i>Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra</i> (Thiên Trường vãn vọng) - Trần Nhân Tông.	60
32	Suy nghĩ về 12 câu đầu bài <i>Côn Sơn ca</i> của Nguyễn Trãi.	62
33	Cảm nhận của em về đoạn trích trong bài <i>Côn Sơn ca</i> của Nguyễn Trãi.	64
34	Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật đoạn trích trong bài <i>Côn Sơn ca</i> của Nguyễn Trãi.	68
35	Suy nghĩ về đoạn <i>Sau phút chia li</i> (trích <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> - Đặng Trần Côn).	70
36	Sau khi đọc <i>Sau phút chia li</i> (trích <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> - Đặng Trần Côn) đã đọng lại trong tâm em những suy nghĩ và cảm xúc gì?	71
37	Hiểu và nghĩ về <u>đoạn Sau phút chia li</u> (trích <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> - Đặng Trần Côn).	73
38	Cảm nhận về đoạn <i>Sau phút chia li</i> (trích <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> - Đặng Trần Côn).	75
39	Suy nghĩ của em về bài thơ <i>Qua Đèo Ngang</i> (Bà Huyện Thanh Quan).	77
40	Cảm nhận bài thơ <i>Qua Đèo Ngang</i> (Bà Huyện Thanh Quan).	78
41	Hiểu và nghĩ về nội dung – nghệ thuật của bài thơ <i>Qua Đèo Ngang</i> (Bà Huyện Thanh Quan).	81
42	Cảm nhận của em về ba chữ “ta với ta” trong bài thơ <i>Qua Đèo Ngang</i> và <i>Bạn đến chơi nhà</i> .	82
43	Cảm nhận về bài thơ <i>Bạn đến chơi nhà</i> (Nguyễn Khuyến).	83
44	Suy nghĩ về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Bạn đến chơi nhà</i> (Nguyễn Khuyến).	87
45	Hiểu và nghĩ về bài thơ <i>Bạn đến chơi nhà</i> (Nguyễn Khuyến).	88
46	Hiểu và nghĩ về nội dung – nghệ thuật bài thơ <i>Bánh trôi nước</i> (Hồ Xuân Hương).	89

47	Cảm nhận bài thơ <i>Bánh trôi nước</i> của Hồ Xuân Hương.	90
48	Suy nghĩ về nghĩa hàm ẩn của bài thơ <i>Bánh trôi nước</i> (Hồ Xuân Hương).	92
49	Cảm nhận bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Bác Hồ.	93
50	Bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Hồ Chí Minh đã đọng lại trong tâm hồn yêu Văn của em những suy nghĩ và cảm xúc gì?.	95
51	Hiểu và nghĩ về tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của Hồ Chí Minh trong bài <i>Cảnh khuya</i> .	98
52	Suy nghĩ của em về bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Hồ Chí Minh.	101
53	Cảm nhận nội dung – nghệ thuật bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Hồ Chí Minh.	102
54	Cảm nhận và so sánh hai bài thơ <i>Cảnh khuya</i> và <i>Rằm tháng giêng</i> của Hồ Chí Minh.	103
55	Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật hai bài thơ <i>Cảnh khuya</i> và <i>Rằm tháng giêng</i> của Hồ Chí Minh.	106
56	Hai bài thơ <i>Cảnh khuya</i> và <i>Nguyên tiêu</i> đều miêu tả cảnh trăng ở chiến khu Việt Bắc. Hãy nêu suy nghĩ của em về cảnh trăng trong mỗi bài?	108
57	Cảm nhận nội dung – nghệ thuật bài thơ <i>Rằm tháng giêng</i> của Hồ Chí Minh.	109
58	Trình bày cảm nhận của em về bài thơ <i>Nguyên tiêu</i> của Hồ Chí Minh.	110
59	Suy nghĩ về bài thơ <i>Rằm tháng giêng</i> của Hồ Chí Minh.	113
60	Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật truyện ngắn <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> của Nguyễn Ái Quốc.	116
61	Nêu cảm nhận của em về truyện ngắn <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> của Nguyễn Ái Quốc.	119
62	Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> của Xuân Quỳnh.	121
63	Hiểu và nghĩ về bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> của Xuân Quỳnh.	123
64	Suy nghĩ về tình cảm bà cháu, tình yêu quê hương đất nước sâu sắc của Xuân Quỳnh qua bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> .	125
65	Suy nghĩ về tác phẩm <i>Một thứ quà của lúa non: Cốm</i> của Thạch Lam.	128
66	Cảm nhận về giá trị tác phẩm <i>Một thứ quà của lúa non: Cốm</i> (Thạch Lam).	130
67	Hiểu và nghĩ về tác phẩm <i>Một thứ quà của lúa non: Cốm</i> .	133
68	Hiểu và nghĩ về tác phẩm <i>Mùa xuân của tôi</i> (Vũ Bằng).	134
69	Cảm nhận về giá trị tác phẩm <i>Mùa xuân của tôi</i> (Vũ Bằng).	135

70	Cảm nhận vẻ đẹp mùa xuân trong tác phẩm <i>Mùa xuân của tôi</i> (Vũ Bằng).	137
71	Cảm nhận giá trị tác phẩm <i>Sài Gòn tôi yêu</i> (Minh Hương).	138
72	Suy nghĩ về tác phẩm <i>Sài Gòn tôi yêu</i> (Minh Hương).	139
73	Hiểu và nghĩ về nội dung – nghệ thuật tác phẩm <i>Sài Gòn tôi yêu</i> (Minh Hương).	141
74	Cảm nhận về tâm trạng và ý nghĩ của người mẹ trong bài <i>Cổng trường mở ra</i> của Lý Lan.	142
75	Suy nghĩ của khi học xong văn bản <i>Cổng trường mở ra</i> .	143
76	Suy nghĩ về truyện ngắn <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i> (Khánh Hoài).	145
77	Cảm nhận về truyện ngắn <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i> (Khánh Hoài).	146
78	Cảm nhận về giá trị truyện ngắn <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i> (Khánh Hoài).	148
79	Cảm nhận bài thơ <i>Xa ngắm thác núi Lư</i> (Vọng Lư sơn bộc bố) - Lý Bạch.	150
80	Cảm nhận giá trị bài thơ <i>Xa ngắm thác núi Lư</i> (Vọng Lư sơn bộc bố) - Lý Bạch.	152
81	Suy nghĩ về nội dung – nghệ thuật bài thơ <i>Xa ngắm thác núi Lư</i> (Vọng Lư sơn bộc bố) - Lý Bạch.	154
82	Bài thơ <i>Xa ngắm thác núi Lư</i> (Vọng Lư sơn bộc bố) - Lý Bạch) - đã đọng lại trong tâm hồn yêu Văn của em những suy nghĩ và cảm xúc gì?	155
83	Suy nghĩ về bài thơ <i>Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh</i> của nhà thơ Lý Bạch.	157
84	Cảm nhận về bài thơ <i>Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh</i> .	158
85	Suy nghĩ về giá trị bài thơ <i>Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh</i> của Lý Bạch.	160
86	Suy nghĩ về hai câu cuối bài thơ <i>Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh</i> của Lý Bạch.	162
87	Cảm nhận về nghệ thuật bài thơ <i>Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh</i> của Lý Bạch.	163
88	Suy nghĩ về bài thơ <i>Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê</i> (Hồi hương ngẫu thư) - Hạ Tri Chương.	164
89	Cảm nhận bài thơ <i>Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê</i> (Hồi hương ngẫu thư) - Hạ Tri Chương.	165
90	Cảm nhận về nghệ thuật bài thơ <i>Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê</i> (Hồi hương ngẫu thư) - Hạ Tri Chương.	167

PHẦN 2. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI		
91	Hãy giải thích câu tục ngữ: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.	169
92	Giải thích câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách”.	170
93	Chứng minh rằng, với dân tộc Việt Nam đoàn kết đã thành lẽ sống.	171
94	Chứng minh nội dung câu tục ngữ: “Có công mài sắt có ngày nên kim”.	172
95	Chứng minh rằng, nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”.	173
96	Giải thích câu tục ngữ: “Thương người như thể thương thân”.	180
97	Nhân dân ta thường khuyên bảo nhau: Ai ơi giữ chí cho bền Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai. Hãy giải thích ý nghĩa câu ca dao trên.	181
98	Nhân dân ta thường nhắc nhở nhau: “Không thầy đố mày làm nên”, nhưng lại có lúc khẳng định: “Học thầy không tày học bạn”. Hai câu tục ngữ đó có chỗ nào mâu thuẫn nhau? Ở mỗi câu tục ngữ, có điểm nào còn hạn chế? Theo em nên biểu hiện việc học thầy và học bạn như thế nào là đúng? Hãy chứng minh.	183
99	Chứng minh câu tục ngữ: Một cây làm chẳng nên non / Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.	186
100	Hãy giải thích câu: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.	188
101	Giải thích câu: Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.	189
102	Dân gian ta có câu tục ngữ: Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Nhưng có người lại bảo: Gần mực chưa chắc đã đen, gần đèn chưa chắc đã rạng. Hãy viết một bài văn chứng minh thuyết phục bạn ấy theo ý kiến của em.	190
103	Trường em tổ chức một cuộc thi giải thích các câu tục ngữ. Để tham gia cuộc thi đó, em hãy chọn một câu tục ngữ mình tâm đắc và giải thích nó. Giải thích câu tục ngữ: Lời nói chẳng mất tiền mua / Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.	193
104	Nhân dân ta thường nói: “Có chí thì nên”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.	195
105	Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ: “Thất bại là mẹ thành công”.	200

106	Chứng minh rằng nhân dân Việt Nam ta từ xưa đến nay luôn sống theo đạo lí: “ <i>Lá lành đùm lá rách</i> ”.	207
107	Giải thích một số câu tục ngữ về việc học: - <i>Ăn vóc, học hay</i> - <i>Có học mới hay, có cày mới biết.</i> - <i>Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học.</i> - <i>Không cày không có thóc, không học không biết chữ.</i> - <i>Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.</i> - <i>Học ăn, học nói, học gói, học mở.</i> - <i>Không thầy đố mày làm nên.</i> - <i>Học thầy không tày học bạn.</i>	211
108	Nhân dân ta thường khuyên nhau: <i>Nhiều điều phũ lấy giá gương / Người trong một nước phải thương nhau cùng.</i> Lời khuyên trên có ý nghĩa gì? Từ đó, em hãy nêu lên cảm nghĩ của mình.	214
109	Hãy giải thích câu ca dao sau đây: <i>Lời nói chẳng mất tiền mua / Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.</i>	219
110	Hồ Chủ tịch có dạy: “ <i>Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy</i> ”. Em hiểu lời dạy trên như thế nào?	220
111	Viết một bài văn với chủ đề <i>Lợi ích của việc đọc sách</i> .	222
112	Một nhà văn có nói: “ <i>Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người</i> ”. Hãy giải thích nội dung của câu nói đó.	226
113	Bác Hồ đã khởi xướng Tết trồng cây: <i>Mùa xuân là Tết trồng cây / Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.</i> Em hiểu ý nghĩa của hoạt động đó như thế nào? Phát biểu cảm nghĩ của em.	230
114	Nhiều người cho rằng: “ <i>Tình yêu thương có vai trò quan trọng đối với con người, đặc biệt là khi thế giới ngày càng lắm thiên tai, dịch bệnh, hiểm họa</i> ”. Hãy bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề này và thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến đó.	232
115	Nhân dân ta có câu tục ngữ: “ <i>Đi một ngày đàng, học một sàng khôn</i> ”. Chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.	236
116	Thiên nhiên là người bạn tốt của con người. Con người cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên. Em hãy chứng minh.	241

117	Hãy chứng minh rằng, bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.	243
118	Hãy chứng minh rằng, đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống.	244
119	Bạn em chỉ ham thích trò chơi điện tử, truyền hình, ca nhạc... mà tỏ ra thờ ơ, không quan tâm đến thiên nhiên. Em hãy chứng minh cho bạn thấy rằng thiên nhiên chính là nơi đem lại cho ta sức khỏe, sự hiểu biết và niềm vui vô tận và vì thế chúng ta cần gần gũi với thiên nhiên, yêu mến thiên nhiên.	250
PHẦN 3. VĂN TỰ SỰ		
120	Kể về một giờ học toán.	256
121	Kể về người cha.	258
122	Kể về quê ngoại của em.	259
123	Kể lại bằng văn xuôi câu chuyện <i>Con cáo và tổ ong</i> trong bài thơ của Bác Hồ.	260
124	Hãy kể câu chuyện về một người thân trong gia đình em.	262
125	Em hãy kể lại một câu chuyện xảy ra gần đây với em.	264
126	Hãy kể lại câu chuyện theo kiểu cổ tích mà em đã đọc.	265
127	Kể chuyện về một danh nhân mà em ngưỡng mộ.	266
128	Kể lại một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã được nghe.	268
129	Một hôm nào đó, em thôi mặc chiếc áo cũ của mình để tới trường. Em hãy kể lại một vài kỉ niệm của em về tấm áo ấy. (Yêu cầu học sinh viết phần mở bài)	269
130	Một hôm nào đó, em thôi mặc chiếc áo cũ của mình để tới trường. Em hãy kể lại một vài kỉ niệm của em về tấm áo ấy. (Yêu cầu học sinh viết phần thân bài)	269
131	Một hôm nào đó, em thôi mặc chiếc áo cũ của mình để tới trường. Em hãy kể lại một vài kỉ niệm của em về tấm áo ấy. (Yêu cầu học sinh viết phần kết bài)	271
132	Tôi thấy mình đã khôn lớn. (Viết đoạn văn mở bài)	271
133	Tôi thấy mình đã khôn lớn. (Viết đoạn văn thân bài)	271
134	Tôi thấy mình đã khôn lớn. (Viết đoạn văn kết bài)	272
135	Kể lại một chuyến em về thăm quê nội hoặc quê ngoại.	272